|  |
| --- |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP** |
|  |
| **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC**  **Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học**  **của Bộ Giáo dục và Đào tạo**  ***(Giai đoạn đánh giá: 2018-2022)*** |
| **Thái Nguyên, tháng 7 – 2022** |

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 2018-2022**

*(Kèm theo Quyết định số 2532/QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 10 năm 2021*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)*

| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | PGS.TS. Nguyễn Duy Cương | Hiệu trưởng | Chủ tịch |
| 2 | TS. Đỗ Trung Hải | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |
| 3 | PGS.TS. Vũ Ngọc Pi | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |
| 4 | PGS.TS. Trần Minh Đức | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |
| 5 | PGS.TS. Ngô Như Khoa | Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT | Thành viên |
| 6 | TS. Nguyễn Thị Mai Hương | Chủ tịch CĐT, Trưởng khoa Điện, | Thành viên |
| 7 | PGS.TS. Nguyễn Văn Chí | Đại diện Giảng viên, Viện trưởng viện RIAT | Thành viên |
| 8 | ThS. Hoàng Trung Kiên | Chủ tịch HSV, Phó Trưởng khoa Cơ khí | Thành viên |
| 9 | TS. Lê Xuân Hưng | Bí thư ĐTN, Trưởng phòng QT-PV | Thành viên |
| 10 | PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn | Trưởng phòng Đào tạo | Thành viên |
| 11 | ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Trưởng phòng CT-HSSV | Thành viên |
| 12 | PGS.TS. Nguyễn Khắc Tuân | Trưởng phòng HC-TC | Thành viên |
| 13 | PGS.TS. Phạm Thành Long | Trưởng phòng KHCN&HTQT | Thành viên |
| 14 | ThS. Phạm Khánh Luyện | Trưởng phòng KH-TC | Thành viên |
| 15 | TS. Đặng Danh Hoằng | Giám đốc Trung tâm TS&TT | Thành viên |
| 16 | ThS. Phạm Quang Hiếu | Giám đốc Trung tâm TT-TV | Thành viên |
| 17 | PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh | Giám đốc Trung tâm HTĐTQT | Thành viên |
| 18 | TS. Nguyễn Đăng Hào | Giám đốc Trung tâm HTKN&CGTT | Thành viên |
| 19 | PGS.TS. Nguyễn Minh Ý | Thư ký HĐ KHĐT | Thành viên |
| 20 | TS. Trương Thị Thu Hương | Trưởng khoa Công nghệ CĐ&ĐT | Thành viên |
| 21 | TS. Nguyễn Thị Vân | Phó Trưởng Bộ môn LLCT | Thành viên |
| 22 | Dương Thị Thảo | SV K54CĐT.04, Khoa Cơ khí | Thành viên |
| 23 | TS. Nguyễn Đức Tường | Trưởng phòng KT&ĐBCLGD | Thành viên- Trưởng ban Thư ký |

*(Danh sách gồm có 23 người)*

# MỤC LỤC

[MỤC LỤC i](#_Toc109990313)

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT xiii](#_Toc109990314)

[Phần I. HỒ SƠ VỀ CSGD 1](#_Toc109990315)

[I. Khái quát về cơ sở giáo dục 1](#_Toc109990316)

[Sứ mạng 1](#_Toc109990317)

[Tầm nhìn 1](#_Toc109990318)

[Các giá trị cốt lõi 1](#_Toc109990319)

[1. Trong các giai đoạn phát triển Nhà trường đều đạt được những thành tích nhất định trong công tác tuyển sinh, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng, quan hệ hợp tác, phục vụ cộng đồng…cụ thể: 2](#_Toc109990320)

[2. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường 4](#_Toc109990321)

[3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường 5](#_Toc109990322)

[II. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục 5](#_Toc109990323)

[1. Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường 5](#_Toc109990324)

[2. Những thách thức và kế hoạch khắc phục của Nhà trường 8](#_Toc109990325)

[3. Những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và cách thức phát huy những lợi thế này của Nhà trường 9](#_Toc109990326)

[3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 3) 16](#_Toc109990327)

[Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC 17](#_Toc109990328)

[Tiêu chuẩn 1: tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa 17](#_Toc109990329)

[Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 17](#_Toc109990330)

[Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD 21](#_Toc109990331)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1 28](#_Toc109990332)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 28](#_Toc109990333)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 28](#_Toc109990334)

[3. Kế hoạch cải tiến: 29](#_Toc109990335)

[Tiêu chuẩn 2. Quản trị 31](#_Toc109990336)

[Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD. 31](#_Toc109990337)

[Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện. 32](#_Toc109990338)

[Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên 33](#_Toc109990339)

[***Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.*** 34](#_Toc109990340)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2: 35](#_Toc109990341)

[Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý 38](#_Toc109990342)

[Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD? 38](#_Toc109990343)

[Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD? 40](#_Toc109990344)

[Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên? 42](#_Toc109990345)

[Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn? 44](#_Toc109990346)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3: 45](#_Toc109990347)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh:. 45](#_Toc109990348)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 45](#_Toc109990349)

[3. Kế hoạch cải tiến: 45](#_Toc109990350)

[4. Mức đánh giá: 46](#_Toc109990351)

[Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược 47](#_Toc109990352)

[Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 47](#_Toc109990353)

[Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện. 48](#_Toc109990354)

[Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD. 49](#_Toc109990355)

[Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD. 51](#_Toc109990356)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4: 53](#_Toc109990357)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 53](#_Toc109990358)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 53](#_Toc109990359)

[3. Kế hoạch cải tiến: 53](#_Toc109990360)

[Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng 56](#_Toc109990361)

[Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng 56](#_Toc109990362)

[Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản hóa, phổ biến và thực hiện 63](#_Toc109990363)

[Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên 64](#_Toc109990364)

[Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan 66](#_Toc109990365)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5: 71](#_Toc109990366)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 71](#_Toc109990367)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 72](#_Toc109990368)

[3. Kế hoạch cải tiến: 72](#_Toc109990369)

[4. Mức đánh giá: 73](#_Toc109990370)

[Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực 74](#_Toc109990371)

[Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. 74](#_Toc109990372)

[Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến. 75](#_Toc109990373)

[Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau. 77](#_Toc109990374)

[Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó. 78](#_Toc109990375)

[Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. 81](#_Toc109990376)

[Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên. 83](#_Toc109990377)

[Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. 84](#_Toc109990378)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6: 86](#_Toc109990379)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 86](#_Toc109990380)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 87](#_Toc109990381)

[3. Kế hoạch cải tiến: 87](#_Toc109990382)

[4. Mức đánh giá: 89](#_Toc109990383)

[Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất 90](#_Toc109990384)

[Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành 90](#_Toc109990385)

[Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v... để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành. 92](#_Toc109990386)

[Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành. 94](#_Toc109990387)

[Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành. 96](#_Toc109990388)

[Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành. 98](#_Toc109990389)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7 99](#_Toc109990390)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 100](#_Toc109990391)

[3. Kế hoạch cải tiến 100](#_Toc109990392)

[4. Mức đánh giá 102](#_Toc109990393)

[Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới quan hệ đối ngoại 103](#_Toc109990394)

[Tiêu chí: 8.1 Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD 103](#_Toc109990395)

[Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. 105](#_Toc109990396)

[Tiêu chí: 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. 106](#_Toc109990397)

[Tiêu chí: 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục. 107](#_Toc109990398)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8: 108](#_Toc109990399)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 108](#_Toc109990400)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 108](#_Toc109990401)

[3. Kế hoạch cải tiến: 108](#_Toc109990402)

[4. Mức đánh giá: 109](#_Toc109990403)

[Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong 110](#_Toc109990404)

[Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục 110](#_Toc109990405)

[Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 111](#_Toc109990406)

[Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện. 113](#_Toc109990407)

[Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai. 114](#_Toc109990408)

[Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 116](#_Toc109990409)

[Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 117](#_Toc109990410)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9: 118](#_Toc109990411)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 118](#_Toc109990412)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 118](#_Toc109990413)

[3. Kế hoạch cải tiến: 119](#_Toc109990414)

[4. Mức đánh giá: 120](#_Toc109990415)

[Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài 121](#_Toc109990416)

[Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập 121](#_Toc109990417)

[Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo. 123](#_Toc109990418)

[Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát. 125](#_Toc109990419)

[Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD. 129](#_Toc109990420)

[Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10: 131](#_Toc109990421)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 131](#_Toc109990422)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 131](#_Toc109990423)

[3. Kế hoạch cải tiến: 132](#_Toc109990424)

[4. Mức đánh giá: 133](#_Toc109990425)

[Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong 134](#_Toc109990426)

[Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập 134](#_Toc109990427)

[Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn. 134](#_Toc109990428)

[Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin 136](#_Toc109990429)

[Tiêu chí: 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 137](#_Toc109990430)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11: 138](#_Toc109990431)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 138](#_Toc109990432)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 138](#_Toc109990433)

[3. Kế hoạch cải tiến: 138](#_Toc109990434)

[4. Mức đánh giá: 139](#_Toc109990435)

[Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng 140](#_Toc109990436)

[Tiêu chí: 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng 140](#_Toc109990437)

[Tiêu chí: 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập 143](#_Toc109990438)

[Tiêu chí: 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo 144](#_Toc109990439)

[Tiêu chí: 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát 148](#_Toc109990440)

[Tiêu chí: 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng 149](#_Toc109990441)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12: 150](#_Toc109990442)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 150](#_Toc109990443)

[4. Mức đánh giá: 152](#_Toc109990444)

[Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học 153](#_Toc109990445)

[Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục 153](#_Toc109990446)

[Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo 155](#_Toc109990447)

[Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học 158](#_Toc109990448)

[Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học 159](#_Toc109990449)

[Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả 160](#_Toc109990450)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13: 162](#_Toc109990451)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 162](#_Toc109990452)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 162](#_Toc109990453)

[3. Kế hoạch cải tiến: 162](#_Toc109990454)

[4. Mức đánh giá: 163](#_Toc109990455)

[Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học 164](#_Toc109990456)

[Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. 164](#_Toc109990457)

[Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. 165](#_Toc109990458)

[Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra. 166](#_Toc109990459)

[Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện. 167](#_Toc109990460)

[Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. 168](#_Toc109990461)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14: 169](#_Toc109990462)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 169](#_Toc109990463)

[Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập 172](#_Toc109990464)

[Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra 172](#_Toc109990465)

[Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm. 174](#_Toc109990466)

[Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR. 175](#_Toc109990467)

[Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng 177](#_Toc109990468)

[Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. 178](#_Toc109990469)

[1. Tóm tắt điểm mạnh: 179](#_Toc109990470)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại: 179](#_Toc109990471)

[3. Kế hoạch cải tiến 180](#_Toc109990472)

[Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học 181](#_Toc109990473)

[Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập. 181](#_Toc109990474)

[Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được của chuẩn đầu ra. 187](#_Toc109990475)

[Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. 189](#_Toc109990476)

[Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR. 191](#_Toc109990477)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16: 193](#_Toc109990478)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 193](#_Toc109990479)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 193](#_Toc109990480)

[3. Kế hoạch cải tiến 194](#_Toc109990481)

[Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học 197](#_Toc109990482)

[Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH 197](#_Toc109990483)

[Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. 199](#_Toc109990484)

[Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát 207](#_Toc109990485)

[Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải thiện để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan 209](#_Toc109990486)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 212](#_Toc109990487)

[Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học 215](#_Toc109990488)

[Tiêu chí: 18.1 thiết lập được hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu. 215](#_Toc109990489)

[Tiêu chí: 18.2 Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và thúc đẩy nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục. 216](#_Toc109990490)

[Tiêu chí: 18.3 Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu. 218](#_Toc109990491)

[Tiêu chí: 18.4 Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học. 219](#_Toc109990492)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18: 219](#_Toc109990493)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 219](#_Toc109990494)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 220](#_Toc109990495)

[3. Kế hoạch cải tiến 220](#_Toc109990496)

[4. Mức đánh giá 221](#_Toc109990497)

[Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ 222](#_Toc109990498)

[Tiêu chí 19.1 Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu? 222](#_Toc109990499)

[Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai? 222](#_Toc109990500)

[Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện? 223](#_Toc109990501)

[Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng? 223](#_Toc109990502)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19: 223](#_Toc109990503)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 223](#_Toc109990504)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 224](#_Toc109990505)

[4. Kế hoạch cải tiến 224](#_Toc109990506)

[4. Mức đánh giá 225](#_Toc109990507)

[Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học 226](#_Toc109990508)

[Tiêu chí: 20.1 Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. 226](#_Toc109990509)

[Tiêu chí: 20.2 Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu. 227](#_Toc109990510)

[Tiêu chí: 20.3 Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện. 230](#_Toc109990511)

[Tiêu chí: 20.4 Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu. 231](#_Toc109990512)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20: 232](#_Toc109990513)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 232](#_Toc109990514)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 232](#_Toc109990515)

[3. Kế hoạch cải tiến 233](#_Toc109990516)

[4. Mức đánh giá 234](#_Toc109990517)

[Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng 235](#_Toc109990518)

[Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục 235](#_Toc109990519)

[Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện 238](#_Toc109990520)

[Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng. 241](#_Toc109990521)

[Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 243](#_Toc109990522)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21 246](#_Toc109990523)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 246](#_Toc109990524)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 246](#_Toc109990525)

[3. Kế hoạch cải tiến 247](#_Toc109990526)

[Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo 250](#_Toc109990527)

[Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 250](#_Toc109990528)

[Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 253](#_Toc109990529)

[Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 256](#_Toc109990530)

[Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 257](#_Toc109990531)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22: 258](#_Toc109990532)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 258](#_Toc109990533)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 258](#_Toc109990534)

[3. Kế hoạch cải tiến 259](#_Toc109990535)

[4. Mức đánh giá 260](#_Toc109990536)

[Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học 261](#_Toc109990537)

[Tiêu chí: 23.1 loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 261](#_Toc109990538)

[Tiêu chí 23.2 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 262](#_Toc109990539)

[Tiêu chí 23.3 Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 262](#_Toc109990540)

[Tiêu chí 23.4 Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 262](#_Toc109990541)

[Tiêu chí 23.5 Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 263](#_Toc109990542)

[Tiêu chí 23.6 Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 263](#_Toc109990543)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23: 263](#_Toc109990544)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh 263](#_Toc109990545)

[2. Tóm tắt các điểm tồn tại 264](#_Toc109990546)

[3. Kế hoạch cải tiến 264](#_Toc109990547)

[4. Mức đánh giá 264](#_Toc109990548)

[Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng 265](#_Toc109990549)

[Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 265](#_Toc109990550)

[Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 271](#_Toc109990551)

[Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 272](#_Toc109990552)

[Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 275](#_Toc109990553)

[Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường 280](#_Toc109990554)

[Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 280](#_Toc109990555)

[Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 282](#_Toc109990556)

[Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25: 283](#_Toc109990557)

[1. Tóm tắt các điểm mạnh: 283](#_Toc109990558)

[3. Kế hoạch cải tiến: 284](#_Toc109990559)

[4. Mức đánh giá: 285](#_Toc109990560)

[BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD 286](#_Toc109990561)

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CỤM TỪ VIẾT TẮT ĐẦY ĐỦ** | **VIẾT TẮT** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

# 

# Phần I. HỒ SƠ VỀ CSGD

## I. Khái quát về cơ sở giáo dục

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thuộc Đại học Thái Nguyên ngày nay là cơ sở đào tạo đa ngành ở bậc đại học và sau đại học. Địa chỉ chính thức của Nhà trường: Số 666, đường 3-2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên. Tiền thân của Nhà trường là “Phân hiệu Đại học Bách khoa tại khu Gang thép Thái nguyên”, được thành lập theo quyết định số 164/CP, ngày 19 tháng 8 năm 1965 của Hội đồng Chính phủ. Đến năm 2022, qua 57 năm xây dựng và phát triển với nhiều giai đoạn, Nhà trường đã có các tên gọi khác nhau:

- Phân hiệu đại học Bách khoa tại khu Gang Thép Thái Nguyên (1965-1966);

- Phân hiệu đại học Cơ Điện (1966-1976);

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc (1976-1982);

- Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên (1982-1994);

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thuộc ĐH Thái Nguyên (1994 - nay).

Mỗi giai đoạn phát triển và xây dựng Nhà trường đều đưa ra sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị phát triển của Trường để làm kim chỉ nam trong giai đoạn phát triển đó. Trong năm 2021 Hội đồng trường đã điều chỉnh, xây dựng kế hoạch chiến lược Trường trong đó điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, và các giá trị cốt lõi cho phù hợp với tình hình phát triển hiện tại của Nhà trường, cụ thể:

### Sứ mạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp- Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

### Tầm nhìn

Trở thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia và khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước và khu vực; là cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cộng đồng, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển Kinh tế- Văn hoá- Xã hội của đất nước

### Các giá trị cốt lõi

**Nhân văn - Hợp tác - Sáng tạo**

Trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, hợp tác và nhân văn; tạo lập môi trường sinh hoạt, học tập thân thiện, bổ ích, thiết thực, nhằm thúc đẩy người học say mê học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo; đào tạo kỹ năng cần thiết giúp người học độc lập trong nhận thức, cộng tác trong hoạt động để nâng cao khả năng thích ứng, tạo nhiều giá trị mới cho tập thể, cộng đồng và xã hội; giáo dục quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức xã hội và nghề nghiệp nhằm thúc đẩy người học thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, văn hóa ứng xử, nhận thức được trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, đó chính là nền tảng tạo nên thành công trong tương lai.

Về tổ chức bộ máy, Trường có 27 đơn vị đầu mối, trong đó có: 08 phòng, 07 trung tâm chức năng, 11 đơn vị chuyên môn (10 khoa, 01 trung tâm), có 01 tổ chức KHCN là Viện nghiên cứu Công nghệ cao về Kỹ thuật Công nghiệp.

Về nhân lực, tính đến nay, Trường có tổng số 492 viên chức, người lao động (VC, NLĐ) độ tuổi trung bình là 38,5 tuổi, số lượng tiến sĩ dưới 45 tuổi là 67/94; 22 tiến sĩ trẻ được đào tạo và tu nghiệp ở nước ngoài, số lượng PGS dưới 45 tuổi là 7/16người; số lượng giảng viên có chứng chỉ tin học IC3: 255/362 giảng viên, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: 289/362 giảng viên.

### 1. Trong các giai đoạn phát triển Nhà trường đều đạt được những thành tích nhất định trong công tác tuyển sinh, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng, quan hệ hợp tác, phục vụ cộng đồng…cụ thể:

**a) Về công tác đào tạo và bồi dưỡng**

- Hiện tại, Trường đào tạo từ trình độ đại học đến tiến sĩ, với đa dạng loại hình đào tạo. Ở trình độ tiến sĩ, Trường đào tạo 02 chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa. Ở trình độ thạc sĩ, Trường đào tạo 07 chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá, Kỹ thuật Cơ khí động lực. Ở trình độ đại học, Trường đào tạo 19 ngành và được phân thành 03 nhóm ngành: (1) Nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ gồm các ngành: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí - Chương trình tiên tiến (giảng dạy bằng tiếng Anh), Kỹ thuật Cơ - Điện tử, Kỹ thuật Vật liệu, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điện - Chương trình tiên tiến (dạy bằng tiếng Anh), Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Kỹ thuật Máy tính, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Xây dựng, Công nghệ Chế tạo máy, Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử, Công nghệ Kỹ thuật ô tô; (2) Nhóm ngành kinh tế gồm 02 ngành Quản lý Công nghiệp và Kinh tế Công nghiệp; (3) Nhóm ngành khác có ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp. Tổng quy mô đào tạo của Trường có khoảng 6786 sinh viên, trong đó: hệ sau đại học: 63 nghiên cứu sinh (NCS), học viên (chiếm 0,92 %); hệ đại học chính quy: 6092 sinh viên (chiếm 89,8%); và các hệ đào tạo khác: 631 sinh viên (chiếm 9,2 %).

- Về liên kết quốc tế, Trường đang tổ chức đào tạo 2+2 các ngành: Kỹ thuật Điện tử với Trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc (học bằng tiếng Anh); ngành Kỹ thuật Cơ khí và ngành Kỹ thuật Điện với Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc (học bằng tiếng Hàn); bắt đầu triển khai liên kết đào tạo ngành Tự động hóa (học bằng tiếng Anh) với Đại học SeAMK, Phần Lan. Ngoài ra, Trường đã tích cực triển khai các chương trình thực tập tại nước ngoài cho sinh viên ở nhiều chuyên ngành khác nhau, tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tập và trao đổi văn hóa, tạo môi trường quốc tế đặc sắc với nhiều ý nghĩa.

- Hoạt động bồi dưỡng: Trường đã và đang cử nhiều cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là cử đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài. Một số cán bộ, giảng viên đã hoàn thành nhiệm vụ học tập trở về và đang góp sức xây dựng Trường. Trong vài năm tới, Trường sẽ tiếp tục đón số lượng đáng kể giảng viên trẻ hoàn thành chương trình tiến sĩ về nước - đây là nguồn nhân lực chất lượng cao, là lực lượng nòng cốt góp phần phát triển sự nghiệp đào tạo của Trường, nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

- Công tác tuyển sinh quốc tế: số lượng sinh viên quốc tế đến học tập và nghiên cứu tại Trường tăng nhanh trong những năm gần đây, năm 2022 có khoảng 200 sinh viên quốc tế đến từ Lào, Campuchia, Philippines, Mô-Dăm-Bích, Indonesia,... Với định hướng xây dựng một môi trường quốc tế, Trường đã tiếp cận với hầu hết Đại sứ quán các nước tại Việt Nam để trao đổi thông tin học bổng, thu hút sinh viên quốc tế, tìm kiếm cơ hội hợp tác về nhiều mặt trên cơ sở cùng có lợi.

- Công tác tuyển sinh trong nước: trong 3 năm gần đây, số lượng tuyển sinh của Trường chưa đạt được kỳ vọng, nhất là đối với tuyển sinh sau đại học và các hệ đào tạo không chính quy. Cụ thể, tuyển sinh năm 2018: sau đại học 81 học viên (đạt 43% so với chỉ tiêu), đại học chính quy 1562 sinh viên (đạt 77% so với chỉ tiêu), hệ đào tạo khác 103 sinh viên (đạt 33% so với chỉ tiêu); năm 2019: sau đại học 39 học viên (đạt 20% so với chỉ tiêu), đại học chính quy 1231 sinh viên (đạt 61% so với chỉ tiêu), hệ đào tạo khác 291 sinh viên (đạt 48% so với chỉ tiêu); năm 2020: sau đại học 14 học viên (đạt 7% so với chỉ tiêu), đại học chính quy 1766 sinh viên (đạt 85% so với chỉ tiêu), hệ đào tạo khác 187 sinh viên (đạt 35% so với chỉ tiêu).

**b) Về công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế**

Hoạt động KHCN của Trường gồm: đề tài NCKH từ cấp cơ sở đến cấp Nhà nước; công bố bài báo khoa học trong nước và quốc tế; nghiên cứu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ KHCN cho thị trường; quản lý hoạt động NCKH của giảng viên, sinh viên; thúc đẩy phát triển các phòng Lab chuyên sâu; tổ chức hội nghị, hội thảo KHCN trong nước và quốc tế.

Trường đạt được một số thành tích KHCN đáng kể như: hoàn thành nghiệm thu 188 đề tài, gồm 01 đề tài nghiên cứu cơ bản của Quỹ NAFOSTED, 187 đề tài cấp Trường; đăng ký thành công 03 đề tài cấp Nhà nước với tổng kinh phí gần 1,0 tỷ đồng, 10 đề tài cấp Bộ với tổng kinh phí trên 3,0 tỷ đồng; đăng ký thành công 05 đề tài cấp tỉnh với tổng kinh phí gần 2,3 tỷ đồng, tổng kinh phí đề tài đặt hàng từ doanh nghiệp đạt 0,365 tỷ đồng; giảng viên đã công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế 1263 bài báo được tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước, trong đó có 722 bài báo quốc tế (số lượng bài báo khoa học ISI/Scopus là 426 bài); tổ chức 03 hội thảo Quốc tế, kỷ yếu hội thảo được xuất bản bởi Nhà xuất bản Springer, nằm trong danh mục Scopus, Q4, với tỉ lệ bài được chấp nhận khoảng 33%; đồng tổ chức 06 hội thảo KHCN trong nước (phối hợp với Viện KH&CN quân sự), các bài báo công bố tại hội thảo được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu KH-CN quân sự, là tạp chí KHCN uy tín của quân đội hiện nay.

Về hợp tác Quốc tế, Trường đã ký kết thành công 52 biên bản ghi nhớ MOU(Memorandum of Understanding), thư tư vấn MOA (Memorandum of Advice) làm tiền đề cho việc phát triển, phê duyệt và triển khai nhiều dự án và chương trình hợp tác mới; đón 158 đoàn nước ngoài đến trao đổi, giảng dạy và hợp tác về nghiên cứu, cử 45 đoàn cán bộ đi công tác tại các nước trên thế giới; đề nghị và được duyệt 02 gói dự án Erasmus+ (giai đoạn 1: €47,520, giai đoạn 2: €74,600), hợp tác giữa Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và Trường Đại học kỹ thuật Ilmenau, CHLB Đức; dự án Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu KHCN (FIRST) trị giá 132.454 USD được thực hiện trên cơ sở hợp tác giữa Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Trung tâm MiQro - C2MI/Teledyne Dalsa (Canada) và Trường Đại học Bách khoa Montreal (Canada).

**c) Về cơ sở vật chất**

Về kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất: Trường hiện có 34 tòa nhà với tổng diện tích đất sử dụng là 220.700m2, trong đó: khu chính gồm có 19 tòa nhà với tổng diện tích đất là 155.576 m2; khu xưởng thực hành (gồm Xưởng Cơ khí và Xưởng Điện) với 03 tòa nhà với diện tích 14.292 m2; khu ký túc xá có 12 tòa nhà với tổng diện tích đất 17.794 m2; khu sân bóng với diện tích đất 11.123 m2

### 2. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường

**CÔNG TY TNHH**

**TỔ CHUYÊN MÔN**

**CÁC BỘ MÔN**

**BAN GIÁM HIỆU**

**PHÒNG, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG**

**XƯỞNG THỰC HÀNH**

**TỔ CÔNG TÁC**

**KHOA**

**BỘ MÔN**

**TRỰC THUỘC TRƯỜNG**

**TRUNG TÂM**

**ĐÀO TẠO**

**VIỆN NC CÔNG NGHỆ CAO VỀ KTCN**

**TỔ VP, TT**

**PHÒNG THÍ NGHIỆM**

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

**BAN GIÚP VIỆC**

**PHÒNG TN**

### 3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường

Hội đồng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 33/QĐ-HĐĐH ĐHTN ngày 12/8/2020 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên và hoạt động theo các quy chế, quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Nhà trường trong đó chủ yếu là hoạt động theo Quy chế làm việc của Hội đồng trường và Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường.

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, các thành viên, Thư ký, Thư ký hành chính và các ban giúp việc cho Hội đồng trường.

## II. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

### 1. Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường

- Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và hoạt động Thanh tra của cơ sở giáo dục đại học, Trường Trung cấp chuyên nghiệp;

- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với Nhà giáo;

- Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/012006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

- Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT ngày 25/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung điểm a, Điều 1 Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo và điểm a khoản 2 Mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cở sở giáo dục công lập;

- Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở nghề;

- Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg nagyf 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao;

- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư số 01/2018/TT-NBV hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

- Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư số 26/2006/TT-BVHTT ngày 21/2/2006 của Bộ Văn hóa thông tin về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định lức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

- Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngaofi vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách;

- Luật Bảo hiểm xã hội;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội về việc ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 16/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm, thẻ bảo hiểm y tế.

Các quy định của Nhà nước đã trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trong giai đoạn vừa qua. Nhà trường đã tuân thủ nghiêm túc các quy định và thực hiện đúng những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên. Đồng thời, Nhà trường cũng đã xây dựng các quy định nội bộ phù hợp với đặc thù của Nhà trường để đảm bảo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên được thực hiện một cách hiệu quả, có hiệu lực.

### 2. Những thách thức và kế hoạch khắc phục của Nhà trường

Trong việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã xác định các thách thức chính mà Nhà trường gặp phải như sau:

- Thứ nhất: Xã hội yêu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu, phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường lao động ở trong nước và trên thế giới hiện nay.

- Thứ hai: Sự cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu ngày càng khốc liệt với sự tham gia của các trường đại học trên thế giới vào Việt Nam, trường đại học có 100% vốn đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư tư nhân lớn thành lập các trường đại học tư thục tiên tiến và hiện đại. Các trường đại học công lập và dân lập đang thay đổi mạnh mẽ để nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và thu hút người học. Bên cạnh đó, vị trí của Trường ở địa phương miền núi, tuy không xa Hà Nội nhưng lợi thế cạnh tranh vẫn kém hơn hẳn so với các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội…

- Thứ ba: Xu thế tự chủ đối với các trường đại học nói chung và Trường nói riêng là bắt buộc, tuy nhiên hành lang pháp lý hiện nay chưa hoàn thiện, còn nhiều rào cản, vướng mắc từ trong cơ chế, chính sách đến khó khăn trong thực tế áp dụng.

- Thứ tư: Yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng nét đặc thù riêng, lợi thế truyền thống ngành nghề đào tạo và văn hóa giáo dục riêng của Trường, từ đó tạo sự khác biệt, nâng cao động lực, phát huy sức mạnh đoàn kết của tập thể lao động trong trường đại học là yêu cầu tất yếu để phát triển trong tương lai.

### 3. Những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và cách thức phát huy những lợi thế này của Nhà trường

Thông qua việc đánh giá thực trạng, có thể xác định những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Trường như sau:

**a) Điểm mạnh**

- Trường là cơ sở giáo dục đại học có truyền thống trên 55 năm, đã xác lập và khẳng định là một trường đại học có uy tín ở Việt Nam trong lĩnh vực Kỹ thuật công nghiệp, có các ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và cuộc CMCN; là cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nên có nhiều điều kiện sử dụng nguồn lực chung của ĐHTN trong đào tạo và NCKH.

- Về vị trí địa lý, Trường nằm ở vị trí cách Hà Nội không xa, là trung tâm văn hóa của vùng, có nhiều khu công nghiệp trên địa bàn; mức chi phí cho học tập và sinh hoạt thấp đáng kể so với Hà Nội.

- Trường có cơ cấu lao động trẻ, với độ tuổi bình quân dưới 45 tuổi; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng tâm thế đổi mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học. Nhiều giảng viên của Trường tốt nghiệp tiến sĩ ở các nước phát triển với nhiều chuyên ngành khác nhau là một lợi thế cho việc truyền tải không những về nội dung mà còn cả về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến, hiện đại và đa dạng trên thế giới vào hoạt động đào tạo của Trường.

- Trường luôn quan tâm đến chế độ, chính sách cho sinh viên, quyền lợi của sinh viên; chú trọng cấp học bổng khuyến khích đối với sinh viên có kết quả thi tuyển đầu vào và học tập tốt tại Trường;

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay ở mức cao: khoảng 90% sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên môn sau 01 năm tốt nghiệp.

- Có nhiều cựu sinh viên thành đạt đã và đang giữ vị trí quan trọng trong nhiều cơ quan, doanh nghiệp ở Việt Nam.

- Trường có gần 200 sinh viên quốc tế đến từ nhiều nước khác nhau, là điều kiện tốt để xây dựng môi trường quốc tế; có chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo giảng dạy hoàn toàn bằng ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn) tạo điều kiện tốt cho khả năng quốc tế hóa đào tạo.

- Trường là tổ chức KHCN uy tín, được các doanh nghiệp ký kết, hợp tác thực hiện các đề tài, dự án và ngày càng chứng tỏ được năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, cung cấp dịch vụ KHCN đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và xã hội.

**b) Điểm yếu**

- Cơ cấu về trình độ và các loại hình đào tạo của Trường chưa cân đối, chủ yếu là đào tạo đại học chính quy dài hạn; tỷ lệ sinh viên/VC, NLĐ còn thấp và mất cân đối giữa các khoa, ngành và chuyên ngành; sự tham gia của doanh nghiệp, người học trong xây dựng chương trình và đánh giá kết quả đào tạo chưa thực sự có chất lượng, hiệu quả cao.

- Các chương trình đào tạo chưa được kiểm định theo tiêu chuẩn trong và ngoài nước; Trường chưa có chương trình khảo sát, nghiên cứu toàn diện về mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo từng chương trình với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, về lợi thế cạnh tranh của sản phẩm đào tạo với các trường đại học cùng ngành, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và chiến lược đầu tư về đội ngũ và trang thiết bị.

- Sinh viên của Trường chủ yếu đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc và một số tỉnh lân cận có thành tích học tập không cao, điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn.

- Trình độ ngoại ngữ ban đầu của sinh viên rất thấp dẫn đến việc đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT gặp nhiều khó khăn.

- Các hoạt động hỗ trợ người học trong quá trình học tập chưa được hiệu quả, công tác kết nối người học chưa tốt.

- Sản phẩm NCKH có tỷ lệ thương mại hóa thấp, số lượng sản phẩm KHCN và nguồn thu từ chuyển giao KHCN chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Trường, chưa tạo ra nguồn thu cho Trường.

- Hoạt động hợp tác quốc tế chưa phát triển được theo chiều sâu, đặc biệt việc chuyển giao công nghệ trong đào tạo, nghiên cứu từ hoạt động hợp tác quốc tế còn thấp.

- Cơ chế quản lý hướng tới đẩy mạnh tự chủ trong nội tại Trường còn chưa hoàn thiện; việc ứng dụng các mô hình quản trị hiện đại còn hạn chế; mức độ tin học hóa trong quản lý, điều hành chưa cao và thiếu đồng bộ; nguồn thu chưa đa dạng, phụ thuộc chủ yếu vào đào tạo chính quy.

- Tỷ lệ giảng viên có học hàm, học vị GS, PGS, tiến sĩ thấp; cơ cấu lao động của Trường cần tiếp tục điều chỉnh, tỷ lệ lao động gián tiếp còn cao, chế độ đãi ngộ chưa thực sự hấp dẫn, năng suất lao động còn thấp và chưa đồng đều giữa các đơn vị trong Trường.

- Mức thu nhập của VC, NLĐ còn thấp dẫn đến mức độ VC, NLĐ dành toàn tâm, toàn ý cho công việc của Trường còn chưa đồng đều. Tính chủ động, đổi mới và sáng tạo ở nhiều đơn vị còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hiện nay.

- Phương pháp dạy và học cơ bản còn theo truyền thống; văn hóa chất lượng chưa thực sự thấm nhuần trong đội ngũ VC, NLĐ; trang thiết bị thực hành, thí nghiệm còn chưa tương xứng với yêu cầu của chương trình đào tạo, đặc biệt trong giai đoạn mới.

- Cơ sở vật chất của Trường hiện tại cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học, với quỹ đất thuộc diện cao trong các trường công lập. Tuy nhiên, do nhiều năm không được bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp đúng mức nên hiện đang xuống cấp nghiêm trọng.

**c) Cơ hội**

- Lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, được xã hội quan tâm, nhu cầu về lao động ổn định và ngày một tăng cao.

- Nhu cầu của người học và xã hội ngày càng đa dạng hóa cả về hình thức đào tạo, nội dung đào tạo, và đặc biệt là nhu cầu về đào tạo kỹ năng, đào tạo có yếu tố quốc tế tăng; hơn nữa, số lượng các doanh nghiệp vốn FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận có nhu cầu tuyển dụng kỹ sư được Trường đào tạo khá lớn và ổn định.

- Nhà nước đã có cơ chế đẩy mạnh tự chủ đại học và có nhiều chính sách quan tâm đến các trường đại học tự chủ.

- Xu thế liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học ngày một chặt chẽ trong cả đào tạo nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao theo nhu cầu xã hội.

- Xu thế hội nhập quốc tế tạo nhiều tiền đề, cơ hội để Trường thiết lập và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu ngày càng rộng mở hơn.

**d) Các nhóm giải pháp chính**

**(1) Về đào tạo và bồi dưỡng**

Công tác tuyển sinh và truyền thông:

- Thành lập bộ phận chuyên trách làm công tác truyền thông, nhằm quảng bá thường xuyên hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu, v.v... và những giá trị thực tế của Trường đến học sinh các trường trung học phổ thông, các bậc phụ huynh, các đối tác; từng bước tiếp cận để xây dựng, truyền thụ hình ảnh của Trường, góp phần giữ vững và phát triển thương hiệu của Trường.

- Phát triển có chiều sâu và bền vững hoạt động học thuật của giảng viên và sinh viên, thông qua các hoạt động: robotcon, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, câu lạc bộ STEM, Olympic, vv...

- Tăng cường mối quan hệ có chiều sâu và bền vững với các trường trung học phổ thông tới cấp Khoa, thông qua các hoạt động định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ câu lạc bộ STEM, hỗ trợ các chương trình học sinh sáng tạo KHKT, chương trình trải nghiệm “Ngày hội STEM”, v.v...

- Nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh bằng các giải pháp truyền thông hiệu quả nhằm mở rộng nguồn tuyển sinh, địa bàn và đối tượng tuyển sinh.

- Chuyển hướng tuyển sinh sau đại học theo mục tiêu đào tạo chuyên gia, nguồn tuyển sinh từ sinh viên năm cuối và cán bộ kỹ thuật tại doanh nghiệp; giao quyền tự chủ tuyển sinh và đào tạo cho các khoa chuyên môn.

- Tạo lập và nâng tầm mối quan hệ với các nước Đông Nam Á, trong đó lấy nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào làm khâu đột phá để tạo nguồn tuyển sinh và liên kết đào tạo.

- Dành kinh phí cho công tác truyền thông và tuyển sinh hàng năm khoảng 2% tổng nguồn thu từ học phí của Trường.

Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo nhằm chuẩn hóa các chương trình đào tạo hiện có của Trường trên cơ sở lan tỏa 02 chương trình đào tạo trọng điểm định hướng chất lượng cao (năm 2021).

- Bổ sung, điều chỉnh các chương trình đào tạo khối kỹ thuật theo hướng: (1) tăng cường ý thức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp thông qua thực tập nhận thức tại doanh nghiệp đối với sinh viên ngay từ năm thứ hai; (2) bổ sung học phần tự chọn mang tính liên ngành, liên khoa để phù hợp với các tiêu chí đào tạo nền tảng học vấn rộng, đồng thời phát huy hiệu quả thế mạnh đa ngành của Trường cả về đội ngũ và trang thiết bị thí nghiệm, thực hành.

- Đầu tư, phát triển đào tạo từ xa các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Ngoại ngữ, Kỹ thuật Điện tử và truyền thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật Xây dựng v.v... Đến năm 2025 triển khai ít nhất 05 chương trình đào tạo từ xa, 30% bài giảng được xây dựng để phục vụ đào tạo trực tuyến đạt chuẩn SCORM.

- Đổi mới căn bản chương trình đào tạo thạc sĩ theo quan điểm đào tạo chuyên gia: tập trung nâng cao về thực chất năng lực chuyên môn, năng lực thực hành, năng lực quản lý kinh tế của người học.

- Triển khai nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về mức độ đáp ứng sản phẩm đào tạo của các ngành đối với yêu cầu thực tiễn doanh nghiệp, xã hội; xác định lợi thế cạnh tranh của sản phẩm đào tạo so với các trường đại học lớn trong nước; làm cơ sở khoa học và thực tiễn để tập trung đổi mới các chương trình đào tạo mũi nhọn của Trường nhằm từng bước xác lập vị thế và nâng tầm thương hiệu của Nhà trường.

Công tác tổ chức đào tạo và bồi dưỡng:

- Đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy các học phần tiếng Anh với mục tiêu chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên tuyển sinh từ năm 2017 trở đi phải đạt trình độ B1 theo hướng: (1) sinh viên tham gia đào tạo ngoại khóa đạt chuẩn A2 trước khi vào chương trình chính khóa; (2) chương trình chính khóa tập trung giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe - giao tiếp ở trình độ trung cấp, xây dựng lộ trình và kiểm tra đánh giá việc mở rộng vốn từ vựng và ngữ pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Anh ; (3) nâng cao chất lượng và công tác đào tạo tiếng Anh ngoại khóa; công tác thi, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ A2, B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam tại Trường.

- Phát triển chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo; có ít nhất 10 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học trên thế giới; tập trung xây dựng đề án phát triển hợp tác liên kết đào tạo trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo mô hình đào tạo từ xa với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Tăng cường tổ chức các chương trình bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên Trường.

- Xây dựng và phát triển các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, hoặc hướng tới doanh nghiệp và xã hội, đáp ứng nhu cầu của cuộc CMCN 4.0.

**(2) Công tác đảm bảo chất lượng:**

- Ban hành hệ thống văn bản, hướng dẫn, biểu mẫu phục vụ cho hoạt động triển khai rà soát, khảo sát, đánh giá, phát triển chương trình đào tạo hàng năm ở các đơn vị và phục vụ đánh giá tất cả các chương trình đào tạo hiện có của Trường.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu minh chứng phục vụ công tác đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định Trường.

- Đăng ký và tổ chức thực hiện kiểm định AUN cho ít nhất 02 chương trình đào tạo vào năm 2023; làm cơ sở để tiếp tục đánh giá AUN cho một số chương trình mũi nhọn khác vào năm 2025.

- Đăng ký và tổ chức thực hiện kiểm định quốc gia cho ít nhất 10 chương trình đào tạo vào năm 2025.

- Đăng ký và tổ chức thực hiện kiểm định Trường theo tiêu chuẩn quốc gia vào năm 2025.

- Kiên trì thực hiện và cải tiến hệ thống hành chính và quản lý chuyên môn theo tiêu chuẩn ISO, xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong có hiệu quả.

**(3) Về khoa học và công nghệ**

Cần triển khai thực hiện tốt các nhóm công việc sau:

Một là, một số mảng công tác mới:

- Thành lập Quỹ KHCN theo chủ trương mới của Nhà nước và thiết lập cơ chế quản lý, vận hành có hiệu quả, tạo bước chuyển căn bản về chính sách, chế độ đối với hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Phát triển mô hình quản lý hoạt động KHCN qua các nhóm nghiên cứu tương tự mô hình ở phương Tây, mỗi nhóm nghiên cứu của ngành do một GS, PGS đứng đầu, ngoài việc tự chủ còn chịu trách nhiệm đào tạo sau đại học của chính ngành đó. Trường trang bị cơ sở vật chất tối thiểu, giao nhiệm vụ và kinh phí NCKH, giám sát, xếp hạng nhóm nghiên cứu, đánh giá để điều chỉnh đầu tư; cơ cấu lại nhóm khi không hiệu quả.

- Xây dựng mô hình hợp tác doanh nghiệp: mỗi nhóm nghiên cứu cần đóng vai trò như bộ phận nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của một vài doanh nghiệp, việc này không chỉ tạo ra các đề tài có khả năng chuyển giao cao mà còn giải quyết vấn đề sử dụng kinh phí NCKH hiệu quả.

- Phát triển mô hình doanh nghiệp KHCN từ các nhóm nghiên cứu mạnh; từ ý tưởng khởi nghiệp của giảng viên, sinh viên; và từ sản phẩm NCKH của các đơn vị.

Hai là, nhóm công tác cần đẩy mạnh:

- Xây dựng chính sách nâng cao chất lượng công bố quốc tế, chú trọng đến số lượt trích dẫn quốc tế của bài báo; ưu tiên kinh phí cho đề tài có sản phẩm là bằng sáng chế.

- Xây dựng cơ chế thúc đẩy những nghiên cứu tạo ra sản phẩm ứng dụng mang thương hiệu Trường, đảm bảo mỗi Khoa phải có một sản phẩm đáp ứng yêu cầu trên; đầu tư cho các nghiên cứu tiền dự án với đối tác doanh nghiệp.

- Đưa tiêu chí về KPI vào đánh giá hiệu quả công tác KHCN.

Ba là, đổi mới công tác xét duyệt đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Trường, đây là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động KH&CN theo định hướng chiến lược của giai đoạn này, những hoạt động ưu tiên đầu tư kinh phí gồm:

- Đào tạo, phát triển đội ngũ.

- Nâng cao năng lực thực tế thông qua các nhiệm vụ đặt hàng của Trường, theo kế hoạch từng năm.

- Sản phẩm có tiềm năng thương mại hóa hoặc tạo tiềm lực cho nhóm nghiên cứu đấu thầu cạnh tranh đối với nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh, cấp Nhà nước.

- Thiết lập cơ chế quản lý theo hướng giao kinh phí KHCN hàng năm cho các Viện, Khoa khi đủ điều kiện tự chủ một phần, dự kiến thử nghiệm triển khai từ năm 2023 với mức kinh phí từ 2% đến 5% tổng nguồn thu học phí từ sinh viên của các Viện, Khoa.

**(4) Về hợp tác quốc tế**

- Đa dạng hóa các loại hình hợp tác, triển khai việc định kỳ đánh giá, rà soát hiệu quả hoạt động ký kết thỏa thuận hợp tác quốc tế đã thực hiện.

- Tăng số lượng dự án quốc tế về thực hiện các đề tài NCKH, nguồn học bổng cho giảng viên, sinh viên của Trường và tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn vốn đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Định hướng, khuyến khích hoạt động hợp tác quốc tế gắn với một số hoạt động trọng tâm để phát triển quốc tế hóa về đào tạo, bồi dưỡng, NCKH của Trường.

- Tổ chức “Ngày quốc tế - International Day” của Trường với các hoạt động cụ thể để tạo ra sự hòa đồng, hội nhập, chia sẻ văn hóa, tạo động lực cho không chỉ sinh viên quốc tế mà còn đối với sinh viên toàn Trường.

- Tăng tính tự chủ kèm với cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân về hợp tác quốc tế trong khuôn khổ luật pháp.

Về công tác người học và kết nối cộng đồng

- Từng bước thực hiện việc đơn giản hóa, tin học hóa thủ tục hành chính cho sinh viên, người học.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng, hỗ trợ sáng tạo, khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch hằng năm và triển khai hoạt động kết nối cựu VC, NLĐ và cựu sinh viên.

**(5) Về nguồn nhân lực và quản trị đại học**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá lại chức năng, nhiệm vụ và hoàn thiện mô hình tổ chức của Trường.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ nhằm đáp ứng được nhu cầu về số lượng, cơ cấu lao động của Trường, trong đó chú trọng đến công tác đào tạo, tuyển dụng sinh viên giỏi ở lại công tác tại Trường.

- Có kế hoạch đảm bảo đội ngũ chuyên môn cơ hữu cân đối giữa các ngành đào tạo trong Trường.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ; bồi dưỡng kỹ năng ngoại ngữ, tin học; cập nhật kiến thức, quy định mới phục vụ yêu cầu công tác.

- Xây dựng và ban hành chính sách bắt buộc và hỗ trợ đối với giảng viên học tiến sĩ; chính sách khuyến khích các tiến sĩ tiếp tục nâng cao năng lực NCKH, tích lũy đủ điều kiện để đề nghị xét phong chức danh PGS, GS.

- Ban hành chính sách đãi ngộ về thu nhập, điều kiện làm việc, môi trường công tác… để khích lệ sự tận tâm, tận lực của đội ngũ cán bộ nói chung, đội ngũ giảng viên có trình độ cao nói riêng, đồng thời thu hút nhân lực chất lượng cao từ đơn vị, địa phương khác.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai hệ thống ISO và KPI toàn diện trong các hoạt động của Trường .

- Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác chuyển đổi số và thiết lập hệ thống quản trị tập trung (ERP).

**(6) Về tài chính và cơ sở vật chất**

- Xây dựng, ban hành lộ trình về học phí và các mức thu dịch vụ liên quan nhằm đạt mục tiêu về nguồn thu của kế hoạch.

- Ưu tiên nhân lực, vật lực và chính sách hỗ trợ khác để phát triển các loại hình đơn vị dịch vụ theo hướng tự chủ nhằm giảm quỹ lương và chi thường xuyên, đồng thời góp phần tăng nguồn thu chung của Trường.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trung hạn, trong đó tập trung các nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Cải tạo khu vực nhà ăn và ao cá cũ, phát triển thành khu dịch vụ phức hợp cho sinh viên và VC, NLĐ của Trường (mô hình Student Union);

+ Tận dụng cơ sở vật chất hiện có, cải tạo và phát triển các dịch vụ tiện ích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của sinh viên nội trú;

+ Xây dựng khu đồi E theo mô hình công viên sinh thái, tiện ích quanh Nhà đa năng;

+ Ưu tiên cải tạo, sửa chữa, chống xuống cấp tốt đối với giảng đường, ký túc xá và khu làm việc;

+ Cải tạo, sửa chữa các tòa nhà từ A1 đến A5 thành khu ký túc xá kiểu mẫu;

+ Cải tạo, sửa chữa, xây dựng lại khu nhà D, khu giảng đường Kinh tế cũ theo hướng xã hội hóa hoặc liên doanh liên kết;

+ Tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường.

## 3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 3)

# Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

## Tiêu chuẩn 1: tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

### Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường ĐHKTCN có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng của Trường tại Quyết định số 45/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc công bố Sứ mạng- Tầm nhìn- Giá trị văn hoá của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H01.01.01].

Theo đó, sứ mạng của Trường là “Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp- Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn của Trường là “Trở thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia và khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước và khu vực; là cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cộng đồng, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển Kinh tế- Văn hoá- Xã hội của đất nước.”

Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là kết quả của quá trình xây dựng và phát triển Trường từ khi thành lập và được hoàn thiện dần trong từng giai đoạn.

Lần đầu tiên sứ mạng của trường ĐHKTCN được ghi nhận trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHKTCN giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020: “Đáp ứng những nhu cầu về cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý trong lĩnh vực công nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước” [H01.01.02].

Được điều chỉnh trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKTCN năm 2013 và 2015, cụ thể: “Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học đáp ứng chuẩn trong nước và quốc tế. Tổ chức, phối hợp nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước trên các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc” [H01.01.03].

Được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 28/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 là “Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.04].

Sứ mạng của Trường do Hội đồng trường xây dựng và ban hành, trên cơ sở thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 12/3/2021 của Hội đồng trường, trên cơ sở đã lấy ý kiến của các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, như lấy ý kiến bằng thư điện tử, tổ chức Hội nghị lấy ý kiến, có sự tham gia đóng góp ý kiến của tất cả thành viên Hội đồng trường, giảng viên, người học, lãnh đạo cấp trên, người sử dụng lao động, đại diện các tổ chức chính trị- xã hội, xã hội- nghề nghiệp như Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn Trường, quá trình xây dựng đã nhận được đầy đủ các ý kiến tham gia của các bên liên quan [H1.01.01.05].

Hình thức lấy ý kiến về dự thảo tầm nhìn, sứ mạng của Trường:

1. Bằng thư điện tử (Phòng Hành chính- Tổ chức) gửi đến từng đơn vị để triển khai đến toàn bộ viên chức, người lao động trong Trường (email ngày 15 tháng 4 năm 2021), nhận được ý kiến của nhiều đơn vị [H1.01.01.06].

2. Tổ chức nhiều phiên họp tham gia ý kiến trực tiếp về sứ mạng, tầm nhìn: chủ trương xây dựng tại Lịch công tác tuần Lịch công tác tuần (năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021) [H1.01.01.07]; Nghị quyết số 33/NQ-HĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2021 về Nghị quyết Phiên họp tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.01.08]; Biên bản số 39/BB-HĐT ngày 22/01/2021 của Hội đồng trường về thông qua chủ trương xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, thành phần tham dự có đại diện Doanh nghiệp sử dụng lao động và đại diện cấp trên [H1.01.01.09]; Biên bản số 38/BB-HĐT ngày 22/4/2021 của Thường trực Hội đồng trường với lãnh đạo đơn vị thuộc và trực thuộc Trường về góp ý dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, thành phần tham dự có đại diện tổ chức chính trị của Trường (Ban Chấp hành Đảng bộ Trường), đại diện người sử dụng lao động (Ban Giám hiệu), đại diện người lao động (Chủ tịch Công đoàn Trường), đại diện tổ chức chính trị- xã hội Trường (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Trường, Hội Cựu chiến binh Trường) và những chủ thể có liên quan khác [H1.01.01.10]; Biên bản số 42/BB-HĐT ngày 23/4/2021 của Hội đồng trường về thông qua Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.11].

Tỷ lệ đồng ý: 100%

Tỷ lệ không đồng ý: không

Ý kiến khác: không

Sứ mạng của Nhà trường luôn phù hợp, theo sát chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường là *“đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học và sau đại học”* được ghi trong Quyết định thành lập trường năm 1965, Quyết định đổi tên trường [H1.01.01.12] và Nghị định 31/CP/1994 của Chính phủ về việc thành lập ĐH Thái Nguyên [H1.01.01.13].

Sứ mạng của Nhà trường được xây dựng dựa trên những nguồn lực về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của Nhà trường. Nguồn nhân lực Nhà trường tính đến tháng 12/2020, Trường có tổng số 516 viên chức, người lao động (VC, NLĐ) trong đó: 261 nam, 255 nữ; độ tuổi trung bình là 38,5 tuổi, số lượng tiến sĩ dưới 45 tuổi là 67/94; 22 tiến sĩ trẻ được đào tạo và tu nghiệp ở nước ngoài, số lượng PGS dưới 45 tuổi là 7/20 người; số lượng giảng viên có chứng chỉ tin học IC3: 255/362 giảng viên, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: 289/362 giảng viên tại Chiến lược phát triển Trường [H1.01.01.04].

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện sứ mạng bao gồm: 35 ha khuôn viên với 67 phòng học, 6.033m2 nhà làm việc của các đơn vị chức năng, 10.351m2 nhà làm việc của giảng viên, 45 phòng thí nghiệm, 17 phòng xưởng thực tập, thực hành, 19.000 m2 ký túc xá, 3.476 m2 thư viện [H1.01.01.04] với trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Với số lượng giảng viên, viên chức, người lao động của Trường, cơ sở vật chất hiện có của Trường, diện tích Trường, số lượng, chất lượng phòng học/sinh viên đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong giai đoạn 2016-2020, Trường đạt được một số thành tích KHCN đáng kể sau: đã hoàn thành nghiệm thu 188 đề tài, gồm 01 đề tài nghiên cứu cơ bản của Quỹ NAFOSTED, 187 đề tài cấp Trường.

- Đăng ký thành công 03 đề tài cấp Nhà nước với tổng kinh phí gần 1,0 tỷ đồng; 10 đề tài cấp Bộ với tổng kinh phí trên 3,0 tỷ đồng.

- Đăng ký thành công 05 đề tài cấp Tỉnh với tổng kinh phí gần 2,3 tỷ đồng; tổng kinh phí đề tài đặt hàng từ doanh nghiệp đạt 0,365 tỷ đồng.

- Giảng viên của Trường đã công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế 1263 bài báo được tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước; trong đó có 722 bài báo quốc tế (số lượng bài báo khoa học ISI/Scopus là 426 bài).

Tổ chức 03 hội thảo Quốc tế, kỷ yếu được xuất bản bởi Nhà xuất bản Springer, nằm trong danh mục Scopus, Q4; đồng tổ chức 06 hội thảo KHCN trong nước (phối hợp với Viện KH&CN Quân sự), các bài báo công bố tại Hội thảo được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu KH-CN Quân sự, là tạp chí KHCN uy tín của Quân đội hiện nay [H1.01.01.04].

Sứ mạng của Nhà trường gắn liền với định hướng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn tới của Trường là:

1. Xây dựng mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp với yêu cầu đổi mới và sáng tạo.

2. Phát triển nguồn nhân lực và quản trị nhân lực đáp ứng yêu cầu giáo dục khai phóng trong xu thế đại học đổi mới và sáng tạo.

3. Xây dựng và phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất và dịch vụ theo hướng tạo môi trường cho phát triển hệ sinh thái đại học tiên tiến [H1.01.01.04].

Sứ mạng của Nhà trường đã được xây dựng và điều chỉnh phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực miền núi phía Bắc và cả nước [H1.01.01.14]. Trong “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đã nhấn mạnh: “*Phát triển nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập… Phát triển các cơ sở đào tạo, dạy nghề (đại học, cao đẳng nghề) có chương trình đào tạo tiên tiến, đạt quốc tế*” [H1.01.01.15]. Trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011- 2015” của Chính phủ nêu rõ: “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế*” [H1.01.01.16].

Sứ mạng của Nhà trường được công bố, phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ viên chức người học, các đối tượng ngoài trường thông qua Trang thông tin điện tử Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.01.17] các văn bản, sách và tài liệu giới thiệu về Nhà trường [H1.01.01.18]. Mặc dù vậy, Nhà trường mới chỉ có biện pháp quảng bá sứ mạng trực tiếp tới các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh khu vực phía Bắc mà chưa phổ biến rộng rãi tới các đối tác liên quan.

Lãnh đạo Trường đã xác định trách nhiệm của từng lãnh đạo, cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chung của Trường, cần xây dựng các kế hoạch thực hiện sứ mạng, tầm nhìn theo từng giai đoạn cụ thể, như chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, các kế hoạch năm học theo sứ mạng, tầm nhìn, cụ thể:

Chủ trương xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 131-NQ/ĐU ngày 29/4/2022 của Đảng uỷ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tổng kết công tác tháng 4/2022, phương hướng tháng 5/2022 [H1.01.01.19];

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quyết định thành lập Hội đồng rà soát, điều chỉnh, xây dựng lại Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 619/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.01.20]; ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tháng 11/2016, do Nguyễn Duy Cương chủ biên [H1.01.01.21];

Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục được xác định tại Quyết định số 931/QĐ-ĐHKTCN ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc thành lập Tổ xây dựng Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2025 [H1.01.01.22]; Công văn số 475/ĐHKTCN, ngày 11 tháng 6 năm 2021 - V/v góp ý dự thảo "Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường ĐHKT Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.23]; Quyết định số 1415/QĐ-ĐHKTCN ngày 24/6/2021 của Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 [H1.01.01.24].

Lãnh đạo Nhà trường có các kế hoạch hướng dẫn các đơn vị trong Trường xây dựng và trển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định tại Kế hoạch số 61/KH-ĐHKTCN, ngày 02 tháng 02 năm 2021 - Kế hoạch Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung Trường ĐHKTCN [H1.01.01.25]; Kế hoạch số 871/KH-ĐHKTCN, ngày 22 tháng 10 năm 2020 - Kế hoạch Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa cho K56 năm học 2020-2021 (đợt 2) [H1.01.01.26]; Công văn số 251/ĐHKTCN, ngày 08 tháng 04 năm 2021 - Về việc tiếp tục triển khai và kế hoạch thực hiện tiếp theo trong việc áp dụng ISO [H1.01.01.27]; Kế hoạch số 278/KH-ĐHKTCN, ngày 14 tháng 04 năm 2021 - Kế hoạch Tổ chức Hội nghị công tác Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập năm 2021 [H1.01.01.28]; Thông báo số 163/TB-ĐHKTCN, ngày 15 tháng 3 năm 2021 - Thông báo Về kế hoạch nhập học và tổ chức đào tạo từ xa ngành Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp năm 2021 [H1.01.01.29]; Kế hoạch số 966/KH-ĐHKTCN, ngày 20 tháng 11 năm 2020 - Kế hoạch Tổ chức cuộc thi Olympic Cơ học cấp trường năm học 2020-2021 và lựa chọn đội tuyển tham dự cuộc thi Olympic Cơ học toàn quốc năm 2021 [H1.01.01.30]; Thông báo số 399/TB-ĐHKTCN, ngày 04 tháng 5 năm 2021 - Thông báo kế hoạch mở lớp bồi dưỡng Tiếng Anh A2, B1 đạt chuẩn đầu ra và thủ tục đăng ký dự thi [H1.01.01.31]; Kế hoạch Tổ chức Hội nghị công tác quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú năm 2019, 2020 [H1.01.01.32]; Quyết định số 1706/QĐ-ĐHKTCN, ngày 31 tháng 8 năm 2020 - Quyết định Ban hành Kế hoạch đào tạo Chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo quốc tế năm học 2020-2021 [H1.01.01.33]; Số: 150/QĐ-ĐHKTCN, ngày 27 tháng 9 năm 2018 - Quyết định V/v ban hành Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, giai đoạn 2018-2022 [H1.01.01.34]; Số: 154/KH-ĐHKTCN, ngày 23 tháng 10 năm 2019 - Kế hoạch Triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, năm học 2019-2020 [H1.01.01.35]; Số: 651/KH-ĐHKTCN, ngày 27 tháng 7 năm 2021 - Kế hoạch Cải thiện cơ sở vật chất, bố trí không gian thư viện Năm học 2021-2022 [H1.01.01.36]; Số: 26/KH-ĐHKTCN, ngày 18 tháng 01 năm 2021 - Kế hoạch Bổ sung tài liệu học tập năm 2021 cho Thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.01.37].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7**

### Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có công bố chính thức về giá trị văn hoá của Trường là: ***Kế thừa- Sáng tạo- Chất lượng- Hiệu quả- Hội nhập*** tại Quyết định số 45/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc công bố Sứ mạng- Tầm nhìn- Giá trị văn hoá của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.02.01]; được tiếp tục khẳng định lại tại Chiến lược phát triển của Trường tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐT, ngày 28 tháng 4 năm 2021 - Nghị quyết Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.02.02]; tại Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.02.03];

Giá trị văn hoá của Trường được xác định từ các giá trị truyền thống của Trường là kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống Cơ Điện từ khi thành lập đến nay, được giữ gìn qua bao thế hệ Cơ- Điện của cán bộ, viên chức, sinh viên của Trường mà đại diện là các Hội Cơ Điện ở khắp các tỉnh thành trên cả nước, luôn đoàn kết, thống nhất, hỗ trợ, đồng hành của Trường với những giá trị truyền thống đặc biệt không thể thay thế, qua câu thơ “***Người Cơ Điện ở đâu, Tình cũng như lửa cháy”.***

Từ những giá trị truyền thống của Trường, hình ảnh, uy tín, thương hiệu của Trường nhằm thúc đẩy các hoạt động mong muốn của Trường, Trường xác định cần sáng tạo, chất lượng, hiệu quả và hội nhập trong nước và quốc tế để đạt được mục tiêu chiến lược của Trường, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường trong giai đoạn hiện nay, đảm bảo chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn tới.

Được xác định tại Quyết định 931/QĐ-ĐHKTCN, ngày 11 tháng 5 năm 2021 - Quyết định Về việc thành lập Tổ xây dựng Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường ĐHKT Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.04]; Số: 475/ĐHKTCN, ngày 11 tháng 6 năm 2021 - V/v góp ý dự thảo "Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường ĐHKT Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.02.05]; Số: 61/KH-ĐHKTCN, ngày 02 tháng 02 năm 2021 - Kế hoạch Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung Trường ĐHKTCN [H1.01.02.06]; Số: 871/KH-ĐHKTCN, ngày 22 tháng 10 năm 2020 - Kế hoạch Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa cho K56 năm học 2020-2021 (đợt 2) [H1.01.02.07]; Số: 251/ĐHKTCN, ngày 08 tháng 04 năm 2021 - Về việc tiếp tục triển khai và kế hoạch thực hiện tiếp theo trong việc áp dụng ISO [H1.01.02.08]; Số: 278/KH-ĐHKTCN, ngày 14 tháng 04 năm 2021 - Kế hoạch Tổ chức Hội nghị công tác Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập năm 2021 [H1.01.02.09]; Số: 163/TB-ĐHKTCN, ngày 15 tháng 3 năm 2021 - Thông báo Về kế hoạch nhập học và tổ chức đào tạo từ xa ngành Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp năm 2021 [H1.01.02.10]; Số: 966/KH-ĐHKTCN, ngày 20 tháng 11 năm 2020 - Kế hoạch Tổ chức cuộc thi Olympic Cơ học cấp trường năm học 2020-2021 và lựa chọn đội tuyển tham dự cuộc thi Olympic Cơ học toàn quốc năm 2021 [H1.01.02.11]; Số: 399/TB-ĐHKTCN, ngày 04 tháng 5 năm 2021 - Thông báo kế hoạch mở lớp bồi dưỡng Tiếng Anh A2, B1 đạt chuẩn đầu ra và thủ tục đăng ký dự thi [H1.01.02.12]; Kế hoạch Tổ chức Hội nghị công tác quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú năm 2019, 2020 [H1.01.02.13]; Số: 1706/QĐ-ĐHKTCN, ngày 31 tháng 8 năm 2020 - Quyết định Ban hành Kế hoạch đào tạo Chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo quốc tế năm học 2020-2021 [H1.01.02.14]; Số: 150/QĐ-ĐHKTCN, ngày 27 tháng 9 năm 2018 - Quyết định V/v ban hành Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, giai đoạn 2018-2022 [H1.01.02.15]; Số: 154/KH-ĐHKTCN, ngày 23 tháng 10 năm 2019 - Kế hoạch Triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, năm học 2019-2020 [H1.01.02.16]; Số: 651/KH-ĐHKTCN, ngày 27 tháng 7 năm 2021 - Kế hoạch Cải thiện cơ sở vật chất, bố trí không gian thư viện Năm học 2021-2022 [H1.01.02.17]; Số: 26/KH-ĐHKTCN, ngày 18 tháng 01 năm 2021 - Kế hoạch Bổ sung tài liệu học tập năm 2021 cho Thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.02.18].

Trên cơ sở giá trị văn hoá của Trường, lãnh đạo Trường đã xây dựng kế hoạch phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của Trường tại Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường [H1.01.02.19-bổ sung]; Quyết định số 931/QĐ-ĐHKTCN, ngày 11 tháng 5 năm 2021 - Quyết định Về việc thành lập Tổ xây dựng Kế hoạch chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường ĐHKT Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 [H1.01.02.20].

Cụ thể hoá việc giữ gìn và phát triển giá trị văn hoá của Trường thông qua quy tắc ứng xử, trách nhiệm, thái độ làm việc, các chuẩn mực đạo đức được đưa vào các quy chế, quy định và được phổ biến trong Trường cũng như tại các đơn vị như Quy chế làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp banh hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐT ngày 20/7/2021 của Hội đồng trường [H1.01.02.21]; tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, thái độ, chuẩn mực đạo đức bổ nhiệm đối với viên chức lãnh đạo quản lý của Trường tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, kéo dài, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường tại Nghị quyết só 20/NQ-HĐT ngày 03/2/2021 của Hội đồng trường [H1.01.02.22] và các chuẩn mực được đánh giá trong công tác đảng, đoàn… [H1.01.02.23].

Cùng với việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cũng đã tuyên bố về giá trị cốt lõi của Trường tại Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, đó là: *Nhân văn – Hợp tác – Sáng tạo* [H1.01.02.24].

Quá trình xây dựng giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi của Trường có sự chỉ đạo của Đảng ủy, trực tiếp xây dựng của Hội đồng trường và sự tham gia của các bên liên quan [H1.01.02.25].

Nội dung giá trị cốt lõi mà Nhà trường xác định là giá trị văn hóa truyền thống được vun đắp suốt chiều dài lịch sử hơn 50 năm xây dựng và phát triển của Trường, được các thế hệ cán bộ giảng viên và sinh viên Nhà trường gìn giữ và phát triển. Những giá trị cốt lõi, góp phần tạo dựng nên các giá trị văn hoá của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp chính là: “*Trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, hợp tác và nhân văn; tạo lập môi trường sinh hoạt, học tập thân thiện, bổ ích, thiết thực, nhằm thúc đẩy người học say mê học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo; đào tạo kỹ năng cần thiết để người học độc lập trong nhận thức, cộng tác trong mọi hoạt động để nâng cao khả năng thích ứng, tạo nhiều giá trị mới cho tập thể, cộng đồng và xã hội; giáo dục người học quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức xã hội và nghề nghiệp nhằm thúc đẩy việc thường xuyên tu dưỡng rèn luyện đạo đức, văn hóa ứng xử, đồng thời nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và xã hội, đó chính là nền tảng tạo nên thành công trong tương lai”* [H1.01.02.26].

Giá trị cốt lõi của Trường, hun đúc từ những giá trị truyền thống nhằm thúc đẩy các hành vi mong muốn của Trường để đạt được mục tiêu chiến lược của Trường, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường trong lịch sử, ở hiện tại và gìn giữ ở tương lai.

Để phát triển các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng trong từng giai đoạn, Đảng ủy Trường luôn coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc, văn hóa thương hiệu của Trường: “*Người Cơ điện ở đâu, tình cũng như lửa cháy*”. Trường đã có kế hoạch phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Trường xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa của Trường tại Trích biên bản Hội nghị giao ban Quý III/2021 [H1.01.02.27]; Biên bản họp Ban giám hiệu (tuần 45, năm học 2020-2021) [H1.01.02.28].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến để thực hiện.***

Sau khi tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá, Trường đã công bố chính thức công khai trên website của Trường có 32.037 lượt truy cập [H1.01.03.01], có bảng hiệu công khai tại Trường [H1.01.03.02]; 15 đợt tiếp xúc cựu sinh viên với tổng số người tham sự 1050… tại Lịch công tác tuần (năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021) [H1.01.03.03];

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường sau khi tuyên bố đã được quán triệt và giải thích rõ ràng cho các bên liên quan trong Trường để thực hiện: tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các tổ chức Đảng trong Trường, tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh Trường và 100% viên chức, người lao động của Trường đều biết và quán triệt đầy đủ nội dung thực hiện, định hướng hoàn thiện và phát triển của tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường thông qua phần mềm quản lý văn bản nội bộ của Trường, email, các cuộc họp của Trường với người học, cựu sinh viên, với đại diện Đại học Thái Nguyên, đại diện người sử dụng lao động, đại diện cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương [H1.01.03.04- Biên bản họp Hội đồng trường với các bên có liên quan, Hiệu trưởng với sinh viên, các đơn vị, Hội nghị viên chức, người lao động];

Truyền thống Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ lâu đã được lan toả thành giá trị văn hoá rất riêng của Trường và của tất cả các thế hệ cán bộ, giảng viên và sinh viên. Giá trị văn hoá mang tên Đại học Cơ điện ấy đã được nhận biết và xác nhận trong cả nước qua các thế hệ sinh viên từ khi thành lập Trường đến nay. Trong những năm gần đây, tinh thần, văn hoá và truyền thống Trường đã trở thành một phần quan trọng của mọi hoạt động của Trường.

Tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá với giá trị cốt lõi đã được công bố rộng rãi tại các hội nghị của Trường, trên trang web, trên Fanpage của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.03.05]. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá mang tên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được phổ biến, lan toả đến các thế hệ CSV, các tổ chức xã hội, các DN [H1.01.03.06]. Sứ mạng, tầm nhìn giá trị văn hoá cốt lõi đã được giải thích, lan toả rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường để thực hiện. Nhà trường đã có những chính sách và hoạt động cụ thể để thực thi sứ mạng hướng đến đạt được Tầm nhìn đến năm 2030 tại Báo cáo Hội nghị Viên chức, người lao động trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 [H1.01.03.07]; Thông báo liên tịch của Ban Giám Giám hiệu và ban chấp hành công đoàn trường về việc tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức [H1.01.03.08]; Bảng/ biển thông báo có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa [H1.01.03.09]; Lịch công tác tuần (năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021) [H1.01.03.10].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan****.*

Đơn vị chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soáttầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường là Hội đồng trường. Trên cơ sở đó, trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2015, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng trường đã thành lập Ban soạn thảo xây dựng Dự thảo có trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐT, ngày 12 tháng 3 năm 2021 - Nghị quyết Thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.04.01]; xác định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong việc triển khai thực hiện cũng như rà soát tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐT, ngày 28 tháng 4 năm 2021 - Nghị quyết Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.04.02];

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường, Hội đồng trường đã tổ chức nhiều cuộc họp lấy ý kiến của tất cả cán bộ, viên chức, người lao động của Trường, nhận được sự đóng góp của lãnh đạo cấp trên, của người học, của tổ chức chính trị- xã hội trong Trường và đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.04.03- Biên bản phiên họp Hội đồng trường];

Số: 143-NQ/ĐU, ngày 17 tháng 9 năm 2018 - Nghị quyết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác quý III và phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm quý IV năm 2018 [H1.01.04.04]; Nghị quyết số 34/NQ-ĐU, ngày 9 tháng 10 năm 2020 - Nghị quyết Công tác tháng 10 năm 2020 [H1.01.04.05].

Trong quá trình rà soát, có báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi [H1.01.04.06- Bổ sung Báo cáo rà soát của Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường]; kết quả quá trình rà soát được ghi nhận tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2021 - Nghị quyết Phiên họp tháng 4 năm 2021 Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.04.07].

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 được cụ thể hoá bằng các kế hoạch chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn 5 năm (2021-2015; 2025-2030). Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược các giai đoạn, các mục tiêu chiến lược và các hoạt động luôn được rà soát, đánh giá về mức độ phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng. Bên cạnh đó tầm nhìn và sứ mạng cũng luôn được đánh giá để điều chỉnh cho phù hợp hơn với các điều kiện chủ quan và khách quan mới phát sinh. Sau mỗi giai đoạn, Nhà trường đều tổng kết kết quả thực hiện các nội dung chiến lược của giai đoạn, đánh giá những việc làm tốt, những hạn chế; rút ra các bài học kinh nghiệm, những điều chỉnh cần phải thực hiện…. Trên cơ sở đó, cùng với việc phân tích kỹ bối cảnh hiện tại và dự báo những kịch bản biến động trong tương lai để xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn kế tiếp.

Tầm nhìn 2030: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên trở thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia và khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật (KHKT) và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín ở trong nước và quốc tế; là cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cộng đồng, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Văn hóa – Xã hội của đất nước và khu vực [H1.01.04.08].

Giá trị văn hoá truyền thống với giá trị cốt lõi cũng luôn được đánh giá và bồi đắp. Tinh thần đoàn kết, lối sống chính trực, liêm chính; thái độ tôn trọng, và đặc biệt là văn hoá chất lượng luôn luôn được nhấn mạnh và đề cao trong mọi hoạt động của Nhà trường. Niềm tự hào, niềm tin và khát vọng của tập thể cán bộ, giảng viên và sinh viên luôn được khích lệ.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có trách nhiệm giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường. Trên cơ sở đó, Hội đồng trường giao cho Hiệu trưởng chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch cụ thể để giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường được xác định tại Chiến lược phát triển Trường [H1.01.05.01]; giao cụ thể trách nhiệm giám sát thực hiện cho Ban Giám sát của Hội đồng trường có trách nhiệm giám sát rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa thực hiện tại Quy chế giám sát của Hội đồng trường [H1.01.05.02]; có quy trình giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa [H1.01.05.03].

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của của các bên liên quan, từ tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá được xác định tại Quyết định số 45/QĐ-ĐHKTCN, ngày 1 tháng 3 năm 2019 - Quyết định V/v công bố Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị văn hóa của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.05.03], sau quá trình triển khai thực hiện được rà soát để điều chỉnh nhằm đáp ừng nhu cầu và sự hài lòng của các bên có liên quan tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐT, ngày 12 tháng 3 năm 2021 - Nghị quyết Thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.05.04]; Nghị quyết số 33/NQ-HĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2021 - Nghị quyết Phiên họp tháng 4 năm 2021 Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H1.01.05.05]; Nghị quyết số 34/NQ-HĐT, ngày 28 tháng 4 năm 2021 - Nghị quyết Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.05.06].

Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá được Đảng uỷ Trường chỉ đạo đánh giá và xác định tại Nghị quyết số 143-NQ/ĐU, ngày 17 tháng 9 năm 2018 - Nghị quyết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác quý III và phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm quý IV năm 2018 [H1.01.05.06]; Nghị quyết số 34/NQ-ĐU, ngày 9 tháng 10 năm 2020 - Nghị quyết Công tác tháng 10 năm 2020 [H1.01.05.07].

Sau các đợt rà soát TNSM và giá trị văn hóa, Bộ phận quản lý chiến lược của Trường đã tiến hành điều chỉnh TNSM và giá trị văn hóa của Nhà trường cho phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và của cả nước; đồng thời đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Sứ mạng được công bố rộng rãi và được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhà trường có đầy đủ nguồn lực đáp ứng sứ mạng.

Các thế hệ lãnh đạo đã có những giải pháp và các việc làm cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trên nền tảng các giá trị cốt lõi đã góp phần tạo nên thƣơng hiệu Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ngày nay. Giá trị văn hoá truyền thống với nền tảng giá trị cốt lõi được hầu hết cán bộ, giảng viên và các thế hệ sinh viên đồng lòng xây dựng và gìn giữ.

Sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã được phổ biến, được truyền thông tương đối hiệu quả qua nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau đến cán bộ, giảng viên và các thế hệ sinh viên, cũng như đến các bên liên quan. Sứ mạng, tầm nhìn và văn hoá với giá trị cốt lõi đã được giải thích rõ ràng. Nhà trường đã có những chính sách và những hoạt động cụ thể để thực hiện.

Tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển đã thường xuyên được đánh giá, rà soát để đảm bảo Nhà trường phát triển vững mạnh, đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước và đáp ứng đƣợc nhu cầu của người học và của xã hội. Văn hoá truyền thống dựa trên trụ cột giá trị luôn được củng cố và lan toả để thực sự thấm đậm đến mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp xây dựng theo quy trình với sự tham gia của các bên liên quan, được tuyên bố trên các phương tiện truyền thông và được chuyển tải cho mọi người biết và thực hiện. − Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường được rà soát, cải tiến cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và của khu vực, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường mới chỉ có biện pháp quảng bá sứ mạng trực tiếp tới các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh khu vực phía Bắc, chưa phổ biến rộng rãi đến các nhà tuyển dụng.

Vẫn còn một số ít cán bộ, giảng viên và một bộ phận sinh viên chưa thực sự trân trọng và gìn giữ những giá trị văn hoá, giá trị cốt lõi của Nhà trường. Gian lận trong thi cử chưa hoàn toàn đƣợc loại trừ. Vẫn còn những cán bộ, giảng viên chưa toàn tâm, toàn ý với công việc, chưa thực hiện hết trách nhiệm trong mọi việc làm.

Sứ mạng, tầm nhìn và đặc biệt là “Văn hoá Đại học Cơ điện” vẫn chưa thật “ngấm” sâu vào một bộ phận không nhỏ sinh viên và một số cán bộ, giảng viên.

Việc rà soát, đánh giá tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá chủ yếu được thực hiện trong nội bộ Nhà trường. Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan đã có nhưng còn hạn chế.

Trong những năm qua, khi xây dựng kế hoạch hoạt động, việc đưa các giá trị văn hóa của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp vào trong các chương trình công tác hàng năm để chuyến biến thành các yếu tố nâng cao hiệu quả, lợi thế cạnh tranh chưa được lãnh đạo Trường chú trọng. − Việc phổ biến, thông tin tuyên truyền TNSM, GTVH của Trường trong thời gian qua chưa bao quát hết tất cả các bên liên quan, còn một số CB-GV-NV, SV Trƣờng vẫn chưa biết rõ về TNSM của Nhà trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Xây dựng kế hoạch, chiến lược quảng bá chiến lược của Trường rộng rãi đến toàn xã hội. | Các đơn vị chức năng có liên quan | Theo giai đoạn tương ứng với chiến lược tổng thể |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Xây dựng các chiến lược bộ phận | Các đơn vị chức năng có liên quan | Theo giai đoạn tương ứng với chiến lược tổng thể |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Tiếp tục hoàn thiện bổ sung các quy trình có liên quan làm cơ sở cho việc thu thập các thông tin cần thiết hỗ trợ cho quá trình xây dựng và điều chỉnh kế hoạch chiến lược. | Hội đồng trường  Ban giám hiệu  Phòng HCTC | Thường xuyên |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 1*** | ***4,4*** |
| Tiêu chí 1.1 | 6 |
| Tiêu chí 1.2 | 4 |
| Tiêu chí 1.3 | 4 |
| Tiêu chí 1.4 | 4 |
| Tiêu chí 1.5 | 4 |

## Tiêu chuẩn 2. Quản trị

### Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

- Hệ thống quản trị của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo quy định của Luật giáo dục Đại học [H1.02.01.01], nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp bối cảnh cụ thể của CSGD. Bao gồm: Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu; các tổ chức Đảng, đoàn thể, chính trị xã hội (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh); các hội đồng tư vấn Nhà trường (HĐ Thi đua Khen thưởng, HĐ Khoa học...).

- Hội đồng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nhiệm kỳ 2016-2021 được thành lập theo quyết định số 1299/QĐ-ĐHTN [H1.02.01.02], Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quyết định số 33/QĐ-HĐĐH ĐHTN [H1.02.01.03]. Cơ cấu quản trị của Nhà trường phù hợp với Luật Giáo dục số 08/2012/QH13; Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung 34/2018/QH14.

- Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã quyết nghị các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp lớn của Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.02.01.04]. Đảng bộ Đại học Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 442-QĐ/ĐU, 29/6/2020 về việc chuẩn y kết quả Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.02.01.05].Quyết định số 05-QĐ/ĐU, ngày 12/8/2020 về việc xây dựng các Ban xây dựng Đảng của Đảng ủy trường ĐHKTCN khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.02.01.06]. Việc tiến hành các quy trình bầu cử, triển khai Đại hội được thực hiện đúng theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.

- Đại hội Công đoàn Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ XV, nhiệm kỳ 2017-2022 được tiến hành vào ngày 02/12/2017 đề ra các phương hướng nhiệm kỳ 2017-2022. Ban Chấp hành Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022 được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-BCH [H1.02.01.07], thực hiện theo đúng Điều 25, Chương IV, Điều lệ Công đoàn Việt Nam lần thứ XI.

- Ban Chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐHKTCN nhiệm kỳ 2019-2022 được thành lập theo Quyết định số 264/QĐCN-ĐTN [H1.02.01.08], theo đúng quy định của điều lệ Đoàn TNCS HCM. Ban Chấp hành Hội sinh viên Trường ĐHKTCN khóa XVI, nhiệm kỳ 2020-2023 được thành lập theo Quyết định số 220-QĐ/HSV [H1.02.01.09].

Bên cạnh đó, Trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn Nhà trường: Hội đồng Khoa học và đào tạo [H1.02.01.10], Hội đồng Công tác cán bộ [H1.02.01.11], Hội đồng thi đua khen thưởng [H1.02.01.12]. Các hội đồng có trách nhiệm tư vấn các lĩnh vực liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

- Hệ thống quản trị đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được sửa đổi, ban hành năm 2020 theo Nghị quyết Số 05/NQ-HĐT, ngày 11/12/2020 của Hội đồng Trường ĐHKTCN [H1.02.01.13].

Hội đồng Trường hoạt động dựa trên Quy chế làm việc của Hội đồng [H1.02.01.14]. Để xây dựng và phát triển nhà Trường, Hội đồng trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHKTCN giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.02.01.15].

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được ghi rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị năm 2015 [H1.02.01.16]. Nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ quản lý và mỗi cá nhân trong toàn trường được mô tả chi tiết trong Đề án vị trí việc làm [H1.02.01.17] trong các Quyết định bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ, trong Hợp đồng lao động và được phổ biến đến từng cá nhân. Viên chức, người lao động làm việc theo Quy chế làm việc số 53/NQ-HĐT [H1.02.01.18].

Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các cá nhân, đơn vị trong toàn trường thông qua các hội nghị giao ban hàng tháng, hàng quý, hội nghị CBVC, Nhà trường đã có nhiều điều chỉnh và thay đổi trong cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên môn hóa cho phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn mới [H1.02.01.19], [H1.02.01.20].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Căn cứ các văn bản của Nhà nước, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Đại học Thái Nguyên; các Nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường, các tổ chức Đoàn, Hội đã triển khai xây dựng các kế hoạch [H1.02.02.01-H1.02.02.05]; chương trình hành động [H1.02.02.06-H1.02.02.10], hướng dẫn triển khai, quy trình [H1.02.02.11] để triển khai thực hiện.

Về định hướng phát triển chung, Nhà trường đã xây dựng các văn bản về Kế hoạch cho từng năm học [H1.02.03.13], [H1.02.03.14], Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHKTCN giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.02.01.15].

Hàng tuần, Nhà trường đều xây dựng lịch công tác tuần để các đơn vị thực hiện [H1.02.02.15 - H1.02.02.19].

Từ tháng 1/2021 Nhà trường đã ban hành và triển khai áp dụng các Quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Các quy trình nghiệp vụ giúp Nhà trường hướng dẫn thực hiện, kiểm soát các công việc trong toàn trường, phục vụ công tác quản lý, áp dụng trong toàn trường rất hiệu quả [H1.02.02.12]. Ngoài ra, Nhà trường còn có hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H1.02.02.20 - H1.02.02.22]. Mỗi hoạt động của Nhà trường đều có các văn bản, hướng dẫn cụ thể, kèm theo các biểu mẫu giúp cho việc thực hiện được dễ dàng, thuận lợi, dễ kiểm soát, không có sự mẫu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan, không có sự xung đột, chồng chéo về nội dung văn bản [H1.02.02.23 - H1.02.02.26].

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai đánh giá mức độ hoàn thành công việc của viên chức, người lao động ở các đơn vị [H1.02.02.27 - H1.02.02.30]. Để tăng hiệu quả quản lý, Nhà trường đã triển khai quản lý công việc qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, quản lý giờ giấc của viên chức, người lao động qua phần mềm điểm danh vân tay. Các kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc là căn cứ để xét khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động Nhà trường [H1.02.02.31-H1.02.02.35], đồng thời Nhà trường cũng chú ý việc nâng cao đời sống cho viên chức, người lao động qua việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H1.02.02.36- H1.02.02.40].

Để việc chuyển đổi số được thành công, Nhà trường đã sử dụng nhiều phần mềm quản lý nhằm tăng hiệu quả quản lý và truyền tải thông tin: Phần mềm quản lý văn bản và điều hành thực hiện việc chuyển và quản lý văn bản trong toàn trường được nhanh, gọn, tiết kiệm; các thông tin của Nhà trường từ tuyển sinh, đào tạo, quản lý HSSV,… được triển khai trên website Nhà trường, website của các đơn vị; phần mềm quản lý thư viện giúp quản lý đầu sách của thư viện nhanh gọn, chính xác, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận nguồn học liệu của Nhà trường đặc biệt là tài liệu số; phần mềm quản lý đào tạo Edusoft giúp quản lý toàn bộ các hoạt động của Nhà trường như đào tạo, HSSV, nhân sự, …. Các phần mềm này không chỉ giúp Nhà quản lý có thể dễ dàng quản lý, đưa ra quyết định chính xác, mà còn truyền tải thông tin tới viên chức, người lao động và sinh viên toàn trường; bên cạnh đó, viên chức, người lao động và sinh viên còn dễ dàng thực hiện nhiệm vụ đồng thời có thể phản hồi các góp ý tới nhà quản lý.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc rà soát về cơ cấu tổ chức cũng như các hoạt động của hệ thống quản trị. Việc rà soát có thể định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại học Thái Nguyên. Căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ chiến lược của Trường cơ cấu tổ chức của các đơn vị cũng có sự thay đổi: thành lập thêm các đơn vị để thực hiện những nhiệm vụ mới; giải thể sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau và số lượng viên chức, người lao động ít để phù hợp hơn với nhiệm vụ được giao [H1.02.03.01 - H1.02.03.13]. Việc rà soát về cơ cấu tổ chức sẽ kéo theo việc thay đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, năm 2021 Nhà trường có điều chỉnh lại quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có điều chỉnh, bổ sung theo nguyên tắc mỗi một nhiệm vụ chỉ do một đơn vị đảm nhận, chịu trách nhiệm, không chồng chéo [H1.02.03.14].

Bên cạnh việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thì Hội đồng Trường ban hành quy chế làm việc của Hội đồng trường [H1.02.01.14], Đảng ủy ban hành quy chế làm việc của Đảng ủy [H1.02.02.20]. Hội đồng trường và Đảng ủy cũng thường xuyên rà soát, bổ sung về nhân sự, bổ sung thành viên Hồng trường [H1.02.03.15]**,** bổ sung thành viên Ban thường vụ Đảng ủy [H1.02.03.16].

Vào cuối năm học Nhà trường đều triển khai việc tổng kết đánh giá các nhiệm vụ đề ra trong năm và xây dựng phương hướng thực hiện cho năm tiếp theo [H1.02.03.17 - H1.02.03.21]. Cuối tháng 12 hàng năm, Đảng bộ Nhà trường triển khai đánh giá việc hoàn thành chức năng nhiệm vụ đối với toàn Đảng bộ, đối với các tổ chức đảng, cá nhân lãnh đạo quản lý và từng đảng viên [H1.02.03.22 - H1.02.03.25].

Hàng năm, Ban Giám hiệu cũng chỉ đạo sát sao việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của viên chức, người lao động và đơn vị, kết quả đánh giá được thể hiện trong [H1.02.02.26 - H1.02.02.30]. Hàng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ Đảng bộ Nhà trường đều tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo quản lý [H1.02.02.26 - H1.02.02.30]. Các cấp đánh giá bao gồm cá nhân tự đánh giá, đánh giá đồng cấp, cấp trên đánh giá.

Về mặt triển khai hoạt động, thông qua các buổi đánh giá của các tổ chức bên ngoài (Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên, công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, tự đánh giá CSGD, đánh giá nội bộ ISO, các cuộc họp giao ban của HĐT, ĐU, BGH, hàng tháng, quý, năm, các mặt tồn tại được đưa ra phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của cá nhân/đơn vị có liên quan đồng thời tìm phương hướng giải quyết, khắc phục các mặt còn tồn tại [H1.02.03.26].

Nhà trường cũng triển khai việc xây dựng đề án Vị trí việc làm để có thể sắp xếp bộ máy, cơ cấu tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực của từng viên chức, người lao động [H1.02.01.17].

Căn cứ vào việc đánh giá, Nhà trường thực hiện rà soát lại hệ thống quản trị về cơ cấu tổ chức cũng như mọi công tác hoạt động một cách thường xuyên và có hệ thống.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

***Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.***

Trong quản trị, rủi ro là không tránh khỏi, bên cạnh rủi ro là cơ hội, là thách thức. Trường ĐHKTCN xác định: Rủi ro và cơ hội phát sinh từ bối cảnh của Nhà trường, phát sinh từ nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm như phụ huynh, sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp, … Nhà trường tích hợp việc thực hiện xử lý rủi ro và cơ hội trong quá trình hoạt động, đánh giá hiệu lực của các biện pháp/ hành động cải tiến thông qua các hình thức khác nhau.

Về cơ cấu tổ chức, thông qua các cuộc họp đánh giá của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các kết quả tổng kết công tác và phương hướng năm học, Nhà trường sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp. Nhà trường đã thực hiện việc chuyển bộ môn Pháp luật thuộc khoa Kinh tế sang Bộ môn Lý luận chính trị và sáp nhập thành tổ chuyên môn thuộc bộ môn Lý luận chính trị; sáp nhập bộ môn Tâm lý giáo dục và bộ môn Phương pháp luận và phương pháp dạy học thành bộ môn Sư phạm kỹ thuật; thực hiện giải thể các tổ công tác và tổ văn phòng khoa [H1.02.03.01 - H1.02.03.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xác định, Nhà trường đang trong lộ trình tự chủ, vì vậy, Nhà trường đã thành lập 01 trung tâm tự chủ [H1.02.03.08], đồng thời triển khai việc khoán công việc cho 03 trung tâm của Nhà trường. Để phù hợp với nhu cầu đào tạo của xã hội trong thời kỳ mới, Nhà trường đã thành lập thêm 02 trung tâm chức năng [H1.02.03.07], [H1.02.03.11], đổi tên khoa Sư phạm kỹ thuật thành Khoa Công nghệ Cơ điện và điện tử [H1.02.03.09], Trung tâm Tuyển sinh thành trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông [H1.02.03.11]. Tương ứng với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý cũng được rà soát, bổ nhiệm hoặc điều chuyển cho phù hợp. [H1.02.04.01-H1.02.04.05].

Để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường thì việc nâng cao chất lượng của VC, NLĐ là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Nhà trường thường xuyên cử VC, NLĐ đi đào tạo NCS, các lớp đào tạo ngắn hạn, các lớp bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị [H1.02.04.06-H1.02.04.25].

Qua quá trình đánh giá nội bộ ISO 9001:2015, Nhà trường đã triển khai rà soát các quy trình, các đơn vị còn mắc lỗi không phù hợp phải tiến hành hành động khắc phục phòng ngừa, cải tiến tránh rủi ro [H1.02.04.26].

Tại các cuộc họp của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu theo tháng, quý, năm hoặc đột xuất đều đánh giá các mặt công tác, chỉ rõ các mặt hạn chế, tìm nguyên nhân và đưa ra phương hướng khắc phục [H1.02.03.26].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Hệ thống quản trị của Nhà trường ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc quản trị Nhà trường. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng khoa học, gọn nhẹ và được điều chỉnh theo hướng chuyên môn hóa cao theo cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, đảm bảo công bằng và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý.

- Hệ thống phần mềm của Nhà trường được quan tâm đầu tư, vì vậy các quyết định, kế hoạch, chính sách, hướng dẫn dễ dàng triển khai thực hiện tới toàn bộ VC, NLĐ và sinh viên toàn trường.

- Việc rà soát, đánh giá cơ cấu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc đúng theo quy định, giúp Nhà trường có thể điều chỉnh cơ cấu tổ chức kịp thời, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội và điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Đảng, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu thường xuyên sát sao rà soát, đánh giá toàn bộ các hoạt động của Nhà trường, từ đó tìm ra nguyên nhân các vấn đề còn tồn đọng để đưa ra phương hướng khắc phục. Đồng thời dự đoán các rủi ro để có thể biến rùi ro, thách thức thành cơ hội hành động.

***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Việc phân công chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị còn chồng chéo, chưa phát huy tối đa hiệu quả, năng suất lao động của từng cá nhân của đơn vị.

- Do triển khai nhiều công việc đồng thời, ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên còn một số công việc chưa hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

- Việc triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm còn chưa kịp thời, chưa phát huy được vai trò quan trọng của đề án vị trí việc làm.

- Mặc dù Nhà trường đã triển khai xây dựng hệ thống ISO 9001:2015, nhưng do thời gian triển khai còn ngắn, nên còn nhiều bỡ ngỡ, chưa phát huy được ý nghĩa to lớn của việc triển khai ISO trong toàn trường.

***3. Kế hoạch cải tiến:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại: chồng chéo trong phân công chức năng, nhiệm vụ | Xây dựng và ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung | Phòng Hành chính Tổ chức | Quý 2/2022 |  |
| 2 | Phát huy sức mạnh của từng cá nhân trong đơn vị | Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực KPIs | Phòng Hành chính Tổ chức | Năm 2022 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại: kiểm soát công việc theo kế hoạch đã đề ra | Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực KPIs | Phòng Hành chính Tổ chức | Năm 2022 |  |
| 4 | Phát huy sức mạnh của chuyển đổi số | Áp dụng chuyển đổi số trong Nhà trường | Phòng Hành chính Tổ chức | Hàng năm |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại: đề án vị trí việc làm chưa được xây dựng kịp thời | Xây dựng đề án vị trí việc làm | Phòng Hành chính Tổ chức | Hàng năm |  |
| 6 | Phát huy sức mạnh của việc đánh giá, rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức | Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực KPIs | Phòng Hành chính Tổ chức | 2022 |  |
| 7 | Khắc phục tồn tại: triển khai ISO 9001:2015 trong toàn trường | Tăng cường giám sát, triển khai ISO 9001:2015 trong toàn trường | Phòng Hành chính Tổ chức | Hàng năm |  |
| 8 | Phát huy sức mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực | Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự theo lộ trình phát triển của Nhà trường. | Phòng Hành chính Tổ chức | 2022 |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 2*** | ***4*** |
| Tiêu chí 2.1 | 4 |
| Tiêu chí 2.2 | 4 |
| Tiêu chí 2.3 | 4 |
| Tiêu chí 2.4 | 4 |

## Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

### Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD?

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Trường) được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trong đó Hội đồng trường (HĐT) quyết định phương hướng hoạt động của Nhà trường, hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; Đảng lãnh đạo toàn diện, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn nhằm thực hiện chức năng quản trị, quản lý, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị; thống nhất cơ chế quản lý, điều hành, phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định cũng như môi quan hệ lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, phối hợp giữa HĐT, tổ chức Đảng, chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức quần chúng khác nhằm đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H3.03.01.01].

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường được thực hiện tuân theo các văn bản pháp luật và theo quy định hiện hành. Hội đồng Trường cũng đã ban hành kèm theo Nghị quyết [H3.03.01.02] là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Trong Quy chế thể hiện rõ các: quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; các hoạt động chính của Trường; nguyên tắc làm việc và mối quan hệ công tác của các đơn vị, cá nhân trong Trường; quyền và nghĩa vụ của viên chức, giảng viên, người lao động và người học; chế độ thông tin, báo cáo; công tác thanh tra, kiểm tra; khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các đơn vị, cá nhân trong trường.

Để thực hiện được chức năng quản trị và quản lý, HĐT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, đưa ra các quyết nghị về chiến lược, phương hướng, cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhà trường và giám sát việc thực hiện theo đúng quy định theo Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp nhiệm kỳ 2020-2025 [H3.03.01.03]. Trong quy chế cũng quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT, thành viên HĐT; cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc của HĐT; cơ chế làm việc, nguyên tắc hoạt động của HĐT trên cơ sở quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Ban chấp hành (BCH) Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (gọi tắt là Đảng ủy) là Đảng ủy cơ sở trực thuộc Đảng bộ Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy ĐHTN, là hạt nhân chính trị, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện Đảng bộ và hệ thống chính trị của Nhà trường để thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHTN; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được gia trên tất cả các mặt công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể của Nhà trường. Để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy với Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, tổ chức đảng cấp trên, các đơn vị ngoài trường, Đảng bộ Nhà trường đã ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng Bộ Trường ĐHKTCN khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 [H3.03.01.04]; phân công nhiệm vụ các thành viên trong cấp ủy theo từng nhiệm kỳ [H3.03.01.05]. Để đảm bảo nâng cao vai tròi lãnh đạo sát với thực tiễn lĩnh vực; Đảng bộ trường còn kiện toàn các Chi bộ trực thuộc khi có sự thay đổi [H3.03.01.06].

Cơ cấu Ban Giám hiệu (BGH) của Nhà trường gồm 1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng. Nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Nhiệm vụ của từng thành viên trong BGH được phân công nhiệm vụ cụ thể, hàng năm rà soát điều chỉnh nhiệm vụ của từng vị trí trong BGH [H3.03.01.07]. Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu của Nhà trường, Hiệu trưởng đã kính đề nghị Ban chấp hành Đảng bộ Trường cho ý kiến và phê duyệt các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, công tác điều động, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại cán bộ, thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc [H3.03.01.08]. Trên cơ sở NQ của HĐT [H3.03.01.09], NQ của ĐU, BTV [H3.03.01.10], trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã thành lập mới 06 Phòng thí nghiệm thuộc Khoa [H3.03.01.11], thành lập 02 trung tâm thí nghiệm thuộc Khoa Cơ và Viện nghiên cứu và phát triển công nghệ cao về Kỹ thuật công nghiệp [H3.03.01.12], thành lập 03 phòng: phòng Stem, phòng Truyền thông, phòng Tuyển sinh thuộc các trung tâm [H3.03.01.13], thành lập 02 câu lạc bộ kết nối Tnut và câu lạc bộ Stem Tnut [H3.03.01.14], thành lập các Trung tâm thuộc Trường [H3.03.01.15], thành lập 01 bộ môn thuộc khoa Cơ khí [H3.03.01.16], sáp nhập và giải thể một số đơn vị, tổ công tác [H3.03.01.17],

Các đơn vị chức năng, đơn vị đào tạo và các trung tâm thuộc và trực thuộc có cơ cấu quản lý rõ ràng, với các chức năng tham mưu và nhiệm vụ cụ thể được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn Trường nhằm đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển Trường [H3.03.01.18]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế làm việc của viên chức, người lao động cũng quy định nhiệm vụ cụ thể của VC, NLĐ để đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác [H3.03.01.19].

Đội ngũ lãnh đạo Nhà trường và đội ngũ viên chức quản lý các đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuẩn, kéo dài, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quy chế [H3.03.01.20]. Trong giai đoạn 2017-2021, căn cứ NQ của Đảng Ủy, 227 lượt cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế của Nhà trường [H3.03.01.21], các vị trí việc làm được xác định cụ thể từng chức danh trong đơn vị qua Đề án vị trí việc làm [H3.03.01.22].

Về chế độ thông tin, báo cáo, Nhà trường đã ban hành Quy trình, Quy định tiếp công dân (bao gồm cả cán bộ, viên chức, người lao động, người học Nhà trường) [H3.03.01.23] đến kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo về chính sách, pháp luật thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của Nhà trường. Đồng thời, chế độ báo cáo và triển khai các mảng công tác theo phân công trong BGH [H3.03.01.24], kế hoạch triển khai các mảng công tác trong toàn trường được các đơn vị đăng ký trong lịch tuần [H3.03.01.25], duy trì thường xuyên giao ban hàng quý để đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo giữa BGH, HĐT, lãnh đạo đơn vị và đoàn thể trong Nhà trường [H3.03.01.26], từng quý phải có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác quý hiện tại và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý tiếp theo nhằm đảm bảo CLPT Trường [H3.03.01.27], kết thúc mỗi năm học, BGH, BCH Công đoàn Trường thông báo kế hoạch và nội dung tổ chức Hội nghị Viên chức, người lao động cấp đơn vị và Hội nghị VC, NLĐ cấp trường [H3.03.01.28], xây dựng báo cáo và tổ chức Hội nghị VC, NLĐ để đánh giá những tồn tại và hạn chế trong tất cả các mảng công tác trong toàn trường từ đó đưa tra phương hướng và những nhiệm vụ trong tâm của năm học tiếp theo [H3.03.01.29] nhằm đạt được các kết quả trong Chiến lược phát triển Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Để nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy (ĐU) với Hội đồng trường (HĐT) và Ban Giám hiệu (BGH) trong các hoạt động của Trường; Đảng ủy, HĐT và BGH thống nhất các quy định về nguyên tắc lãnh đạo, chỉ đạo và cơ chế phối hợp công tác [H3.03.01.20] và cũng được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, do đó, cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo nên việc tổ chức triển khai nhiệm vụ đảm bảo các mục tiêu chiến lược của từng giai đoạn đảm bảo được CLPT Trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD?

Thực hiện nghị quyết của Đảng Ủy trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc điều chỉnh sứ mạng, mục tiêu phát triển Nhà trường theo định hướng ứng dụng, từ đó điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường cho phù hợp với điều kiện thực tế năm 2020, xu thế phát triển trong giai đoạn 2020 đến 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trước khi công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa [H3.03.02.01], Nhà trường đã gửi thông báo đến các Trưởng đơn vị và các đoàn thể trong trường [H3.03.02.02]; Các doanh nghiệp và các nhà sử dụng lao động có liên quan [H3.03.02.03]; Hội đồng trường gửi đến các thành viên HĐT [H3.03.02.04] để xin ý kiến đóng góp. Ngay sau khi ban hành, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa, được phổ biến đến toàn thể Viên chức, người lao động, sinh viên cũng như các bên liên quan thông qua website của Trường [H3.03.02.05] và trong chiến lược phát triển của trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H3.03.02.06].

Đề thực hiện việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. BGH đã họp và phân công nhiệm vụ cụ thể, giao cho một đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác truyền thông [H3.03.02.07]. Giao nhiệm vụ phụ trách công tác truyền thông cho Trung tâm Tuyển sinh và đổi tên thành Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông [H3.03.02.08]. Thay đổi nhiệm vụ trợ lý tại các đơn vị đào tạo và bổ sung thêm trợ lý tuyền thông [H3.03.02.09]. Thành lập Câu lạc bộ truyền thông TNUT [H3.03.02.10] và Phòng Truyền thông do Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông trực tiếp quản lý [H3.03.02.11]. Mặt khác, hằng năm Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông có nhiệm vụ xây dựng, triển khai, báo cáo ĐHTN, báo cáo bộ đề án tuyển sinh đại học [H3.03.02.12]; xây dựng và triển khai các đề án tuyển sinh Sinh viên quốc tế, sinh viên chương trình tiên tiến và sinh viên chương trình liên kết đào tạo quốc tế [H3.03.02.13]. Thông qua các đề án sẽ truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa của Nhà trường ở trong nước và quốc tế như thông tin về tuyển sinh, nguồn lực về cơ sở vật chất, con người và mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

Để định hướng sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa của Nhà trường, trong các cuộc họp Ban Giám hiệu [H3.03.02.14], trong các cuộc họp giao ban lãnh đạo các đơn vị, đoàn thể trong toàn trường [H3.03.02.15], trong các buổi gặp mặt đầu xuân năm mới toàn bộ VC, NLĐ trong toàn trường và Hội làng Công nghiệp của VC, NLĐ làm việc của Trường đã nghỉ hưu [H3.03.02.16], trong hội nghị VC, NLĐ hằng năm [H3.03.02.17], các đơn vị trong trường phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác của từng quý và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý tiếp theo của đơn vị mình [H3.03.02.18], giao nhiệm vụ năm học mới cho các đơn vị [H3.03.02.19]. Thông qua các cuộc họp, gặp mặt và kết quả thực hiện nhiệm vụ, lãnh đạo Nhà trường đã truyền thông điệp đến VC, NLĐ đang làm việc và đã nghỉ hưu của Nhà trường về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa và các mục tiêu, chiến lược và phát triển của Nhà trường, phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế, tồn tại và định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo. Hằng năm, trong các buổi lễ khai giảng năm học mới [H3.03.02.20], tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa [H3.03.02.21] và trong trang thông tin quảng bá tuyển sinh <http://ts.tnut.edu.vn/>, lãnh đạo Nhà trường cũng có các phát biểu chào mừng, truyền thông điệp của lãnh đạo Nhà trường đến người học và các bên liên quan, qua đó người học ý thức được trách nhiệm và mục tiêu học tập để góp phần hiện thực được sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Nhà trường.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực phối hợp về đào tạo, tư vấn ngành nghề, tư vấn tuyển dụng, đưa sinh viên đi thực tập có hưởng lương, thực tập tốt nghiệp và ký kết thỏa thuận hợp tác [H3.03.02.22], tổ chức hội thảo giới thiệu việc làm [H3.03.02.23], thường xuyên liên hệ với các cựu sinh viên (Hội Cơ điện) trên toàn quốc, mọi hoạt động của hội Cơ Điện được thông tin trên trang web <http://cuusinhvien.tnut.edu.vn/> [H3.03.02.24], kết quả đạt được của các hoạt động được thể hiện trong các báo cáo [H3.03.02.25], thông qua mọi các hoạt động để thực hiện truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa và các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường với các bên liên quan.

Nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác, trao đổi về nghiên cứu khoa học giữa Việt Nam và các đối tác nước ngoài, trao đổi thảo luận những tiến bộ mới nhất, giới thiệu các công trình và các hoạt động trong nghiên cứu và phát triển của ngành khoa học, đẩy mạnh giao lưu, hợp tác và phát triển khoa học công nghệ trong và ngoài nước, khuyến khích đầu tư khoa học công nghệ lĩnh vực kỹ thuật về hệ thống thông, Nhà trường đã tổ chức Hội thảo quốc tế [H3.03.02.26], các hoạt động của nhà trường được truyền thông thông các các phương tiện thông tin đại chúng, Facebook, YouTube, đài truyền hình [H3.03.02.27] và thông qua đó để thực hiện truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa và các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường với các bên liên quan.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên?

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp Giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H3.03.02.01] và sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa [H3.03.02.02]. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý các cấp của Nhà trường được rà soát, đánh giá thường xuyên về cơ cấu, số lượng và chất lượng cụ thể như sau: Ban thường vụ Đảng ủy Nhà trường xây dựng kế hoạch và hướng dẫn triển khai công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các vị trí của các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể theo nguyên tắc, quy hoạch lên so với chức vụ đang hiện giữ, quy hoạch ngang đối với các chức danh trưởng, phó các đơn vị chức năng phục vụ cho công tác chuẩn bị nhân sự. Các cán bộ được quy hoạch phải có tối thiểu 3 năm gần nhất hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên theo xu thế phát triển, có nhiệt huyết, có tiềm năng phát triển và phải đảm bảo đủ độ tuổi, những cán bộ đã có trong quy hoạch nhưng không đủ tuổi bộ nhiệm lần đầu vào chức danh quy hoạch, cần đưa ra khỏi danh sách quy hoạch [H3.03.02.03]. Căn cứ vào kết quả thư giới thiệu nhân sự tại Hội nghị cán bộ viên chức các đơn vị, Hội nghị Cán bộ chủ chốt, Hội nghị ban Chấp hành Đảng bộ; Căn cứ vào kết quả phiếu tín nhiệm tại Hội nghị Liên tịch giữa Ban Thường vụ Đảng ủy và Ban Giám hiệu. Ban Thường vụ Đảng ủy Quyết nghị phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch Cán bộ LĐQL các đơn vị thuộc Trường, kết quả Quy hoạch Đảng ủy [H3.03.02.04]. Ban Thường vụ Đảng ủy Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đề nghị Ban Thường vụ Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt các chức danh lãnh đạo quản lý đã được rà soát, bổ sung vào quy hoạch [H3.03.02.05]. Hội đồng trường cũng đề nghị Đại học Thái Nguyên bổ sung thêm 4 thành viên HĐT và công nhận Phó chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025, công nhận Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 đến hết tuổi quản lý, bổ sung 1 phó Hiệu trưởng và bổ nhiệm lại 03 Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020-2025 [H3.03.02.06]. Căn cứ vào tình hình thực tế của từng đơn vị, kế hoạch rà soát định kỳ đội ngũ CBQL, Ban thường vụ Đảng ủy Nhà trường Quyết nghị thông qua nhân sự đề nghị bổ nhiệm, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại từ năm học 2017 đến năm 2022 là 227 lượt viên chức lãnh đạo các đơn vị [H3.03.02.07].

Do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, sáp nhập, giải thể, thành lập mới các phòng, trung tâm, bộ môn [H3.03.02.08], một số nhiệm vụ có sự thay đổi đơn vị quản lý và thực hiện nên Quy định về chức năng, nhiệm vụ [H3.03.02.09] không còn phù hợp với thời điểm hiện tại, để rà soát, điều chỉnh và bổ sung, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập ban xây dựng Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị và thành lập Hội đồng thẩm định Quy định trước khi ban hành [H3.03.02.10]. Nhà trường hàng năm triển khai rà soát, thống kê, tổng hợp, báo cáo việc phân công nhiệm vụ đối với VC, NLĐ toàn trường theo yêu cầu vị trí việc làm, tổ chức hội nghị bàn bạc, thống nhất phương án xây dựng, thành lập tổ công tác triển khai rà soát đề án, ban soạn thảo xây dựng đề án vị trí việc làm [H3.03.02.11]. Để nâng cao hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban Giám hiệu trong các hoạt động của Trường; Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu thống nhất các quy định về nguyên tắc lãnh đạo, chỉ đạo và cơ chế phối hợp công tác [H3.03.02.12] cũng như cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường; nguyên tắc làm việc và mối quan hệ công tác của các đơn vị, cá nhân trong trường được quy đinh rõ trong [H3.03.02.13].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Viên chức, người lao động nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của tất cả các hoạt động trong trường trong năm và phương hướng, chỉ tiêu phát triển của năm tiếp theo, đồng thời cũng chỉ rõ trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, công đoàn và cán bộ viên chức đoàn kết, chung sức xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục đại học và sau đại học có uy tín trong cả nước [H3.03.02.14] và ban hành Nghị quyết Hội nghị để triển khai thực hiện những chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong từng năm học [H3.03.02.15]

Để đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách. Hàng năm Nhà trường hướng dẫn triển khai công tác đánh giá và phân loại VC, NLĐ [H3.03.02.16], thông qua kết quả đánh giá [H3.03.02.17] làm căn cứ để tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật; rà soát, đánh giá, phân loại thực trạng chất lượng đội ngũ; rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn chức danh VC, NLĐ gắn với vị trí việc làm; bố trí VC, NLĐ phù hợp với năng lực sở trường. Kết quả đánh giá cũng được sử dụng để đánh giá nhiệm kỳ công tác của cán bộ lãnh đạo, quản lý, làm căn cứ đề nghị Ban thường vụ Đảng ủy Trường phê duyệt đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm theo quy định. [H3.03.02.18].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn?

Thường xuyên rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức quản lý trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về cơ cấu tổ chức nhằm cải tiến, điều chỉnh để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý. Cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và cá nhân liên tục được cải tiến để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn cụ thể như: điều chỉnh phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu theo từng năm [H3.03.04.01]; thành lập các phòng thí nghiệm thuộc Khoa, trung tâm thí nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ NCKH và CGCN [H3.03.04.02]; thành lập Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp nhằm tập trung tối đa nguồn lực, phát huy lợi thế để xây dựng các chương trình hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, NCKH, phát triển dịch vụ phục vụ người học, tạo môi trường tiếp nối quá trình đào tạo từ trường học đến thực tiễn đơn vị sử dụng lao động, qua đó điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo [H3.03.04.03]; thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo phát triển kỹ năng triển khai hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng cho học sinh, sinh viên nâng cao vai trò, trách nhiệm phục vụ cộng đồng [H3.03.04.04]; thành lập Trung tâm thí nghiệm đo lường thuộc Viện nghiên cứu và phát triển công nghệ cao về Kỹ thuật công nghiệp để khai thác hiệu quả nguồn nhân lực hiện có, phát huy tiềm năng, lợi thế của Nhà trường [H3.03.04.05]; thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao chi thức [H3.03.04.6] ; thành lập các Câu lạc bộ: CLB sáng tạo, CLB kết nối, CLB Stem, CLB truyền thông [H3.03.04.7]; một số quyết định khác về giải thể, sáp nhập và sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tiết kiệm nguồn nhân lực đối với đơn vị đào tạo [H3.03.04.08], đơn vị chức năng [H3.03.04.9].

Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, nguyên tắc làm việc, mối quan hệ công tác của đơn vị và cá nhân thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả cao trong công việc như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H3.03.04.10]; Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H3.03.04.11]; Quy chế làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H3.03.04.12]; Quy chế phối hợp công tác của Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H3.03.04.13].

Sự thay đổi về cơ cấu, tổ chức để đảm bảo Chiến lược phát triển của Nhà trường cũng làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H3.03.04.14]. Trên cơ sở kết quả họp giao ban quý [H3.03.04.15], họp Ban Giám hiệu [H3.03.04.16] về rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thành lập Ban xây dựng, kiện toàn Ban xây dựng và Hội đồng thẩm định Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị [H3.03.04.17].

Để đảm bảo tăng hiệu quả quản lý, đảm bảo đúng quy định, đúng yêu cầu vị trí việc làm, yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, Nghị quyết HĐT Quyết nghị ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý của Nhà trường [H3.03.04.18]. Theo quy chế, nguyên tắc bổ nhiệm, bộ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bảo đảm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và tuân thủ đúng thẩm quyền, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục theo quy định của Đảng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các quy chế và quy định pháp luật khác có liên quan. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của Nhà trường và của các đơn vị; căn cứ vào phẩm chất, năng lực, sở trường của viên chức và tiêu chuẩn chức danh; theo quy hoạch, kế hoạch, quy định về công tác cán bộ đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt. Các quyết định bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo của Nhà trường [H3.03.04.19] bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị và của Nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:.

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng khoa học, gọn nhẹ và được điều chỉnh theo hướng chuyên môn hóa cao theo cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, đảm bảo công bằng và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn được rà soát, đánh giá, cải tiến đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt hiệu quả công việc đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa ban hành mới Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị phù hợp với cơ cấu, tổ chức hiện tại nên một số nội dung công việc còn chồng chéo, dẫn đến triển khai công việc hiệu quả chưa cao.

Xây dựng được quy chế đánh giá phân loại Viên chức, người lao động.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Xây dựng và ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị (sửa đổi, bổ sung) | Phòng Hành chính Tổ chức | Quý 2/2022 | Hoàn thành nội dung bản dự thảo |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Xây dựng và ban hành quy chế đánh giá phân loại Viên chức, người lao động | Hội đồng trường;  Phòng Hành chính - Tổ chức | Quý 2/2022 | Hoàn thành nội dung bản dự thảo |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng khoa học, gọn nhẹ và được điều chỉnh theo hướng chuyên môn hóa cao theo cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, đảm bảo công bằng và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý. | Ban Giám hiệu  Phòng Hành chính – Tổ chức | Thường xuyên |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn được rà soát, đánh giá, cải tiến đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt hiệu quả công việc đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường. | Ban Giám hiệu  Phòng Hành chính – Tổ chức | Thường xuyên |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 3*** | ***5*** |
| Tiêu chí 3.1 | 5 |
| Tiêu chí 3.2 | 5 |
| Tiêu chí 3.3 | 5 |
| Tiêu chí 3.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

### Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các ***mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục*** vụ cộng đồng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chiến lược trong quản trị đại học, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp đã có những bước đi phù hợp với xu hướng chung. Hội đồng trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp là bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, tổ chức, lãnh đạo thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình triển khai chiến lược [H4.04.01.01, H4.04.01.02]. Các kế hoạch chiến lược được đề ra ở hội đồng trường được triển khai thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu với giúp việc của các phòng ban chức năng và các cá nhân, đơn vị có liên quan, đặc biệt là phòng hành chính tổ chức và phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục [H4.04.01.03].

Để có được các bản kế hoạch chiến lược tổng thể cũng như các kế hoạch tác nghiệp, rút kinh nghiệp từ giai đoạn trước, trong nhiệm kỳ mới trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp đã xây dựng và ban hành các quy trình bắt đầu từ nhận biết bối cảnh và quản trị rủi ro [H4.04.01.04] và quy trình lập kế hoạch [H4.04.01.05] làm cơ sở để thực hiện các bước trong xây dựng chiến lược. Các biến động của môi trường bên ngoài, môi trường nội bộ cũng như yêu cầu từ các bên liên quan được thu thập, đánh giá và đưa vào phân tích để nhận diện cơ hội cũng như những nguy cơ có thể xảy ra. Trên cơ sở đó, các giải pháp thúc đẩy các tác động tích cực từ bối cảnh thực tế cũng như giảm thiểu tác động của các rủi ro được xây dựng và xây dựng chiến lược tổng thể cho nhà trường. Kế hoạch chiến lược triển khai thực thi và giám sát cũng như đánh giá bởi Hội đồng Đản bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong quá trình này, nhà trường luôn yêu cầu sự phản hồi và đóng góp ý kiến từ các cá nhân, đơn vị để bản kế hoạch chiến lược thực sự là kết tinh trí tuệ tập thể và đạt được sự đồng thuận, nhất trí cao trong xây dựng và triển khai [H4.04.01.06]

Từ năm 2016 đến nay, trường ĐHKTCN đã ban hành các bản kế hoạch chiến lược tổng thể theo từng nhiệm kỳ, bao gồm “Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” và “Chiến lược phát triển trường đại học kỹ thuật công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030” [H4.04.01.07]. Hai bản kế hoạch chiến lược đều nỗ lực theo đuổi việc thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bằng các giải pháp liên tục nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng cũng như chất lượng giảng dạy để sinh viên sau khi tốt nghiệp nhanh chóng nắm bắt nghiệp vụ và thích nghi với môi trường làm việc. Nội dung kế hoạch chiến lược cũng hướng đến việc đẩy mạnh các hoạt động nghiện cứu khoa học, và chuyển giao công nghệ, hướng tới tầm nhìn trở thành một trường đại học theo định hướng ứng dụng uy tín của đất nước và khu vực. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược tổng thể, các kế hoạch chiến lược bộ phận cũng được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế trong từng lĩnh vực [H4.04.01.08]. Trong đó nhà trường đặc biệt chú trong tới công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được thể hiện qua các mục tiêu chiến lược hết sức minh bạch qua từng năm cũng như hệ thống giải pháp chi tiết và tổ chức thực hiện cụ thể. Trong giai đoạn 2021-2025, nhà trường xúc tiến việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và hệ thống quản trị thông tin mới vào quản lý hành chính cũng như quản lý chuyên môn song song với việc xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá chất lượng cấp đơn vị, tiến hành kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo từ năm 2011 đến năm 2025. Đây là những nỗ lực nhằm hướng tới việc thực hiện sứ mệnh của nhà trường là đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật [H4.04.01.08].

Có thể nói, trong giai đoạn này, trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp đã có sự hoàn thiện tốt hơn các quy trình thiết lập cũng như nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Tuy nhiên một số chiến lược bộ phận cần được hoàn thiện, đặc biệt là bổ sung các giải pháp thực hiện để góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu đã đặt ra.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược tổng thể, trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp tiến hành xây dựng các kế hoạch năm học nói chung [H4.04.02.1] và triển khai thành các kế hoạch làm việc của nhà trường theo từng quý, từng tháng với những mục tiêu và các biện pháp cụ thể.

Từ các chiến lược bộ phận, kế hoạch năm học theo từng lĩnh vực nói riêng như nhân lực [H4.04.02.02], tài chính [H04.04.02.03], đào tạo [H4.04.02.04], khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế [H4.04.02.05], công tác học sinh sinh viên [H4.04.02.06], công tác phục vụ cộng đồng [H4.04.02.07] được xây dựng thành một hệ thống để tránh chồng chéo và làm cơ sở phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả. Song song với đó, các khoa chuyên môn và các đơn vị chức năng cũng thiết lập các kế hoạch hàng năm của mình với tinh thần phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ mà kế hoạch năm học của nhà trường đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của chiến lược tổng thể cũng như các chiến lược bộ phận [H4.04.02.08]. Dựa trên kế hoạch của đơn vị, trưởng đơn vị sẽ giao nhiệm vụ tới từng cá nhân. Các bản kế hoạch cá nhân là cơ sở quan trọng để các cán bộ giảng viên trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên cũng như là sơ sở để các cấp quản lý đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo từng tháng, quý, cũng như theo năm học [H4.04.02.09] Hệ thống các kế hoạch đầy đủ từ chiến lược đến tác nghiệp, từ dài hạn đến ngắn hạn ở từng cấp quản trị, từng đơn vị và có sự liên kết về mục tiêu cũng như giải pháp thực hiện là một trong những yếu tố giúp nhà trường thực hiện tốt tuyên bố sứ mệnh cũng như các mục tiêu và giá trị cốt lõi của mình.

Chiến lược tổng thể theo giai đoạn

Chiến lược bộ phận

Kế hoạch hàng năm của nhà trường

Kế hoạch hàng năm của các đơn vị

Kế hoạch hàng năm của từng lĩnh vực

Kế hoạch hàng quý của nhà trường

Kế hoạch hàng tháng/tuần của nhà trường và các đơn vị

Hình 4.1: Sơ đồ triển khai chiến lược tổng thể thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn hàng năm

Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp đã chủ động công bố các chiến lược tổng thể cũng như các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn tới các cá nhân và đơn vị có liên quan, đặc biệt là các cá nhân và đơn vị trong nhà trường ngay từ khi bắt đầu quá trình xây dựng kế hoạch bằng các thu thập các ý kiến đóng góp, phản hồi [H4.04.01.6].

Sau khi hoàn thiện, các chiến lược tổng thể và kế hoạch ngắn hạn cũng như dài hạn đều được các hội đồng họp ra nghị quyết/quyết định thông qua và ký ban hành để chuyển bộ phận hành chính gửi tới tất cả các đơn vị và cá nhân có liên quan trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành của nhà trường [H4.04.02.10, H4.04.02.11, H4.04.02.12, H4.04.02.13]. Bên cạnh đó, những quyết định ban hành và nội dung các chiến lược tổng thể cũng như bộ phận được công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, các kế hoạch làm việc theo tuần của nhà trường cũng như các khoa chuyên môn và phòng ban chức năng cũng được công khai trên trang thông tin điện tử tương ứng. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng viên trong nhà trường cũng như những cá nhân, đơn vị có quan tâm tra cứu, đối chiếu và phối hợp làm việc một cách hiệu quả.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Để cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược, trường ĐH KTCN đã tiến hành xây dựng các bộ chỉ tiêu trọng tâm (KPIs) trong chiến lược tổng thể cũng như các chiến lược bộ phận: Đào tạo và bồi dưỡng (Mở rộng quy mô các hệ đào tạo, cũng như ngành nghê đào tạo lên 22 ngành đến năm 2025, 02 chương trình được kiểm định AUN và 11 chương trình được kiểm định quốc gia, đảm bảo 80% sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ngay đúng chuyên ngành được đào tạo); Khoa học và công nghệ (Nhà trường có từ 03 đến 05 nhóm nghiên cứu mạnh, 01 sản phẩm có khả năng thương mại hóa, 05 sản phẩm chuyển giao công nghệ, công bố quốc tế đạt trung bình 1 bài báo ISI/Scopus trên một giảng viên tính đến năm 2025 và có 02 bằng sáng chế.sở hữu trí tuệ); Hợp tác quốc tế (Có 30 tổ chức quốc tế hợp tác song phương, triển khai được từ 02 đến 05 chương trình liên kết đài tạo quốc tế, thu hút 300 sinh viên nước ngoài học tập tại trường…); Người học và kết nối cộng đồng (Quy trình hóa và công khai và chuyển đổi số đảm bảo khả năng tra cứu trực tuyến cho 100% thủ tục hành chính có liên quan đến sinh viên, xây dựng quy hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên và phát triển 15 đến 20 chương trình hướng nghiệp một năm, thành lập câu lạc bộ kết nối đầu tư và thúc đẩy mối quan hệ giữa nhà trường- doanh nghiệp – cựu sinh viên); Nguồn nhân lực và quản trị đại học (Giảm 03 đơn vị chức năng so với năm 2020, 05 đơn vị hoạt động tự chủ toàn phần, đảm bảo thu nhập bình quân cho cán bộ viên chức đạt 16 triệu đồng/tháng, hệ thống KPIs được xây dựng ở cấp độ nhà trường và từng đơn vị) [H4.04.01.07, H4.04.01.08]

Trên cơ sở các KPIs tổng thể cho cả giai đoạn, năm 2021, nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo và tổ thư ký xây dựng hệ thống đánh giá năng lực thực hiện [H4.04.03.01] để tiến hành xây dựng các KPIs hàng năm cho từng lĩnh vực và được cụ thể hóa trong các kế hoạch công tác năm, được trình bày cụ thể trong báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H4.04.02.13] để thông tin tới tất cả các đơn vị và cá nhân có liên quan. Căn cứ trên các chỉ tiêu chung hàng năm của nhà trường, các phòng ban chức năng xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm trong từng lĩnh vực. Các đơn vị căn cứ trên tình hình thực tế để xây dựng KPIs của riêng đơn vị mình và đảm bảo cam kết thực hiện với nhà trường Quy trình này cho phép các KPIs được rà soát đối chiếu theo cả hai chiều và giúp cho các chỉ tiêu được đề xuất bám sát thực tế và có tính khả thi cao hơn. Các kế hoạch năm học được các đơn vị xây dựng, phổ biến trong các hội nghị cán bộ cán bộ viên chức của đơn vị vào quý III hàng năm [H4.04.02.08].

Việc thực hiện giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các KPIs được thực hiện bởi tất cả các cấp quản trị, quản lý hàng quý và hàng năm theo quy định của nhà trường với sự tham gia của Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị, Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục và thư ký ban ISO. Sau khi trưởng đơn vị chuẩn bị các báo cáo, hội đồng đánh giá theo quyết định của hiệu trưởng sẽ tiến hành xem xét tiến độ các hoạt động, những biến động của môi trường bên ngoài và mức độ đạt được của các chỉ tiêu trên các khía cạnh khác nhau. Các kết quả đánh giá là căn cứ chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của nhà trường [H4.04.03.02].

Bên cạnh đó, các đơn vị trong trường thường xuyên tổ chức họp giao ban hàng tuần để rà soát tình hình thực hiện các công việc [H4.04.02.11]. Các hoạt động trong từng quý/tháng của nhà trường được đánh giá và tổng hợp báo cáo trong các hội nghị giao ban định kỳ của Đảng ủy và Hội nghị cán bộ chủ chốt [H4.04.02.12]. Các báo cáo đánh giá năm học của từng đơn vị và của nhà trường được tập hợp và công bố trong hội nghị cán bộ viên chức [H4.04.02.13] cho thấy việc hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và quy trình đánh giá kiểm soát đã góp phần không nhỏ giúp cho mức độ hoàn thành của các KPIs tăng lên trong những năm gần đây.

Hình 4.2: Kết quả tuyển sinh ĐH chính quy, số lượng bài báo công bố quốc tế và thu nhập bình quân đầu người của trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp giai đoạn 2018-2021.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Sự biến động của các yếu tố trong môi trường vĩ mô cũng như môi trường ngành diễn ra với tốc độ ngày càng cao khiến kế hoạch chiến lược cần cải tiến và cập nhật liên tục. Để thực hiện nhiệm vụ này, trường ĐH KTCN đã thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh chiến lược giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030 [H4.04.04.01]. Các quy trình ISO của nhà trường, trong đó có các quy trình liên quan tới lập kế hoạch chiến lược (bao gồm QT12, QT02 và QT05 thường xuyện được điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện với sự tư vấn từ các chuyên gia trong cũng như ngoài nhà trường và được ban hành vào tháng 5/2022 [H4.04.04.02]. Những quy trình này, bản thân đã là một bước tiến của nhà trường so với giai đoạn trước khi lần đầu hệ thống hóa tất cả các hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn ISO. Nhờ đó, các biến động từ môi trường được thường xuyên xem xét, đánh giá và cập nhật bổ sung vào báo cáo bối cảnh để Nhà trường cũng như các đơn vị làm căn cứ điều chỉnh các hoạt động và các chỉ tiêu đã đặt ra một cách phù hợp.

Không chỉ dừng lại ở việc cải tiến quy trình lập kế hoạch chiến lược, các chỉ tiêu trọng tâm cũng như các bộ chỉ tiêu của từng lĩnh vực được rà soát đánh giá định kỳ. Định kỳ hàng năm, tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường đều được tổng hợp và đánh giá đưa vào báo cáo hội nghị CBVC để đúc rút ra những kinh nghiệm và tiến hành lấy ý kiến đóng góp, điều chỉnh kế hoạch chiến lược [H4.04.02.13]. Ngoài ra, các cuộc họp giao ban theo quý và tháng của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu cũng tổng hợp các chỉ tiêu theo giai đoạn để cán bộ chủ chốt của nhà trường cùng nắm được và đưa ra các kế hoạch hành động phù hợp với tình hình thực tế [H4.04.02.12].

Trong từng lĩnh vực, hội đồng đánh giá theo quyết định của hiệu trưởng sẽ tiến hành xem xét mức độ đạt được của các chỉ tiêu [H4.04.03.02]. Các kết quả đánh giá này không chỉ là căn cứ chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của nhà trường mà còn là căn cứ để đưa ra các quyết định cải tiến liên tục trong các hội nghị/cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý [H4.04.02.12]. Trong lĩnh vực đào tạo, công tác tuyển sinh luôn được nhà trường chú trọng và đưa ra những điều chỉnh liên tục hàng năm nhằm tăng cả về chất và lượng sinh viên đầu vào. Điểm sàn trong các năm từ 2018 đã tăng từ 13 điểm lên 14.5 cùng với sự phân bổ linh hoạt chỉ tiêu giữa các ngành đào tạo truyền thống và những ngành có sức hút với xã hội [H4.04.04.03]. Chất lượng đào tạo cũng liên tục được cải tiến thông qua những nỗ lực ban hành các quy trình chuẩn hóa, xây dựng các phần mềm ứng dụng CNTT hỗ trợ giám sát công tác giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên [H4.04.04.03]. Năm 2020 và 2021, để ứng phó với những biến động phức tạp của đại dịch Covid-19, nhà trường đã liên tục đổi mới phương thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến, từ trực tuyến sang giảng dạy kết hợp trực tiếp-trực tuyến và là trường đầu tiên trong ĐH Thái Nguyên thành công đưa sinh viên quay trở lại đào tạo trực tiếp nhằm hỗ trợ sinh viên hoàn thành các học phần và ra trường đúng hạn [H4.04.04.03]. Hệ thống cơ sở hạ tầng trang thiết bị hỗ trợ học tập, đặc biệt là khu Ký túc xá của sinh viên cũng liên tục được nâng cấp và hướng tới trở thành hình mẫu Ký túc xá hiện đại [H4.04.04.04]. Nhà trường cũng thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các đối tượng có liên quan, đặc biệt là sinh viên và cựu sinh viên cũng như các nhà tuyển dụng và các chuyên gia nhằm cải tiến chương trình đào tạo theo hướng nâng cao khả năng ứng dụng, thực hành của sinh viên [H4.04.04.05]. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường cũng được định hướng hàng năm phục vụ cho mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể. Trong năm 2022, nhà trường tập trung vào những đề tài đặt hàng có tính ứng dụng cao liên quan đến phương pháp giáo dục STEAM [H4.04.04.06]. Đó là những điều chỉnh tích cực và kịp thời giúp trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp liên tục đổi mới và đáp ứng được những yêu cầu chiến lược đã đề ra.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức xây dựng và công bố kế hoạch chiến lược phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi trên các kênh thông tin chính thức trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh đó, các quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể và các chiến lược bộ phận cũng đang trên đà hoàn thiện và ngày càng bám sát với các biến động của môi trường.

Nhà trường đã phổ biến rộng rãi kế hoạch chiến lược tổng thể được xây dựng, có hệ thống kế hoạch hành động theo từng năm (trung hạn) và theo quý, tháng (ngắn hạn) tương ứng với từng bộ phân, cá nhân. Hệ thống kế hoạch từ chiến lược triển khai đến kế hoạch của từng cá nhân, có giám sát và đánh giá kết quả thực hiện là một trong những điểm nổi bật về công tác quản trị chiến lược tại trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

Các bộ chỉ tiêu KPIs của nhà trường cũng như các đơn vị và từng cán bộ giảng viên đã được xây dựng và liên tục cải tiến, hoàn thiện và công bố trở thành định hướng, cũng như động lực thúc đẩy giúp nâng cao những kết quả đạt được trong thời gian gần đây. Đó thực sự là những tín hiệu tích cực cho những nỗ lực đổi mới của trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Mặc dù các chiến lược bộ phận đã được xây dựng song hành cùng với chiến lược tổng thể. Tuy nhiên, các chiến lược bộ phận mới chỉ mang tính chất định hướng trong tổng thể chung. Một số lĩnh vực chưa tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược riêng một cách bài bản. Bên cạnh đó, các quy trình hiện tại chưa tạo ra tính liên kết ngang mạnh giữa các kế hoạch bộ phận. Các bộ chỉ số KPIs trong từng lĩnh vực bộ phận cần được xây dựng, cải tiến và hoàn thiện tương ứng với sự hoàn thiện của các chiến lược bộ phận để tạo nên một chỉnh thế thống nhất, giúp cho việc thực hiện mục tiêu cũng như đánh giá mức độ hoàn thành thuận lợi hơn.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Xây dựng bổ sung một số chiến lược bộ phận hỗ trợ cho việc triển khai chiến lược tổng thể | Các đơn vị chức năng có liên quan | Theo giai đoạn tương ứng với chiến lược tổng thể |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Hoàn thiện quy trình xây dựng kế hoạch theo hướng tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị đồng cấp có liên quan. Tăng cường rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy trình khác liên quan đến sự phối hợp trong các hoạt động tác nghiệp để nâng cao hiệu quả triển khai và thực thi chiến lược | Hội đồng trường, Ban giám hiệu và các phòng ban, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại 3 | Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Hệ thống đánh giá năng lực thực hiện | Ban soạn thảo, tổ thư ký và các hội đồng có liên quan | Năm 2022 |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 1 | Tiếp tục hoàn thiện các quy trình có liên quan làm cơ sở cho việc thu thập các thông tin cần thiết hỗ trợ cho quá trình xây dựng và điều chỉnh kế hoạch chiến lược. | Hội đồng trường  Ban giám hiệu  Phòng HCTC | Thường xuyên | ……. |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 2 | Tiếp tục tăng cường phổ biến kế hoạch chiến lược tổng thể cũng như các kế hoạch chiến lược bộ phận sâu rộng trong CBGV và sinh viên để có thể nâng cao hiệu quả triển khai và thực thi chiến lược | Các cấp quản trị | Thường xuyên |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh 3 | Đảm bảo công bố, cam kết và giám sát liên tục việc thực hiện các bộ chỉ tiêu KPIs và PIs đồng thời có hành động điều chỉnh kịp thời | Ban giám hiệu, các phòng ban chức năng và đơn vị có liên quan | Thường xuyên |  |
| 7 | Phát huy điểm mạnh 4 | Phát huy sự chủ động, tích cực của tập thể lãnh đạo cũng như cán bộ giảng viên nhà trường trong việc nhận thức rõ và có hành động kịp thời đối với cải tiến các quy trình cũng như các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện chiến lược. |  | Thường xuyên |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 4*** | ***4,5*** |
| Tiêu chí 4.1 | 4 |
| Tiêu chí 4.2 | 5 |
| Tiêu chí 4.3 | 5 |
| Tiêu chí 4.4 | 4 |

## Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

### Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Căn cứ  
xây dựng

Chủ thể xây dựng chính sách, quy định

Các chính sách,  
quy định

Triển khai  
thực hiện

Luật GDĐH;

các quy định của Chính phủ và của Bộ GD-ĐT; các quy định của ĐHTN và các cơ quan liên quan

- Đảng ủy

- Hội đồng trường

- Ban Giám hiệu

- Hội đồng KH&ĐT

- Các đơn vị chức năng của TNUT

Các chính sách,  
quy định về:

- Đào tạo;

- NCKH và CGCN

- PVCĐ

- Các đơn vị và cá nhân trong toàn Trường;

- Các đơn vị và cá nhân liên quan

Chiến lược phát triển của TNUT

Điều kiện thực tế

Phản hồi, giám sát, báo cáo

***Hình 5.1. Hệ thống xây dựng và thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH  
và PVCĐ của TNUT***

Để triển khai chiến lược phát triển Nhà trường [H5.05.01.01], TNUT đã có một hệ thống xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, như trên hình 5.1. Theo quy chế tổ chức và hoạt động của TNUT, quy chế phối hợp công tác của Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban Giám hiệu TNUT [H5.05.01.02]; quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc TNUT [H5.05.01.03]; chức trách, nhiệm vụ của các bộ phận, đơn vị của TNUT trong việc xây dựng, thực hiện, phản hồi, giám sát, báo cáo các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được làm rõ. Trong đó, Đảng ủy lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của Trường thông qua nghị quyết. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, quyết định các chiến lược, kế hoạch phát triển toàn diện, kế hoạch hành động hằng năm; quyết định các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của Nhà trường. Hội đồng trường chỉ đạo Hiệu trưởng lãnh đạo các đơn vị, tổ chức đoàn thể của TNUT triển khai, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường. Hiệu trưởng (hay Ban Giám hiệu) có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường và giám sát, báo cáo kết quả thực hiện chiến lược, các nghị quyết, kế hoạch, chính sách của Hội đồng trường hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất trong trường hợp Hội đồng trường yêu cầu. Để triển khai các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Hiệu trưởng (Ban Giám hiệu) TNUT giao nhiệm vụ cho các tổ chức tư vấn, các đơn vị chức năng hoặc các tổ/ban xây dựng dự thảo và ban hành các văn bản quy định, quy chế về quản lý [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]:

Hội đồng KH&ĐT tư vấn cho Nhà trường sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động KHCN, các chính sách đào tạo nói chung như phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm; xây dựng, điều chỉnh, cập nhật, triển khai và/hoặc hủy bỏ các chương trình đào tạo; xây dựng định hướng phát triển hoạt động KHCN và HTQT; xây dựng định hướng và các chương trình hợp tác với các cơ sở đào tạo, NCKH, sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân để triển khai các hoạt động liên quan đến Đào tạo, KHCN; xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra…***Về Đào tạo:*** Phòng Đào tạo tham mưu, tư vấn cho Nhà trường ban hành các quy định về quản lý hoạt động đào tạo đại học đại trà, đào tạo sau đại học và xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát, báo cáo về các hoạt động này; Trung tâm hợp tác đào tạo quốc tế tham mưu, tư vấn cho Nhà trường ban hành các quy định về quản lý hoạt động, các chính sách đào tạo của Chương trình tiên tiến, các chương trình đào tạo liên kết, hợp tác quốc tế và xây dựng kế hoạch triển khai, giám sát, báo cáo về các hoạt động này; Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông có nhiệm vụ xây dựng đề án tuyển sinh (đầu vào), đề xuất phương án tuyển sinh với từng đối tượng cụ thể, đồng thời tham mưu, tư vấn và triển khai, giám sát, báo cáo về các hoạt động này.

***Về NCKH và CGCN:*** Phòng KHCN và HTQT tham mưu, tư vấn cho Nhà trường ban hành các quy định, các chính sách về quản lý hoạt động KHCN và CGCN; đồng thời có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát, báo cáo về hoạt động NCKH và CGCN trong toàn Trường.

***Về PVCĐ:*** Phòng CTHSSV tham mưu, tư vấn cho Nhà trường ban hành các quy định, chính sách chung về PVCĐ và phối hợp với các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, giám sát, báo cáo hoạt động PVCĐ của các tổ chức trong toàn Trường… Các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong Trường (Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội vinh viên…) chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy thực hiện các hoạt động vì cộng đồng theo kế hoạch hoạt động được xây dựng và phê duyệt từng năm hoặc các kế hoạch đột xuất.

Bên cạnh đó, theo từng thời điểm và theo yêu cầu, các đơn vị chức năng hoặc các tổ tư vấn được Hội đồng trường, Hiệu trưởng Nhà trường thành lập với nhiệm vụ tham mưu, dự thảo các chính sách liên quan đến đào tạo, NCKH hoặc PVCĐ.

Có thể khẳng định, nội dung các chính sách, quy chế, quy định về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được ban hành, rà soát đảm bảo phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước. Quyết định ban hành đều căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, quy định của cơ quan chủ quản là ĐHTN và phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H5.05.01.01]. Cụ thể như sau:

***Các chính sách về đào tạo:*** Chiến lược phát triển TNUT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H5.05.01.01], Nhà trường đã xác định rõ định hướng ứng dụng cho cả các bậc đào tạo đại học, sau đại học và tất cả các hệ đào tạo. Trong đó, các chính sách về đào tạo đã được Nhà trường thực hiện và cụ thể hóa, gồm:

(1) Rà soát, điều chỉnh và chuẩn hóa tất cả các CTĐT (gồm cả Chuẩn đầu ra và khung CTĐT) theo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu của xã hội. Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT 03 lần vào các năm 2017, 2019 và 2021-2022 [H5.05.01.04]. Riêng với năm 2021-2022, Nhà trường đã thực hiện triệt để việc rà soát, cập nhật và chuẩn hóa tất cả các CTĐT trình độ đại học theo cách tiếp cận CDIO gắn với triết lý giáo dục "khai phóng, thiết thực" đã được xác định trong chiến lược phát triển của Nhà trường [H5.05.01.01].

(2) Thực hiện chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ của tất cả các CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo lộ trình đến năm 2020, sinh viên tốt nghiệp đại học phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam [H5.05.01.05]. Trong các quy định này, Nhà trường cũng thể hiện rõ chính sách miễn học và/hoặc thưởng điểm các học phần Ngoại ngữ cho các sinh viên đạt chuẩn; hạ chuẩn cho những sinh viên có nhiều cố gắng, nỗ lực nhằm đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

(3) Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao dựa trên các ngành mũi nhọn, có truyền thống và thế mạnh của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng được 02 CTĐT định hướng chất lượng cao theo cách tiếp cận CDIO đang tổ chức đào tạo [H5.05.01.06].

(4) Tạm dừng các CTĐT khó tuyển sinh hoặc nhu cầu xã hội với CTĐT đó còn thấp, các CTĐT chưa đủ điều kiện đảm bảo chất lượng. Chỉ xây dựng mới các CTĐT có tính mũi nhọn hoặc có nhu cầu xã hội cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong tình hình mới. Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức đào tạo trình độ đại học, đặc biệt là các loại hình đào tạo từ xa (theo hình thức trực tuyến E-learning) với các CTĐT phù hợp nhằm khai thác các tiềm năng sẵn có của Nhà trường.

Nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và cụ thể hóa chiến lược phát triển, Nhà trường đã tổ chức xây dựng 03 CTĐT mới theo định hướng ứng dụng [H5.05.01.07]. Các CTĐT này đã cơ quan chủ quản (ĐHTN) quyết định cho phép Nhà trường triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo [H5.05.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã xây dựng đề án, được ĐHTN chấp nhận mở 03 CTĐT từ xa (E-learning) và bắt đầu tổ chức tuyển sinh, triển khai đào tạo từ năm học 2019-2020 [H5.05.01.09], [H5.05.01.10].

(5) Thu hút người nước ngoài đến học tập tại Trường thông qua các chính sách miễn, giảm học phí, tăng cường trao đổi sinh viên, thực tập nghề nghiệp. Nhằm thu hút với sinh viên người nước ngoài đến trường học tập (diện tự túc), Nhà trường có chính sách miễn học phí 01 năm, đồng thời tạo điều kiện miễn phí ở nội trú [H5.05.01.11].

Đối với người học, căn cứ vào điều kiện và tình hình cụ thể, Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều chính sách về đào tạo như: bảo lưu kết quả học tập khi chuyển từ hệ chính quy sang hệ VLVH đối với người học có kết quả học tập chưa cao, thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập đối với người học có kết quả học tập hoặc kết quả rèn luyện yếu, kém; cấp học bổng toàn phần (bằng học phí) cho sinh viên có điểm đầu vào cao và có thành tích học tập tốt; người học được lựa chọn các chuyên ngành/hướng chuyên sâu phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp cá nhân; thưởng điểm hoặc miễn học với những sinh viên có thành tích học tập xuất hoặc hoặc đạt kết quả cao trong các kỳ thi Olympic… Các chính sách này được thể hiện cụ thể trong quy chế/quy định về đào tạo, quy định về công tác sinh viên, quy định về học bổng khuyến khích, quy định về điểm rèn luyện… [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14], [H5.05.01.15]. Để hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, Nhà trường giao Trung tâm Hợp tác đào tạo quốc tế phối hợp với tổ chức IIG Vietnam thường xuyên tổ chức các đợt thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ tại Trường [H5.05.01.16]. Đồng thời, Nhà trường giao cho Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội xây dựng đề án và tổ chức thi cấp chứng nhận năng lực tiếng Anh trình độ A2, B1 cho người học [H5.05.01.17]. Bên cạnh đó, để giúp người học cải thiện kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian học, hằng năm, ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường đều tổ chức học kỳ phụ (kỳ hè). Đồng thời, Nhà trường triển khai đề án hỗ trợ sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn hoàn thành CTĐT [H5.05.01.18].

Đối với giảng viên tham gia giảng dạy các CTĐT, Nhà trường thực hiện nhiều chính sách, quy định nhằm kiến tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp để kích thích sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy được mọi tiềm năng, thế mạnh và đảm bảo công tác, gắn bó lâu dài với Nhà trường. Nhiều chính sách ưu đãi được Nhà trường quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H5.05.01.19] và triển khai như: được Nhà trường cử đi học tập nâng cao trình độ theo đúng chuyên môn công tác; được giảm định mức khi tham gia công tác lãnh đạo, quản lý, khi tham gia kiêm nhiệm công tác tại các phòng chức năng, khi đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn hoặc khi nuôi con nhỏ dưới 36 tháng (nếu giảng viên là nữ giới); được hỗ trợ kinh phí (học phí) khi được cử đi học NCS; được chi bồi dưỡng khi tham gia biên soạn giáo trình và hỗ trợ in giáo trình; được thanh toán tiền giảng vượt giờ khi khối lượng công tác thực tế vượt định mức; được xét hưởng lương tăng thêm theo khối lượng và hiệu quả công việc; được hỗ trợ kinh phí khi làm hồ sơ phong học hàm Giáo sư, phó giáo sư; được thưởng khi hoàn thành nghiên cứu sinh đúng hạn; được hỗ trợ phụ cấp Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư hàng tháng khi thực hiện đủ khối lượng định mức năm học… Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã hỗ trợ giảng viên xuất bản được ccc quyển sách phục vụ đào tạo [H5.05.01.20], hỗ trợ cho ddd giảng viên làm hồ sơ phong học hàm phó giáo sư, chi hỗ trợ kinh phí/học phí cho eee giảng viên học tập nghiên cứu sinh trong nước và cử được fff giảng viên đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài [H5.05.01.21], [H5.05.01.22]; chi thưởng cho giảng viên của Trường hoàn thành học tập nghiên cứu sinh với số tiền là ggg [H5.05.01.23]. Bên cạnh đó, để tăng quy mô đào tạo, năm 2018 Nhà trường đã ban hành Quy định khuyến khích tuyển sinh và quản lý đào tạo đại học hệ VHVL [H5.05.01.24] nhằm khuyến khích mọi đơn vị, cá nhân trong Trường chủ động, tích cực trong việc tuyển sinh và tổ chức, quản lý đào tạo.

***Các chính sách về NCKH:*** Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H5.05.01.01], về khoa học và công nghệ, TNUT đã có những chính sách chủ yếu sau:

(1) Dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN; dành tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí để cho sinh viên và người học hoạt động NCKH. Hằng năm, chính sách này được cụ thể hóa trong báo cáo tài chính (hoặc dự trù kinh phí) của Nhà trường [H5.05.01.25] và Quyết định phê duyệt đề tài NCKH [H5.05.01.26].

(2) Thành lập một số nhóm chuyên gia đối với một số lĩnh vực mũi nhọn và xây dựng cơ chế, chế độ làm việc phù hợp cho các nhóm chuyên gia. Nhà trường ưu tiên đề xuất đề tài và thực hiện các chương trình KHCN có khả năng tạo ra sản phẩm KH&CN hoặc các sản phẩm có sở hữu trí tuệ, có khả năng thu hút đầu tư của ngân sách nhà nước và các đối tác xã hội. Trong giai đoạn từ 2017 đến nay, Nhà trường đã thành lập được xxx nhóm NCKH và CGCN [H5.05.01.27]. Các nhóm nghiên cứu đã thu hút yyy nhà khoa học ngoài TNUT tham gia vào các nhóm nghiên cứu này. Nhà trường cũng đã ký kết các biên bản hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước để triển khai các chương trình KHCN [H5.05.01.28]. Từ năm 2018 đến nay, các nhóm nghiên cứu đã góp phần công bố được zzz bài báo, trong đó có vvv bài báo quốc tế được chỉ mục trong danh mục ISI/Scopus [H5.05.01.29].

(3) Đăng cai và đồng tổ chức các Hội nghị khoa học toàn quốc; khuyến khích các đơn vị đào tạo trong Trường chủ động tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học chuyên ngành. Chính sách này được Nhà trường duy trì hằng năm [H5.05.01.29]. Trong đó, Nhà trường phối hợp cùng Học viện Kỹ thuật Quân sự, cùng Câu lạc bộ các trường Đại học Kỹ thuật luôn phiên tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học [H5.05.01.30].

(4) Tăng cường tổ chức và chủ trì các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế tại trường và tham gia các Hội nghị, Hội thảo khoa học ở nước ngoài. Từ năm 2018, hằng năm, Nhà trường phối hợp với Nhà xuất bản Springer tổ chức Hội nghị khoa học Quốc tế về Nghiên cứu và Ứng dụng Kỹ thuật (International Conference on Engineering Research and Applications, viết tắt là ICERA) tại Trường. Kỷ yếu của Hội nghị được xuất bản bởi Nhà xuất bản Springer, được chỉ mục Scopus và được tổ chức SCImago Journal Ranking xếp hạng Q4 [H5.05.01.31].

(5) Khuyến khích các nhà khoa học là cán bộ, giảng viên cơ hữu của TNUT đăng các bài báo quốc tế sử dụng địa chỉ email của Nhà trường (định danh bởi @tnut.edu.vn) và có lời cảm ơn Nhà trường đã hỗ trợ nghiên cứu bằng các chính sách cụ thể như: thưởng tiền, ưu tiên phê duyệt và triển khai đề tài NCKH các cấp có công bố quốc tế, đặc biệt là các công bố quốc tế được xếp thứ hạng cao trong danh mục ISI/Scopus. Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Nhà trường đã phê duyệt aaa đề tài NCKH cấp Trường có đăng ký bài báo trong danh mục ISI/Scopus và đã công bố được bbb bài báo [H5.05.01.32]. Chính sách này đã được Nhà trường cụ thể hóa trong quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H5.05.01.33]. Đồng thời, để khuyến khích và duy trì thành công của Hội nghị khoa học Quốc tế ICERA, Nhà trường thực hiện chính sách giảm lệ phí đăng bài và thưởng tiền cho cán bộ, giảng viên của Nhà trường là các tác giả chính có bài đăng tại Hội nghị ICERA với các quy định rất rõ ràng [H5.05.01.34]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy chế làm việc của viên chức, người lao động nhằm khẳng định các chính sách về hoạt động KHCN phục vụ tốt nhất cho đào tạo, cho phát triển con người nói chung và phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường nói riêng [H5.05.01.35].

***Các chính sách về PVCĐ:*** Hoạt động kết nối và PVCĐ là luôn được xác định những hoạt động quan trọng của Nhà trường, gắn liền với triết lý giáo dục của Nhà trường là "khai phóng, thiết thực". Các chính sách này tập trung ở một số mảng sau:

(1) Các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng: Hoạt động này được Nhà trường giao cho các tổ chức trong Trường làm đầu mối triển khai như: Đoàn TNCSHCM Trường phối hợp với phòng Công tác HSSV, Công đoàn Trường phối hợp với chính quyền. Trong đó, việc xây dựng kế hoạch được Đoàn TNCSHCM Trường hoặc Công đoàn Trường xây dựng, kinh phí được Nhà trường hỗ trợ một phần. Các chương trình được Đoàn TNCSHCM duy trì triển khai thường xuyên hằng năm gồm: mùa hè xanh; hiến máu nhân đạo, thăm và tặng quà các gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên… [H5.05.01.36]. Các hoạt động tình nguyện, thiện nguyên của người học được Nhà trường đưa vào quy định về công tác sinh viên [H5.05.01.13] và được cộng điểm rèn luyện cho người học [H5.05.01.15]. Đối với viên chức, người lao động của Nhà trường, Công đoàn Trường xây dựng và ban hành, triển khai Quy chế thu chi nội bộ của công đoàn [H5.05.01.37]; phối hợp với chính quyền xây dựng quỹ Mái ấm TNTU, vận động sự ủng hộ của viên chức, người lao động trong toàn Trường để hỗ trợ, ủng hộ cho các viên chức, người lao động và sinh viên Nhà trường khi gặp rủi ro, đau ốm [H5.05.01.38]. Đặc biệt, trong giai đoạn từ 2019 đến nay, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động thiện nguyện phục vụ công tác phòng, chống dịch như: tặng nước sát khuẩn tay do Nhà trường pha chế; thiết kế, chế tạo máy đo thân nhiệt tự động cho các trường học trên địa tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận [H5.05.01.39].

(2) Các hoạt động đào tạo ngắn hạn cấp giấy chứng nhận như: đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ nhằm đạt chuẩn đầu ra được giao cho Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, Trung tâm hợp tác đào tạo quốc tế chủ trì tổ chức [H5.05.01.40]; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, thực tập được giao cho Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội chủ trì tổ chức, phối hợp với Trung tâm thực nghiệm và các Phòng thực hành, thí nghiệm của các khoa chuyên môn triển khai [H5.05.01.41]; đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dành cho đội ngũ Giảng viên, nhân viên của Trường được giao cho phòng HC-TC chịu trách nhiệm tổ chức [H5.05.01.42].

(3) Các hoạt động NCKH phục vụ đào tạo được giao cho phòng KHCN&HTQT chịu trách nhiệm tổ chức; các hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức được Công ty TNHH Trường, Viện NCPTCNC về KTCN - Viện RIAT, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao tri thức chủ trì tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện. Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ, giảng viên triển khai các nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng phục vụ đào tạo [H5.05.01.43], thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ qua công ty TNHH Trường và Viện RIAT [H5.05.01.44]; chuyển giao tri thức như hoạt động STEM phục vụ các trường THPT [H5.05.01.45], thực hiện các đề tài hợp tác với doanh nghiệp [H5.05.01.46]. Các chính sách này được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ Nhà trường [H5.05.01.19], trong quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ [H5.05.01.33] và trong Quy chế làm việc của viên chức, người lao động [H5.05.01.35].

(4) Các hoạt động khác như: góp ý cho các văn bản của các tổ chức liên quan được giao cho Phòng Thanh tra-Pháp chế chủ trì, phối hợp với các phòng HC-TC triển khai đến các đơn vị trong toàn Trường [H5.05.01.47].

Nói chung, các chính sách phục vụ cộng đồng được Nhà trường cụ thể hóa trong các Quy định về công tác phục vụ cộng đồng [H5.05.01.48], Quy chế làm việc của viên chức, người lao động [H5.05.01.35] và các quy định khác liên quan.

Việc ban hành các chính sách, quy định, quy chế của Nhà trường tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động của TNUT, quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban giám hiệu TNUT [H5.05.01.02] và được chuẩn hóa theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 [H5.05.01.49]. Theo kế hoạch hoặc yêu cầu, Hội đồng trường (hoặc Ban Giám hiệu) thành lập ban soạn thảo [H5.05.01.50], [H5.05.01.51], [H5.05.01.52], [H5.05.01.53], [H5.05.01.54], [H5.05.01.55]. Căn cứ vào các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý cũng như tình hình thực tế, ban soạn thảo dự thảo nội dung chính sách, quy định, quy chế. Sau khi hoàn thành dự thảo, Nhà trường xin ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan [H5.05.01.56], [H5.05.01.57], [H5.05.01.58], [H5.05.01.59], [H5.05.01.60], [H5.05.01.61]. Căn cứ phản hồi của các bên liên quan, ban soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh (nếu hợp lý) hoặc giải trình các nội dung không chỉnh sửa. Hội đồng trường họp thông qua và ban hành các văn bản thể hiện chính sách, chiến lược, quy chế… thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng trường theo quy chế tổ chức và quy chế phối hợp. Đối với các quy chế, quy định triển khai chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của Hiệu trưởng, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định nội dung và thẩm tra pháp chế (thẩm tra căn cứ pháp luật của các quy chế, quy định), báo cáo Đảng ủy và/hoặc Hội đồng trường trước khi chính thức ban hành và áp dụng.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản hóa, phổ biến và thực hiện

Đồng thời với thực hiện và triển khai các chính sách, Nhà trường phân công theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ cho các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát việc triển khai các chính sách ban hành. Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban Giám hiệu [H5.05.01.02]; quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H5.05.01.03]; quy chế làm việc của Hội đồng trường [H5.05.02.01] đã quy định rõ chức năng và nhiệm vụ của các chủ thể trong việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, Hội đồng trường, Thường trực Hội đồng trường và các ban của Hội đồng trường có trách nhiệm thực hiện việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ để báo cáo Hội đồng trường và các đơn vị liên quan [H5.05.01.02], [H5.05.02.01]. Ban Thanh tra nhân dân của Công đoàn Trường tham gia vào việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ, quy chế chi tiêu nội bộ [H5.05.02.02] và có các báo cáo về thực hiện giám sát trong Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm. Phòng Thanh tra - Pháp chế được giao nhiệm vụ giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và có các kế hoạch giám sát [H5.05.02.03]. Phòng Khảo thí và ĐBCLGD có trách nhiệm lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (ở đây là người học) thông qua các hoạt động khảo sát người học cuối khóa, khảo sát giảng viên giảng dạy học phần lý thuyết [H5.05.02.04].

- Có ban hành văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Có phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Để thực hiện việc giám sát các chính sách, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ bao gồm Quy chế công khai, Quy chế dân chủ, Quy định về khảo sát người học đối với các học phần lý thuyết, Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học [H5.05.02.05], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07], [H5.05.02.08]. Ngoài ra, việc giám sát cũng được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng trường và Ban giám nhiệu TNUT [H5.05.01.02]. Đồng thời, nhà trường sử dụng hệ thống văn phần mềm quản lý văn bản <https://tnut.vnptioffice.vn/> [H5.05.02.09] để truyền tải, công khai, phổ biến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đến toàn thể các đơn vị, cá nhân viên chức, người lao động trong Trường. Trưởng các đơn vị trong Trường có trách nhiệm triển khai, phổ biến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đến viên chức, người lao động trong đơn vị [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Nhà trường công khai các văn bản thể hiện chính sách trên Website của Nhà trường (<http://tnut.edu.vn/>) để toàn thể viên chức, người lao động, sinh viên và các đơn vị liên quan ngoài Trường biết [H5.05.02.10].

- Định kỳ hằng năm, có báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách.

Việc giám sát sự tuân thủ và các báo cáo giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được các tổ chức, đơn vị chức năng thực hiện hàng năm và định kỳ. Hội đồng trường đã có các Nghị quyết về báo cáo giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế công khai, quy chế dân chủ hằng năm. Theo đó, hàng năm Ban Giám hiệu giao cho các bộ phận, đơn vị chức năng xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ, báo cáo việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội đồng trường xem xét, đồng thời xin ý kiến tại Hội nghị viên chức, người lao động của các đơn vị và Hội nghị viên chức, người lao động Nhà trường [H5.05.02.11]. Ban Thanh tra nhân dân của Công đoàn Trường có các báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ trong Hội nghị viên chức và người lao động [H5.05.02.12]. Phòng Thanh tra - Pháp chế có các báo cáo định kỳ giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.05.02.13]. Phòng Khảo thí và ĐBCLGD hằng năm đều có báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với việc giảng dạy các học phần lý thuyết, báo cáo phản hồi của người học cuối khóa, báo cáo kết quả đánh giá việc đạt chuẩn đầu ra của người học [H5.05.02.14]. Bên cạnh đó, Phòng Công tác HSSV hằng năm đều tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu và người học để tiếp thu trực tiếp những phản hồi của người học về việc thực hiện các chính sách của Nhà trường nhằm có những tư liệu, dữ liệu phục vụ các hoạt động rà soát, điều chỉnh chính sách kịp thời [H5.05.02.15]. Ngoài ra, hoạt động thu chi (báo cáo tài chính, quyết toán) hằng năm của Nhà trường triển khai các chính sách Đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được ĐHTN kiểm tra, giám sát hằng năm [H5.05.02.16].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

- Có quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống xây dựng chính sách được Nhà trường thiết lập (như hình 1) nhằm đảm các chính sách được rà soát, ban hành và triển khai kịp thời, đúng quy định của Nhà nước, phù hợp với chiến lược phát triển và điều kiện thực tiễn của Nhà trường. Trên cơ sở chính sách đã được Nhà trường xây dựng, các báo cáo giám sát và điều kiện thực tiễn, các bộ phận/đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định của Nhà trường phù hợp quy định của Nhà nước, của Bộ GD-ĐT, của ĐHTN nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, cụ thể như sau:

Hằng năm, Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H5.05.01.02], quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H5.05.01.03]. Nhà trường giao Ban xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng, rà soát quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội nghị viên chức, người lao động Trường hằng năm [H5.05.01.51]; giao Phòng HC-TC xây dựng báo cáo tổng kết và phương hướng công tác trên cơ sở báo cáo tổng kết và phương hướng công tác của các đơn vị liên quan [H5.05.03.01]; giao Phòng KH-TC xây dựng kế hoạch ngân sách [H5.05.03.02]. Đồng thời, trong báo cáo tổng kết và phương hướng, kế hoạch công tác hàng năm [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], Nhà trường giao cho các đơn vị chức năng hàng năm thực hiện việc rà soát các quy định, quy chế, chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Báo cáo tổng kết công tác, các báo cáo giám sát thực hiện các quy định, quy chế [H5.05.02.12], [H5.05.02.13], [H5.05.02.14], [H5.05.02.16] là cơ sở để Nhà trường thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy định, quy chế và các chính sách về Đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.

- Định kỳ hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo kế hoạch.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát, đánh giá để báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động [H5.05.03.05], [H5.05.01.19]. Hàng năm, Nhà trường đã có báo cáo tổng kết năm học gửi cơ quan chủ quản (ĐHTN) và các đơn vị liên quan đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và xem xét việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy chế và các thủ tục, quy trình hiện hành của Nhà nước, của Bộ GD-ĐT và ĐTHN theo từng mảng hoạt động [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09], [H5.05.03.10]. Thông qua rà soát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đánh giá các chỉ tiêu chưa đạt được từ đó có phân tích, xác định các nguyên nhân để đưa ra biện pháp khắc phục cải tiến kịp thời.

Ngoài ra, các quy định, quy chế thể hiện các chính sách về Đào tạo, NCKH và PVCĐ cũng thường xuyên được nhà Trường rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành. Cụ thể là: quy định và quy chế đào tạo trình độ đại học, sau đại học được rà soát, điều chỉnh thường xuyên [H5.05.01.12]; quy định về công tác sinh viên, chấm điểm rèn luyện, học bổng khuyến khích được rà soát, điều chỉnh kịp thời đúng quy định [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]; quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ được rà soát, điều chỉnh 02 lần [H5.05.01.05]; quy định về quản lý khoa học được rà soát, điều chỉnh và cập nhật hằng năm [H5.05.01.33] …

Bên cạnh đó, theo quy định của Nhà trường, hằng tháng các đơn vị chức năng báo cáo kết quả công tác tháng, đề xuất nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo [H5.05.03.11]. Ban Giám hiệu họp thường kỳ để phân công nhiệm vụ, rà soát việc thực hiện các chính sách [H5.05.03.12]. Nhà trường tổ chức giao ban hàng quý nhằm đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công việc và các chính sách, đồng thời đề xuất nhiệm vụ cần triển khai cho quý sau, trong đó có việc rà soát các chính sách của Nhà trường nhằm đảm bảo thực hiện được công tác trọng tâm năm học cũng như thực hiện đúng chiến lược phát triển Nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

- Thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã thực hiện nhiều cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ dựa trên kết quả rà soát, đánh giá. Các quy chế, quy định liên quan tới đào tạo, NCKH và PVCĐ thường xuyên được cải tiến, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Trường. Chiến lược phát triển TNUT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã nhấn mạnh mục tiêu phát triển Trường trở thành trường đạt chuẩn khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp, với hai mục tiêu chính: (1) Sản phẩm giáo dục, đào tạo "khai phóng và thiết thực đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế"; (2) Sản phẩm NCKH được quốc tế công nhận, doanh nghiệp chấp nhận, được chuyển giao hoặc sử dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Đồng thời, Nhà trường ban hành chính sách chất lượng với cam kết xây dựng môi trường học thuật tự do và sáng tạo, trải nghiệm thực tiễn, đổi mới liên tục nhằm cung ứng nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Chiến lược phát triển và chính sách chất lượng đã đề cập đến việc: (1) xây dựng môi trường tự do học thuật, sáng tạo gắn liền với trải nghiệm thực tiễn, khởi nghiệp nhằm nuôi dưỡng và phát triển tài năng; (2) tập trung các nguồn lực và không ngừng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng người học tốt nghiệp, sản phẩm khoa học, chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động chất lượng cao và sự hài lòng của các bên liên quan; (3) mở rộng hợp tác doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các đối tác tạo cơ hội việc làm trong nước và quốc tế cho người học sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Nói chung, để đạt được chiến lược phát triển đã đề ra [H5.05.01.01], Nhà trường đã thường xuyên thực hiện việc rà soát, cải tiến, điều chỉnh, bổ sung các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ. Cụ thể như sau:

***Các chính sách về đào tạo:***

Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2021 và tầm nhìn đến năm 2030 TNUT xác định định hướng nghiên cứu cho các chuyên ngành truyền thống (cơ khí, điện, điện tử); định hướng nghiên cứu ứng dụng cho các ngành còn lại và liên thông từ cao đẳng nghề lên đại học. Năm 2021, chiến lược phát triển TNUT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 Nhà trường đã có những bổ sung, điều chỉnh, được xây dựng dựa trên 6 nhóm chức năng, trong đó chức năng Đào tạo và bồi dưỡng và chức năng Khoa học và công nghệ đóng vai trò trung tâm [H5.05.04.01]. *Thứ nhất*, định hướng Trường trở thành trường đại học đạt chuẩn khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp. *Thứ hai*, bổ sung, điều chỉnh các CTĐT trình độ đại học khối kỹ thuật theo hướng: (1) tăng cường ý thức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp thông qua thực tập nhận thức tại doanh nghiệp đối với sinh viên ngay từ năm thứ hai; (2) bổ sung học phần tự chọn mang tính liên ngành, liên khoa để phù hợp với các tiêu chí đào tạo nền tảng học vấn rộng, đồng thời phát huy tính hiệu quả thế mạnh đa ngành của Trường cả về đội ngũ và trang thiết bị thí nghiệm, thực hành. *Thứ ba*, đầu tư, phát triển đào tạo đại học từ xa các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Ngoại ngữ, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật xây dựng. *Thứ tư*, đổi mới căn bản CTĐT thạc sĩ theo quan điểm đào tạo chuyên gia: tập trung nâng cao thực chất về năng lực chuyên môn, năng lực thực hành, năng lực quản lý kinh tế của người học. *Thứ năm*, đổi mới CTĐT và phương pháp giảng dạy các học phần tiếng Anh với mục tiêu chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên tuyển sinh từ năm 2017 trở đi phải đạt trình độ B1 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). *Thứ sáu*, tạo môi trường quốc tế hóa cao, thu hút sinh viên các nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á theo học, trong đó lấy nước CHDCND Lào làm khâu đột phá để tạo nguồn tuyển sinh và liên kết đào tạo. *Thứ bảy*, phát triển có chiều sâu và bền vững hoạt động học thuật của giảng viên và sinh viên thông qua các hoạt động: robocon, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, câu lạc bộ STEM, Olympic... Chiến lược phát triển TNUT [H5.05.04.01], Nhà trường đã xây dựng được triết lý giáo dục là “khai phóng, thiết thực”. Trong đó, Trường hướng tới mục tiêu trang bị cho người học một nền tảng kiến thức rộng, chuyên môn sâu và kỹ năng cần thiết để có thể chuyển đổi, thích nghi, đáp ứng xu thế của thời đại mới, đồng thời có sự cảm thụ mạnh mẽ về giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa, từ đó tự tin vận dụng tri thức, trí tuệ vào đời sống xã hội. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT gần nhất năm 2021, các nội dung của chiến lược phát triển đã được Nhà trường triển khai, thực hiện [H5.05.04.03], [H5.05.04.04].

Với đào tạo trình độ đại học, trên cơ sở rà soát, đánh giá các quy định về đào tạo đại học hệ chính quy và hệ vừa học vừa làm được ban hành trong giai đoạn từ 2017 về trước, Nhà trường đã thực hiện rà soát điều chỉnh và ban hành các quy định mới vào các năm 2017, 2018 và 2021 [H5.05.04.05]. Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ năm 2021 đã tổng hợp các quy định về đào tạo đại học hệ chính quy và hệ vừa học vừa làm vào thống nhất trong một văn bản. Quy chế đào tạo đã làm rõ triết lý giáo dục của Nhà trường là giáo dục hướng tới khai phóng, gắn với thực tiễn, nuôi dưỡng tính trung thực, tinh thần trách nhiệm và năng lực sáng tạo. Quy chế cũng đã xác định rõ việc xây dựng CTĐT phải đảm bảo các nguyên tắc căn bản, mở và linh hoạt; đồng thời, đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT, đảm bảo yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các CTĐT khác. Quy chế này cũng thể hiện rõ những điểm cải tiến trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả học tập của người học so với trước đây. Bên cạnh đó, đối với các hình thức đào tạo trình độ đại học khác nhau, Nhà trường cũng ban hành các quy định cụ thể nhằm tổ chức, quản lý đào tạo một cách phù hợp nhất [H5.05.04.06].

Với đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, trên cơ sở Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc [H5.05.04.07]; các Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN [H5.05.04.08], Nhà trường đã ban hành các quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2018 và quy định về phản biện độc lập đối với luận án tiến sĩ năm 2020 [H5.05.04.09]. Năm 2021-2022, Nhà trường đã rà soát và ban hành các quy định, quy chế về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn mới, hướng đến tự chủ trong công tác triển khai tổ chức đào tạo của các khoa chuyên môn thuộc Trường [H5.05.04.10].

Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp từ đầu năm 2020 đến nay, Nhà trường thường xuyên, kịp thời xây dựng các đề án và ban hành các quy định về đào tạo nhằm thích ứng với việc phòng chống dịch bệnh và đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như các quy chế, quy định hiện hành [H5.05.04.11], [H5.05.04.12].

***Các chính sách về NCKH:***

Chiến lược phát triển TNUT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã nhấn mạnh tới mục tiêu trở thành trường đại học đạt chuẩn khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp. Trong đó, một trong hai mục tiêu then chốt là "Sản phẩm NCKH được quốc tế công nhận, doanh nghiệp chấp nhận, được chuyển giao hoặc sử dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống". Chiến lược xác định rõ các mục tiêu về nghiên cứu khoa học như [H5.05.04.01]: (1) hình thành các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh và viện nghiên cứu gắn kết hữu cơ để triển khai các chương trình, đề tài, nhiệm vụ các cấp ở dạng đa lĩnh vực; (2) có số lượng công bố số bài báo quốc tế (ISI, Scopus) và số lượt trích dẫn thuộc nhóm 10 trường đại học kỹ thuật hàng đầu Việt Nam; (3) các sản phẩm KHCN có tính ứng dụng cao, được chuyển giao cho doanh nghiệp và thương mại hóa; (4) triển khai các dự án quốc tế về đào tạo và NCKH. Chiến lược cũng xác định các nhiệm vụ cần phải triển khai như: (a) thành lập quỹ KHCN theo chủ trương mới của Nhà nước và thiết lập cơ chế quản lý, vận hành có hiệu quả tạo bước chuyển biến căn bản về chính sách, chế độ với hoạt động NCKH; (b) phát triển mô hình quản lý hoạt động KHCN qua các nhóm nghiên cứu tương tự mô hình ở phương tây, mỗi nhóm nghiên cứu của ngành do một GS, PGS đứng đầu, ngoài việc tự chủ còn chịu trách nhiệm đào tạo sau đại học của chính ngành đó; (c) xây dựng mô hình hợp tác doanh nghiệp, trong đó mỗi nhóm nghiên cứu cần đóng vai trò như một bộ phận nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của một vài doanh nghiệp; (d) phát triển mô hình doanh nghiệp KHCN từ các nhóm nghiên cứu mạnh, từ ý tưởng khởi nghiệp của giảng viên, sinh viên và từ sản phẩm NCKH của các đơn vị thuộc Trường; (e) xây dựng chính sách nâng cao chất lượng công bố quốc tế, chú trọng đến số lượt trích dẫn quốc tế của bài báo, ưu tiên kinh phí cho các đề tài có sản phẩm là bằng sáng chế; (f) xây dựng cơ chế thúc đẩy những nghiên cứu tạo ra sản phẩm ứng dụng mang thương hiệu TNUT, đảm bảo mỗi khoa phải có một sản phẩm đáp ứng yêu cầu này, đầu tư cho các nghiên cứu tiền dự án với đối tác doanh nghiệp; (g) ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc nâng cao năng lực thực tế qua các nhiệm vụ đặt hàng của Trường, theo kế hoạch từng năm học; (h) ưu tiên đầu tư kinh phí cho sản phẩm có tiềm năng thương mại hóa hoặc tạo tiềm lực cho nhóm nghiên cứu đấu thầu cạnh tranh đối với nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cấp Nhà nước; (i) thiết lập cơ chế quản lý theo hướng giao kinh phí KHCN hằng năm cho các Khoa, Viện khi đủ điều kiện tự chủ một phần, dự kiến triển khai từ năm 2023 với mức kinh phí 2-5% tổng nguồn thu học phí từ sinh viên của Khoa, Viện.

Quy định về chế độ làm việc và Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung hàng năm theo của Nhà trường hướng tới việc tăng cường khuyến khích, đầu tư và hỗ trợ cho các hoạt động NCKH của viên chức, người lao động cũng như của người học. Quy định về chế độ làm việc được điều chỉnh theo hướng tăng yêu cầu về kết quả NCKH đối với các chức danh giảng viên có ngạch cao. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh việc theo hướng tăng chi, khuyến khích các công bố khoa học có chất lượng cao trên các tạp chí có uy tín và các nhà xuất bản có uy tín và các đề tài, dự án công nghệ [H5.05.01.19], [H5.05.01.35].

Trên cơ sở các chủ trương của Đảng ủy, chính sách hằng năm của Nhà trường, các Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cũng thường xuyên được Nhà trường rà soát, điều chỉnh. Trong quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ năm mới nhất (năm 2019), Nhà trường đã điều chỉnh và cải tiến các chính sách về NCKH tập trung vào một số điểm chính về chính sách phát triển hoạt động NCKH như sau: (1) Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học có chất lượng cao, có công bố quốc tế; (2) Đẩy mạnh, khuyến khích hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các địa phương, doanh nghiệp và phát huy vai trò của các đối tác là tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường để đẩy mạnh thu hút các nguồn lực và tạo cơ chế hữu hiệu triển khai các hoạt động NCKH; (3) Tạo thêm nhiều cơ hội thực hiện nghiên cứu khoa học cho người học thông qua tham gia vào các đề tài/nhiệm vụ/chuyên đề nghiên cứu khoa học các cấp; (4) Tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động trong hoạt động NCKH cho các đơn vị thuộc và trực thuộc [H5.05.01.33]. Nhằm triển khai các hoạt động NCKH và CGCN theo các hướng đã được xác định, Nhà trường đã xây dựng chính sách và triển khai xây dựng xxx nhóm NCKH và CGCN [H5.05.01.27], các nhóm nghiên cứu đã góp phần công bố được zzz bài báo, trong đó có vvv bài báo quốc tế được chỉ mục trong danh mục ISI/Scopus [H5.05.01.29]. Trên cơ sở tổng kết tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của các Nhóm nghiên cứu và hoạt động KHCN của Nhà trường, Nhà trường đã xây dựng chiến lược và cụ thể hóa các chính sách thành các định hướng NCKH với các mục tiêu mới thúc đẩy về số lượng công bố khoa học và trích dẫn quốc tế, đặc biệt là nâng cao chất lượng các nghiên cứu liên ngành, khuyến khích đào tạo giảng viên qua các hoạt động NCKH, tập trung đầu tư với kinh phí cho các nghiên cứu có sở hữu trí tuệ, các nghiên cứu khoa học đặt hàng phục vụ đào tạo của Nhà trường cũng như PVCĐ [H5.05.04.01], [H5.05.04.13].

Các chính sách nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trong những năm gần đây được đặt vào vị trí trung tâm trong các chính sách phát triển NCKH của Nhà trường. Thông qua các chính sách tăng cường đầu tư có trọng điểm cho đội ngũ thể hiện trong các quy định, quy chế nói trên, Nhà trường đã triển khai nhiều chương trình, đề tài/nhiệm vụ/dự án nghiên cứu, hỗ trợ các hoạt động triển khai nghiên cứu, công bố, chuyển giao tri thức cho cộng đồng và thông qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ các nhà khoa học.

***Các chính sách về PVCĐ:***

Chiến lược phát triển TNUT ban hành năm 2021 đã nhấn mạnh giá trị cam kết là triển khai các hoạt động kết nối xã hội và PVCĐ. Trong đó, trọng tâm là: (1) kết nối với các Hội Cơ điện trên khắp cả nước để triển khai, phát triển các hoạt động đào tạo, NCKH, hỗ trợ việc làm cho người học sau tốt nghiệp; (2) kết nối, hỗ trợ các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận để xây dựng chương trình giáo dục STEM, qua đó quảng bá hình ảnh, thương hiệu TNUT nhằm thu hút người học; (2) kết nối, liên kết quốc tế, chú trọng đến khu vực Đông Nam Á với nước CHDCND Lào là khâu đột phá [H5.05.04.01]. Nhiệm vụ phục vụ cộng đồng đã được Nhà trường đưa vào Quy chế làm việc của viên chức, người lao động TNUT năm 2021 [H5.05.01.35] và các quy định đối với người học tại TNUT [H5.05.01.13], [H5.05.01.15].

Trong giai đoạn 2017 đến nay, bên cạnh các hoạt động thiện nguyện và việc góp ý cho các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà trường đã có các nhiều chính sách mới, chủ động phát triển các hoạt động kết nối và PVCĐ, đáp ứng kịp thời nhu cầu của cộng đồng. Cụ thể là: (1) hoạt động kết nối doanh nghiệp (được giao cho Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp làm đầu mối tổ chức) nhằm triển khai các hoạt động trải nghiệm, thực tập ngắn hạn… cho người học [H5.05.04.14]; (2) kết nối với các trường THPT (giao cho Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông) và triển khai chuyển giao tri thức thông qua các hoạt động đào tạo STEM (giao cho Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao trí thức làm đầu mối thực hiện) [H5.05.01.45]. Đồng thời, qua rà soát trang thiết bị thí nghiệm thực hành, Nhà trường triển khai các đề tài NCKH đặt hàng phục vụ công tác đào tạo, đặc biệt là các sản phẩm phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 của các đơn vị, địa phương [H5.05.01.39], [H5.05.01.43].

Nhờ vào sự thay đổi các chính sách về phục vụ cộng động nên số lượng và chất lượng các hoạt động PVCĐ như Hỗ trợ các đơn vị, địa phương vượt qua khó khăn do dại dịch Covid-19 gây ra, các hoạt động Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, các khóa đào tạo Ngoại ngữ, Tin học, Kỹ năng mềm... gia tăng mạnh mẽ. Giai đoạn 2017-2021, Nhà trường, Đoàn thanh nhiên, Hội sinh viên và nhiều cá nhân của Trường nhận được nhiều Bằng khen, Giấy khen của các tổ chức quốc tế, quốc gia, ở cấp Đoàn, Hội ở Trung ương và địa phương về hoạt động PVCĐ [H5.05.04.15].

- Các bên liên quan hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đã nhận được sự phản hồi của các bên liên quan thông qua: Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [H5.05.01.57]; Các cuộc họp giao ban, cuộc họp cán bộ chủ chốt [H5.05.04.16], Các buổi đối thoại của Nhà trường với người học [H5.05.02.15]; Các báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện hàng năm [H5.05.02.14]. Trong các tài liệu này, các bên liên quan đã thể hiện sự hoàn toàn hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã hệ thống hoàn chỉnh để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó các bộ phận/đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách được quy định rõ ràng. Nhà trường đã có hệ thống các văn bản, hướng dẫn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nội dung các chính sách phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn. Trước khi ban hành, các chính sách đều được lấy ý kiến các bên liên quan, được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

- Nhà trường đã phân công rõ các bộ phận/đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách làm căn cứ để các bộ phận/ đơn vị triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát một cách chặt chẽ, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh cụ thể. Đồng thời, Nhà trường đã phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách tới viên chức, người lao động và người học trong toàn Trường. Để đảm bảo việc xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách được hiệu quả, định kỳ và hàng năm, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách với các cơ quan cấp trên, với toàn thể viên chức, người lao động và người học.

- Nhằm đảm bảo các chính sách bám sát thực tiễn, tuân thủ các quy định hiện hành, Nhà trường đã có quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở các quy định về việc rà soát, Nhà trường định kỳ hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách theo kế hoạch. Nhà trường đã kịp thời phát hiện những bất cập, tiếp tục khẳng định những ưu việt trong chính sách để có thể thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách. Do có sự điều chỉnh, cập nhật kịp thời để bám sát thực tiễn và các quy định nên các bên liên quan bao gồm viên chức và người lao động, người học bên trong Trường và các tổ chức, cá nhân bên ngoài Trường hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Sự phối hợp giữa đơn vị chủ trì và các đơn vị có liên quan trong quá trình soạn thảo các chính sách chưa thực sự đồng bộ. Quá trình tham gia ý kiến xây dựng chính sách của các đơn vị liên quan đôi lúc còn chậm.

- Sự tham gia của các bên liên quan ngoài Trường trong việc đề xuất xây dựng, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường còn hạn chế.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Tăng cường sự phối hợp, đồng bộ hóa quy trình soạn thảo, ban hành các chính sách để đảm bảo tiến độ thực hiện. | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Các phòng HC-TC; ĐT; KHCN&HTQT; CTHCSSV;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Từ năm 2022-2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Đề xuất các giải pháp tăng cường sự tham gia của các bên liên quan ngoài Trường trong việc đề xuất xây dựng, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường. | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Các phòng HC-TC; ĐT; KHCN&HTQT; CTHCSSV;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Từ năm 2022-2023 |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường. | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Các phòng HC-TC; ĐT; KHCN&HTQT; CTHCSSV;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên | ……. |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Đảm bảo các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được theo dõi, giám sát thường xuyên để kịp thời rà soát, điều chỉnh sự phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển Nhà trường | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Các phòng HC-TC; ĐT; KHCN&HTQT; CTHCSSV;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 3 | Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát, cải tiến thường xuyên trên cơ sở kết quả đánh giá, đảm bảo sự hài lòng của các bên liên quan | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Các phòng HC-TC; ĐT; KHCN&HTQT; CTHCSSV;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 5*** | ***5*** |
| Tiêu chí 5.1 | 5 |
| Tiêu chí 5.2 | 5 |
| Tiêu chí 5.3 | 5 |
| Tiêu chí 5.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

### Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tâm huyết, giỏi chuyên môn, ngoại ngữ, tinh thông nghiệp vụ, lấy công tác phát triển đội ngũ làm đòn bẩy nhằm đổi mới toàn diện hoạt động của Nhà trường, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xác định việc quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tầm quan trọng của vấn đề phát triển đội ngũ được Nhà trường nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm khơi dậy khát vọng phát triển Trường, phát huy mạnh mẽ giá trị Cơ Điện, truyền thống TNUT và sức mạnh thời đại của tất cả VC, NLĐ [H6.06.01.01]. Mục tiêu chung của bản Chiến lược là Nhà trường xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp, với cơ cấu nguồn nhân lực 65% cán bộ cơ hữu là giảng viên, cán bộ nghiên cứu, trong đó có trên 40% số giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trình độ tiễn sĩ.

Trên cơ sở chiến lược đề ra, năm 2022, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, xác định rõ mục tiêu về đào tạo và bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng, phấn đấu đến năm 2030, Trường đạt chuẩn khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp [H6.06.01.02]. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ, mà trung tâm là lực lượng giảng viên giữ vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế và “thương hiệu” của trường.

Căn cứ vào mục tiêu chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, Nhà trường đã ban hành "Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp" [H6.06.01.03] và thực hiện thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng năm [H6.06.01.04], đồng thời đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm [H6.06.01.02] trong đó nêu rõ các tiêu chí, chỉ tiêu, số lượng nguồn nhân lực cần phát triển, các đối tượng, tiêu chuẩn quy hoạch đối với các chức danh cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ cán bộ kế cận cho các vị trí quan trọng khi có biến động nhân sự [H6.06.01.02].

Phòng Hành chính - Tổ chức là đơn vị đầu mối thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo bồi dưỡng; công tác lao động - chế độ tiền lương cho cán bộ viên chức, người lao động... cụ thể hóa các nhiệm vụ trong quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị [H6.06.01.07, H6.06.01.08, H6.06.01.09].

Công tác quy hoạch nguồn cán bộ được xây dựng và thực hiện theo quy trình rõ ràng, minh bạch bao gồm các bước thực hiện, nhân sự phụ trách, thành phần hồ sơ, biểu mẫu đang áp dụng đối với công tác này [H6.06.01.04].

Để đảm bảo đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đề ra, Nhà trường, đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc để thu hút, giữ chân nhân tài [H6.06.01.08].

Nguồn nhân lực hiện nay được Nhà trường quy hoạch đủ để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, với tỉ lệ 20 SV/GV đảm bảo theo quy định [H6.06.01.09].

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường còn xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, giảng viên kiêm nhiệm là các giảng viên có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm thực tế từ các cơ sở giáo dục đại học như: Đại học Thái Nguyên; Đại học Ilmenau, Đức; Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc…

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến.

Nhà trường xác định tự do học thuật là cốt lõi của tự chủ đại học, là đòn bẩy quan trọng của công cuộc đổi mới và cải cách giáo dục bên cạnh các tiêu chí về đạo đức nghệ nghiệp. Luật Giáo dục đại học năm 2012 trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2018 đã bổ sung điều khoản về tự chủ học thuật của cơ sở giáo dục đại học và giảng viên, góp phần nâng cao việc bảo đảm quyền tự do học thuật. Theo đó, cơ sở giáo dục đại học có “quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn”, giảng viên có quyền “độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học” [H6.06.02.01].

Tuyển dụng nhân sự là quá trình tìm kiếm và lựa chọn nhân sự để đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực của Nhà trường. Việc tuyển dụng cần đảm bảo nguyên tắc như: căn cứ vào nhu cầu vị trí việc làm của Nhà trường; đảm bảo tính khách quan, công bằng, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn trong quá trình tuyển dụng. Kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên đã được đưa vào Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01]. Trên cơ sở đó, Nhà trường lên kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên theo nhu cầu của từng năm học, dựa trên đề xuất của các đơn vị theo vị trí việc làm [H6.06.01.07]. Kế hoạch được công khai trên website của Nhà trường và có thông báo rộng rãi trong toàn trường [H6.06.02.02]. Hội đồng thi tuyển, Hội đồng tuyển dụng được thành lập phù hợp thực tế hoạt động theo từng năm học [H6.06.02.03].

Ngoài các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp còn được quy định trong Đề án vị trí việc làm của Trường đúng với quy định hiện hành. Theo quy trình xây dựng Đề án vị trí việc làm, các tiêu chí về khung năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm đều được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai trong đơn vị và trong toàn Trường [H6.06.01.07].

Năm 2016, Nhà trường đã cụ thể hóa công tác tuyển dụng bằng văn bản với việc ban hành *Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp* [H6.06.01.03]. Hàng năm, căn cứ vào Đề án vị trí việc làm, công tác tuyển dụng được Nhà trường thực hiện bằng hình thức thi tuyển theo quy định của trường, Đại học Thái Nguyên và Nhà nước, trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn chung đối với viên chức của Trường và các tiêu chí cụ thể yêu cầu năng lực chuyên môn của mỗi vị trí tuyển dụng. Tiêu chí, quy trình tuyển dụng được quy định cụ thể, với điều kiện dự tuyển rõ ràng (về trình độ chuyên môn, Tin học, ngoại ngữ, phẩm chất đạo đức…) [H6.06.01.05]. Từ năm 2018 - 2022, Nhà trường đã tuyển dụng được 13 giảng viên, bổ sung vào đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường [H6.06.02.04].

Ngoài các quy định đối với viên chức nói chung, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí giảng viên tại các khoa, bộ môn còn tuân thủ theo các tiêu chuẩn trong Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp [H6.06.01.03]. Cuối mỗi năm, Trường đều ban hành và triển khai Kế hoạch đánh giá giảng viên theo tiêu chuẩn định lượng, thực hiện ở 3 cấp (Bộ môn, Khoa và Trường), trong đó, mỗi giảng viên đều thực hiện quyền tự đánh giá thể hiện mức độ tự do học thuật trong giảng dạy, NCKH và tự bồi dưỡng [H6.06.02.05]. Quá trình đánh giá ở các cấp có sự tham gia của tất các các giảng viên, lãnh đạo các bộ môn, khoa và Nhà trường [H6.06.02.06].

Việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được Nhà trường đưa vào nội dung chiến lược phát triển cán bộ trong chiến lược chung của Nhà trường, thực hiện công khai, dân chủ và theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ, đúng kế hoạch đề ra [H6.06.01.01]. Các cán bộ được lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm tại Trường phải tuân thủ theo các quy định chung về tiêu chuẩn cán bộ của Đảng và Nhà nước và của Trường. Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý trực thuộc Đại học Thái Nguyên và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý trong trường đại học theo Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học. Quy định này được ban hành, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H6.06.02.07]. Từ năm 2018-2022, Nhà trường đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 154 lượt cán bộ [H6.06.02.08].

Hàng năm, công tác tự đánh giá và đánh giá năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với CBVC, cán bộ quản lý được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng theo các tiêu chuẩn được nhà trường xây dựng. Kết quả đánh giá theo những tiêu chuẩn này được công bố công khai để tạo động lực phấn đấu cho toàn thể cán bộ giảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường [H6.06.02.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Xây dựng tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên đúng đắn và phù hợp sẽ góp phần quan trọng để Nhà trường lựa chọn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm công tác và phẩm chất đạo đức tốt. Trong đó, cán bộ quản lý là lực lượng tiên phong trong việc dẫn dắt, định hướng, thực hiện các hoạt động chung của Nhà trường. Cán bộ quản lý, ngoài năng lực chuyên môn, tư cách đạo đức tốt, cần phải có năng lực lãnh đạo thì mới có thể tổ chức, điều hòa và phối hợp tốt các hoạt động của đơn vị.

Để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Trường và mỗi đơn vị, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, việc xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung tiêu chuẩn và tiêu chuẩn năng lực cụ thể (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của mỗi vị trí việc làm là rất cần thiết. Căn cứ tiêu chuẩn năng lực của các chức danh nghề nghiệp do các bộ, ngành ban hành, Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm với danh mục gồm 51 vị trí việc làm khác nhau. Các vị trí việc làm trong Đề án, từ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp đến cán bộ giảng dạy, nhân viên, phục vụ đều có tiêu chuẩn năng lực cụ thể [H6.06.01.06].

Căn cứ các quy định của Nhà nước về xác định tiêu chuẩn năng lực đối với các nhóm cán bô, giảng viên, nhân viên khác nhau; Đồng thời căn cứ quy chế làm việc của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc các khoa, trung tâm, đơn vị chức năng thuộc và trực thuộc Trường theo chuẩn ISO và mục tiêu chiến lược phát triển, Nhà Trường đã xác định rõ tiêu chuẩn năng lực các chức danh gồm các yêu cầu về phẩm chất, bằng cấp, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý [H6.06.03.01.].

Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường, ngoài các tiêu chuẩn năng lực chức danh lãnh đạo, quản lý do Đảng, Nhà nước (Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học), còn được cụ thể hóa trong *Đề án Vị trí việc làm* và *Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, kéo dài, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*. Các tiêu chuẩn chung đối với các vị trí quản lý được quy định như sau: (i) Am hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; (ii) Giữ vai trò trung tâm đoàn kết; có khả năng tập hợp, động viên tập thể và cá nhân trong đơn vị đoàn kết, xây dựng tập thể vững mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao; (iii) Có năng lực tham mưu, tổ chức, lãnh đạo, quản lý thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được phân công đảm nhiệm; (iv) Có khả năng xây dựng kế hoạch, đề xuất các giải pháp kinh tế, kỹ thuật và chuyên môn phục vụ cho hoạt động của Nhà trường, đơn vị; (v) Có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, có chính kiến rõ ràng, phương pháp công tác tốt [H6.06.01.06, H6.06.02.07].

Từ năm 2016, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành *Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp* [H6.06.01.03]. Trong quy định này, tiêu chuẩn năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học được quy định rõ ràng.

Xác định chất lượng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đặt ra tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên luôn đảm bảo cả tiêu chí về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, được cụ thể hóa như sau: (i) Tin học trình độ IC3 quốc tế hoặc tương đương trở lên (không áp dụng đối với ứng viên chuyên ngành CNTT); (ii) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trong giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học; (iii) *Đối với giảng viên*: Tốt nghiệp Đại học chính quy loại Giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp Thạc sỹ, Tiến sĩ và trước đó phải tốt nghiêp Đại học loại Giỏi trở lên tại các trường đại học công lập, có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc TOEFL-ITP 500 điểm trở lên hoặc tốt nghiệp Đại học ở các nước nói tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Nhật, Hàn Quốc… (iiii) *Đối với giảng viên hướng dẫn thực hành, thí nghiệm*: Có bằng tôt nghiệp đại học chính quy dài hạn xếp loại Khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp Thạc sỹ, Tiến sĩ và trước đó phải tốt nghiêp Đại học loại Khá trở lên tại các trường đại học công lập, có chứng chỉ TOEFL-ITP nội bộ 430 điểm trở lên. Trong khâu tuyển chọn, Nhà trường chú trọng, ưu tiên cho những giảng viên tốt nghiệp Đại học hoặc sau đại học ở nước ngoài hoặc các trường Đại học có uy tín trong nước [H6.06.03.01]. Từ 2018 đến tháng 4 năm 2022, Nhà trường đã tuyển dụng được 13 cán bộ giảng viên, hiện là cán bộ hợp đồng hưởng lương từ kinh phí Nhà trường [H6.06.03.02]. Phần lớn các giảng viên trong trường đều có thể sử dụng tốt ngoại ngữ trong giao tiếp và trao đổi học thuật [H6.06.02.09]. Toàn bộ các giảng viên trong trường đều có thể áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến trong bối cảnh hiện nay [H6.06.02.10].

Ngoài ra, quy định cũng xác định rõ tiêu chuẩn đối với từng vị trí nghiên cứu viên, chuyên viên và tương đương khác (kế toán viên, thư viện viên…), dưới chuyên viên, nhân viên thừa hành, phục vụ đảm bảo các tiêu chí về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và đạo đức nghề nghiệp.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Xác định đội ngũ cán bộ, giảng viên là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà trường, trong thời gian vừa qua, Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên. Việc xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Trường nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp cho việc thực hiện nhiệm vụ, chức năng của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên góp phần xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, có đủ năng lực để xây dựng và phát triển Trường theo đúng chiến lược đã đề ra.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường đã được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01] và trong Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực [H6.06.01.02] . Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, nhà trường đã tiến hành điều tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời thực hiện phân tích nhu cầu trên cơ sở quy hoạch và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường và vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của cán bộ, giảng viên, nhân viên trên nguyên tắc công khai, công bằng và hiệu quả [H6.06.01.06], trong đó xác định qua 3 cấp: (i) *Cấp Trường*: phân tích tình hình thực hiện công việc thực tế để thực hiện tầm nhìn chiến lược; (ii) *Cấp công việc*: phân tích mức độ chênh lệch giữa yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực cần thiết để hoàn thành công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên ở mức lý tưởng so với mức hiện tại thông qua bảng mô tả công việc, quan sát công việc, nhật ký công việc, phỏng vấn; (iii) *Cấp cá nhân*: thông qua đánh giá của trưởng đơn vị và đề nghị của cá nhân.

Dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, đồng thời căn cứ vào Kế hoạch hàng năm Nhà trường giao cho các đơn vị các đơn vị, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo năm học, theo giai đoạn với các chỉ tiêu cụ thể. Năm 2020 có tổng số 129 chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng, trong đó có bồi dưỡng Lý luận chính trị 28 chỉ tiêu, chứng chỉ thăng hạng chức danh nghề nghiệp 57 chỉ tiêu, học tiến sĩ 21 chỉ tiêu, thạc sỹ 1 chỉ tiêu, chứng chỉ quản lý 15 chỉ tiêu, ngoại ngữ 4 chỉ tiêu, tin học 1 chỉ tiêu, bồi dưỡng khác 2 chỉ tiêu [H6.06.04.01, H6.06.04.02]. Trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới, Nhà trường đã đưa ra chỉ tiêu cho giai đoạn 2022 – 2025 với Năm 2022, có 161 chỉ tiêu, trong đó có bồi dưỡng Lý luận chính trị 14 chỉ tiêu, chứng chỉ thăng hạng chức danh nghề nghiệp 24 chỉ tiêu, học tiến sĩ 69 chỉ tiêu, thạc sỹ 15 chỉ tiêu, chứng chỉ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ 28 chỉ tiêu, ngoại ngữ 6 chỉ tiêu, thực tập ngắn hạn 5 chỉ tiêu. Bản kế hoạch đã chỉ ra: đến năm 2025, đội ngũ giảng viên đạt các tiêu chí sau: 15 sinh viên/1 giảng viên quy đổi; số giảng viên có trình độ sau đại học đạt 95% trong đó có 40% giảng viên có trình độ tiến sĩ; các giảng viên đều có khả năng giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng Anh [H6.06.01.02]

Đối với khối giảng dạy, trong *Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*, Trường đã xác định chuẩn năng lực của giảng viên về chuyên môn, ngoại ngữ, giảng dạy, NCKH và tự bồi dưỡng [H6.06.01.03]. Hàng năm, Trường đều ban hành và triển khai kế hoạch đánh giá giảng viên [H6.06.02.05], thực hiện ở 3 cấp (Bộ môn, Khoa và Trường). Kết quả đánh giá giảng viên là căn cứ để Nhà trường xác định các tiêu chuẩn năng lực và có thể coi là bản kế hoạch đào tào, bồi dưỡng giảng viên cụ thể cho từng năm và đến từng giảng viên [H6.06.02.06]. Dựa vào đó, các giảng viên phải tự xây dựng kế hoạch học tập bồi dưỡng của cá nhân để đạt chuẩn giảng viên theo quy định.

Hiện tại, hầu hết giảng viên đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học. Đặc biệt số giảng viên vượt chuẩn TOEFL-ITP 500 trở lên chiếm 65% có khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các giảng viên tốt nghiệp nước ngoài về đều thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến của Nhà trường [H6.06.02.09, H6.06.02.10].

Để nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, trong 5 năm vừa qua, Nhà trường đã cử 4 cán bộ, giảng viên học lớp cao cấp lý luận chính trị, 85 cán bộ, giảng viên học lớp trung cấp lý luận chính trị, 37 giảng viên nghiên cứu sinh, 7 giảng viên học cao học ở cả trong nước và nước ngoài, 8 cán bộ tham gia khóa đào tạo kiểm định viên, 7 cán bộ tham gia khóa đào tạo quản trị viên BSC, KPI và OKR [ H6.06.04.03].

Công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ, giảng viên mới tuyển dụng được Nhà trường chú trọng thực hiện nhằm giúp đội ngũ mới này nhanh chóng tiếp cận, hòa nhập, tìm hiểu về Trường để nắm bắt và định hướng làm việc phù hợp thông qua kế hoạch tập huấn ban đầu 1-3 tháng tại tất cả các đơn vị thuộc Trường và đánh giá nhân sự mới thông qua biên bản tập huấn để có những điều chỉnh cho phù hợp với nhân sự [H6.06.04.04].

Trong vòng 5 năm, mỗi kỹ thuật viên, nhân viên trung bình được đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần. Nhà trường đều dành nguồn kinh phí và thời gian cho việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên, nhân viên theo quy chế chi tiêu nội bộ để tạo điều kiện cho đội ngũ này tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ để hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và người học trong việc vận hành máy móc, sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu công việc đảm nhận tại các khoa, phòng chức năng trong trường. [H6.06.04.05].

Hàng năm, Nhà trường sử dụng bộ tiêu chuẩn định lượng đánh giá toàn diện đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên; khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về thái độ phục vụ của nhân viên thư viện, phòng lab. Kết quả đánh giá cho thấy, đa số đội ngũ này có tác phong làm việc chuyên nghiệp và thái độ phục vụ tốt trở lên chiếm trên 85% [H6.06.04.06].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỹ luật. Cơ cấu quản lý của Trường được hình thành và hoạt động đảm bảo phù hợp Luật pháp Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, có mục tiêu thống nhất, có trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi rõ ràng, có tính tập trung thống nhất và hoạt động có hiệu quả. Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên ở từng vị trí công việc được quy định rõ ràng, với 51 vị trí công việc trong đề án vị trí việc làm [H6.06.01.06] và dựa trên cơ sở bản giao nhiệm vụ của Nhà trường qua từng năm học đối với các đơn vị thuộc trường và đối với CBVC [H6.06.05.01].

Quá trình thực hiện công việc của CBVC được hướng dẫn, giám sát, đôn dốc thông qua hệ thống phần mềm như phần mềm quản lý nhân sự, hệ thống quản lý Edusoft [H6.06.05.02] và giám sát các hoạt động được thực hiện thường xuyên thông qua hệ thống quy trình về thanh tra kiểm tra hoạt động của Nhà trường [H6.06.05.03]. Hệ thống quy định, quy chế được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, các quy định chính đối với quản lý thực hiện nhiệm vụ bao gồm: nội quy lao động, quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.05.04]; Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, bao gồm các hoạt động nghiên cứu, định mức nghiên cứu trong năm, số giờ nghiên cứu khoa học của từng hoạt động [H6.06.01.08]. Các quy định đào tạo bồi dưỡng cán bộ, quy định hướng dẫn đối với giảng viên tập sự… [H6.06.05.05]; Chế độ báo cáo được tiến hành thường xuyên, tổ chức họp giao ban hàng tuần và giao ban hàng tháng [H6.06.05.06, H6.06.05.07] để nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ, rút kinh nghiệm, trao đổi công tác và triển khai các công tác mới đảm bảo các công tác trong nhà trường được thực hiện và hoàn thành tốt nhất.

Hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận gồm Hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng [H6.06.05.08], Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.08], Quy chế lương [H6.06.05.09]. Các chính sách này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Công tác đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng Hành chính - Tổ chức, thông tin ghi nhận và báo cáo của Phòng Thanh tra; Phòng Đào tạo, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo đơn vị đối với từng cá nhân thuộc đơn vị mình quản lý. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau [H6.06.02.05]

*Đối với GV*: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường.

*Đối với cán bộ, nhân viên*: Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường.

Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của cán bộ, giảng viên, nhân viên [H6.06.02.06].

Các cán bộ, giảng viên, nhân viên có thành tích xuất sắc trong quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ đào tạo đều được Nhà trường ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng và tặng thưởng danh hiệu từ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên [H6.06.05.10]. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã xét cho 365 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 5 chiến sĩ thi đua cấp Bộ cho cá nhân, 3 Cờ thi đua cho tập thể , 1 Bằng khen của thủ tướng chính phủ cho cá nhân, 61 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo cho cá nhân, 12 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo cho tập thể, 13 Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái nguyên cho tập thể, 112 Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái nguyên cho cá nhân. Các danh hiệu thi đua khen thưởng đều được Nhà trường khen thưởng và xét nâng lương trước thời hạn theo quy định của Nhà nước và Nhà trường. Từ năm 2018 -2022, Nhà trường đã xét nâng lương trước thời hạn cho 121 CBVC đạt danh hiệu khen thưởng các cấp. [H6.06.05.11].

Để khen thưởng và ghi nhận các giảng viên có khả năng trong lĩnh vực KHCN, Trường đã có chế độ hỗ trợ đăng công bố quốc tế; Các giảng viên có kết quả tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đều được khen thưởng thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Từ năm 2018 – 2022, Nhà trường đã chi hỗ trợ kinh phí cho …. công bố quốc tế [H6.06.05.12]. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà trường đã thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, góp phần nâng cao năng lực phát triển và hội nhập quốc tế của Trường.

Về mặt đời sống, các chế độ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội được thực hiện đầy đủ theo quy định của Pháp luật. Nhằm động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực hơn nữa trong công tác, ngoài lương cơ bản, người lao động còn nhận lương tăng thêm trong quỹ lương của Nhà trường tùy theo mức độ hoàn thành công việc được giao [H6.06.05.13], chế độ thuởng các ngày lễ và chế độ thai sản [H6.06.01.08].

Thông qua hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ, cho thấy các mặt hoạt động trong trường ngày càng phát triển hiệu quả, cơ sở vật chất ngày càng mở rộng, số lượng sinh viên tuyển sinh hàng năm đạt kết quả cao, số lượng, chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học tăng về số lượng và mở rộng về quy mô, các hoạt động phục vụ cộng đồng, hưởng ứng các cuộc vận động diễn ra thường xuyên và thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên tham gia, kết quả của hệ thống quản lý hiệu quả cho thấy vị thế của trường được xã hội thừa nhận và đánh giá cao.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Nhà trường được định kỳ rà soát qua các năm. Việc rà soát được thực hiện với các hình thức khác nhau như: Khảo sát ý kiến các bên liên quan, rà soát thông qua các cuộc họp giao ban, qua các báo cáo công tác tháng, năm …

Quy trình tuyển dụng và các biểu mẫu đính kèm được rà soát hàng năm cùng với các quy trình nghiệp vụ khác. Sau khi rà soát, Phòng KT&ĐBCLGD lập sổ theo dõi những thay đổi nếu có và công bố trên Website [H6.06.02.02].

Hàng năm, Phòng Hành chính - Tổ chức tổ chức lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan cho các chế độ, chính sách, quy chế - quy định, về quy hoạch nguồn nhân lực… để xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung hệ thống chế độ, chính sách, quy chế quy định và nguồn lực cho năm học mới, như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, rà soát quy hoạch hàng năm… [H6.06.06.01, H6.06.06.02]. Thông qua các cuộc họp giao ban các cấp [H6.06.05.07]: giao ban hàng tuần của các đơn vị (thứ Hai hàng tuần), giao ban công tác đào tạo của Lãnh đạo các đơn vị với Ban Giám hiệu, giao ban công tác sinh viên (1 lần/tháng), giao ban toàn trường giữa Lãnh đạo các đơn vị với Ban Giám hiệu và Hội đồng trường (1 lần/tháng), tùy cấp độ mà các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát để cải tiến cho phù hợp [H6.06.06.03].

Trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nhân lực với yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực nằm trong chiến lược tổng thể phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, trong đó đã quy hoạch nguồn nhân lực đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và thường xuyên rà soát, cụ thể hóa thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức hàng năm [H6.06.04.02]; kế hoạch phát triển nhân lực theo giai đoạn 2022-2025 [H6.06.01.02].

Ngoài việc xây dựng và thường xuyên rà soát quy hoạch nguồn nhân lực làm công tác chuyên môn, Nhà trường cũng đã xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Trường theo từng giai đoạn và thực hiện rà soát định kỳ hàng năm [H6.06.06.04].

Ngoài ra, công tác nhân sự cũng được Phòng Hành chính - Tổ chức rà soát hàng năm, trên cơ sở đó có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đề ra trong kế hoạch năm học để có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến kịp thời nhằm đạt được mục tiêu chiến lược đề ra [H6.06.04.01, H6.06.04.02, H6.06.04.12].

Phần mềm hỗ trợ công tác quản lý nhân sự cũng được xây dựng và đưa vào vận hành từ năm 2013, hàng năm có sự rà soát, bổ sung, điều chỉnh thông tin cho phù hợp với quy mô quản lý nguồn nhân lực này càng tăng đảm bảo tinh giản, hiệu quả [H6.06.05.02].

Hoạt động rà soát còn được thực hiện trong các lần đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài. Năm 2021, Nhà trường triển khai xây dựng quy trình ISO và đã tổ chức đánh giá nội bộ 2 đợt cho tất cả các đơn vị. Các chế độ, chính sách, quy trình và việc quy hoạch nguồn nhân lực còn được rà soát bởi hoạt động tự đánh giá phục vụ cho các đợt đánh giá ngoài (ISO, AUN-QA) [H6.06.06.05].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

### Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Sau khi khảo sát ý kiến các bên liên quan, đối sánh các chỉ số giữa kế hoạch đề ra với kết quả đạt được, qua sự phát hiện và góp ý của các chuyên giá đánh giá và thông qua các cuộc họp rà soát về chế độ, chính sách nhân sự, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Nhà trường đã phân tích tình hình nhân sự cụ thể để đánh giá những thuận lợi và khó khăn hiện tại và có những điều chỉnh, cập nhật và cải tiến cho phù hợp với thực tế hoạt động và yêu cầu của xã hội. Từ kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm 2020 và có sự điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2022-2025 trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực do các đơn vị đề xuất lên. Trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nhân lực với yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh quy hoạch nguồn nhân lực đến năm 2025 theo hướng dịch chuyển cơ cấu chuyên môn sang các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ để tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị [H6.06.01.02]. Đặc biệt, từ năm 2021, Nhà trường xây dựng quy chế làm việc, quy định rõ định mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ NCKH và công bố quốc tế [H6.06.01.07, H6.06.05.12].

Hàng năm, Quy chế Chi tiêu nội bộ được cập nhật, bổ sung các định mức chi, nâng mức chi cho các hoạt động đào tạo và NCKH, các hoạt động thường xuyên của các đơn vị, các hoạt động tuyên truyền tuyển sinh... [H6.06.01.08]. Để nâng cao thương hiệu, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh chế độ hỗ trợ công bố quốc tế từ mức cao nhất (cho các công bố thuộc danh mục SCI) 40 triệu đồng/bài báo lên mức cao nhất là 70 triệu đồng/bài báo [H6.06.01.08, H6.06.05.12 ]. Đây là động lực rất lớn để Trường đẩy nhanh số lượng và chất lượng công bố quốc tế, gia tăng số giảng viên có công bố quốc tế hàng năm, cũng như tạo môi trường học thuật tích cực, thu hút các giảng viên, các nhà khoa học tham gia NCKH. Từ năm 2018 - 2022, Trường đã có tổng 864 công bố quốc tế, số công bố quốc tế năm 2021 (253 công bố) tăng 312% so với năm 2018 (81 công bố quốc tế). Trong 2 năm gần đây, mặc dù Nhà trường đã điều chỉnh và giảm mức chi hỗ trợ cho các công bố quốc tế nhưng số lượng và chất lượng các công bố vẫn tăng [H6.06.07.01].

Quy chế nâng lương trước thời hạn được rà soát, điều chỉnh vào mỗi đợt xét nâng lương hàng năm đã nâng chỉ tiêu xét nâng lương trước thời hạn từ 4,7% (26 CBVC được nâng lương trước thời hạn/543 CBVC của trường) lên 6,5% (32 CBVC được nâng lương trước thời hạn/493 CBVC của trường) và cho phép bảo lưu thành tích tối đa trong 6 năm gần nhất tính đến thời điểm xét. Điều này đã làm tăng cơ hội được xét nâng lương trước thời hạn đối với CBVC, đồng thời tạo ra động lực cho CBVC nỗ lực phấn đấu thường xuyên, liên tục trong công việc để đạt kết quả công tác tốt. Quy chế cũng được cập nhật quy định không xét nâng lương trước thời hạn 2 lần liên tiếp để khách quan hơn trong quá trình xét [H6.06.07.02].

Quy chế thi đua, khen thưởng được chiếu theo Luật thi đua khen thưởng và được bổ sung, cập nhật theo hướng cụ thể và thực tế hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí xét cho phù hợp với điều kiện và đặc thù công tác của Trường; lấy kết quả đánh giá CBVC cuối mỗi năm học làm cơ sở xét thi đua, khen thưởng. Qua đó, công tác bình xét thi đua khen thưởng mang tính thiết thực, có tác dụng tốt trong việc khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ [H6.06.05.08, H6.06.05.10].

Các tiêu chí đánh giá giảng viên được rà soát, bổ sung, cụ thể hóa phù hợp với năng lực, tính chất công việc của từng nhóm đối tượng cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, nhân viên [H6.06.02.05].

Chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn của các giảng viên có chức danh GS, PGS và có trình độ TS cũng được rà soát, điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng của các giảng viên được kéo dài và dịch chuyển cơ cấu ngành, khối ngành, để tạo điều kiện thu hút giảng viên đầu ngành, giảng viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy cho các ngành có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt [H6.06.07.03].

Việc kết nối cơ sở dữ liệu giữa các Phòng Thanh tra, Phòng Hành chính - Tổ chức, Phòng đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính giúp việc tính khối lượng công tác của cán bộ, giảng viên, nhân viên đảm bảo tính chính xác và kịp thời. Các phần mềm quản lý được cải tiến nâng cấp hàng năm. Các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý nhân sự cũng được rà soát, xây dựng cho phù hợp với quy mô nguồn nhân lực đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự [H6.06.05.02].

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã triển khai việc lấy ý kiến cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Trường vào cuối mỗi năm học về các chế độ, chính sách, quy trình liên quan đến nguồn nhân lực là bước tiến mới trong công tác quản lý. Cơ cấu và hệ thống quản lý nguồn nhân lực ngày càng cải tiến theo hướng tinh gọn giúp tiết kiệm chi phí quản lý và đạt được hiệu quả quản lý cao [H6.06.07.04, H6.06.07.05].

Để có được đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên ngày càng phát triển, hoạt động hiệu quả và nhịp nhàng như ngày nay của Nhà trường chính là nhờ Nhà trường liên tục cập nhật, rà soát, cải tiến các chế độ chính sách về nguồn nhân lực như chế độ lương, thưởng, phúc lợi, các chính sách về nghiên cứu khoa học, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ… chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng năng lực đội ngũ, đã tạo sự an tâm công tác và cống hiến hết mình của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: /7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có đã quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm CBVC và các khâu của công tác cán bộ, đáp ứng tốt yêu cầu chiến lược phát triển Nhà trường. Đạo đức và tự do học thuật được khái quát hóa thành các giá trị cốt lõi của Văn hóa TNUT và được cụ thể hóa trong các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân sự. Công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí giảng viên và lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở Trường với các tiêu chí rõ ràng, được công khai, minh bạch, đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, môi trường học thuật trung thực và thẳng thắn.

Hệ thống tiêu chuẩn năng lực chức danh nghề nghiệp giảng viên và các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được xây dựng dựng bài bản, đúng quy trình và được ban hành, phổ biến đến toàn thể CBVC nên tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Nhờ xây dựng được các chế độ, chính sách tích cực, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của Trường đã chuyển thành nhu cầu tự thân của mỗi cá nhân nên đã tạo được động lực và quyết tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên của Trường. Nhà trường đã có chính sách khen thưởng ghi nhận tích cực. Chế độ khen thưởng và ghi nhận được thực hiện kịp thời và khách quan đã tạo động lực làm việc cho các CBVC, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực tốt yên tâm công tác tại Trường. Trường đã chủ động, tích cực cải tiến các chế độ chính sách đối với giảng viên.

Đội ngũ giảng viên của Trường được quy hoạch bài bản, khoa học và được rà soát thường xuyên, tổng thể, có tính đến các yếu tố rủi ro về sự dịch chuyển mạnh mẽ của cơ cấu ngành nghề tuyển sinh nên đáp ứng tương đối tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH, PVCĐ và yêu cầu hội nhập quốc tế.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Mặc dù Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách phát triển đội ngũ giảng viên hiện có và thu hút các giảng viên có trình độ cao nhưng do sự dịch chuyển mạnh mẽ về cơ cấu ngành nghề tuyển sinh dẫn đến đã có sự phát triển chưa thực sự đồng đều về cơ cấu giảng viên của các khối ngành, cụ thể là: Đội ngũ giảng viên khối các ngành truyền thống của Trường có số lượng và chất lượng rất tốt. Trong khi đó, đội ngũ giảng viên các ngành mới có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt đang trong giai đoạn hoàn thiện).

Tuy nhu cầu đào tạo bồi dưỡng viên chức khối quản lý, phục vụ đã được xác định trong từng giai đoạn và từng năm nhưng vẫn xảy ra việc một số viên chức khối quản lý, phục vụ đi đào tạo, bồi dưỡng không theo quy hoạch làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

Mặc dù được đánh giá là một trong số các trường đại học có chế độ lương tăng thêm, thưởng và phúc lợi tích cực, có tính cạnh tranh, tuy nhiên, chế độ lương tự chủ của Trường còn mang tính bình quân, chưa thực sự khuyến khích được cá nhân có năng lực và cống hiến tốt, đặc biệt là đội ngũ CBVC trẻ có năng lực và nhiệt huyết công tác, cống hiến cho Nhà trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

Các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của CSGD mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, CSGD phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Nhà trường sẽ xây dựng bổ sung một số chính sách (phụ cấp thu hút, tiếp tục hỗ trợ đăng công bố quốc tế và đề xuất ý tưởng KHCN …) để thu hút giảng viên có trình độ cao cho các khối các ngành mới có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt nhưng thiếu giảng viên đầu ngành, giảng viên có trình độ cao. | Phòng Hành chính - Tổ chức | Từ năm 2022 - 2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Nhà trường cần xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ viên chức khối quản lý, phục vụ cụ thể cho từng năm, đến từng cá nhân để nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng viên chức khối quản lý, phục vụ, đồng thời đảm bảo khối lượng công tác cho các đơn vị và cho Nhà trường | Phòng Hành chính – Tổ chức | Hàng năm |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại 3 | Nhà trường cần sẽ sớm xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí làm việc và của mỗi đơn vị để làm căn cứ xây dựng chế độ lương tự chủ theo kết quả đánh giá năng lực được phân cấp rõ ràng, phát huy được năng lực cá nhân và thúc đẩy đơn vị phát triển. | Phòng Hành chính – Tổ chức | Từ năm 2022 - 2023 |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 1 | Nhà trường tiếp tục duy trì công tác phát triển nguồn nhân lực hàng năm, theo chu kỳ để tái khẳng định tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng yêu cầu giáo dục khai phóng phù hợp với xu thế thời đại. | Phòng Hành chính – Tổ chức | Hàng năm |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 2 | Đạo đức và tự do học thuật tiếp tục được đề cao và khái quát hóa thành các giá trị cốt lõi của Văn hóa TNUT. | HĐT | Hàng năm |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh 3 | Chú trọng công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí giảng viên và lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở Trường với các tiêu chí rõ ràng, được công khai, minh bạch, và đặc biệt chú ý đến việc rà soát điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp với điều kiện thực tế sự phát triển của nhà trường. | Phòng Hành chính – Tổ chức | Hàng năm |  |
| 7 | Phát huy điểm mạnh 4 | Tiếp tục xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chính sách đào tạo, bồi dưỡng can bộ, giảng viên, nhân viên để phù hợp với điều kiện hiện có của Nhà trường; đồng thời phát huy tinh thần nhiệt huyết công hiến của CBVC đối với sự phát triển của Trường. | Phòng Hành chính – Tổ chức | Hàng năm |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 6*** |  |
| Tiêu chí 6.1 |  |
| Tiêu chí 6.2 |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |

## Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

### Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập. Trước năm 2022 Trường thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Từ ngày 01/01/2022 Trường thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Để thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tháng 9/2021 Nhà trường đã xây dựng Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 – 2026, theo đó mức tự đảm bảo chi thường xuyên của Nhà trường bình quân giai đoạn này được xác định là 87,1%.

**Mức tự đảm bảo chi thường xuyên theo lộ trình 2022-2026**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **BQ** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** |
| Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) | 87,1 | 81,4 | 82,4 | 85,5 | 90,4 | 93,1 |

Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 – 2026 đã được trình Đại học Thái Nguyên phê duyệt thực hiện [H7.07.01.03].

**Việc xây dựng và giám sát thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phục vụ chiến lược phát triển của Nhà trường; Lập dự toán thu chi từ ngân sách và các nguồn thu hợp pháp khác để phục vụ các nhiệm vụ của Nhà trường, phục vụ cộng đồng được Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo, Phòng KHTC được giao làm đầu mối tư vấn, triển khai thực hiện** [H7.07.01.01].

Để quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài chính, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển 5 năm, kế hoạch dự toán 3 năm. Hàng năm, căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, thực trạng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và kế hoạch đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch dự toán chi tiết năm bám sát nhu cầu và có phân tích, điều chỉnh các kế hoạch trong quá trình triển khai để đáp ứng các hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.02]. Các nguồn tài chính của Nhà trường bao gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp hàng năm; các khoản thu từ học phí; các nguồn thu sự nghiệp khác.

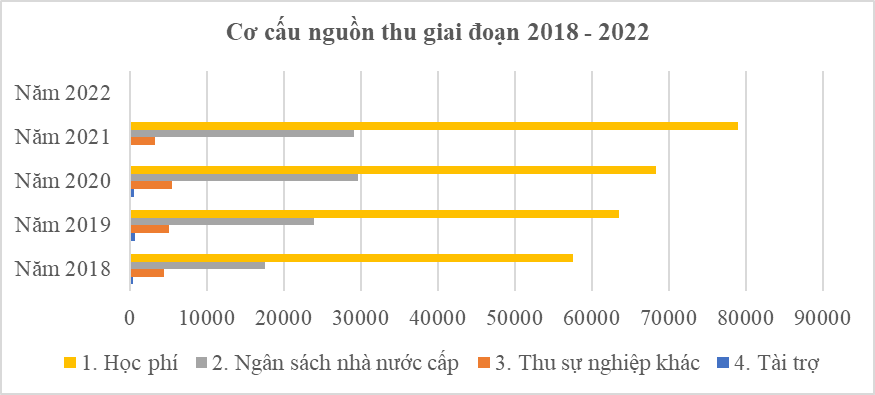
Để xây dựng Dự toán chi tiết hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Đại học Thái Nguyên và thông báo giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng triển khai xây dựng kế hoạch dự toán, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị xây dựng kế hoạch dự toán, phòng KHTC tổng hợp nhu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị, dự kiến kế hoạch dự toán và tổ chức Hội nghị đánh giá đề xuất thực hiện các nhiệm vụ trong tâm do các đơn vị triển khai, trên cơ sở kết quả hội nghị Nhà trường lập kế hoạch dự toán trình Đại học Thái Nguyên thẩm định phê duyệt theo quy định. Dự toán chi tiết sau khi được phê duyệt đảm bảo thống kê đầy đủ đơn giá, khối lượng, kinh phí cũng như thời gian thực hiện các hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.04].

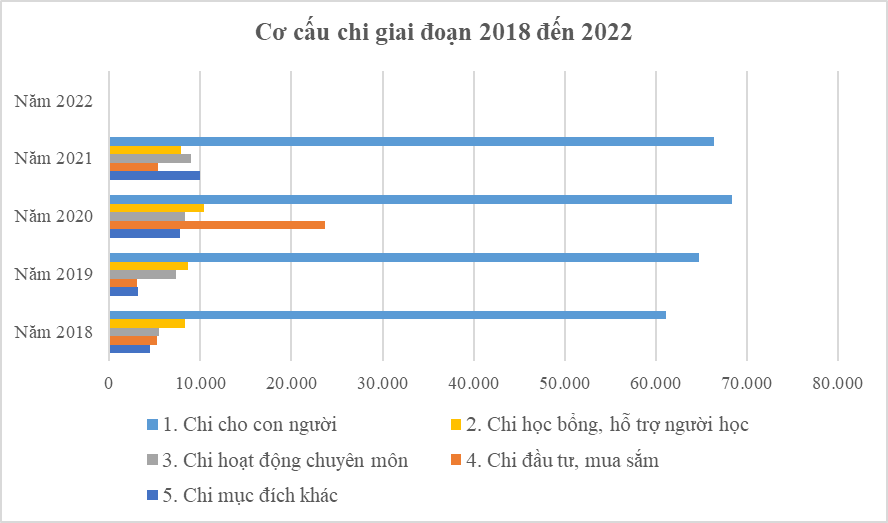
Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường cũng như việc thực hiện Dự toán chi tiết hàng năm được ghi nhận trên Báo cáo tài chính và Quyết toán NSNN hàng năm [H7.07.01.05].

Báo cáo tài chính và Quyết toán NSNN hàng năm đều được Đoàn công tác của Đại học Thái Nguyên thẩm định, xét duyệt; Kiểm toán Nhà nước cũng như Tổ kiểm tra nội bộ công tác Tài chính – Kế toán của Nhà trường kiểm tra và đều được đánh giá thực hiện tốt, chấp hành đầy đủ về công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính theo quy định hiện hành [H7.07.01.06] [H7.07.01.07].

Kết quả tài chính thực hiện trong 5 năm qua được thể hiện qua biểu đồ sau:

*ĐVT: Triệu đồng*





**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### **Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ** **sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v... để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

Trường Đại học KTCN có khuôn viên rộng rãi với hơn 220.700 m2. Diện tích sàn xây dựng gần 90.000 m2 với 34 tòa nhà, trong đó: khu chính gồm có 19 tòa nhà với tổng diện tích đất là 155.576 m2; khu xưởng thực hành (gồm Xưởng Cơ khí và Xưởng Điện) với 03 tòa nhà với diện tích 14.292 m2; khu ký túc xá có 12 tòa nhà với tổng diện tích đất 17.794 m2; khu sân bóng với diện tích đất 11.123 m2, số liệu chi tiết và hiện trạng sử dụng được thống kê trong Bảng 7.2.1. Nhà trường đã xây dựng khuôn viên trường với quy hoạch chi tiết Nhà trường đã có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên; có dư số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo; có ký túc xá đáp ứng cho khoảng 3.500 chỗ ở; có sân bãi rộng rãi, đa dạng cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên; có nhà khách đủ tiêu chuẩn cho các Giáo sư nước ngoài và trong nước đến làm việc tại trường. Với hơn 57 năm xây dựng, phát triển, nhà trường đã xây dựng được cơ sở vật chất tương đối hoàn thiên, khang trang và đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy, học tập [H7.7.02.01]

*Bảng 7.2.1. Thống kê số lượng tòa nhà và diện tích sử dụng*

| **TT** | **Tên Nhà** | **Diện tích sàn (m2)** | **Diện tích đất XD (m2)** | **Hiện trạng sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nhà A7, A8, A9, A10, A16 | 18.002 | 4.321 | Giảng đường |
| 2 | Nhà thí nghiệm (TN), A4, A5, A6, HB, nhà làm việc Trung tâm thực nghiệm (TTTN) | 22.819 | 5.044 | Nhà làm việc |
| 3 | Thư viện | 4.550 | 1.367 | Thư viện |
| 4 | Nhà xưởng TTTN, nhà TN, Hội trường 40, 41 | 5.985 | 3.085 | Thí nghiệm, thực hành |
| 5 | Nhà A1, A2, A3, D1, D2, D3, D4, K1, K2, K3, K4, K5, K6 | 36.410 | 8.466 | Ký túc xá |
| 6 | Nhà thể thao cầu lông | 250 | 250 | Nhà thể thao |
| 7 | Nhà khách, nhà chuyên gia | 1.500 | 625 | Nhà khách |
| 8 | Nhà ăn sinh viên | 2.210 | 1.105 | Nhà ăn |
| 9 | Trạm Y tế | 200 | 200 | Trạm y tế |
| Tổng | | 87.376 | 24.463 |  |

Nhà trường có 18 phòng thí nghiệm thực hành thuộc các khoa chuyên môn và 02 xưởng thực tập thuộc Trung tâm thực nghiệm với hàng ngàn thiết bị máy móc đáp ứng tốt các yêu cầu về học tập và đào tạo của sinh viên [H7.7.02.02]. Hàng năm, thông qua các đề tài đặt hàng, nhà trường đầu tư nâng cấp, nhân bản các thiết bị thí nghiệm, thực hành để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập ngày càng tăng của sinh viên, đặc biệt là các chuyên ngành đông sinh viên. Các nội dung, lịch và tình trạng máy móc thiết bị được giảng viên hướng dẫn, cán bộ quản lý thiết bị ghi chép, cập nhật vào sổ theo dõi [H7.7.02.03]

Song song với công tác phục vụ giảng dạy, học tập cơ sở vật chất trường còn phục vụ nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2020 - 2022, với những nghiên cứu của thầy và trò nhà trường, hàng trăm máy đo thân nhiệt không tiếp xúc, máy cấp dung dịch sát khuẩn, dung dịch rửa tay khô được sản xuất, cho tặng miễn phí cho học sinh, cộng đồng dân cư ở Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Kạn… Ngoài ra, hưởng ứng và truyền bá giáo dục tích cực STEM, nhiều công cụ hỗ trợ giảng dạy, bài giảng được thiết kế và áp dụng cho giáo dục phổ thông trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên [H7.7.02.04].

Nhà trường giao cho Phòng Quản trị - Phục vụ là đơn vị chức năng, làm đầu mối quản lý tổng thể cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng của Nhà trường; là đơn vị xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất (CSVC) và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Phòng có bộ phận thường trực sẽ đảm nhiệm việc sửa chữa, xử lý sự cố về điện, nước trong toàn trường; có tổ phục vụ giảng đường sẽ xử lý sự cố, trợ giúp kỹ thuật cho giảng viên tại các giảng đường để đảm bảo quá trình học tập, giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường được diễn ra với chất lượng tốt nhất. Việc duy trì, xử lý và khắc phục các sự cố liên quan tới hệ thống mạng nội bộ, đường truyền internet, website, thư điện tử, tài khoản của người học được giao cho Trung tâm Thông tin - Thư viện đảm nhiệm. Các phòng thí nghiệm, thực hành do các khoa chuyên môn, xưởng thực tập do Trung tâm thực nghiệm trực tiếp đảm nhiệm [H7.7.02.05].

Nhằm đầu tư, nâng cấp đồng bộ, sử dụng và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch về CSVC [H7.7.02.06]. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường ban hành kế hoạch cụ thể trong năm về đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và xin ý kiến phê duyệt Hội đồng trường và Đại học Thái Nguyên để thực hiện [H7.7.02.07]. Trên cơ sở dữ toán ngân sách, kế hoạch triển khai từng năm, Phòng Quản trị - Phục vụ là đơn vị đầu mối thực hiện việc triển khai, giám sát đánh, giá kết quả thực hiện; tổng hợp, thống kê các hạng mục về CSVC, thiết bị đầu tư từng năm để làm cơ sở để xây dựng kế hoạch đầu tư, nâp cấp, sửa chữa CSVC, thiết bị cho năm tiếp theo. Các hạng mục CSVC, thiết bị được thực hiện theo đúng kế hoạch của từng năm. Từ năm 2018 cho đến nay, nguồn kinh phí dành cho đầu tư cho CSVC liên tục tăng do nhu cầu thực tế về đào tạo, trung bình khoảng 15 tỷ/năm, trong đó kinh phí cho bảo trì và vật tư cho thực hành thí nghiệm khoảng 2 tỷ đồng. [H7.7.02.08].

*Biểu đồ 7.2.2: Thống kê kinh phí đầu tư CSVC, thiết bị hàng năm*

*(Chưa có số liệu nên chưa vẽ được)*

Nhà trường ứng dụng phần mềm MISA để quản lý, theo dõi, kiểm kê, đầu tư tài CSVC và thiết bị có hiệu quả [H7.7.02.09]. Thực hiện kế theo kế hoạch năm, thường thi cuối mỗi năm học Phòng quản trị - phục vụ sẽ phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, thiết bị tại trường, theo từng hạng mục và báo cáo Ban giám hiệu Nhà trường, từ đó có kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH, PVCĐ. Về cơ bản, CSVC và thiết bị của Nhà trường được khai thác và sử dụng có hiệu quả [H7.7.02.10].

Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của sinh viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất nhà trường. Kết quả trung bình có trên 90% sinh viên hài lòng về tiêu chí này [H7.7.02.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Ứng dụng CNTT là một trong những yếu tố quan trọng đêm lại hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, hỗ giảng dạy, NCKH bằng việc triển khai, sử dụng, khai thác có hiệu quả hoàng loạt các phần mềm tin học, hệ thống website và cổng thông tin điện tử [H7.7.03.01].

*Bảng 7.3.1: Danh mục các phần mềm tin học, website, email*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phần mềm** | **Lĩnh vực ứng dụng** |
| 1 | Phần mềm Edusoft.Net | *Gồm hơn 40 modul/ tính năng:*  Quản lý các hoạt động đào tạo; quản lý sinh viên; quản lý nhân sự; quản lý học phí; quản lý khoa học; quản lý CSVC và tài sản; quản lý ký túc xá; quản lý đoàn hội; quản lý ngoại trú; quản lý hoạt động ngoại khóa; quản lý cựu sinh viên; quản lý khảo thí,… |
| 2 | Công thông tin nội bộ Portal  (<http://porttal.tnut.edu.vn>) | Đăng ký học phần và xét duyệt đăng ký học phần; thông tin về lý lịch của sinh viên, lịch học, lịch thi, kết quả học tập, kết quả rèn luyện, học phí, kết quả xét tốt nghiệp, tình trạng nội và ngoại trú; cập nhật lý lịch sinh viên; cập nhật bảo hiểm ý tế; đăng ký nội trú; khảo sát; đăng ký giấy chứng nhận online; gửi và nhận thông điệp, thông báo của trường; gửi và nhận ý kiến phản hồi; cung cấp thông tin nội bộ, các quy định, quy chế, hướng dẫn, biểu mẫu cho người học. |
| 3 | Hệ thống website  (<http://tnut.edu.vn>) | *Gồm website chủ và 28 của đơn vị và các tổ chức đoàn thể:*  - Cung cấp trực tuyến thông tin của Nhà trường tới cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, NCS của Nhà trường nhằm phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.  - Quảng bá, thông tin về các hoạt động, thành tựu của Nhà trường đến các cá nhân và đơn vị có liên quan trên môi trường Internet.  - Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các văn bản quản lý, điều hành của Nhà trường, Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục & Đào tạo có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường. |
| 4 | Phần mềm quản lý thư viện ILIB | Quản lý tài liệu, quản lý bạn đọc, quản lý mượn trả tài liệu |
| 5 | Phần mềm quản lý tài liệu số tích hợp chương trình đào tạo  (<http://ebook.edu.vn>) | Quản lý toàn bộ tài liệu số chung của Nhà trường theo CTĐT; cung cấp tài liệu thông qua mạng nội bộ và Internet cho người học nhanh, thuận tiện, bám sát với các học phần trong CTĐT; phục vụ công tác thống kê và báo cáo. |
| 6 | Hệ thống Elearning | Hệ thống elearning của trường cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết các học phần cùng với các bài giảng số và các tài liệu khác giúp người học chủ động tham gia học tập và nghiên cứu từ xa |
| 7 | Phần mềm quản lý văn bản VnptiOffice | Quản lý, xử lý các văn bản nội bộ của trường |
| 8 | Quản lý thi trắc nghiệm TestOnline | Tô chức thi trách nghiệm online cho một số học phần trong trường |
| 9 | Phần mềm thi Tiếng Anh A2,B1 | Tổ chức thi ngoại ngữ cho sinh viên |
| 10 | MISA | Quản lý hoạt động thu chi tài chính |
| 11 | Hệ thống Email | Hệ thống quản lý và trao đổi thư điện tử nội bộ; mỗi người học và giảng viên được cung cấp tài khoản có phần mở rộng là @tnut.edu.vn |
| 12 | Hệ thống học trực tuyến MS TEAM | Hệ thống hỗ trợ học tập và giảng dạy trực tuyên; mỗi người học và giảng viên được cung cấp tài khoản có phần mở rộng là @tnut.edu.vn |

Trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT tiên tiến và hiện đại, đáp ứng tốt các yêu cầu về chuyển đổi số của trường ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, gồm: hệ thống 11 máy chủ lưu trữ và xử lý dữ liệu, hệ thống mạng nội bộ được kết nối toàn trường bằng cáp quang với chiều dài khoảng gần 8000 mét, gồm hơn 70 thiết bị kết nối và chia sẻ dữ liệu trong hệ thống mạng, hơn 1400 đầu kết nối mạng cố định, 13 đường truyền internet băng thông rộng với tổng băng thông đường truyền 1400 Mbps, hệ thống wifi được lắp đặt và phủ sóng toàn bộ các khu làm việc, giảng đường, khuân viên, ký túc xá và thư viện. Trong những năm gần đây, với xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ trong giáo dục, Nhà trường đầu tư 59 giảng đường thông minh tích hợp chức năng giảng dạy trực tiếp và trực tuyến. Hệ thống này rất phù hợp với đào tạo hệ quốc tế, hệ từ xa giúp tăng tương tác giữa giảng viên và sinh viên học trực tuyến. [H7.7.03.02].

Nhà trường giao cho Trung tâm Thông tin - Thư viện là đơn vị phụ trách quản lý hệ thống CNTT [H7.7.03.03]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện việc tổng kết, báo cáo, xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật CNTT cũng như các phần mềm ứng dụng để phục vụ kip thời hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.7.03.05].

Hệ thống CNTT của trường không ngừng được nâng cấp, cải tiến, mở rộng và hiện đại hóa để bắt kịp với xu thế thời đại công nghệ 4.0 và chuyển đổi số, hỗ trợ cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch, hàng năm Nhà trường đầu tư bổ sung, nâng cấp cả về phần cứng lẫn phần mềm cho hệ thống CNTT [H7.7.03.06]. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã đầu tư khoảng 10 tỷ đồng cho công tác bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng và nâng cấp thiết bị CNTT. Trong đó mua mới khoảng 20% máy tính, thiết bị công nghệ thông tin. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng kinh phí thường xuyên để bảo trì, sửa chữa máy tính, hệ thống mạng nội bộ, đường truyền internet toàn trường [H7.7.03.07]

Trung tâm Thông tin - Thư viện và Phòng Quản trị - Phục vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư của hạ tầng kỹ thuật CNTT và phần mềm tin học. Căn cứ từ phản hồi của các đơn vị sử dụng, khảo sát đánh giá hiện trạng thiết bị, Trung tâm Thông tin thư viện báo cáo Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định chủ trương và kinh phí đầu tư. Ngoài ra, để đảm bảo việc quản lý, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố kịp thời, làm cơ sở để đánh giá hoạt động của hệ thống CNTT toàn trường, Trung tâm Thông tin - Thư viện thực hiện kiểm tra thường xuyên và cập nhật đầy đủ hiện trạng của hệ thống CNTT vào sổ nhật ký quản lý và bảo trì hệ thống mạng nội bộ [H7.7.03.08]

Nhà trường tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của các dịch vụ CNTT và thiết bị CNTT mỗi năm học. Qua khảo sát cho thấy trung bình trên 90% ý kiến của sinh viên hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Nhà trường [H7.7.03.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Nguồn học liệu của trường được tập trung tại thư viện trường. Thư viện trường gồm 02 tòa nhà, với tổng diện tích xây dựng thư viện là 4.550 m2 được bố trí khoa học với đẩy đủ các phòng chức năng, cụ thể là có 6 phòng đọc với 400 chỗ ngồi, 03 phòng mượn, phòng truy cập internet [H7.7.04.01]. Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, với đầy đủ sách giáo trình và sách tham khảo cho tất cả các học phần, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH của người học cũng như giảng viên. Thư viện trường có 6.361 đầu tài liệu là sách giáo trình và sách tham khảo, với tổng 94.854 cuốn, hơn 1.300 luận án, luận văn, gần 2.000 tài liệu số, với hơn 500.000 trang. Ngoài ra, thư viện còn kết nối và chia sẻ CSDL với thư viện của Đại học Thái Nguyên, thư viện của các trường đại học trong nước [H7.7.04.02]. Nhà trường có 70 phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, đèn chiếu sáng, quạt điện và internet [H7.7.04.03].

Thư viện là một bộ phận thuộc Trung tâm Thông tin - Thư viện [H7.7.04.04]. Hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và thực hiện việc bổ sung tài liệu cho thư viện nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của người học cũng như phù hợp với sự thay đổi của chương trình đào tạo [H7.7.04.05]. Trung bình hàng năm Nhà trường đầu tư khoảng ?????(chưa có số liệu nên chưa tổng được) để bảo trì nguồn học liệu cũng như thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các giảng đường [H7.7.04.06].

Các nguồn học liệu của trường được sử dụng và khai thác có hiệu quả, điều này thể hiện bằng số lượng sinh viên đến thư viện, số lượt mượn tài liệu và truy cập sử dụng tài liệu số, trên 90 % sinh viên hài lòng của sinh viên về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Trung bình hàng năm thư viện có khoảng 900.000 lượt bạn đọc, hơn 160.000 lượt mượn trả tài liệu, hơn 4.000.000 triệu lượt truy cập tài liệu số [H7.7.04.07].

Nhà trường ứng dụng phần mềm trong quản lý thư viện, việc thống kê được số lượng người đọc cũng như toàn bộ sách, tạp chí các loại tài liệu tham khảo được thực hiện bằng phần mềm ILIB. Bên cạnh đó sinh viên còn được cấp tài khoản sử dụng thư viện điện tử của Trung tâm số - Đại học Thái nguyên (<http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn>), nguồn tài nguyên của thư viện điện tử này rất phong phú, đa dạng, trong đó có nhiều tài liệu thuộc lĩnh vực đào tạo của trường. Ngoài ra, Nhà trường còn đầu tư xây dựng riêng một CSDL số. CSDL này cho phép gắn kết toàn bộ các tài liệu số của thư viện cũng như của giảng viên với các học phần trong CTĐT, cho phép quản lý hiệu quả toàn bộ tài liệu số chung của Nhà trường theo CTĐT, cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ học tập, giảng dạy, NCKH thông qua mạng nội bộ và Internet cho người học nhanh, thuận tiện, bám sát với các học phần trong CTĐT, đồng thời còn phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng (xây dựng, điều chỉnh, kiểm định và đánh giá các CTĐT, kiểm định Nhà trường), phục vụ công tác thống kê và báo cáo (<http://ebook.tnut.edu.vn>). Hệ thống elearning của trường cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết các học phần cùng với các bài giảng số và các tài liệu khác giúp người học chủ động tham gia học tập và nghiên cứu từ xa (<http://e-learning.tnut.edu.vn>) [H7.7.04.08].

Để từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng của hệ thống thư viện của Nhà trường, phục vụ tốt cho nhu cầu của người học và cán bộ giảng viên, ngoài việc tăng cường bổ sung nguồn tài liệu, Nhà trường còn tập chung đầu tư nâng cấp, cải tạo CSVC, trang thiết bị cho thư viện [H7.7.04.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, sức khỏe và sự an toàn cho tất cả Giảng viên, CBVC, người lao động và sinh viên trong toàn trường. Tổ Y tế thuộc phòng Quản trị - phục vụ là đơn vị trực tiếp làm công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên, CBVC, người lao động của trường. Phòng Công tác sinh viên là đơn vị đầu mối triển khai công tác Bảo hiểm y tế cho sinh viên. Phòng Hành chính tổ chức là đầu mối cho công tác Bảo hiểm y tế cho CBVC và người lao động. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp là đầu mối triển khai công tác bảo vệ an ninh trật tự, vệ sinh môi trường. Đoàn thành niên thường xuyên có các chương trình tình nguyện tổng vệ sinh môi trường. Phòng Quản trị phục vụ là đơn vị đầu mối tham mưu cho Ban giám hiệu về công tác Phòng cháy chữa cháy (PCCC). Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, đảm bảo an ninh trật tự và công tác PCCC trong trường.

*Môi trường sinh thái và môi trường học tập:* Nhằm tạo môi trường làm việc và học tập thân thiện, lành mạnh cho Giảng viên, CBVC, người lao động và sinh viên. Trung tâm DVTH được nhà trường giao trách nhiệm công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường [Đề án khoán chi cho công tác bảo vệ, VSMT]. Khuôn viên trường luôn được giữ gìn xanh, sạch, đẹp và an toàn. An ninh trật tự trong trường được đảm bảo. Trong nhiều năm, nhà trường không để xảy ra hiện tượng, tình trạng mất an ninh trật tự, mất mát tài sản. Nhà trường phối kết hợp với cơ quan bảo vệ pháp luật, chính quyền địa phương để cùng đảm bảo an ninh trật tự, an ninh chính trị nội bộ và giáo dục quản lý sinh viên ở nội, ngoại trú. Tổ chức Đoàn thanh niên thường xuyên phát động phong trào “Ngày chủ nhật xanh”, “Thứ 7 tình nguyện”. “Ký túc xá kiểu mẫu” vận động sinh viên tự giác vệ sinh khuôn viên, phong ở, giảng đường vừa có tác dụng làm xanh, sạch, đẹp khuôn viên trường vừa góp phần giáo dục ý thức giữ gìn môi trường sinh thái và môi trường học tập trong trường.

*Công tác y tế học đường, chế độ bảo hiểm y tế cho sinh viên:* Nhà trường có Trạm y tế với đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBVC và sinh viên. Hằng năm, nhà trường thông báo rộng rãi cho CBVC, sinh viên biết và thực hiện mua BHYT. Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho CBVC và sinh viên hằng năm.

*Công tác PCCC, đảm bảo an toàn, an ninh trong trường học:* Các công trình xây dựng trong trường đều có hồ sơ và biện pháp PCCC đúng quy định. Hằng năm, nhà trường đều chi kinh phí mua bảo hiểm cháy nổ với các công trình phục vụ làm KTX, giảng đường theo quy định. Các phương tiện, vật tư sử dụng cho công tác PCCC được duy tu, bổ sung hằng năm. Công tác tập huấn PCCC diễn ra định kỳ theo quy định, hướng dẫn của lực lượng Cảnh sát PCCC tỉnh Thái Nguyên. Trong nhiều năm, trong trường luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối về PCCC, không để xảy ra hỏa hoạn. Lực lượng thường xuyên làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản trong trường là tổ Bảo vệ thuộc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp. Lực lượng này làm việc 24/24h trong tất cả mọi ngày kể cả ngày nghỉ, lễ Tết. Ngoài lực lượng con người, nhà trường còn trang bị hệ thống camera an ninh tại một số vị trí quan trọng trong trường để ghi lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường.

*Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm:* Nhà trường có căng tin, khu liên hợp dịch vụ phục vụ sinh viên, CBVC các loại hình dịch vụ thiết yếu như đồ dùng học tập và ăn uống, vui chơi thể dục thể thao. Các cơ quan chức năng của Sở Y tế kiểm tra và kết luận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nhà trường đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến về sự hài lòng của sinh viên trong công tác đảm bảo vệ sinh môi trường an toàn, văn minh, sạch sẽ và các hoạt động hỗ trợ khác. Kết quả cho thấy hơn 90% sinh viên được lấy ý kiến hài lòng về tiêu chí này.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7

***1. Tóm tắt các điểm mạnh***

Công tác lập kế hoạch tài chính và triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính, quản lý tài chính được chuẩn hoá, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của Nhà trường. Các nguồn tài chính của Nhà trường được phân bổ, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định hiện hành.

Tình hình thu, cơ cấu thu của Nhà trường trong 5 năm gần đây tiến triển tích cực. Tổng thu tăng dần qua các năm, tỷ trọng thu từ học phí tăng, những điều này cho thấy hoạt động của Nhà trường phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nước nói chung cũng như trong khu vực nói riêng.

Cơ cấu chi của Nhà trường trong 5 năm gần đây cũng cho thấy có nhiều dấu hiệu tích cực. Chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được quan tâm nhiều hơn thể hiện qua tỷ trọng đầu tư cho chuyên môn và cơ sở vật chất tăng dần qua các năm.

Nhà trường đã có truyền thống hơn 57 năm xây dựng và phát triển. Cơ sở vật chất nhà trường đã có thời gian dài được xây dựng, đầu tư. Các công trình xây dựng, thiết bị máy móc phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thực hành thí nghiệm đáp ứng tốt công tác đào tạo và PVCĐ.

Khuôn viên trường rộng rãi, với nhiều cây xanh, thảm cỏ được quy hoạch hợp lý là lợi thế lớn cho công tác đào tạo và PVCĐ của nhà trường.

Trường có một cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện đại, một hệ thống các phần mềm tin học tiên tiến, được ứng dụng hiệu quả gần như toàn bộ các hoạt động của trường, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Là một trường kỹ thuật và có đào tạo các chuyên ngành về CNTT, giảng viên và sinh viên có kiến thức tốt về CNTT.

Nguồn học liệu phục vụ đào tạo, NCKH của Nhà trường phong phú, cung cấp kịp thời cho người học bằng hệ thống phần mềm hiện đại.

Tất cả CBVC, sinh viên, tổ chức, đoàn thể trong trường đều có ý thức trong việc giữ gìn, đảm bảo môi trường học tập của sinh viên. Cơ sở vật chất nhà trường ngày càng hoàn thiện, luôn hướng về sinh viên, lấy sự hài lòng của sinh viên là tiêu chí hàng đầu.

Nguồn kinh phí phân bổ cho công tác này được duy trì và tăng dần hằng năm chứng tỏ nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo và rất coi trọng phần công việc này.

Có chế độ học bổng khuyến khích, hỗ trợ kinh phí dành cho sinh viên, người học là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn thu khác để tăng cường nguồn lực tài chính cho Nhà trường ngoài học phí còn thấp.

Trong thời gian gần đây, nhà nước chưa đầu tư thích đáng vào các trường Đại học tại Thái Nguyên nói chung và trường ĐHKTCN nói riêng. Do vậy, cơ sở vật chất xuống cấp nhiều, thiết bị máy móc phục vụ nghiên cứu còn hạn chế. Kinh phí duy tu, chống xuống cấp của nhà trường còn hạn hẹp.

Quy hoạch chi tiết nhà trường từ 2006 [QĐ 2904/UBND năm 2006] không còn phù hợp do sự thay đổi về thực tế sử dụng đất của dân cư tại các vị trí giáp ranh với trường. Nhà nước chưa thực hiện quy hoạch khu vực phía Nam thành phố Thái Nguyên cũng gây khó khăn cho nhà trường thực hiện quy hoạch chi tiết của trường.

Thư viện tuy có không gian rộng nhưng cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu, chưa hiện đại, không gian thư viện chưa thực sự đẹp, thân thiện và hấp dẫn người đọc.

Nhu cầu của người học ngày càng cao, đòi hỏi nhà trường cần có nhiều điểm cải tiến hơn nữa nhằm đạt được yêu cầu cho công tác xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện. Tuy nhiên, bộ máy của trường chưa có sự chuyển biến nhanh cần thiết đáp ứng được nhu cầu biến đổi không ngừng từ thực tiễn.

Chưa có nhiều kết cấu công trình, thiết bị dành cho người khuyết tật. Do hiện tại, trong trường không có người khuyết tật theo học.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Đa dạng hóa các nguồn thu từ NCKH, chuyển giao CN, cung cấp dịch vụ đào tạo theo nhu cầu |  |  |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, thu hút người học |  |  |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | Tích cực thu hút đa dạng nguồn đầu tư vào công tác cơ sở vật chất, chú trọng tới xã hội hóa.  Chỉnh sửa quy hoạch xây chi tiết công trình xây dựng cho phù hợp với điều kiện thực tế. |  |  |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh | Tận dụng những cơ sở vật chất hiện có cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển các loại hình dịch vụ giúp tăng nguồn thu, phục vụ người học và cộng đồng |  |  |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại | Đầu tư mua sắm các thiết bị phục vụ cho nghiên cứu chuyên sâu | Các khoa chuyên môn  Trung tâm TTTV và phòng QTPV |  |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh | Ứng dụng mạnh mẽ hơn phần mềm trong quản lý, điều hành, giảng dạy và học tập; thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hiệu quả. | Tất cả các đơn vị, cá nhân trong trường |  |  |
| 7 | Khắc phục tồn tại | Đầu tư xây dựng không gian thư viện hiện đại, thân thiện  Mua sắm, đầu tư các thiết bị công nghệ hiện đại, tài liệu mới | Phòng QTPV  Trung tâm TTTV |  |  |
| 8 | Phát huy điểm mạnh | Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu hiện có; tăng cường số hóa bổ sung tài liệu và xây dựng các bài giảng elearning | Phòng QTPV  Trung tâm TTTV  Các khoa chuyên môn |  |  |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 7*** | ***5*** |
| Tiêu chí 7.1 | 5 |
| Tiêu chí 7.2 | 5 |
| Tiêu chí 7.3 | 5 |
| Tiêu chí 7.4 | 5 |
| Tiêu chí 7.5 | 5 |

## Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới quan hệ đối ngoại

### Tiêu chí: 8.1 Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và trong giáo dục nói riêng, hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ góp phần duy trì, phát triển các quan hệ hợp tác, hướng tới tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường. Hoạt động đối ngoại của Nhà trường gồm: hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài.

Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại được xem là nguồn lực mà Trường có thể tận dụng và làm gia tăng giá trị của mình. Trong các mối quan hệ quốc tế, các đối tác và các mạng lưới quan hệ của Trường còn là các trường đại học, các viện nghiên cứu, viện đào tạo nghề, các doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài. Các đơn vị trong nước nằm trong mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường là các trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên; các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên; các trường trung học phổ thông; các viện nghiên cứu; các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, liên doanh và vốn 100% nước ngoài; các cựu SV, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Các tổ chức hay cá nhân này sẽ giúp Trường đạt được các mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng, mang lại lợi ích đến các bên liên quan.

Nhà trường chưa thiết lập một đơn vị đầu mối duy nhất để triển khai các hoạt động đối ngoại. Vì vậy, các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được giao cho các đơn vị chức năng để đạt được các mục tiêu đó. Các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định [H8.08.01.01] [H8.08.01.03] [H8.08.01.08].

Trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nhiệm kì 2015-2020 đã đề ra phương hướng phấn đấu cụ thể cho công tác quan hệ quốc tế đó là cử 20 giảng viên đi tập huấn ở Hoa Kỳ, 5-7 giảng viên ra nước ngoài thực tập, học các khóa học tiếng anh ngắn hạn. Hàng năm thực hiện kí kết một văn bản hợp tác với các trường Đại học nước ngoài phục vụ đào tạo, NCKH [H8.08.01.04]. Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XIV nhiệm kì 2020-2025 cũng đã đề ra các chỉ tiêu nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tiềm lực của nhà trường trong lĩnh vực hợp tác quốc tế [H8.08.01.05].

Trong nghị quyết 05/NQ-HĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H8.08.01.02] cũng đã có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường trọng hoạt động hợp tác quốc tế cũng như công tác quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, thành lập theo QĐ số 93 ngày 09/02/2006 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, phòng có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về chiến lược, định hướng phát triển các hoạt động chuyển giao công nghệ và quan hệ quốc tế của nhà trường. Để cụ thể hóa hơn chiến lược phát triển đào tạo của nhà Trường, ngày 08/05/2013 theo quyết định số 465/QĐ-ĐHTN Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế đã được thành lập với chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý, triển khai, tổ chức và phát triển đào tạo mang yếu tố nước ngoài [H8.08.01.01]. Để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong quan hệ đối ngoại nhà Trường cũng đã xây dựng và ban hành các Quy định Quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế [H8.08.01.06], xây dựng và ban hành Quy định về quản lý người nước ngoài làm việc tại Trường [H8.08.01.07] với các quy trình thực hiện, cơ chế quản lý người nước ngoài và giao trách nhiệm cụ thể tới cá nhân và các đơn vị của nhà trường.

Nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Nhà trường theo định hướng một trường đại học ứng dụng trong khu vực và quốc tế, Nhà trường đã xây dựng các mục tiêu cụ thể như sau: Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế, các đối tác và mạng lưới quan hệ của Nhà trường; Nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác này góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo, NCKH chất lượng cao, ngang tầm khu vực, từng bước đạt trình độ quốc tế; Củng cố, mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế, các đối tác và mạng lưới quan hệ của Nhà trường trong các lãnh vực đào tạo, NCKH và phát triển nguồn nhân lực. Với các giải pháp sau: (I) Cải tiến và nâng cao trình độ quản lý hành chính hoạt động hợp tác quốc tế, các đối tác và mạng lưới quan hệ của Nhà trường; (II) Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế của Nhà trường theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế; (III) Củng cố và phát triển các chương trình liên kết đào tạo; (IV) Tăng cường trao đổi SV, học bổng du học và hợp tác giao lưu văn hóa; (V) Củng cố và phát triển các chương trình trao đổi GV, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và GV tình nguyện; (VI) Tăng cường hợp tác phát triển NCKH và dự án quốc tế [H8.08.01.09]; [ H8.08.01.10]; [H8.08.01.11]; [H8.08.01.12]; [H8.08.01.13]; [H8.08.01.14]; [H8.08.01.15].

Mạng lưới đối ngoại của Nhà trường liên tục được mở rộng, với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước. Các tổ chức cựu sinh viên – hội Cơ Điện từ Bắc vào Nam, các cá nhân cựu sinh viên có mối quan hệ chặt chẽ với Nhà trường. Các doanh nghiệp đến thăm và làm việc với Nhà trường thường xuyên. Rất nhiều doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường và đầu tư cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy của Nhà trường. Các Sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, các trường phổ thông trung học là những đối tác quan trọng của Nhà trường trong công tác tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh. Các đơn vị, các đối tác là các trường Đại học, Cao đẳng trong nước cùng Nhà trường chia sẻ các nguồn tài nguyên thông tin, cùng hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường có các đơn vị chuyên trách cho việc thiết lập các mối quan hệ với các đối tác như trên. Phòng Hành chính - Tổ chức, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao tri thức, Trung tâm Liên kết đào tạo và Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Viện Nghiên cứu phát triển công nghệ cao về Kỹ thuật công nghiệp, Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội là các đơn vị nhận những nhiệm vụ chức năng của Nhà trường trong các công tác nêu trên [H8.08.01.16].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Trong hơn 57 năm hình thành và phát triển, TNUT không ngừng tìm kiếm và mở rộng quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, trường đại học, viện nghiên cứu, các cựu SV, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực đào tạo, NCKH và thúc đẩy quá trình tiếp cận hội nhập khu vực và quốc tế. Nhà trường đã xây dựng các chính sách: chính sách thu hút GV quốc tế; chính sách thu hút SV quốc tế theo học tại trường; chính sách về hợp tác nghiên cứu, mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới.

Trong những năm gần đây, Nhà trường có rất nhiều các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch đã được Nhà trường triển khai.

Với các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế:

- Các chương trình dạy tiếng Trung miễn phí cho sinh viên và giảng viên của Nhà trường, do một trường Đại học của Đài Loan hỗ trợ [H8.08.02.01].

- Chương trình hợp tác với SeAMK Phần Lan về trao đổi nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hoá và xây dựng nội dung chương trình 2+2 [H8.08.02.02], [H8.08.02.03].

- Triển khai hợp tác đào tạo với Lào trên nhiều phương diện, hợp tác toàn diện về đào tạo với Cục đào tạo nghề, kết hợp tuyển sinh và đào tạo từ xa [H8.08.02.04]. Ngoài ra, Nhà trường đang triển khai lớp đào tạo ngắn hạn cho 30 giáo viên nghề Điện của Lào trong thời gian 4 tháng [H8.08.02.05], [H8.08.02.06].

- Nhà trường vẫn tiếp tục triển khai chương trình Erasmus 2+ với trường Đại học Ilmenau, CHLB Đức. Với chương trình này, các lãnh đạo và giảng viên của hai trường sẽ trao đổi và giảng dạy trong một thời gian ngắn (11 ngày) để nâng cao kinh nghiệm giảng dạy và quản lý [H8.08.02.07], [H8.08.02.08], [H8.08.02.09].

Với các Doanh nghiệp, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều đoàn công tác đến làm việc tại các doanh nghiệp và đón nhiều đoàn doanh nghiệp đến làm việc tại Nhà trường [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Ngoài ra, một số kết quả hợp tác trong quá trình đối ngoại thể hiện rõ hơn ở những tài trợ phòng Lab cho Nhà trường từ những doanh nghiệp để phục vụ cho công tác đào tạo của Nhà trường ngày một sát hơn với yêu cầu thực tế [H8.08.02.12], [H8.08.02.13].

Với trường phổ thông trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh, Nhà trường đã và đang có rất nhiều hoạt động hợp tác, hỗ trợ các trường phổ thông, đặc biệt trong các hoạt động STEM. Kết quả của các hoạt động triển khai STEM không chỉ mang đến những định hướng, kiến thức cho học sinh phổ thông, mà còn quảng bá hình ảnh của Nhà trường tới nhân dân, các đơn vị trong và ngoài tỉnh, học sinh phổ thông [H8.08.02.14].

Với các tổ chức khác, các hội cựu sinh viên của Nhà trường, các hoạt động liên tục diễn ra hàng năm, hướng tới việc xây dựng Nhà trường ngày một phát triển. Các hội cựu sinh viên Cơ Điện hàng năm đều có các hoạt động hướng tới Nhà trường, tài trợ các quỹ khuyến học và một số sản phẩm thực tế để Nhà trường triển khai trong công tác đào tạo [H8.08.02.15].

Với các trường thành viên của Đại học Thái Nguyên, Nhà trường cũng có các hoạt động liên kết, cùng chia sẻ kinh nghiệm, nguồn tài nguyên cũng như hợp tác nghiên cứu, cùng định hướng phát triển trong một số lĩnh vực [Văn bản hợp tác ]. Trong thời gian vừa qua, Nhà trường đã có một số các hoạt đông nghiên cứu với Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên [TN H8.08.02.16].

Để có thể tiếp tục phát triển mạng lưới các đối tác, các mối quan hệ trong công tác đối ngoại của Nhà trường, đã có rất nhiều các hoạt động, các cơ chế, các văn bản được đưa ra để thu hút, phát triển mạng lưới đối tác. Cụ thể hơn, trong đề án tuyển sinh quốc tế, các nội dung đã đưa ra cụ thể các cơ chế học bổng, giảm học phí, cấp KTX miễn phí cho sinh viên quốc tế [H8.08.02.17]. Ngoài ra, để tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các giảng viên trình độ cao đến giảng dạy, Nhà trường còn hỗ trợ phòng ở miễn phí cùng các phương tiện đi lại để tạo điều kiện cho GV nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu [H8.08.02.18].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí: 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Quy trình cũng như các tiêu chí lựa chọn đối tác được nhà Trường và các đơn vị có đối tác hợp tác thường xuyên rà soát. Việc lựa chọn đối tác thường mang tính hai chiều, Trường chọn đối tác và đối tác cũng chọn Trường. Các hoạt động hợp tác đều hướng đến chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu trên cơ sở tận dụng tiềm năng sẵn có của đôi bên.

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học qua từng học phần [H8.08.03.01]. Ngoài ra, các khảo sát về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với người học, với cựu sinh viên, với doanh nghiệp luôn được triển khai [H8.08.03.02].

Các đơn vị chức năng có nhiệm vụ đối ngoại thường xuyên theo dõi và phát triển tất cả những thỏa thuận hợp tác, theo dõi Website của đối tác, cũng như các bảng xếp hạng có liên quan để củng cố hay loại bỏ đối tác thích hợp hay không thích hợp để tránh rủi ro [H8.08.03.03].

Hàng năm, phòng KHCN&HTQT lập danh sách các đối tác được rà soát chọn lọc theo từng tiêu chí cụ thể. Các hoạt động, vấn đề phát sinh và những kiến nghị liên quan đến công tác đối ngoại được rà soát và cập nhật thường xuyên trong các báo cáo tháng, quý và tổng kết năm học cũng như được trình bày, thảo luận trực tiếp tại các cuộc họp giao ban hàng tháng và các buổi họp tổng kết năm học [H8.08.03.04]

Hoạt động rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên hàng năm thông qua các báo cáo định kỳ, thông qua các báo cáo hiệu quả hoạt động hợp tác với các đối tác Đài Loan, Lào, Campuchia, Philippine, Hàn Quốc, Thái Lan, Phần Lan, Belarus, rà soát tổng hợp các hoạt động đoàn ra, đoàn vào từ năm 2018 – 2021 hay rà soát tình hình triển khai các nội dung ký kết MOU với các đối tác nước ngoài [H8.08.03.05]

Về các văn bản quy định, các quy trình và biểu mẫu làm việc, Nhà trường có những chỉ đạo để điều chỉnh, cập nhật thông tin theo những thay đổi của các văn bản quy định cho các hoạt động đối ngoại hợp tác quốc tế của trường [H8.08.03.06]

Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí: 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trong 5 năm gần đây có nhiều biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Trường có các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại rộng khắp trên thế giới, từ các đối tác thuộc khu vực châu Á tới châu Âu, cụ thể là hợp tác với trường Đại học SeAMK, Phần Lan [H8.08.04.01]. Các hoạt động hợp tác cũng được chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu. Từ khi có các văn bản quy định, hướng dẫn tổ chức, hoạt động mở rộng các quan hệ đối ngoại của các đơn vị dần đi vào nề nếp, được thể hiện thông qua các báo cáo, kế hoạch hoạt động các kế hoạch đón đoàn vào, đưa đoàn ra, báo cáo về điều chỉnh kế hoạch và thu được nhiều kết quả bước đầu đáng được ghi nhận [H8.08.04.02], .

Nhà trường tiếp tục triển khai các hoạt động tuyển sinh, các chương trình đào tạo ngắn hạn liên kết đào tạo quốc tế [Minh chứng đào tạo CT ngắn hạn với Lào H8.08.04.03], các chương trình đào tạo gắn với thực tế cho cán bộ, công nhân các khu công nghiệp trong tỉnh [H8.08.04.04]

Ngoài ra, để tiếp tục phát triển các mối quan hệ với các đơn vị khác, Nhà trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh và các trường ngoài tỉnh trong hoạt động STEM [H8.08.04.05]. Nhà trường triển khai các ngày hội việc làm, ngày tuyển dụng [H8.08.04.06] để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến giới thiệu và tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

Đối với các biên bản đã ký kết, đơn vị quản lý luôn luôn cử chuyên viên theo dõi, bám sát, theo dõi cập nhật các điều khoản ký kết để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình chung.

Có cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược. Số lượng các đối tác tăng dần qua các năm và sự gia tăng số lượng các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác, ký kết xuất bản qua các năm. Những minh chứng cụ thể cho các hoạt động đối ngoại được phản ánh trong tin bài website Tiếng Việt và Tiếng Anh của Nhà trường [H8.08.04.07].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có chiến lược và chính sách phát triển hoạt động đối ngoại rõ ràng, đồng thời có quy chế, quy định về các hoạt động đối ngoại với các quy trình cụ thể.

Các công tác hợp tác đối ngoại thường xuyên được rà soát và không có vi phạm nào trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác.

Nhà trường đã ký kết được thêm nhiều đối tác mới trong 5 năm qua, đặc biệt trong những năm 2018 - 2022, đồng thời chiến lược phát triển hợp tác đối ngoại được cập nhật và bổ sung trong quá trình thực hiện.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa xây dựng được cơ chế, quy trình giải ngân cho các hoạt động đối ngoại quy trình phê duyệt yêu cầu phải có kế hoạch từ trước.

Một số biên bản ghi nhớ và kí kết hợp tác chưa thật sự được triển khai hiệu quả.

Cần nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Khắc phục điểm yếu của công tác giải ngân cho các hoạt động đối ngoại  - Tổ chức rà soát các hợp tác đã kí kết với đối tác thường xuyên hơn | Trung tâm HTĐTQT | Năm 2024 | Xây dựng các cơ chế cụ thể chi cho các hoạt động đối ngoại |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục duy trì hệ thống các quy định về các hoạt động đối ngoại | Trung tâm HTĐTQT | Năm 2025 | Duy trì, cải tiến |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 8*** | ***5*** |
| Tiêu chí 8.1 | 5 |
| Tiêu chí 8.2 | 5 |
| Tiêu chí 8.3 | 5 |
| Tiêu chí 8.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

### Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

ĐBCLGD bên trong Trường ĐHKTCN đóng vai trò quan trọng và là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường. Do vậy, Trường đã thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng [[H9.09.01.0 1]](https://docs.google.com/spreadsheets/d/1vMsqKqUehrNKx8-U2KUlDeighsdQibMUqFMmfkTK980/edit#gid=512783662&range=B7:B8) và cơ chế hoạt động [H9.09.01.0 2] nhằm kiểm soát (giám sát, đo lường, đánh giá và cải tiến) toàn bộ hoạt động chính yếu về đào tạo, NCKH và PVCĐ đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Trường, đồng thời đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

Về cơ cấu, tổ chức của Hội đồng đảm bảo chất lượng bao gồm 68 thành viên, trong đó có sự tham gia của Ban Giám hiệu, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, đại diện lãnh đạo các khoa, phòng và bộ môn và đặc biệt là có sự trợ giúp của Ban ISO kiểm soát các quy trình tác nghiệp (Hình 9. 1). Các Tổ ĐBCLGD bao gồm Tổ ĐBCL chức năng là các lãnh đạo các đơn vị chức năng và các tổ ĐBCLGD đào tạo là lãnh đạo khoa và bộ môn chuyên môn. Các Tổ ĐBCLGD có nhiệm vụ triển khai các hoạt động theo kế hoạch ĐBCL của Trường. Hội đồng ĐBCLGD hình thành mạng lưới xuyên suốt từ Ban Giám hiệu tới các phòng, trung tâm chức năng, các khoa và bộ môn chuyên môn tạo thành mạng lưới ĐBCLGD trong toàn Trường.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG

ĐẠI DIỆN KHOA, BỘ MÔN

BAN GIÁM HIỆU

**BAN CHỈ ĐẠO**

**TỔ ĐBCL CHỨC NĂNG**

**TỔ ĐBCL ĐÀO TẠO**

PHÒNG KT&ĐBCLGD

**ĐƠN VỊ**

**CHUYÊN TRÁCH**

**BAN ISO**

Hình 9. 1. Sơ đồ tổ chức Hội đồng ĐBCLGD Trường ĐH KTCN

Về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động ĐBCLGD bên trong được thực hiện theo Quy chế về ĐBCLGD [H9.09.01.02]. Trong đó Hiệu trưởng là trưởng Ban chỉ đạo đồng thời là Trưởng Ban ISO. Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chuyên trách, được thành lập theo QĐ số 726/QĐ-ĐHTN ngày 04/6/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên [H9.09.01.0 3] có chức năng, nhiệm vụ là tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về xây dựng mục tiêu, chính sách, kế hoạch, quy trình hoạt động và tổ chức triển khai các hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong [H9.09.01.0 4], đồng thời giám sát các hoạt động của các đơn vị trong toàn Trường và cung cấp thông tin, minh chứng cho HĐ ĐBCLGD đánh giá [H9.09.01.0 5]; lấy chính sách chất lượng [H9.09.01.0 6] làm định hướng; lấy Quy chế hoạt động ĐBCLGD làm căn cứ pháp lý nâng cao công tác quản lý. Đặc biệt hơn nữa, Trường đã áp dụng 58 quy trình tác nghiệp cốt lõi theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 [H9.09.01.0 7] làm công cụ thực hiện; xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý CSDL dùng chung [H9.09.01.0 8] nhằm hỗ trợ việc truy xuất, quản lý cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng trong tác nghiệp giữa các đơn vị, cá nhân được tối ưu, đồng thời chuẩn hóa CSDL, thông tin, minh chứng để công khai về các điều kiện ĐBCLGD và ĐBCLGD thực tế của Nhà trường theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHTN. Ngoài ra, Trường còn sử dụng phần mềm quản lý thông tin, minh chứng thuộc phân hệ EDUSOFT.NET để quản lý thống nhất hồ sơ minh chứng phục vụ cho tự đánh giá, đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng [H9.09.01.0 9].

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong cũng như định hướng các hoạt động đúng chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm [H9.09.01.0 10] và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp đơn vị [H9.09.01.0 11] làm căn cứ để các đơn vị và Nhà trường thường xuyên giám sát được các hoạt động của mình, đồng thời là căn cứ để đánh giá định kỳ theo chuẩn chất lượng,

Các thành viên Hội đồng ĐBCLGD đã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cụ thể như sau: 11 cán bộ đã học Chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp do Trung tâm Kiểm định ĐH Quốc gia tổ chức [H9.09.01.10]. Trong đó có 01 cán bộ là Phó Chủ tịch Hội đồng Trường, 01 cán bộ là Phó Hiệu trưởng, 02 lãnh đạo Phòng KT&ĐBCLGD và 07 lãnh đạo thuộc các phòng chức năng và khoa chuyên môn.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 [H9.09.02.0 1] và kết quả kiểm định chất lượng CSGD chu kỳ 2 (giai đoạn 2013-2017), Trường ĐHKTCN đã ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2017-2022 [H9.09.02.0 2] và Kế hoạch chiến lược ĐBCGD giai đoạn 20218-2022 [H9.09.02.0 3], trong đó tập trung vào cải tiến chất lượng bên trong theo ý kiến của các chuyên gia và theo định hướng của bộ tiêu chuẩn chất lượng ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qua 04 nhóm chính, bao gồm: (1) Đảm bảo chất lượng về chiến lược; (2) Đảm bảo chất lượng về hệ thống; (3) Đảm bảo chất lượng về chức năng; (4) Kết quả hoạt động. Theo đó, có những chuyển biến mới từ cơ chế quản lý đại học sang quản trị đại học. Qua thực tiễn hoạt động của Trường, năm 2021 Hội đồng Trường đã tiến hành rà soát và ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030. Trong đó, Nhà trường đã xác định 6 mục tiêu chiến lược, bao gồm: (1) Đào tạo bồi dưỡng; (2) Khoa học và công nghệ; (3) Hợp tác quốc tế; (4) Người học và kết nối cộng đồng; (5) Nguồn nhân lực và quản trị đại học; (6) Tài chính và cơ sở vật chất [H9.09.02.0 4]. Từ chiến lược phát triển của Trường, Phòng KT&ĐBCLGD đã tham mưu cho Nhà trường ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2025 [H9.09.02.0 5]. Trong giai đoạn này, Trường tập trung nâng cao chất lượng theo các chủ đề chính: (1) Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ; (2) Kiểm định chất lượng CSGD (3) Kiểm định chương trình đào tạo; (4) Khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan và đối sánh chất lượng chương trình đào tạo; (5) Cải tiến chất lượng bên trong sau kiểm định.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cam kết xây dựng môi trường học thuật tự do và sáng tạo, trải nghiệm thực tiễn, đổi mới liên tục nhằm cung ứng nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan thông qua chính sách [H9.09.02.0 6]:

(1) Xây dựng môi trường học thuật tự do, sáng tạo gắn liền với trải nghiệm thực tiễn, khởi nghiệp nhằm nuôi dưỡng, phát triển tài năng.

(2) Tập trung các nguồn lực và không ngừng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, sản phẩm khoa học, chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động chất lượng cao và sự hài lòng của các bên liên quan.

(3) Mở rộng hợp tác doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các đối tác tạo cơ hội việc làm trong nước và quốc tế cho người học tốt nghiệp.

(4) Nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số đại học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; cam kết công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

(5) Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trên nền tảng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 và tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế.

Để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược ĐBCLGD, Nhà trường đã có những chính sách cụ thể ưu tiên cho các hoạt động ĐBCLGD như cấp kinh phí cho cán bộ đi học tập, tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và nghiệp vụ [H9.09.02.0 7]; hỗ trợ tài chính cho các cán bộ tham gia Hội đồng đảm bảo chất lượng [H9.09.02.0 8] và cấp kinh phí cho điều chỉnh chương trình đào tạo, cũng như các hoạt động tự đánh giá CTĐT và tự đánh giá CSGD [H9.09.02.0 9.]

Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN và Chiến lược ĐBCLGD nói chung, chính sách chất lượng nói riêng được xây dựng dựa trên sự đồng thuận của toàn thể cán bộ lãnh đạo, viên chức, người lao động trong toàn trường thông qua việc lấy ý kiến phản hồi bằng hình thức qua thư điện tử, hội nghị trực tuyến trước khi ban hành [H9.09.02.0 10]. Sau khi ban hành, chiến lược phát triển cũng như kế hoạch ĐBCLGD và chính sách chất lượng được công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ lãnh đạo, viên chức, người lao động trong toàn Trường thông qua website và qua phần mềm quản lý văn bản Vnptoffice của Trường [H9.09.02.0 11]. Đồng thời, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng HC-TC tham mưu cho Nhà trường phân kỳ chiến lược phát triển của Trường thành kế hoạch trọng tâm năm học và Hiệu trưởng giao trực tiếp cho các trưởng đơn vị để triển khai thực hiện [H9.09.02.0 12]. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học được các đơn vị báo cáo theo tháng, quý và năm để Nhà trường theo dõi, giám sát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời các hoạt động nhằm đáp ứng tốt mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường. Đồng thời kết quả thực hiện cũng được sử dụng làm căn cứ để xét lương tăng thêm và thi đua, khen thưởng cho đơn vị và cá nhân tích cực [H9.09.02.0 13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển của Hội đồng trường [H9.09.03.0 1] và Kế hoạch chiến lược về ĐBCL [H9.09.03.0 2], Nhà trường đã tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng năm học và chuyển tải thành các nhiệm vụ trọng tâm, kế hoạch chi tiết trên cơ sở phân tích, đánh giá những thuận lợi và rủi ro bên trong và bên ngoài (phân tích SWOT) [H9.09.03.0 3] và thẻ cân bằng BSC (Balanced Scorecard), và các chỉ số KPI [H9.09.03.0 4]. Việc xây dựng mục tiêu chất lượng, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch chi tiết được bàn thảo, thống nhất qua Hội nghị viên chức của đơn vị cũng như Hội nghị viên chức của Trường [H9.09.03.0 5]. Việc xây dựng kế hoạch năm học được thực hiện dựa trên thẻ cân bằng BSC theo 4 nội dung nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Nhà trường (giá trị cho khách hàng; tài chính; quy trình nội bộ và học tập, phát triển), đồng thời chuyển tải chiến lược của Nhà trường thành các nội dung cụ thể theo từng năm học [H9.09.03.0 6].

Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của năm học, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học và trình Hiệu trưởng phê duyệt và giao nhiệm vụ thông qua Bản giao nhận nhiệm vụ năm học [H9.09.03.0 7]. Khi nhận nhiệm vụ năm học, lãnh đạo đơn vị phân rã kế hoạch năm học thành kế hoạch theo nhiệm vụ cụ thể, phân kỳ theo quý, tháng và giao cho cá nhân trong đơn vị thực hiện [H9.09.03.0 8]. Việc chuyển tải Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, khoa học và đồng thuận từ tập thể lãnh đạo Trường (Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu) tới tập thể lãnh đạo đơn vị và viên chức, người lao động theo quy trình ISO [H9.09.03.0 9], công cụ quản trị BSC-KPI và theo chu trình Deming (P-D-C-A). Theo đó, nhiệm vụ trọng tâm và nhiệm vụ thường xuyên đã được xác định và lượng hóa thành chỉ tiêu và trọng số, phương pháp thực hiện và thời gian hoàn thành.

Để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chiến lược về ĐBCL và Chiến lược phát triển, Nhà trường đã tổ chức các cuộc họp để phổ biến, hướng dẫn, quán triệt việc triển khai các nhiệm vụ năm học của toàn Trường, trong đó chú trọng đến việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của từng năm học [H9.09.03.0 10]. Bênh cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số KPI cho các bộ phận, vị trí việc làm và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H9.09.03.0 11] để làm căn cứ đánh giá hiệu quả công việc cũng như thúc đẩy việc cải tiến nâng cao chất lượng [H9.09.03.0 12]. Về phương pháp, cách thức thực hiện, Nhà trường đã chuẩn hóa thành 58 quy trình tác nghiệp, sổ tay chất lượng [H9.09.03.0 13] và định kỳ đánh giá nhằm phát hiện sớm những hành động không phù hợp để điều chỉnh và cải tiến kịp thời [H9.09.03.0 14].

Ngoài việc phổ biến, giao nhiệm vụ, quán triệt các chủ chương, Nhà trường còn chú trọng đến công tác đào tạo, huấn luyện đội ngũ tham gia các hoạt động đảm ĐBCL, cũng như các cán bộ lãnh đạo, viên chức người lao động tại các đơn vị tham gia xây dựng và đánh giá các quy trình ISO [H9.09.03.0 15], tham gia các lớp học về công cụ BSC, KPI và OKR nhằm nâng cao nhận thức và nghiệp vụ trong công tác quản trị trong Nhà trường [H9.09.03.0 16], tham gia các lớp học tập, tập huấn về xây dựng và phát triển CTĐT, tự đánh giá và kiểm định CTĐT, CSGD [H9.09.03.0 17].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu, hồ sơ, thông tin dưới dạng văn bản, rà soát, phổ biến chính sách được Nhà trường thiết lập khoa học, đồng bộ. Một hệ thống được thiết lập là sự phối hợp giữa các phần mềm chuyên dụng trong các CSGD do các đối tác cung cấp cùng với quy định do Nhà trường ban hành, bao gồm:

- Phần mềm Vnptoffice sử dụng trong việc quản lý, điều hành nội bộ, do tập đoàn viễn thông VNPT cung cấp. Phần mềm là một trong những công cụ hữu hiệu, đáp ứng tốt công tác phổ biến các chính sách dạng số [H9.09.04.0 1]. Phần mềm thay thế hoàn toàn việc truyền tải, phổ biến các văn bản nội bộ, văn bản đến bằng giấy. Việc gửi và nhận văn bản giữa lãnh đạo Nhà trường, tới toàn thể viên chức, người lao động một cách nhanh chóng, kịp thời, đồng thời phần mềm cho phép lưu trữ văn bản dưới dạng số.

- Phần mềm EDUSOFT.NET bao gồm 24 phân hệ do Công ty TNHH Một thành viên Phần Mềm Anh Quân cung cấp, sử dụng trong quản trị, quản lý theo chức năng của các đơn vị như quản trị, quản lý đào tạo- nghiên cứu khoa học, quản lý sinh viên, tổ chức cán bộ, quản lý cơ sở vật chất và thư viện, quản lý tài chính, quản lý chất lượng. Trong đó, phân hệ khảo sát trực tuyến góp phần lớn vào công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thuận lợi và nhanh chóng. Phân hệ quản lý thông tin, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài [H9.09.04.0 2].

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung cho phép quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng chính thống dạng số của Nhà trường [H9.09.04.0 3], phục vụ công tác thường xuyên của các đơn vị theo các quy trình ISO [H9.09.04.0 4], đồng thời cũng sử dụng làm thông tin chính thức để công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng và chất lượng giáo dục thực tế của Nhà trường. Dữ liệu, thông tin, minh chứng được phân quyền cung cấp, sử dụng, truy xuất liên thông giữa các đơn vị, cá nhân và được đồng bộ với phần mềm EDUSOFT.NET [H9.09.04.0 5].

- Hệ thống website Trường và website đơn vị, email cá nhân của toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động và sinh viên (sử dụng chung tên miền @edu.net.vn) hỗ trợ cho công tác phổ biến, truyền tải các chủ trương, chính sách và các dạng văn bản khác tới toàn thể đơn vị, cá nhân trong trường [H9.09.04.0 6].

Các phần mềm được Nhà trường phân quyền cho các đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ tạo thành một hệ thống liên thông, đồng bộ theo quy trình tác nghiệp và quy định quản lý, sử dụng và bảo mật [H9.09.04.05]. Mặt khác việc áp dụng hệ thống các công cụ nói trên là cơ sở để Nhà trường triển khai chuyển đổi số trong năm học tới.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào áp dụng 56 quy trình tác nghiệp và 02 tài liệu tại các đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015 H9.09.04.0 7, bao gồm: 06 quy trình hệ thống; 08 quy trình về công tác hành chính, tổ chức; 07 quy trình về đào tạo; 06 quy trình về khoa học-công nghệ và hợp tác quốc tế; 08 quy trình về công tác sinh viên; 05 quy trình tuyển sinh và truyền thông; 06 quy trình cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện; 06 quy trình khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục; 04 quy trình thanh tra-pháp chế và 02 tài liệu là Sổ tay chất lượng và Chính sách chất lượng.

Các văn bản quản lý, CSDL về chính sách được lưu trữ trên phần mềm Vnptoffice, phần mềm CSDL dùng chung và website của Phòng KT&ĐBCLGD nên việc truy xuất và tiếp cận thuận lợi cho các hoạt động trong trường cũng như công khai để các bên liên quan được biết (Bổ sung số lượt truy cập sau khi hoàn thiện).

Các chính sách, hệ thống, quy trình ĐBCL luôn được giám sát, theo dõi, báo cáo thường xuyên theo Quy trình Kiểm soát các công việc không đạt yêu cầu, Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản và định kỳ đánh giá, xem xét và cải tiến 06 tháng/lần theo các quy trình Đánh giá nội bộ, Họp xem xét của lãnh đạo và Quy trình hành động khắc phục và cải tiến. Qua đó, việc kiểm soát và khắc phục những hành động, thủ tục không phù hợp sẽ được khắc phục kịp thời [H9.09.04.0 8]. Hơn nữa, việc đánh giá và xem xét đều có sự tham gia của Ban Giám hiệu, các đơn vị, cá nhân liên quan đến quy trình đều được tham gia và điều chỉnh, do đó đây cũng là một cách thức phổ biến hiệu quả nhất. Ngoài ra, sau khi điều chỉnh, thay đổi đều được phổ biến đến các đơn vị, cá nhân trong toàn trường qua phần mềm và công khai trên website của Phòng KT&ĐBCLGD.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Đối với công tác ĐBCLGD bên trong cũng như ĐBCLGD bên ngoài đều được Nhà trường xác định dựa trên phân tích, đánh giá thuận lợi, rủi ro [phân tích SWOT] và thiết lập mục tiêu ĐBCL [H9.09.05.0 1], nhiệm vụ trọng tâm của năm học [H9.09.05.0 2]. Từ đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học bao gồm nhiệm vụ trọng tâm và nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời phân rã cho các đơn vị, cá nhân phụ trách và phân kỳ theo từng quý, tháng để thực hiện [H9.09.05.0 3].

Tháng 6 hàng năm, căn cứ vào các báo cáo kết quả hoạt động các mảng công tác năm học trước đó, Nhà trường phân tích bối cảnh và xác định cơ hội, rủi ro bên trong và bên ngoài (SWOT) [H9.09.05.0 4], từ đó:

(1) Mô tả kết hợp (SO): Sử dụng các điểm mạnh để tận dụng cơ hội bên ngoài;

(2) Mô tả kết hợp (WO): Khắc phục điểm yếu để nắm bắt cơ hội và tận dụng cơ hội để hạn chế điểm yếu;

(3) Mô tả kết hợp (ST): Sử dụng các điểm mạnh để hạn chế và né tránh các rủi ro từ môi trường bên ngoài;

(4) Mô tả kết hợp (WT): Tối thiểu các điểm yếu để hạn chế rủi ro.

Trong kế hoạch năm học, mỗi nhiệm vụ đều đặt chỉ tiêu phấn đấu chính (KGI), các chỉ số đánh giá thực hiện công việc [KPIs], phương pháp đo lường (trọng số, tỷ lệ hoàn thành, thời gian hoàn thành, tần suất đo lường, đơn vị tính) [H9.09.05.0 5]. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, kế hoạch năm học, Nhà trường phân rã cho các đơn vị trong toàn trường và được Hiệu trưởng giao trực tiếp cho Trưởng các đơn vị [H9.09.05.0 6].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng bộ KPIs đánh giá đơn vị, cá nhân; Quy định đánh giá, xếp loại; Quy chế làm việc làm căn cứ cho Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại đánh giá hàng năm. Việc theo dõi, giám sát thực hiện công việc từ phía lãnh đạo đơn vị được giao nhiệm vụ, phòng HC-TC tổng hợp dữ liệu báo hàng tháng, phòng KT&ĐBCLGD phụ trách kiểm tra, xác thực các nhiệm vụ thông qua hồ sơ, minh chứng và sự tuân thủ các quy trình tác nghiệp được thực hiện theo quy trình ISO [H9.09.05.0 7]. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị được Hội đồng ĐBCLGD đánh giá theo quý và cung cấp dữ liệu cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng Nhà trường xem xét, đánh giá và ra quyết định thi đua, khen thưởng hàng năm và chi trả lương, lương tăng tăng thêm từng tháng, quý cho các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường [H9.09.05.0 8]. Đồng thời, kết quả đánh mức độ hoàn thành công việc được điều chỉnh kịp thời theo mức độ phân cấp, phân quyền ở từng cấp quản lý [H9.09.05.0 9].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Quy trình lập kế hoạch nói riêng và toàn bộ các quy trình tác nghiệp thường xuyên được theo dõi, định kỳ đánh giá tối thiếu 6 tháng/lần, được thực hiện theo Quy trình đánh giá nội bộ [H9.09.06.0 1]. Từ năm 2020 trở về trước việc xây dựng kế hoạch năm được xây dựng dựa trên các báo cáo tổng kết, đánh giá thực trạng các công tác của những năm trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của các năm sau và được thông qua hội nghị viên chức cấp đơn vị và cấp trường vào tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, các kế hoạch còn định tính, dàn trải, thiếu sự đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện; việc triển khai từ trên xuống và báo cáo từ dưới lên theo cách “quản lý” chưa có đơn vị giám sát độc lập do vậy việc kết quả thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế và không đo lường được [H9.09.06.0 2]. Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, vào tháng 6 năm 2019 tập thể lãnh đạo Trường đã chỉ đạo triển khai xây dựng các quy trình tác nghiệp theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO [H9.09.06.0 3] và đưa vào áp dụng từ tháng 1 năm 2021 [H9.09.06.0 4]. Đồng thời Nhà trường cử cán bộ đi học tập về quản trị mục tiêu ứng dụng BSC-KPI, OKR và áp dụng để triển khai áp dụng từ năm học 2021-2022. Theo đó, việc đánh giá, nhận diện bối cảnh và rủi ro (phân tích SWOT) [H9.09.06.0 5], đề xuất mục tiêu chất lượng [H9.09.06.0 6], nhiệm vụ trọng tâm (BSC) và xây dựng kế hoạch năm học được thực hiện đồng bộ, khoa học, xây dựng KPIs theo nguyên tắc SMART [H9.09.06.0 7] và thực hiện theo quy trình đảm bảo chu trình P-D-C-A [H9.09.06.0 8]. Với việc rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch nêu trên, bước đầu Nhà trường đã thực hiện giám sát, đánh giá các kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược qua các năm cũng như kiểm soát và cải tiến được chất lượng liên tục trong toàn bộ hoạt động của Trường.

Các chỉ tiêu phấn đấu chính (KPIs) của mục tiêu chiến lược được truyền tải và thực hiện trong các kế hoạch năm học [Kế hoạch các năm học từ 2021-2022 và 2022-2023]. Kết quả thực hiện theo kế hoạch năm học được các đơn vị báo cáo Ban Giám hiệu định kỳ 3 tháng/lần [H9.09.06.0 9], đồng thời Nhà trường tổ chức các cuộc họp Ban Giám hiệu, họp trưởng các đơn vị rà soát, phân tích các kết quả đã đạt được, các chỉ tiêu phấn đấu chính; xem xét những vướng mắc, tồn tại trong thực tiễn hoạt động và đề xuất các phương án, giải pháp để kịp thời điều chỉnh, cải tiến [H9.09.06.0 10]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức hội nghị viên chức cấp đơn vị có sự tham gia của đại diện Ban Giám hiệu, đại diện công đoàn trường để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ của đơn vị năm tiếp theo [H9.09.06.0 11]. Các kết quả này được Nhà trường phân tích, đánh giá, đưa vào báo cáo tổng kết năm học và được lấy ý kiến của toàn thể hội nghị làm căn cứ xây dựng kế hoạch năm học cho năm tiếp theo [Kế hoạch các năm học từ 2021-2022 và 2022-2023]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường tổ chức các Hội nghị theo các lĩnh vực quản lý khác nhau như: Hội nghị tổng kết về đào tạo [H9.09.06.0 12], Hội nghị tổng kết về NCKH [H9.09.06.0 13], Hội nghị tổng kết về khảo thí [H9.09.06.0 14], Hội nghị tổng kết về công tác sinh viên và hoạt động phục vụ cộng đồng [H9.09.06.0 15], Hội nghị tổng kết về ĐBCLGD [H9.09.06.0 16]. Trong đó các kết quả đạt được trong năm học được báo cáo, đánh giá và các đề xuất cải tiến nhằm đáp ứng tốt kế hoạch chiến lược cũng như mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Từ việc định kỳ rà soát, cải tiến các quy trình lập kế hoạch hoạt động và các KPIs, chỉ tiêu phấn đầu chính, Nhà trường kiểm soát chất lượng một cách hữu hiệu các chỉ tiêu phấn đấu chính qua mỗi năm học, cụ thể là:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU CHÍNH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ĐBCLGD... (HOÀN THIỆN KHI CÓ KẾT QUẢ NĂM HỌC 2021-2022...

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường đã thành lập Hệ thống ĐBCLGD bên trong bao gồm Hội đồng ĐBCLGD, Quy chế hoạt động và đặc biệt Trường đã áp dụng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015 với 58 quy trình vào các công tác quản lý, điều hành và tối ưu hóa từng bước các tác nghiệp với sự trợ giúp của hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số (CSDL dùng chung, lưu trữ số) trong các hoạt động ĐBCLGD trong toàn trường một cách hệ thống.

- Chiến lược phát triển và kế hoạch chiến lược về ĐBCLGD được xây dựng chặt chẽ theo quy trình ISO 9001-2015 và được phổ biến, quán triệt, phân rã thành những kế hoạch, hành động cụ thể bằng công cụ BSC, KPI, giao cho các đơn vị, cá nhân thực hiện, đồng thời có sự theo dõi, giám sát, đánh giá và điều chỉnh thường xuyên.

- Nhà trường xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, các phần mềm quản lý văn bản Vnoffice, quản lý đào tạo EDUSOFT.NET với 42 phân hệ và tính năng đáp ứng tốt việc triển khai các hoạt động của Nhà trường một cách kịp thời. Đặc biệt, Nhà trường xây dựng CSDL dùng chung làm nền tảng cho chuyển đổi số đại học theo hướng quản trị.

- Các hoạt động ĐBCLGD bên trong được triển khai theo đúng chu trình PDCA. Theo đó, chiến lược của Trường được phân rã thành các Kế hoạch chiến lược thành phần và phân kỳ thành kế hoạch năm học. Các chỉ tiêu KGI, KPI được xây dựng bằng công cụ quản trị tiên tiến BSC, KPI và triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá một cách khoa học theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các quy trình ISO, công cụ BSC, KPI mới được đưa vào áp dụng cho nên các đơn vị trong trường chưa hoàn toàn làm chủ được kế hoạch, dẫn đến các kế hoạch triển khai chưa đáp ứng được tiến độ.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

Trong giai đoạn tới, Nhà trường duy trì việc áp dụng các công cụ quản trị, quản lý hiện đại; tiếp tục hoàn thiện việc chuyển đổi số Nhà trường theo hướng quản trị và tự chủ đại học, với kế hoạch cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Phát triển Trường theo hướng tự chủ, quản trị tiên tiến và bền vững | Duy trì các quy trình ISO trong các hoạt động và đánh giá nội bộ và cải tiến định kỳ các quy trình ISO. | Các đơn vị trong toàn Trường | Theo kế hoạch năm học của đơn vị |  |
| Áp dụng công cụ quản trị tiên tiến (BSC, KPI) trong việc xây dựng kế hoạch năm học và giám sát các hoạt động cốt lõi trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Phòng HC-TC | Thường xuyên |  |
| 2 | Chuyển đổi số sâu, rộng đại học | Cải cách hành chính nâng cao hiệu quả công việc. | - Phòng HCTC | Từ năm học 2022-2023 |  |
| Cải tiến định kỳ CSDL dùng chung và hệ thống các ứng dụng phục vụ công tác điều hành quản trị | Phòng KT&ĐBCLGD;  Trung tâm TT-TV | Từ năm học 2022-2023 |  |
| Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng chuyển đổi số (hạ tầng vật lý và hạ tầng lôgic) | Trung tâm TT-TV;  Phòng QTPV;  Phòng KHTC | Từ năm học 2022-2023 |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 9*** | ***4,83*** |
| Tiêu chí 9.1 | 5 |
| Tiêu chí 9.2 | 5 |
| Tiêu chí 9.3 | 5 |
| Tiêu chí 9.4 | 5 |
| Tiêu chí 9.5 | 5 |
| Tiêu chí 9.6 | 4 |

## Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

### Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Tự đánh giá, chuẩn bị đánh giá ngoài đồng thời thực hiện KĐCL để được công nhận chất lượng luôn được các cấp lãnh đạo Trường ĐHKTCN xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, được ưu tiên hàng đầu. Điều này thể hiện rõ trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 [H10.10.01.01]; trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKCN giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành ngày 31/12/2016, được điều chỉnh bổ sung trong Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 ban hành ngày 28/4/2021 [H10.10.01.02]. Đồng thời, lộ trình đạt được các chỉ tiêu cụ thể được chi tiết hóa trong Kế hoạch chiến lược ĐBCLGD của Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025 [H10.10.01.03], bao gồm: tự đánh giá và đánh giá ngoài CLGD cấp Trường theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT năm 2022; kiểm định 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA version 4.0 vào năm 2023; kiểm định 03 CTĐT vào năm 2024 và 04 CTĐT vào năm 2025 theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Để thực hiện việc lộ trình KĐCL cấp CSGD và cấp CTĐT, kế hoạch triển khai hoạt động ĐBCL hằng năm của Nhà trường được xây dựng thông qua Nghị quyết của Đảng ủy Trường [H10.10.01.04]; Báo cáo Hội nghị viên chức, NLĐ của Nhà trường [H10.10.01.05] và kế hoạch ĐBCLGD [H10.10.01.06]. Đặc biệt, trong phương hướng công tác năm học 2021-2022 xác định rõ "Căn bản hoàn thành đánh giá kiểm định Trường chu kỳ 3 và đánh giá một số CTĐT… " là một trong năm nhiệm vụ trong tâm của Nhà trường.

Năm 2017, sau khi hoàn thành tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 2 và triển khai đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHKTCN đã được Hội đồng KĐLG công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2017, và được Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội cấp các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo Quyết định số 106/QĐ-KĐCLGD ngày 11/12/2017 [H10.10.01.07] với 51 tiêu chí trong tổng số 61 tiêu chí **Đạt yêu cầu**. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài, năm 2017 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng giai đoạn 2017-2022 [H10.10.01.08]. Năm 2018, kế hoạch cải thiện chất lượng giáo dục được bổ sung, điều chỉnh nhằm phù hợp với Bộ tiêu chuẩn mới của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.09]. Sau khi hoàn thành quá trình rà soát giữa chu kỳ KĐCL, tháng 10/2022 Nhà trường thực hiện các bước triển khai tự đánh giá CSGD chu kỳ 3, giai đoạn 2018-2022 và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài, tiến tới KĐCL. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 23 thành viên, Ban thư ký gồm 19 thành viên và 06 nhóm công tác chuyên trách [H10.10.01.10]. Để thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá họp giao nhiệm vụ cho Ban thư ký xây dựng dự thảo kế hoạch tự đánh giá và Hội đồng ban hành kế hoạch, giao nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng, trong các nhóm chuyên trách [H10.10.01.11], [H10.10.01.12]. Đồng thời, Nhà trường phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan qua phần mền quản lý văn bản vnptioffice (đường dẫn https://tnut.vnptioffice.vn/), tổ chức tập huấn về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập và phân tích thông tin minh chứng, phương pháp tự đánh giá và cách viết báo cáo tự đánh giá [H10.10.01.13].

Từ năm học 2017-2018, Trường ĐHKTCN bắt đầu xây dựng kế hoạch triển khai tự đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, các Công văn hướng dẫn của Cục Khảo thí và KĐCLGD (nay là Cục Quản lý Chất lượng)-Bộ GD&ĐT. Từ đó đến nay, công tác này được Nhà trường duy trì thường xuyên, liên tục. Đến nay, đã có 04 CTĐT được Nhà trường triển khai tự đánh giá. Để triên khai tự đánh giá CTĐT, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách cho từng CTĐT [H10.10.01.14]. Hội đồng tự đánh giá có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tự đánh giá CTĐT và đề xuất các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban thư ký bao gồm 01 cán bộ của bộ phận chuyên trách về ĐBCL và các giảng viên thực hiện CTĐT tự đánh giá. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT được Hội đồng tự đánh giá xây dựng [H10.10.01.15] và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan qua phần mềm quản lý văn bản vnptioffice của Nhà trường. Để triển khai công tác tự đánh giá CTĐT, bộ phận chuyên trách ĐBCL của Nhà trường thường xuyên triển khai hướng dẫn các nhóm chuyên trách viết báo cáo [H10.10.01.16]. Năm 2021, căn cứ vào các nguồn lực, Nhà trường quyết định đăng ký đánh giá ngoài 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA version 4.0 và đã được chấp nhận đánh giá vào quý 3/2023 [H10.10.01.17].

Để phục vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 3, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác ĐBCLGD của Trường ĐHKTCN, giai đoạn 2018-2022 [H10.10.01.18]. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn/nhóm tiêu chuẩn được giao cho các đơn vị chức năng phù hợp chịu trách nhiệm phụ trách. Đồng thời, Nhà trường chủ động xây dựng và ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đơn vị [H10.10.01.19]; xây dựng và ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUD-QA 4.0 [H10.10.01.20]; xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch rà soát giữa chu kỳ KĐCL [H10.10.01.21]; xây dựng quy trình ISO 9001:2015 về Tự đánh giá chất lượng giáo dục và Hỗ trợ đánh giá ngoài [H10.10.01.22]; xây dựng kế hoạch đánh giá SV tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra (giai đoạn 2017-2019) cho 06 CTĐT [H10.10.01.26]; ban hành Quy định và hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học nhằm thống nhất trong toàn trường phục vụ việc tự đánh giá, đánh giá ngoài CTĐT [H10.10.01.27]. Bên cạnh đó, hằng năm, Nhà trường đều cử cán bộ, giảng viên tham dự các đợt tập huấn ngắn hạn về KĐCL, về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT cũng như CSGD do ĐHTN, Bộ GD&ĐT… tổ chức [H10.10.01.06], [H10.10.01.25]. Ngoài ra, trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Nhà trường đã cử 09 cán bộ, giảng viên tham dự các khóa đào tạo Kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp [H10.10.01.23], nâng tổng số cán bộ của Nhà trường có Chứng chỉ hoàn hành khóa học Kiểm định viên lên 11 người [H10.10.01.24].

Hiện nay, sau khi đã hoàn thành công tác tự đánh giá chất lượng CSGD theo kế hoạch đã đề ra [H10.10.01.11], Nhà trường đang thực hiện công tác chuẩn bị cho đánh giá ngoài: gửi công văn đăng ký KĐCL CSGD với … và xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài [H10.10.01.28].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Tháng 4/2017, sau khi hoàn báo cáo tự đánh giá CSGD theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT [H10.10.02.01], Nhà trường báo cáo đơn vị chủ quản và Bộ GD&ĐT, đồng thời thực hiện đánh giá ngoài bởi Trung tâm KĐCL giáo dục – Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam [H10.10.02.02]. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng CSGD, từ năm 2018, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến chất lượng sau đánh giá [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]; đồng thời cập nhật hệ thống ĐBCL [H09.09.xx.yy] và xây dựng Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHKTCN, giai đoạn 2018-2022 [H10.10.01.18], chuẩn bị sẵn sàng cho việc đánh giá chu kỳ 3.

Đầu năm 2018, Nhà trường triển khai tự đánh giá 02 CTĐT và sau đó năm 2020 tự đánh giá thêm 02 CTĐT [H10.10.01.14], [H10.10.01.15]. Mặc dù đã tích cực triển khai tập huấn và hướng dẫn thu thập thông tin, minh chứng, hướng dẫn viết báo cáo nhưng Nhà trường nhận thấy chất lượng báo cáo chưa đảm bảo, minh chứng và thông tin thiếu nhiều và không đồng bộ [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05]. Do vậy, đầu năm 2021 Nhà trường tạm hoãn tự đánh giá các CTĐT đang triển khai để tập trung khắc phục các tồn tại đã được chỉ ra, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến quá trình triển khai xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.06].

Nhận thấy rõ những bất cập xảy ra trong quá trình tự đánh giá các CTĐT, cũng ngay đầu năm 2021, Nhà trường đã chủ động triển khai xây dựng và ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD [H10.10.01.19]; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung [H10.10.02.07] nhằm giao cho các đơn vị, cá nhân cụ thể triển khai và thu tập minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài chất lượng CSGD theo bộ tiêu chuẩn mới ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Giữa năm 2021, Nhà trường triển khai hoạt động rà soát giữa chu kỳ KĐCL [H10.10.01.21], [H10.10.02.08] nhằm đánh giá các kết quả cải thiện chất lượng đã đạt được và chuẩn bị thực hiện tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 3. Đồng thời, Nhà trường cũng nhận thấy rõ, lực lượng cán bộ giảng viên được đào tạo bài bản về công tác KĐCLGD còn rất mỏng nên cuối năm 2021, Nhà trường đã cử 08 cán bộ, giảng viên tham dự khóa Đào tạo Kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp, nâng tổng số cán bộ, giảng viên của Nhà trường có Chứng chỉ Kiểm định viên lên 11 người [H10.10.01.23], [H10.10.01.24]. Ngoài ra, trong giai đoạn từ 2018-2022, Nhà trường đã cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn ngắn hạn, học tập về đảm bảo chất lượng, tự đánh giá, đánh giá ngoài và KĐCL CTĐT, CSGD [H10.10.01.25].

Cuối năm 2021, Nhà trường triển khai tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 3, giai đoạn 2018-2022 và coi đây là một trong năm nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2021-2022. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách, xây dựng kế hoạch tự đánh giá để huy động tất cả các nguồn lực phục vụ quá trình triển khai, phân công nhiệm vụ các thành viên, tổ chức tập huấn cho thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá, phổ biến và quán triệt trong toàn thể Nhà trường về nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng CSGD…[H10.10.01.10], [H10.10.01.11], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]. Hầu hết cán bộ, giảng viên có chứng chỉ hoặc đã được đào tạo các khóa về Kiểm định viên tham gia Hội đồng tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 3 của Nhà trường. Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý công khai trong CSGD và Hội đồng tự đánh giá hoàn thiện báo cáo tự đánh giá [H10.10.02.09]. Đồng thời, Nhà trường đăng ký với tổ chức KĐCLGD [H10.10.02.10], báo cáo ĐHTN và Bộ GD&ĐT theo quy định [H10.10.02.11]. Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường đã đáp ứng các quy định của Bộ GD&ĐT, được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT. Theo kế hoạch thống nhất với tổ chức KĐCLGD, Nhà trường đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và các điều kiện khác để triển khai đánh giá ngoài theo kế hoạch [H10.10.02.12].

Đầu năm 2022, sau khi hoàn thành quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và cải thiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, Nhà trường tái khởi động lại kế hoạch tự đánh giá 04 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn hiện hành của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.13]. Đến nay, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá của 04 CTĐT, triển khai xin ý kiến các bên liên quan để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và thực hiện các bước tiếp theo [H10.10.02.14]. Đồng thời giữa năm 2022, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA version 4.0. Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.02.15]. Quá trình tự đánh giá 02 CTĐT này đang được Nhà trường triển khai theo đúng kế hoạch.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Năm 2017, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng CSGD theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007QĐ-BGDĐT, Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT và công văn số 527/KTKĐCLGD của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Qua phân tích, xác định trong quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã rút ra được các điểm mạnh cần tiếp tục phát huy, đồng thời đã xác định 03 tiêu chí chưa đạt [H10.10.02.01]. Sau khi thực hiện đánh giá ngoài và KĐCL, Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL với tỉ lệ số tiêu chí **Đạt yêu cầu** là 83,60% (51 tiêu chí trong tổng số 61 tiêu chí) [H10.10.02.02]. Những điểm mạnh đã được Hội đồng KĐCLGD nhấn mạnh trong Nghị quyết Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục để Nhà trường tiếp tục phát huy, đó là: (1) Nhà trường đã công bố được 690 bài báo trong nước và quốc tế; Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hằng năm chiếm tỉ lệ 10-18% tổng thu của Nhà trường; (2) Nhà trường có tổng diện tích là 35ha, có đủ phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, có nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH. Bên cạnh đó, Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD cũng kiến nghị Nhà trường 10 nhóm giải pháp nhằm cải tiến chất lượng, gồm: (1) Nhà trường cần xác định rõ sứ mạng và xác định tầm nhìn đến năm 2030; (2) Nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức phù hợp với sự phát triển; (3) Nhà trường cần tiếp tục cập nhật và cải tiến CTĐT trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan; (4) Nhà trường cần tiếp tục đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của các CTĐT để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo; (5) Nhà trường cần có chính sách, chế độ và tạo môi trường làm việc để thu hút giảng viên có trình độ cao; (6) Nhà trường cần tạo cơ hội cho người học tiếp cận với thị trường lao động, với các nhà tuyển dụng để gia tăng tỉ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; (7) Nhà trường cần chú trọng hơn nữa đầu tư vào tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN để có những sản phẩm mũi nhọn phù hợp với tiềm năng; (8) Nhà trường cần nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế; (9) Nhà trường cần tiếp tục xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch đã được phê duyệt; và (10) Nhà trường cần có chiến lực và giải pháp để đảm bảo nguồn thu và thực hiện tự chủ. Ngoài ra, Hội đồng KĐCL cũng khuyến nghị Nhà trường nghiên cứu báo cáo đánh giá ngoài. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài và khuyến nghị của Hội đồng ĐBCL, nhà trường xây dựng Kế hoạch cải thiện chất lượng giai đoạn 2017-2022 [H10.10.01.08] và bổ sung, điều chỉnh năm 2018 nhằm phù hợp với bộ tiêu chuẩn mới của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.09].

Năm 2018, Nhà trường triển khai tự đánh giá 03 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT [H10.10.01.14], đến năm 2020 tiếp tục triển khai đánh giá thêm 02 CTĐT [H10.10.01.15]. Qua quá trình tự đánh giá các CTĐT này Nhà trường nhận thấy rõ những tồn tại cần khắc phục như: (1) Thiếu quy định, quy trình xây dựng CTĐT nên việc triển khai rà soát, điều chỉnh, phát triển, xây dựng mới… giữa các CTĐT chưa có sự thống nhất, đồng bộ; (2) Bản mô tả CTĐT chưa thể hiện được hết các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT; (3) Thiếu sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động, của sinh viên năm cuối và cựu sinh viên….[H10.10.01.05], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Do vậy, giữa năm 2021 Nhà trường đã tạm hoãn tự đánh giá các CTĐT này để tập trung khắc phục các tồn tại.

Để thực hiện Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2018-2022 [H10.10.01.09], hằng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua các kế hoạch, báo cáo tổng kết và phương hướng công tác của Đảng ủy và chính quyền Nhà trường [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. Nhà trường đã triển khai và hoàn thiện rà soát giữa chu kỳ, cáo cáo cơ quan chủ quản (ĐHTN), Bộ GD&ĐT và Trung tâm KĐCLGD [H10.10.01.21], [H10.10.02.07].

Năm 2022, Nhà trường đã thực hiện tổng kết Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2018-2022 [H10.10.03.01]. Kết quả cụ thể như sau:

(1) Sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường: Nhà trường đã rà soát, xác định rõ và ban hành Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá văn hóa (ban hành năm 2019); tiếp tục điều chỉnh, bổ sung Triết lý giáo dục, khẳng định "định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng" trong Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành năm 2021) [H10.10.03.02]. Cả hai lần điều chỉnh, bổ sung này Nhà trường đều xin ý kiến của các bên liên quan. Như vậy, kế hoạch này đã hoàn thành đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

(2) Tổ chức và quản lý: Năm 2021, Nhà trường đã triển khai xây dựng và ban hành để áp dụng 58 quy trình quản lý chất lượng theo bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015 [H10.10.03.03]; Xây dựng và ban hành Quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển đội ngũ nhân viên phục vụ triển khai CTĐT [H10.10.03.04], phổ biến đến các đơn vị, cá nhân trong toàn trường qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản <https://tnut.vnptioffice.vn/>; xây dựng đề án việc làm, trong đó mô tả rõ yêu cầu đối với từng công việc của đội ngũ nhân viên [H10.10.03.05].

(3) Chương trình đào tạo: Năm 2018, Nhà trường đã ban hành Quy định và hướng dẫn xây dựng, cải tiến, thẩm định và ban hành CĐR [H10.10.03.06]; năm 2021 đã ban hành Quy định phát triển CTĐT [H10.10.03.07] và hướng dẫn Xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.03.08]; thực hiện 02 lần rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT vào các năm 2019 và 2021 [H10.10.03.09], [H10.10.03.10]; các CTĐT của Nhà trường đều được công khai trên Website [H10.10.03.11]; Rà soát, điều chỉnh Quy định về công tác thi và kiểm tra học phần [H10.10.03.12].

(4) Hoạt động đào tạo: Rà soát, điều chỉnh Quy chế đào tạo theo định kỳ 2 năm/ 1 lần [H10.10.03.13]; xây dựng và ban hành quy định về khảo sát, lấy ý kiến người học về giảng viên giảng dạy các học phần lý thuyết góp phần điều chỉnh hoạt động giảng dạy [H10.10.03.14]; thực hiện khảo sát, lấy ý kiến người học hằng năm và phản hồi đến các bên liên quan [H10.10.03.15].

(5) Đội ngũ quản lý, giảng viên và nhân viên: Năm 2021 ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H10.10.03.02]. Hằng năm, Nhà trường đều tổng hợp dữ liệu về tỉ lệ sinh viên/giảng viên và thực hiện báo cáo 3 công khai [H10.10.03.16]. Năm 2022, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về đánh giá kết quả/hiệu quả công việc [H10.10.03.17].

(6) Công tác sinh viên: Hoàn thành rà soát, điều chỉnh hướng dẫn triển khai công tác CNL-CVHT theo hướng quyền hạn gắn liền với trách nhiệm [H10.10.03.18]; tổ chức nhiều mô hình tuyên truyền, phổ biến các nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường đến người học: sinh hoạt đầu khóa, website, fanpage, công tác CNL-CVHT, Đoàn TN, Hội SV…[10.10.03.19]. Hằng năm, Nhà trường đều phối hợp với các Nhà truyển dụng tổ chức nhiều hội thảo việc làm, đồng thời xây dựng website về tuyển dụng (<http://tuyendung.tnut.edu.vn/>) với nhiều thông tin hỗ trợ bổ ích và mang tính cập nhật [H10.10.03.20]. Năm 2021-2022, Nhà trường đã đặt Công ty Anh Quân phần mềm quản lý đào tạo Edusoft.net trong đó có phân hệ khảo sát trực tuyến [H10.10.03.21], có thể đồng bộ tất cả các hạng mục khảo sát trong trường.

(7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ: Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2017-2022; rà soát, điều chỉnh các nhóm nghiên cứu theo hướng nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng đáp ứng nhu cầu NCKH của Nhà trường; Xây dựng kế hoạch hoạt động cho các nhóm nghiên cứu với các chỉ tiêu thực hiện cụ thể, gia tăng số lượng công bố khoa học, đặt biệt là các công bố trên các tạp chí, Hội nghị uy tín nằm trong chỉ mục ISI/Scopus; Đề xuất các giải pháp tăng nguồn thu từ các hoạt động NCKH và CGCN…; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý NCKH nhằm giám sát hoạt động NCKH và đối sánh để cải tiến chất lượng [H10.10.03.22].

(8) Hợp tác quốc tế: Từ năm 2018, hằng năm Nhà trường phối hợp với Springer tổ chức Hội nghị quốc tế ICERA, kỷ yếu Hội nghị được xuất bản bởi Springer và chỉ mục Scopus [H10.10.03.23]. Nhà trường triển khai nhiều hoạt động để tăng quy mô sinh viên Quốc tế, tăng cường mời các giáo sư, giảng viên và nhà khoa học nước ngoài tham gia đào tạo CTTT, chương trình hợp tác đào tạo quốc tế [H10.10.03.24]; Xây dựng được kế hoạch chiến lược thu hút giảng viên của Trường đang làm việc và nghiên cứu ở nước ngoài tham gia các hoạt động đào tạo, NCKH giai đoạn 2018-2022 [H10.10.03.25]; Chủ động khai thác các quỹ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu của nước ngoài dành cho Việt Nam trong giai đoạn 2018-2022 [H10.10.03.26]; tăng cường liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài tham gia, đầu tư vào các hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường [H10.10.03.26].

(9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác: Hằng năm Nhà trường triển khai rà soát, bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng CTĐT và kết nối với Trung tâm học liệu - ĐHTN, số hóa nhiều tài liệu phục vụ đào tạo [H10.10.03.27]. Bên cạnh đó, Nhà trường định kỳ thanh lý các thiết bị hết niên hạn sử dụng, có kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị còn thiếu, thay thế kịp các thiết bị hỏng hóc để đảm bảo nhu cầu đào tạo và NCKH [H10.10.03.28]. Nhà trường thường xuyên rà soát, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an ninh trong khu KTX, tạo môi trường sinh hoạt và học tập lành mạnh cho SV [H10.10.03.29]. Triển khai công tác khảo sát lấy ý kiến người học về thư viện, cơ sở vật chất và sự hài lòng về công tác phụ vụ đối với SV khóa cuối [H10.10.03.30] và toàn thể SV trong trường [H10.10.03.31].

(10) Tài chính và quản lý tài chính: Xây dựng dự toán sử dụng ngân sách hằng năm trên cơ sở các chỉ tiêu, phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm năm học, đảm bảo chiến lược phát triển Nhà trường [H10.10.03.32]; Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm trên cơ sở cân đối thu chi và phân bổ chỉ tiêu từ nguồn sự nghiệp hợp lý và hiệu quả [H10.10.03.33].

Bên cạnh các nhiệm vụ được triển khai theo kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng sau khi hoàn thành tự đánh giá, đánh giá ngoài và KĐCL đã đề ra, Nhà trường còn triển khai nhiều hoạt động khác (theo khuyến nghị của Hội đồng KĐCLGD) như:

(1) Hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, trong đó có Hội đồng trường và phân rõ vài trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng và Ban Giám hiệu [H10.10.03.34]; Thành lập các Trung tâm hỗ trợ triển khai các hoạt động, trong đó một số Trung tâm thực hiện tự chủ và một số Trung tâm hướng tới tự chủ [H10.10.03.35].

(2) Triển khai các hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra. Từ năm 2017-2019, Nhà trường tổ chức đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra được 06 CTĐT. Kết quả và các khuyến nghị được chuyển về các đơn vị liên quan để phối hợp triên khai xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng [H10.10.03.36].

Ngoài ra, đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường theo chiến lược đã xác định, Trường ĐHKTCN đã chủ động xây dựng và ban hành: chính sách chất lượng của Nhà trường [H10.10.03.37]; Kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025 [H10.10.01.03]; Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.09] và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA version 4.0 [H10.10.01.xx], đồng thời giao cụ thể cho các đơn vị, cá nhân liên quan triển khai thực hiện. Nhà trường cũng động xây dựng CSDL dùng chung phục vụ việc thu thập thông tin, minh chứng để phân tích, đánh giá các điều kiện ĐBCLGD nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phu hợp [H10.10.02.08]. Nhà trường đầu trang bị phần mềm quản lý văn bản (<https://tnut.vnptioffice.vn/>) và phân hệ quản lý thông tin, minh chứng của phần mềm quản lý Edusoft.net [H10.10.02.08].

Các điểm mạnh trong quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài và KĐCL chu kỳ 2 cũng được Nhà trường quan tâm phát huy, đặc biệt là lĩnh vực NCKH và CGCN. Kết quả triển khai giai đoạn 2018-2022 có những bước đột phá đáng kể như sau:

- Nhà trường định hướng giao nhiệm vụ triển khai các đề tài NCKH cấp trường theo hướng ưu tiên các công bố khoa học quốc tế có uy tìn cao. Do vậy: (1) Số lượng công bố khoa học trên các tạp chí, Hội nghị khoa học Quốc tế uy tín (được chỉ mục ISI/Scopus) của Nhà trường giai đoạn này tăng xxx% so với giai đoạn trước; (2) Số lượng đề tài NCKH của sinh viên tăng xxx%; (3) Số lượng đề tài NCKH chậm tiến độ hoặc bị thanh lý cũng giảm đáng kể; Số lượng các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước tăng xxx%; Nhà trường thành lập và duy trì hoạt động của yyy CLB NCKH thuộc các đơn vị đào tạo; Các hoạt động NCKH, sáng tạo, khởi nghiệp, các cuộc thi trí tuệ trong SV được triển khai và duy trì thường xuyên [H10.10.03.38].

- Phát huy lợi thế sẵn có về cơ sở vật chất, trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã tập trung chuẩn bị các điều kiện về trang thiết bị và nhân lực [H10.10.03.39], từng bước xây dựng, hoàn thiện và ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H10.10.01.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thành lập các phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm xxx, yyy, zzz [H10.10.03.40]; xây dựng một số phòng thực hành như: Phòng thực hành aaa, bbb, ccc [H10.10.03.41]; xây dựng các trung tâm thực hành-thí nghiệm như: Phòng thực hành-thí nghiệm khoa ddd, eee [H10.10.03.42].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Năm 2015, Nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng CSGD chu kỳ 2 (giai đoạn 2009-2014) theo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007QĐ-BGDĐT, Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT và công văn số 527/KTKĐCLGD của Cục Khảo thí và KĐCLGD [H10.10.02.01]. Trong quá trình triển khai tự đánh giá, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, Nhà trường phải nhiều lần kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, bổ sung thành viên các nhóm chuyên trách… [H10.10.02.01]. Đặc biệt, nguyên nhân chủ quan là số lượng cán bộ, giảng viên của Nhà trường được đào tạo các khóa về Kiểm định chất lượng rất ít, thiếu quy trình tự đánh giá. Do vậy, quá trình tự đánh giá phải kéo kéo dài đến hết năm 2016. Đầu năm 2017, Nhà trường thực hiện đánh giá đồng cấp của ĐHTN [H10.10.04.01]. Sau khi thực hiện đánh giá đồng cấp, Nhà trường tiếp thu và tiếp tục hoàn thiện báo cáo đồng thời đăng ký với tổ chức KĐCLGD thực hiện đánh giá ngoài bởi Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội các trường Đại học Cao đẳng Việt Nam [H10.10.04.02].

Từ năm 2018 đến năm 2021, Nhà trường đã triển khai tự đánh giá 06 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT, công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH, công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT, công văn 769/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH, công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT [H10.10.01.14], [H10.10.01.15], [H10.10.04.03]. Qua quá trình tự đánh giá CTĐT Nhà trường nhận thấy: (1) Trường thiếu quy định, quy trình, hướng dẫn chi tiết việc xây dựng CTĐT nên việc triển khai rà soát, điều chỉnh, phát triển, xây dựng mới… giữa các CTĐT chưa có sự thống nhất, đồng bộ; (2) Bản mô tả CTĐT chưa thể hiện được hết các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT; (3) Thiếu sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động, của sinh viên năm cuối và cựu sinh viên; (4) Sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong Trường chưa thực sự đồng bộ….[H10.10.01.05], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Do vậy, trong năm 2021, nhằm đáp ứng mục tiêu Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 [H10.10.01.02] và Kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng Trường ĐHKTCN giai đoạn 2021-2025 [H10.10.01.02], Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp nhằm cải thiện tiến độ thực hiện tự đánh giá CTĐT và đảm bảo kế hoạch tự đánh giá CSGD, đánh giá ngoài và KĐCLGD cấp CTĐT và cấp CSGD. Cụ thể là:

- Xây dựng và ban hành các bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng cấp CSGD theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA version 4.0 [H10.10.01.19], [H10.10.01.20]. Trong đó, mỗi tiêu chí hoặc tiêu chuẩn được giao cho từng đơn vị thực hiện và quản lý minh chứng, báo cáo định kỳ hằng năm.

- Xây dựng CSDL dùng chung phục vụ cho quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CSGD và cấp CTĐT [H10.10.02.08].

- Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý Edusoft.net, trong đó có các phân hệ quản lý minh chứng và khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.02.08].

- Xây dựng và ban hành 58 Quy trình ISO, trong đó có Quy trình tự đánh giá chất lượng giáo dục (QT.03-KT&ĐBCLGD), Quy trình Hỗ trợ đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 [H10.10.01.22].

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chi tiết, thường xuyên giám sát theo kế hoạch và tiến độ thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên, tổ chức các đợt tập huấn cho từng nhóm công tác chuyên trách, gắn trách nhiệm với quyền lợi của cá nhân… [H10.10.01.11], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13], [H10.10.02.13].

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm thường xuyên nhằm chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Trường [H10.10.04.04].

Những cải tiến trên đã mang lại hiệu quả đáng kể cho Nhà trường. Thứ nhất, Nhà trường đã hoàn thành tự đánh giá cấp CSGD chu kỳ 3, giai đoạn 2018-2022 đúng kế hoạch đề ra [H10.10.04.05]. Thứ hai, việc triển khai thực hiện tự đánh giá các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đã cơ bản hoàn thành đúng kế hoạch [H10.10.02.13], [H10.10.02.14], [H10.10.04.05]. Những kinh nghiệm này được Nhà trường tiếp tục phát huy trong quá trình tự đánh giá 02 CTĐT đã đăng ký kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA version 4.0 vào tháng 8/2023 [H10.10.02.15], [H10.10.04.07].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Chiến lược phát triển, kế hoạch ĐBCLGD được Nhà trường xây dựng với các chỉ tiêu cụ thể, có lộ trình rõ ràng. Nhà trường đã xây dựng, điều chỉnh kịp thời kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD, các CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Đồng thời, Nhà trường có triển khai tập huấn, hướng dẫn và thường xuyên thực hiện tự đánh giá, có chuẩn bị cho đánh giá ngoài. Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài được Nhà trường phổ biến kế hoạch cho các bên liên quan.

- Nhà trường triển khai thực hiện tự đánh giá theo quy định. Để chuẩn bị cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, Nhà trường đã cử được 11 cán bộ đi học và có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên KĐCLGD. Tất cả các cán bộ tham gia Hội đồng tự đánh giá CSGD và CTĐT đều được Nhà trường triển khai tập huấn và phần lớn đã từng tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn về ĐBCL, KĐCLGD.

- Thông qua quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, Nhà trường đã nhận diện rõ những điểm mạnh, điểm tồn tại và xây dựng, triển khai kế hoạch hành động để khắc phục các điểm tồn tại. Nhà trường cũng đã xây dựng báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, gồm cả báo cáo giữa chu kỳ và báo cáo cả tổng kết cả chu kỳ.

- Nhà trường đã triển khai xây dựng quy trình quản lý chất lượng theo bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015, trong đó có các quy trình tự đánh giá và quy trình hỗ trợ đánh giá ngoài. Qua quá trình triển khai, các quy trình này đã được Nhà trường rà soát, điều chỉnh và bổ sung nhằm phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Sự phối hợp của các đơn vị, cá nhân trong quá trình triển khai tự đánh giá, đặc biệt là tự đánh giá các CTĐT chưa thực sự hiệu quả nên tiến độ triển khai chậm; số lượng các CTĐT thực hiện tự đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, của các tổ chức kiểm định Quốc tế chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng số CTĐT hiện hành của Nhà trường. Đến nay, Nhà trường chưa có CTĐT nào được đánh giá ngoài.

- Tỉ lệ, số lượng cán bộ làm công tác ĐBCL của các đơn vị thuộc Trường được đào tạo các khóa về KĐCLGD còn thấp. Nhà trường chưa có cán bộ, giảng viên nào có thẻ Kiểm định viên.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Tăng cương sự phối hợp của các đơn vị, cá nhân trong quá trình triển khai tự đánh giá các CTĐT, hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài 04 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Các khoa chuyên môn;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Từ năm 2022-2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm tăng tỉ lệ, số lượng cán bộ làm công tác ĐBCL của các đơn vị thuộc Trường được đào tạo các khóa về KĐCLGD, tối thiểu có 01 cán bộ có thẻ Kiểm định viên | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng HC-TC và phòng KT&ĐBCLGD;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Từ năm 2022-2023 đến năm 2024-2025 |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Chiến lược phát triển, kế hoạch ĐBCLGD được Nhà trường xây dựng với các chỉ tiêu cụ thể, có lộ trình rõ ràng cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Các khoa chuyên môn;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT và CSGD theo quy định | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Các khoa chuyên môn;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 3 | Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động để khắc phục các điểm tồn tại thông qua tự đánh giá và đánh giá ngoài | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Các khoa chuyên môn;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh 4 | Duy trì vận hành và rà soát thường xuyên các quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2015, đặc biệt là các quy trình tự đánh giá và quy trình hỗ trợ đánh giá ngoài | - Tập thể lãnh đạo Trường;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Các khoa chuyên môn;  - Các bộ phận/đơn vị có liên quan. | Thường xuyên |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 10*** | ***5*** |
| Tiêu chí 10.1 | 5 |
| Tiêu chí 10.2 | 5 |
| Tiêu chí 10.3 | 5 |
| Tiêu chí 10.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

### Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Để quản lý thông tin ĐBCL bên trong trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ, Nhà trường ban hành Quy định về quản lý thông tin nội bộ hệ thống ĐBCL bên trong nhằm đảm bảo duy trì thông tin liên lạc thông suốt giữa các đơn vị, cá nhân liên quan đến quá trình của hệ thống ĐBCL [H11.11.02.01]; các thông tin được sắp xếp, lưu trữ dưới dạng văn bản giấy và văn bản điện tử một cách khoa học [H11.11.02.02]; xây dựng và vận hành các quy trình trình ISO nhằm thực hiện việc xử lý, chuyển nhận thông tin có hệ thống và được kiểm soát [H11.11.02.03]. Để thu thập các thông tin nhằm phục vụ công tác đào tạo, rà soát, điều chỉnh CTĐT, và các hoạt động khác, nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.02.04]. Các thông tin thu thập được xử lý, phân tích, báo cáo theo quy định [H11.11.02.05].

Nhà trường giao cho Phòng khảo thí &ĐBCL là đơn vị đầu mỗi phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.02.06] [H11.11.02.07]. Phòng đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Quyết định ban hành hoạt động hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.02.08].

Nhà trường đầu tư và ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ việc thu thập, xử lý, báo cáo, chuyển, nhận và quản lý thông tin ĐBCL bên trong, gồm: trang bị 9 máy chủ vật lý nhằm xử lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu; nâng cấp mở rộng hệ thống mạng LAN nội bộ trong toàn trường bằng hệ thống cáp quang tốc độc cao; hệ thống mạng Wifi được lắp đặt tại các khu làm việc, thư viện, giảng đường, ký túc xá và khuân viên trường; lắp đặt mở rộng 15 đường truyền internet băng với tổng băng thông được truyền là 960 Mbps; nâng cấp, mở rộng hệ thống gồm 30 website của các đơn vị và tổ chức đoàn thể; đầu tư nâng cấp, bổ sung nhiều phần mềm và ứng dụng, khai thác hiệu quả trong quản lý, điều hành, hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, NCKH và PVCĐ [H11.11.02.09].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường được xây dựng trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định hoạt động trong: Các dữ liệu về người học, CSVC, tài chính, đào tạo, NCKH, PVCĐ được quản lý, xử lý, lưu trữ đồng bộ,.. bằng hệ thống phần mềm Edusoft.Net; ứng dụng phần mềm khảo sát chuyên nghiệp để thu thập, xử lý, báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy, chất lượng khóa học, tình trạng việc làm, xây dựng và điều chỉnh CĐT, CTĐT, PVCĐ; sử dụng phần mềm quản lý văn bản hành chính VNPT office (chuyển, nhận, xử lý và lưu trữ toàn bộ thông tin văn bản của Nhà trường); cổng thông tin dữ liệu dùng chung, trong đó thông tin và dữ liệu được số hóa, lưu trữ và sắp xếp khoa học nên việc cập nhật, chia sẻ và tìm kiếm thông tin được thuận lợi; hệ thống website và cổng thông tin điện tử nghiệp vụ: thông tin giới thiệu về các lĩnh vực của trường, thông tin về các hoạt động, 3 công khai, tuyển sinh,… thông tin được bố trí sắp xếp khoa học theo từng đối tượng người dùng để thuận tiện cho việc theo dõi và tìm kiếm; sử dụng phần mềm MISA quản lý, xử lý, báo cáo về công tác tài chính; phần mềm quản lý thư viên, phần mềm quản lý tài liệu số và phần mềm elearning cung cấp tài liệu đầy đủ, thuận lợi, bám sát CTĐT cho người học tại chỗ hay qua hệ thống mạng nội bộ và internet. Ngoài ra còn sử dụng hệ thống email nội bộ để trao đổi thông tin,…. [H11.11.02.01].

Nhằm đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn hệ thống trao đổi thông tin, đồng thời thông tin phải được phân tích, đảm bảo tính chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, bên cạnh Quy trình tiếp nhận - xử lý văn bản đến [H11.11.03.04], Nhà trường còn ban hành Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản [H11.11.03.03]. Theo đó tất cả các tài liệu, hồ sơ của hệ thống quản lý chất lượng đều có dấu hiệu nhận biết riêng như: tên tài liệu, mã số, nơi nhận, nơi lưu, thời hạn lưu, phương pháp hủy bỏ và nhận biết khi quá hạn, ngày ban hành, người có thẩm quyền xem xét phê duyệt trước khi ban hành, tình trạng thay đổi tài liệu,…trước khi ban hành. Việc thay thế, sửa đổi các tài liệu được biên soạn, xem xét và được người có thẩm quyền phê duyệt. Người kiểm soát tài liệu chịu trách nhiệm cập nhật vào danh mục tài liệu nội bộ, nhân bản (photo), đóng dấu tích hợp, xin ý kiến chỉ đạo của BGH và tiến hành phân phối đến người sử dụng. Khi phân phối tài liệu, tất cả các đơn vị phải có sổ theo dõi văn bản đi, đến nhằm đảm bảo tất cả các thông tin Nhà trường được phân phối đến các bên liên quan để nhận biết và triển khai thực hiện thống nhất trong toàn Trường. Với các thông tin thu được, các đơn vị có liên quan đến thông tin có trách nhiệm phân loại, xử lý, sắp xếp, đánh mã số để quản lý và thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng [H11.11.02.02]. áp dụng các quy trình ISO để hệ thống hóa các hoạt động và các văn bản của Nhà trường [H11.11.02.03]. Ngoài việc lưu trữ thông tin trên giấy, Nhà trường áp dụng phần mềm quản lý văn bản hành chính VNPT Office để tổ chức lưu trữ, xử lý, chuyển nhận các thông tin số (bản điện tử) trong Nhà trường thông qua mạng thông tin nội bộ và internet một cách có hệ thống theo từng đối tượng liên quan [H11.11.02.04]. Các thông tin sau khi đã được số hóa và lưu trữ trong phần mềm quản lý văn bản, sẽ được đồng bộ sang hệ thống CSDL dùng chung nhằm tích hợp và đồng bộ thông tin, dữ liệu trong toàn Trường, đồng thời thông tin được phân cấp, phân quyền và chia sẻ cho các bên liên quan sử dụng, khai thác. Nhà trường áp dụng phần mềm riêng để phục vụ cho công tác quản lý, lưu trữ các thông tin minh chứng phục vụ cho việc kiểm định, đánh giá CTĐT và Nhà trường,….[ H11.11.02.05].

Đối với hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu, Nhà trường đã ban hành Quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.02.06], đồng thời ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp và gửi đến các đơn vị liên quan [H11.11.02.07] [H11.11.02.08].

Các thông tin về đào tạo như CTĐT, đề cương học phần, kế hoạch đào tạo, đăng ký học phần, thời khóa biều, lịch thi, kết quả học tập rèn luyện,…cũng như các thông tin về NCKH và PVCĐ luôn sẵn sàng và được cung cấp kịp thời cho người học và các bên liên quan khác qua nhiều kênh thông tin khác nhau như website, công thông tin nội bộ, hệ thống email,…[……]

Để đảm bảo thống nhất, an toàn và bảo mật thông tin ĐBCL, Nhà trường ban hành Quy định bảo mật hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trọng [H11.11.02.9]. Nhà trường việc xây dựng hệ thống thông tin dự phòng đáng tin cậy và hiệu quả: thông tin được số hóa và cập nhật trên phần mềm quản lý văn bản và CSDL dùng chung của Trường; ngoài việc người sử dụng lưu trữ trên máy tính cá nhân và các thiết bị lưu trữ ngoài, còn có các máy chủ lưu trữ tập chung thông tin tại phòng máy chủ của Trường, máy chủ luôn được bảo vệ bằng hệ thống tường lửa (firewall) và phần mềm diệt virus, đồng thời luôn được sao lưu và bảo mật, sẵn sàng chia sẻ khi được người có thẩm quyền yêu cầu [H11.11.02.10].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Hàng năm, hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được rà soát chặt chẽ và thể hiện trong các quy trình và thủ tục quản lý: Điều chỉnh bổ sung quy trình ISO [H11.11.03.01] [H11.11.03.02], Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản [H11.11.03.03], Quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản đến [H11.11.03.04], Quy trình hành động khắc phục và cải tiến [ H11.11.03.05].

Việc rà soát được thực hiện từ khâu kiểm soát thể thức văn bản, tính nhất quán trong nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, phát hành, lưu trữ. Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính bảo mật và an toàn dữ liệu thông tin mình quản lý [H11.11.03.06].

Ngoài việc các đơn vị chủ động sao lưu dự phòng (backup) dữ liệu, đảm bảo không để mất mát thông tin dữ liệu và được kiểm soát trong mỗi đợt đánh giá, Nhà trường giao cho Trung tâm TTTV có cơ chế chính sách sao lưu, bảo mật các thông tin, dữ liệu từ hệ thống máy chủ tác nghiệp của Trường [H11.11.03.07].

Hệ thống các phần mềm của Nhà trường được rà soát, nâng cấp, bảo trì theo yêu cầu thực tế: Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft.Net liên quan đến toàn bộ thông tin của người học từ đầu vào, quá trình đến dầu ra, và các hoạt động quản lý điều hành khác của trường nên đã được nhà trường ký hợp đồng bảo trì để nâng cấp hàng năm để đáp ứng yêu cầu thay đổi của trường [H11.11.03.08]. Hệ thống website của trường cũng được rà soát nâng cấp, mở rộng hàng năm để tăng khả năng bảo mật, an toàn thông tin [H11.11.03.09] [H11.11.03.10].

Để hệ thống CNTT của trường vận hành thông suốt, phục vụ cho việc khai thác, trao đổi, chia sẻ thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý Hệ thống thông tin điện tử và thành lập ban biên tập website [H11.11.03.11].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL có lấy ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan trong CSGD để bổ sung, điều chỉnh.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí: 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và  
kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong Nhà trường luôn được rà soát và cải tiến  
nhằm hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của Nhà trường và trong công tác đào tạo,  
NCKH và PVCĐ: xây dựng, điều chỉnh bổ sung các Quy trình ISO [H11.11.04.02] [H11.11.04.03], đặc biệt là quy trình Hành động khắc phục và cải tiến, rà soát điều chỉnh và bổ sung hệ thống văn bản [H11.11.04.01] cho phù hợp với tình hình thực tế trong công tác quản lý, điều hành của nhà trường. Các tài liệu được thay đổi, ban hành và cập nhật kịp thời [H11.11.04.04].

Hệ thống thông tin đã có nhiều cải tiến: đã ứng dụng CNTT trong thêm nhiều lĩnh vực, đặc biệt vào hoạt động giảng dạy trực tuyến và biên soạn bài giảng [H11.11.04.06], cũng như hoạt động hỗ trợ sinh viên, quản lý giảng dạy và theo dõi tiến độ đào tạo [H11.11.04.07]; cơ sở dữ liệu và thông tin của trường được quản lý tập trung, đồng bộ và sẵn sàng chia sẽ cho các bên liên quan thông qua hệ thống CSDL dùng chung, hệ thống phần mềm Edusoft.Net phiên bản mới được nâng, hệ thống quản lý văn bản hành chính VNPT office [H11.11.04.05].

Hàng loạt các phần mềm được xây mới, cải tiến, nâng cấp theo hướng hỗ trợ tích cực người dùng và quản lý thông tin hiệu quả: Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft.Net, phần mềm khảo sát, phần mềm TMS hỗ trợ hoạt động giảng dạy và học tập trực tuyến, phần mềm quản lý và cung cấp tài liệu số theo CTĐT Ebook, phần mềm quản lý thư viện ILIB, phần mềm quản lý tài chính MISA [H11.11.04.08].

Để triển khai đào tạo trực tuyến trong tình hình mới phù hợp với chuyển đổi số trong giáo dục, nhà trường đầu tư hệ thống giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến toàn bộ các giảng đường [H11.11.04.09].

Xây dựng hệ thống thông tin tuyền thông bên ngoài, cùng với đó là kết quả khảo sát các bên liên quan nhất là nhà tuyển dụng cho thấy hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường được nhận diện, khẳng định trong hệ thống giáo dục Việt Nam [H11.11.04.11].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường thiết lập hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong đa dạng, đảm bảo việc thu thập, xử lý, báo cáo và chuyển thông tin đến các bên liên quan kịp thời, đảm bảo sự tống nhất, bảo mật và an toàn.

- Đẩy mạnh, tăng cường tin học hóa toàn bộ hệ thống thông tin trong Trường, cùng hệ thống thông tin điện tử với các phần mềm chuyên nghiệp, áp dụng trong việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong, đã hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ rất hiệu quả.

- Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được rà soát, cải tiến về số lượng, chất lượng, sự thống nhất và tính bảo mật, an toàn dữ liệu và thông tin.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến hoạt động ĐBCL bên trong còn hạn chế bởi những nguyên nhân chủ quan và khách quan: số phiếu thu lại không cao, tỷ lệ phiếu có giá trị thống kê chưa cao, trách nhiệm tổ chức khảo sát của các đơn vị còn chưa chủ động, chủ yếu vẫn dựa vào các kết quả khảo sát từ phòng Khảo thí & ĐBCL, các phần mềm khảo sát còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu về thu thập và xử lý dữ liệu.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 |  | Đầu tư xây dựng hệ thống lấy ý kiến khảo sát chuyên nghiệp, đồng bộ | Trung tâm TTTV, Phòng Khảo thí & ĐBCL | 2021-2022 |  |
| 2 |  | Phân cấp, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đợn vị về việc lấy ý kiến khảo sát | Phòng Khảo thí & ĐBCL | 2022-2023 |  |
| 3 |  | Nghiên cứu, cải tiến các nội khảo sát đảm bảo tính khoa học, giúp cho việc thu thập được các số liệu thống kê có giá trị, phục vụ cải tiến quy trình, kế hoạchnhằm hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng | Phòng Khảo thí & ĐBCL | 2022-2023 |  |
| 4 |  | Xây dựng phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác đánh CTĐT, đánh giá ngoài | Trung tâm TTTV, Phòng Khảo thí & ĐBCL | 2021-2022 |  |
| 5 |  | Xây dựng và ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin điện tử, CSDL dùng chung. | Phòng Khảo thí & ĐBCL, Trung tâm TTTV, Phòng HC-TC | 2022-2023 |  |
| 6 |  | Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các hoạt động của Nhà trường, áp dụng trong việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong, hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hiệu quả. | Trung tâm TTTV và các đơn vị liên quan | 2022-2025 |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 11*** | ***4,5*** |
| Tiêu chí 11.1 | 5 |
| Tiêu chí 11.2 | 5 |
| Tiêu chí 11.3 | 4 |
| Tiêu chí 11.4 | 4 |

## Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

### Tiêu chí: 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nâng cao chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược và đồng thời cũng là trách nhiệm của Nhà trường đối với người học và xã hội nhằm đào tạo nguồn lao động chất lượng cao, cung ứng sản phẩm khoa học, công nghệ cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương và trong cả nước. Nâng cao chất lượng được Nhà trường thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ và có hệ thống thông qua giám sát, đánh giá liên tục các khía cạnh hoạt động trong toàn trường từ chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đảm bảo mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển. Thông qua thực tế triển khai chiến lược phát triển của Trường trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H12.12.01.0 1] và điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H12.12.01.0 2]. Căn cứ vào Báo cáo đánh giá ngoài CSGD giai đoạn 2012-2017, Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2017-2022 [H12.12.01.0 3] và Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018-2022 [H12.12.01.0 4]. Theo đó, Nhà trường một mặt khắc phục những mặt tồn tại theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, đồng thời tập trung cải tiến các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực nhằm đảm bảo chất lượng về chiến lượng, hệ thống và chức năng trong giai đoạn phát triển mới, cụ thể như sau:

- Về chính sách: Nhà trường đã cam kết xây dựng môi trường học thuật tự do và sáng tạo, trải nghiệm thực tiễn, đổi mới liên tục nhằm cung ứng nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan thông qua chính sách [H12.12.01.0 5] (tên khác [H9.09.02.0 6]):

(1) Xây dựng môi trường học thuật tự do, sáng tạo gắn liền với trải nghiệm thực tiễn, khởi nghiệp và nuôi dưỡng tài năng;

(2) Tập trung nguồn lực và không ngừng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, sản phẩm khoa học, chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động chất lượng cao và sự hài lòng của các bên liên quan;

(3) Mở rộng hợp tác doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các đối tác tạo cơ hội việc làm trong nước và quốc tế cho người học tốt nghiệp;

(4) Nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số đại học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; cam kết công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình;

(5) Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trên nền tảng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và tiêu chuẩn chất lượng giáo dục quốc gia và quốc tế.

Chính sách về chất lượng được truyền tải, cụ thể hóa trong các hoạt động của Nhà trường, cụ thể: Quy chế đào tạo [H12.12.01.0 6], Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H12.12.01.0 7], Quy định biên soạn sách, giáo trình [H12.12.01.0 8], Quy định phát triển chương trình đào tạo [H12.12.01.0 9], Quy định về công tác quản lý khoa học và công nghệ [H12.12.01.0 10], Quy định một số định mức xây dựng phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ [H12.12.01.0 11], Quy định các hoạt động hợp tác quốc tế [H12.12.01.0 12], Quy chế chi tiêu nội bộ [H12.12.01.0 13], Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường [H12.12.01.0 14], Quy chế làm việc của viên chức, người lao động [H12.12.01.0 15], Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động [H12.12.01.0 16], Quy định đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động [H12.12.01.0 17], Quy định công tác sinh viên hệ ĐH chính quy [H12.12.01.0 18], Quy định Công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập [H12.12.01.0 19], Quy định về học bổng khuyến khích học tập [H12.12.01.0 20], Quy định hoạt động phục vụ cộng đồng [H12.12.01.0 21], Quy chế hoạt động ĐBCL [H12.12.01.0 22].

- Về Hệ thống: Nhà trường luôn chú trọng đến việc cải tiến, nâng cao chất lượng liên tục với các dữ liệu và thông tin đầu vào, bao gồm: kết quả giám sát, đánh giá các hoạt động hàng năm [H12.12.01.0 23]; kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, khóa học, chương trình đào tạo, tình hình việc làm của sinh viên, chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H12.12.01.0 24]; kết quả tự đánh giá các CTĐT, đánh giá ngoài và đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng CSGD, [H12.12.01.0 25]; các chính sách của nhà nước về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.0 26] để điều chỉnh toàn bộ các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đầu ra, bao gồm: người học tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong đó, Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng bên trong thông qua chiến lược phát triển theo từng giai đoạn [H12.12.01.0 27] và các kế hoạch chiến lược bộ phận [H12.12.01.0 28], đồng thời phân rã, phân kỳ thành kế hoạch năm học [H12.12.01.0 29]. Song song với việc nâng cao chất lượng bên trong, Nhà trường còn tổ chức, triển khai tự đánh giá 04 chương trình đào tạo theo Tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và 02 chương trình đào tạo theo Tiêu chuẩn AUN 4.0. Nhà trường xác định việc nâng cao chất lượng là trách nhiệm của toàn thể các đơn vị, cá nhân trong Trường, với lực lượng nòng cốt kiểm soát chất lượng là Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, bao gồm Hội đồng đảm bảo chất lượng với 15 thành viên là lãnh đạo các đơn vị và 15 Tổ Đảm bảo chất lượng với 35 thành viên là lãnh đạo các bộ môn [H12.12.01.0 30]. Cơ chế hoạt động kiểm soát, nâng cao chất lượng được thực hiện thông qua Quy chế Đảm bảo chất lượng [H12.12.01.0 31] và các quy trình ISO [H12.12.01.0 32]. Trong đó, việc thông tin đảm bảo chất lượng bên trong từ công tác thu thập, phân tích, xử lý và báo cáo về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đến việc đánh giá và ra quyết định được thực hiện một cách có hệ thống theo quy định về việc khai thác, sử dụng và bảo mật thông tin của Nhà trường [H12.12.01.0 33].

- Về Quy trình, thủ tục: Nhà trường đã ban hành và áp dụng 58 quy trình theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015 nhằm tối ưu các hoạt động tác nghiệp trọng yếu, bao gồm: 06 quy trình hệ thống, 50 quy trình tác nghiệp, 01 chính sách chất lượng và 01 sổ tay chất lượng [H12.12.01.0 34].

- Về nguồn lực: xuất phát từ mục tiêu và chỉ tiêu chất lượng trong từng giai đoạn phát triển, Nhà trường đã đặt ra các mục tiêu và chỉ tiêu nhằm phát triển đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị-thư viện và nguồn lực về tài chính hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng Nâng cao chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược và đồng thời cũng là trách nhiệm của Nhà trường đối với người học và xã hội nhằm đào tạo nguồn lao động chất lượng cao, cung ứng sản phẩm khoa học, công nghệ cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương và trong cả nước. Nâng cao chất lượng được Nhà trường thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ và có hệ thống thông qua giám sát, đánh giá liên tục các khía cạnh hoạt động trong toàn trường từ chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đảm bảo mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển. Thông qua thực tế triển khai chiến lược phát triển của Trường trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H12.12.01.0 1], [H12.12.01.02] và được cụ thể hóa trong các kế hoạch chiến lược bộ phận [H12.12.01.28]. Các chỉ tiêu về nguồn lực trong giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021 được đặt ra như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn lực** | **Giai đoạn 2016-2020** | | | **Chỉ tiêu G. đoạn 2021-2025** | **Đơn vị tính** |
| **Chỉ tiêu** | **Kết quả** | **Tỉ lệ (%)** |
| **Đội ngũ** | **605** | **516** | **85,3** | **500** | **Người** |
| - Giảng viên | 434 | 365 | 84,1 | 375 | Người |
| - Hỗ trợ, phục vụ | 171 | 151 | 88,3 | 125 | Người |
| - Tiến sỹ, Phó Giáo sư | 120 | 114 | 95 | 150 |  |
| **Tài chính-Cơ sở vật chất** | | | | | |
| - Tổng thu | 445.752 | 487.936 | 109,5 | 779.818 | Triệu đồng |
| - Tổng chi | 491.158 | 476.764 | 97,1 | 786.212 | Triệu đồng |

Cơ cấu nhân sự tính đến năm 2020 tỉ lệ giảng viên-nghiên cứu viên/tổng lao động là 69,7%, tỉ lệ động ngũ hỗ trợ, phục vụ/tổng số lao động là 29,3%, cho thấy đội ngũ hỗ trợ, phục vụ vẫn còn cao so với... Trong đó, tỉ lệ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên chiếm 31%, tăng 12% so với năm 2015. Chỉ tiêu chiến lược đến năm 2025, giảm về số lượng đội ngũ phục vụ xuống còn 25%, đồng thời tăng cả về số lượng (75%) và chất lượng đội ngũ giảng viên nghiên cứu viên (40% giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ tiến sỹ trở lên).

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí: 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động ĐBCL, trong đó quy định rõ hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng bên trong và bên ngoài được quy định rõ ràng từ việc lựa chọn các đối tác cho đến các tiêu chí, đồng thời so chuẩn, đối sánh được quy định cho toàn bộ các hoạt động trọng yếu của Nhà trường [H12.12.02.0 1]:

- Đối với công tác so chuẩn: Nhà trường lựa chọn các tiêu chuẩn chất lượng như Tiêu chuẩn chất lượng cấp CSGD, bao gồm: Tiêu chuẩn theo Thông tư 12/TT-BGDĐT [H12.12.02.0 2], Tiêu chuẩn AUN-QA của Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á [H12.12.02.0 3]; Tiêu chuẩn chất lượng cấp chương trình đào tạo, bao gồm: Tiêu chuẩn theo Thông tư 04/TT-BGDĐT [H12.12.02.0 4], Tiêu chuẩn AUN-QA 4.0 [H12.12.02.0 5]. Ngoài ra, toàn bộ các hoạt động của Nhà trường được so chuẩn theo Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015 [H12.12.02.0 6]. Nhà trường lựa chọn các tiêu chí, nội dung so chuẩn chất lượng về các lĩnh vực cốt lõi như sau:

(1) Các tiêu chuẩn về chiến lược;

(2) Các tiêu chuẩn về hệ thống;

(3) Các tiêu chuẩn về chức năng;

(4) Kết quả đầu ra.

Để thực hiện việc so chuẩn, Nhà trường đã tiến hành đối sánh bên trong, tức là đối sánh qua các năm kết quả thực hiện việc cải tiến, nâng cao chất lượng ở các mảng công tác. Để thực hiện được việc đó, Nhà trường đã có sự lựa chọn các thông tin, xác định các tiêu chí để thực hiện so chuẩn thông qua Kế hoạch và báo cáo tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục [H12.12.02.0 7]; Kế hoạch đánh giá Nhà trường trong đó quy định nhiệm vụ các nhóm chuyên trách, hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí được lựa chọn để đánh giá [H12.12.02.0 8]; Quyết định ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đơn vị [H12.12.02.0 9]. Trong các kế hoạch này, Nhà trường đã có sự lựa chọn và đưa ra các tiêu chí được xem là tiêu chuẩn trong cải tiến, nâng cao chất lượng các mảng công tác trên cơ sở hướng dẫn và quy chuẩn của Bộ Giáo dục & đào tạo. Theo đó, các hoạt động của Nhà trường được thực hiện vừa đảm bảo tuân thủ quy định của nhà nước, đồng thời theo định hướng là những quy chuẩn đã được lựa chọn và ban hành. Những quy chuẩn đó vừa phục vụ công tác đánh giá CSGD vừa có vai trò là định hướng cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng của Nhà trường.

- Đối với công tác đối sánh: các đối tác được lựa chọn để đối sánh trong nước phải là CSGD đại học công lập đã được chứng nhận kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT hoặc tiêu chuẩn quốc tế cả về CSGD và chương trình đào tạo. Đối với đối sánh quốc tế thì ưu tiên các CSGD tham gia Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á hoặc các trường nằm trong bảng xếp hạng nhóm 1000 thế giới hoặc trong nhóm 500 các trường trong bảng xếp hạng hàng đầu Châu Á [H12.12.02.0 10].

- Đối với so chuẩn, đối sánh nội bộ, các đơn vị trong toàn trường thực hiện theo chức năng đối sánh các chỉ tiêu năm học [H12.12.02.0 11] . Các khoa chuyên môn thực hiện đối sánh về CTĐT trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT [H12.12.02.0 12]. Nội dung đối sánh bao gồm:

- Về đào tạo: chương trình, quy mô và ngành nghề đào tạo; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp; sinh viên thôi học, quá hạn;

- Về nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế: Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên, sinh viên; số lượng và chất lượng các bài báo trong nước và quốc tế; các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên; việc làm sinh viên.

- Về kết nối và phục vụ cộng đồng: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; chất lượng sinh viên tốt nghiệp; chuyển giao công nghệ và sản phẩm khoa học.

- Về điều kiện đảm bảo chất lượng: diện tích, số lượng phòng học, phòng thí nghiệm; thư viện và nguồn học liệu; hạ tầng công nghệ thông tin; đội ngũ giảng viên, trình độ và tỷ lệ SV/GV;

- Về tài chính: tổng thu sự nghiệp, các nguồn thu từ ngân sách, học phí, dịch vụ.

Ngoài ra, định kỳ 6 tháng 1 lần Nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ các quy trình tác nghiệp của các đơn vị theo Tiêu chuẩn ISO 9001-2015 nhằm duy trì chất lượng đảm bảo đúng chuẩn [H12.12.02.0 13].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí: 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động bảo đảm chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Trên cơ sở bộ tiêu chí được xác định trong cải tiến, nâng cao chất lượng Nhà trường trong đó tập trung hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Nhà trường đã tiến hành đánh giá, tổng kết các hoạt động này như là hoạt động nhằm so chuẩn, đối sánh nhằm rút ra kết luận qua các năm, có kế hoạch cải tiến vào năm tiếp theo từ đó góp phần tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Kết quả so chuẩn hàng năm thông qua Báo cáo kết quả hoạt động ĐBCLGD hàng năm [H12.12.03.0 1] và kết quả tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định [H12.12.03.0 2]. Kết quả của hoạt động đối sánh được thể hiện qua báo cáo ở các lĩnh vực công tác như: công tác tổ chức cán bộ, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kết nối và PVCĐ [H12.12.03.0 3]. Việc thực hiện so chuẩn, đối sánh được Nhà trường giao cho các đơn vị chức năng và đơn vị đào tạo phụ trách, cụ thể:

a) Đối sánh về đào tạo:

- Về chương trình đào tạo: việc rà soát CTĐT được Nhà trường rà soát thường xuyên và điều chỉnh tối thiểu 2 năm 1 lần. Trong quá trình điều chỉnh, CTĐT được đối sánh với các trường đại học trong nước và quốc tế về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, nội dung chương trình dạy học [H12.12.03.0 4].

- Về kết quả đào tạo: Hàng năm, phòng Đào tạo tiến hành phân tích đối sánh kết quả hoạt động đào tạo giữa các năm và đối sánh các chỉ tiêu liên quan đến đào tạo đã được Nhà trường giao nhiệm vụ từ đầu mỗi năm học [H12.12.03.0 5], từ đó nhận biết những điểm tồn tại, chưa phù hợp để đề ra những phương hướng, giải pháp để nâng cao chất lượng sinh viên đầu ra phù hợp với yêu cầu và nhu cầu của xã hội.

Kết quả đối sánh về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình từ năm 2018 đến nay được thể hiện trên Bảng 12.3.1 và Bảng 12.3.2:

Bảng 12.3.1. Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên đại học chính quy

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Tỉ lệ tốt nghiệp (%) | | Tỉ lệ học lại (%) | Tỉ lệ thôi học (%) |
| Đúng thời gian đào tạo  tiêu chuẩn | Quá thời gian đào tạo  tiêu chuẩn |
| 2017-2018 | 78 | 22 |  |  |
| 2018-2019 | 84 | 16 |  |  |
| 2019-2020 | 57 | 43 |  |  |
| 2020-2021 | 45 | 55 |  |  |
| 2021-2022 | 42 | 58 |  |  |

Bảng 12.3.2. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên đại học chính quy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Thời gian đào tạo tiêu chuẩn (năm) | Số năm tốt nghiệp trung bình (năm) | *Ghi chú* |
| 2017-2018 | 4,0 | 4,5 | *Cử nhân* |
| 5,0 | 5,3 | *Kỹ sư* |
| 2018-2019 | 4,0 | 4,8 | *Cử nhân* |
| 5,0 | 5,5 | *Kỹ sư* |
| 2019-2020 | 4,0 | 5 | *Cử nhân* |
| 5,0 | 5,5 | *Kỹ sư* |
| 2020-2021 | 4,0 | 4,8 | *Cử nhân* |
| 5,0 | 5,5 | *Kỹ sư* |
| 2021-2022 | 4,0 | 4,8 | *Cử nhân* |
| 5,0 | 5,5 | *Kỹ sư* |

b) Đối sánh về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Hàng năm, Nhà trường phân tích đối sánh về các loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên. Kết quả đối sánh được thể hiện trong Bảng 12.3.3 và Bảng 12.3.4:

Bảng 12.3.3. Đối sánh NCKH của giảng viên qua các năm

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại công trình | Năm | | | | | Tổng số |
| 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
| 1 | Đề tài cấp Bộ, tỉnh | 1 | 4 | 1 | 4 | 2 | **12** |
| 2 | Đề tài cấp trường | 62 | 56 | 105 | 18 | 123 | **424** |
| 3 | Bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus | 38 | 196 | 191 | 153 | 13 | **591** |
| 4 | Bài đăng trên các tạp chí và hội thảo quốc tế khác | 43 | 67 | 59 | 100 | 15 | **284** |
| 5 | Bài đăng trên trên tạp chí và hội thảo quốc gia | 45 | 35 | 0 | 45 | 0 | **125** |
| 6 | Sách giáo trình, sách chuyên khảo được xuất bản |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Các công trình KH được chuyển giao, sản xuất |  |  |  | 210 | 438 |  |
| 8 | Công trình đạt giải thưởng và cấp bằng sáng chế | 1 | 1 |  |  | 1 | **3** |

Bảng 12.3.4. NCKH của sinh viên qua các năm

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại công trình | Năm | | | | | Tổng số |
| 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |  |
| 1 | Đề tài NCKH sinh viên (đề tài) | 104 | 124 | 135 | 20 | 291 | 674 |
| 2 | Tỉ lệ sinh viên tham gia NCKH (%) | 2,6 | 3,5 | 4,5 | 0,7 | 7,2 | 18,5 |
| 3 | Số dự án/đề tài đạt giải thưởng cấp trường |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tổng kinh phí cho NCKH sinh viên (triệu đồng) | 319 | 190,5 | 449 | 164 | 855 | 1977,5 |

Nhằm thúc đẩy cán bộ giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, Nhà trường có những chính sách cụ thể như đưa các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng các bài báo quốc gia, quốc tế thông qua việc tính giờ NCKH, hỗ trợ kinh phí và tính khối lượng cho viết sách giáo trình phục vụ đào tạo, đăng bài trên các tạp chí thuộc danh sách ISI, Scopus [H12.12.03.0 6]. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường còn tổ chức hoặc phối hợp tổ chức với các CSGD khác để tổ chức hội thảo quốc gia và quốc tế nhằm khuyến khích các giảng viên tham gia nghiên cứu cũng như hợp tác với các đối tác trong nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, Nhà trường dự trù kinh phí cho nghiên cứu khoa học cho sinh viên thông qua các đề tài, các cuộc thi robot con, các cuộc thi sáng tạo sinh viên... [H12.12.03.0 7].

c) Đối sánh về kết nối và phục vụ cộng đồng

Về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, hàng năm các đơn vị được giao nhiệm vụ theo các lĩnh vực công tác cũng tiến hành đối sánh nội bộ, bao gồm: các công tác thiện nguyện [H12.12.03.0 8]; Báo cáo kết quả chuyển giao công nghệ và ứng dụng sản xuất [H12.12.03.0 9].

d) Đối sánh về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Về công tác cán bộ: Để phục vụ và liên tục nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường chú trọng đến phát triển đội ngũ từ việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp H12.12.03.0 10], rà soát cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cử nhân viên đi học tập, tập huấn nghiệp vụ H12.12.03.0 11] để đáp ứng tốt chiến lược phát triển trong từng giai đoạn và kế hoạch đào tạo năm học của Trường trên cơ sở đối sánh cơ cấu trình độ của giảng viên và tỉ lệ SV/GV hàng năm. Kết quả đối sánh còn được sử dụng trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [H12.12.03.0 12] và công khai trên website của Nhà trường [H12.12.03.0 13].

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình độ / học vị** | **2018** | | **2019** | | **2020** | | **2021** | | **2022** | |
| Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| 1 | P. GS | 19 | **5** | 21 | **5.6** | 20 | **5.5** | 16 | **4.5** | 16 | **4.5** |
| 2 | Tiến sĩ | 55 | **14.5** | 65 | **17.4** | 72 | **19.8** | 84 | **23.3** | 87 | **24.4** |
| 3 | Thạc sĩ | 276 | **72.8** | 270 | **72.2** | 263 | **72.3** | 253 | **70.3** | 246 | **69.1** |
| 4 | Đại học | 29 | **7.7** | 18 | **4.8** | 9 | **2.4** | 7 | **1.9** | 7 | **2** |
|  | **Tổng cộng** | 379 | **100** | 374 | **100** | 364 | **100** | 360 | **100** | 356 | **100** |

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, hạ tầng thông tin, thư viện được Nhà trường xác định trong chiến lược phát triển trong từng giai đoạn [H12.12.01.27] và Kế hoạch chiến lược cơ sở vật chất [H12.12.03.0 14]. Việc đối sánh cơ sở vật chất, trang thiết bị được thực hiện hàng năm do phòng, trung tâm chức năng thực hiện, báo cáo H12.12.03.0 15] và được Hội đồng ĐBCL Nhà trường đánh giá [H12.12.03.0 16]. Ngoài ra, việc rà soát, đánh giá phòng thí nghiệm, trang thiết bị thí nghiệm và tài liệu học tập, nguồn học liệu được các khoa chuyên môn phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện trong các đợt rà soát CTĐT của Nhà trường [H12.12.03.0 17]. Trên cơ sở rà soát, đối sánh Nhà trường có kế hoạch dự trù kinh phí cho việc cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng cơ sở thông tin, thư viện để phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường [H12.12.03.0 18].

đ) Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Nhà trường xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng để thực hiện, bao gồm các công tác như kết nối doanh nghiệp nhằm tìm kiếm và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên; các cơ sở thực tập, trải nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; các trường THPT phục vụ cho các hoạt động STEM [H12.12.03.0 19]. Đối với các hoạt động thiện nguyện do Công đoàn trường, đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện [H12.12.03.0 20]. Hàng năm, kết quả đối sánh các hoạt động so với chỉ tiêu năm học, cũng như đối sánh với các năm trước được các đơn vị chức năng thực hiện [H12.12.03.0 21].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí: 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Sau khi Bộ GD&ĐT ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Nhà trường đã rà soát, xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCLGD [H12.12.04.0 1] bám sát các tiêu chuẩn, tiêu chí trên cả 3 nhóm hoạt động chiến lược, hệ thống và chức năng nhằm định hướng cho các đơn vị trong trường thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng chuẩn. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành bộ tiêu chí đánh giá cấp đơn vị nhằm giám sát và đánh giá hoạt động của các đơn vị theo chuẩn chất lượng [H12.12.04.0 2], đồng thời các đơn vị có đầy đủ thông tin tự so chuẩn, kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động nhằm thường xuyên nâng cao chất lượng, đúng chuẩn, đạt chuẩn về chất lượng cấp CSGD và cấp CTĐT.

Hơn nữa, việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh nội bộ được Nhà trường rà soát, điều chỉnh thông qua Quy trình lập kế hoạch [H12.12.04.0 3]. Qua đó các thông tin đối sánh của các lĩnh vực công tác được chuyển hóa thành các hoạt động và chỉ tiêu KGIs và KPIs cụ thể. Các kết quả thực hiện được đối sánh theo kỳ 3 tháng 1 lần và đối sánh cuối năm học. Từ đó lãnh đạo các đơn vị cũng như lãnh đạo Trường nắm bắt thường xuyên được các chỉ tiêu trọng yếu để thay đổi phương thức, công cụ hoặc điều chỉnh chỉ tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn. Quy trình, thông tin đối sánh chương trình đào tạo được Nhà trường điều chỉnh, ban hành thông qua Quy định phát triển CTĐT [H12.12.04.0 4] và Hướng dẫn rà soát và xây dựng CTĐT [H12.12.04.0 5]. Theo đó, mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo cùng ngành trong nước và quốc tế.

Các chính sách, hoạt động về PVCĐ cũng được rà soát thông qua việc lựa chọn các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, trường phổ thông để thực hiện các hoạt động trao đổi, hợp tác nhằm ứng dụng các sản phẩm khoa học vào thực tiễn, phục vụ cộng đồng, xã hội. Nhà trường đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị là đầu mối triển khai hoạt động này: Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông; Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp & chuyển giao tri thức [H12.12.04.0 6].

Thông qua việc rà soát, cải tiến quy trình, tiêu chí và các nội dung so chuẩn, đối sánh các lĩnh vực hoạt động ở quy mô cấp Trường cũng như cấp CTĐT đã thay đổi căn bản về phương thức quản trị, quản lý trong toàn Trường, đặc biệt là công tác quản trị và quản trị chiến lược của Nhà trường. Qua đó Nhà trường đã áp dụng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015 trong công tác quản trị và quản lý của Nhà trường; sử dụng công cụ quản trị BSC, KPIs trong việc xây dựng và triển khai các kế hoạch chiến lược cũng như kế hoạch năm học. Mặc dù việc đánh giá, đối sánh còn chưa đạt được như kỳ vọng, song đã đạt được kết quả ban đầu để các cấp quản trị, quản lý thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, nhiệm vụ trung hạn và ngắn hạn theo chu trình deming PDCA trong triển khai công tác, đồng thời thông qua các hoạt động thì văn hóa chất lượng dần được hình thành và lan tỏa trong thực tiễn.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí: 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường luôn chú trọng việc cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, đạt các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. Căn cứ vào kết quả kiểm định CSGD chu kỳ 2 theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007) và sự thay thế Bộ tiêu chuẩn theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017, Nhà trường kịp thời ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2017-2022 [H12.12.05.0 1] và Kế hoạch chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2018-2022 [H12.12.05.0 2] để làm căn cứ cho các đơn vị trong toàn trường so chuẩn, cải tiến hoạt động trong lĩnh vực công tác do đơn vị phụ trách. Trong đó mục tiêu về ĐBCLGD của Nhà trường là chuyển đổi từ mô hình quản lý sang quản trị; nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động dựa trên các nguồn lực của Nhà trường; nâng cao chất lượng NCKH, mở rộng quy mô và số lượng các đối tác, hợp tác trong nước và quốc tế. Từ hai kế hoạch này, phòng KT&ĐBCLGD tham mưu cho Ban Giám hiệu phân rã, phân kỳ thành kế hoạch ĐBCLGD hàng năm H12.12.05.0 3] và giao cho các đơn vị thực hiện. Tuy nhiên, qua 02 năm thực hiện kết quả triển khai (năm học 2018-2019, năm học 2019-2020), các hoạt động trong các lĩnh vực công tác gặp nhiều khó khăn, khối lượng công việc và các chỉ tiêu không đạt được theo kế hoạch [H12.12.05.0 4]. Đến năm học 2020-2021, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 [H12.12.05.0 5] và năm học 2021-2022 áp dụng các công cụ quản trị BSC, KPIs trong công tác xây dựng kế hoạch năm học [H12.12.05.0 6]. Qua đó, mục tiêu chiến lược của Nhà trường được phân kỳ thành kế hoạch năm học và triển khai thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt [H12.12.05.0 7]. Các nhiệm vụ trọng tâm năm học được đặt các chỉ tiêu KGI và KPIs và giao cho các đơn vị triển khải thực hiện một cách rõ ràng, khoa học, thống nhất. Song song với đó, Nhà trường đã ban hành bộ tiêu chí ĐBCL cấp đơn vị căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và Bộ tiêu chuẩn AUN.QA 4.0 làm cơ sở cho các đơn vị tự đánh giá, so chuẩn hàng năm và giữa chu kỳ [H12.12.05.0 8].

Các hoạt động trong năm học của Nhà trường được tổ chức đánh giá, đối sánh các chỉ tiêu theo kế hoạch được Hội đồng ĐBCLGD đánh giá 3 tháng/lần theo quy định [H12.12.05.0 9] và tuân thủ theo quy trình Xem xét của lãnh đạo [H12.12.05.0 10], hội nghị viên chức cấp đơn vị [H12.12.05.0 11] và cấp Trường H12.12.05.0 12] nhằm đánh giá, đối sánh các chỉ tiêu năm học; tổ chức các hội nghị tổng kết về công tác Đào tạo H12.12.05.0 13], NCKH [H12.12.05.0 14], PVCĐ [H12.12.05.0 15], ĐBCLGD [H12.12.05.0 16]. Hơn nữa, các quy trình tác nghiệp theo Tiêu chuẩn ISO 9001-2015 được xem xét, đánh giá định kỳ 6 tháng/lần nhằm phát hiện sớm những điểm tồn tại, những hành động không phù hợp trong hoạt động để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Liên tục điều chỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ theo hướng quản trị đại học. Nhà trường liên tục điều chỉnh các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng kịp thời sự thay đổi của thực tiễn.

- Ứng dụng công cụ quản trị tiên tiến BSC, KPI trong xây dựng và triển khai các kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học trong toàn trường nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của Nhà trường.

- Nhà trường áp dụng triệt để Tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các hoạt động trọng yếu và liên tục đánh giá, cải tiến các quy trình nhằm phát hiện sớm các rủi ro và khắc phục kịp thời các hành động không phù hợp.

- Nhà trường triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo bao gồm 42 phân hệ và chức năng phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; nghiên cứu triển khai chuyển đổi số đại học trong Trường.

***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Việc thực hiện đối sánh các khía cạnh, nội dung chính yếu của Trường với các trường khác chưa được đầy đủ và thường xuyên.

- Văn hóa chất lượng chưa hoàn toàn lan tỏa đến toàn bộ viên chức trong Nhà trường nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

***3. Kế hoạch cải tiến:***

Trong giai đoạn tới, Nhà trường cam kết thực hiện chính sách về chất lượng, không ngừng cải tiến, chuẩn bị mọi nguồn lực triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đạt được các chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như trong kế hoạch chiến lược trong giai đoạn 2020-2025, với kế hoạch cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Định kỳ thực hiện đối sánh ngoài các nội dung chính yếu của Nhà trường | - Thực hiện đối sánh về đội ngũ. | Phòng HCTC | Từ năm học 2022-2023 |  |
| - Thực hiện đối sánh về kết quả đào tạo, NCKH và PVCĐ. | - Phòng Đào tạo;  - Phòng KHCN&HTQT;  - Phòng CTHS-SV | Từ năm học 2022-2023 |  |
| - Thực hiện đối sánh CSVC, trang thiết bị, thư viện | - Phòng QT-PV;  - Trung tâm TT-TV | Từ năm học 2022-2023 |  |
| 2 | Nâng cao văn hóa chất lượng trong toàn trường | - Cử 100% cán bộ trong HĐ ĐBCLGD học tập nâng cao nghiệp vụ về kiểm định chất lượng; | Phòng HC-TC | Từ năm học 2022-2023 |  |
| - Tổ chức các đợt tập huấn cho đội ngũ GV, NV về chuyên môn và nghiệp vụ. | Phòng HC-TC |  |  |
| 3 | Định kỳ rà soát, điều chỉnh chính sách, chiến lược phù hợp với thực tiễn | Rà soát, điều chỉnh chính sách chất lượng, chính sách đào tạo, NCKH, PVCĐ. | - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Phòng HCTC;  - Phòng ĐT;  - Phòng KHCN&QHQT;  - Phòng CTHSSV. | Năm học 2024-2025 |  |
| 4 | Duy trì việc ứng dụng công cụ quản trị, áp dụng, cải tiến thường xuyên các quy trình ISO trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ | - Duy trì việc áp dụng BSC, KPIs trong xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược và kế hoạch năm học | - Phòng HCTC;  - Phòng KT&ĐBCLGD. | Từ năm học 2022-2023 |  |
| - Áp dụng quy trình ISO 9001-2015 trong các hoạt động của Trường; | - Các đơn vị trong toàn Trường. | Từ năm học 2022-2023 |  |
| - Định kỳ đánh giá và cải tiến các quy trình. | - Phòng KT&ĐBCLGD | Từ năm học 2022-2023 |  |
| 5 | Chuyển đổi số trong quản trị đại học theo hướng tự chủ đại học | - Vận hành CSDL dùng chung và kết nối CSDL dùng chung của Trường với CSDL của Bộ GD&ĐT | - Phòng HCTC;  - Phòng KT&ĐBCLGD;  - Trung tâm TT-TV |  |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 12*** | ***4,2*** |
| Tiêu chí 12.1 | 5 |
| Tiêu chí 12.2 | 4 |
| Tiêu chí 12.3 | 4 |
| Tiêu chí 12.4 | 4 |
| Tiêu chí 12.5 | 4 |

## Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

### Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên (ĐHKTCN) hiện đang tuyển sinh các trình độ đại học và sau đại học với các chương trình khác nhau: Tuyển sinh Đại học chính quy và vừa làm vừa học; Tuyển sinh đại học liên thông, cấp bằng đại học thứ 2 (chính quy và vừa làm vừa học); Tuyển sinh sau đại học; Tuyển sinh cho các chương trình đào tạo quốc tế; Tuyển sinh các chương trình đào tạo từ xa. Với mỗi chương trình đào tạo khác nhau, Nhà trường đều xây dựng các kế hoạch tuyển sinh, chính sách và truyền thông khác nhau và thành lập các Hội đồng tuyển sinh để thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh cho các bậc học và các chương trình đào tạo [H13.13.01.12], [H13.13.01.13], [H13.13.01.14]. Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, hàng năm dựa trên kết quả tuyển sinh của trường trong các năm trước, Nhà trường tổ chức họp bàn công khai dân chủ để lấy được các ý kiến của các đơn vị chuyên môn [H13.13.01.16] từ đó đi đến thống nhất xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.01.03]. Trung tâm tuyển sinh và truyền thông kết hợp cùng các đơn vị sẽ căn cứ vào kế hoạch này để triển khai công việc trong mỗi kỳ tuyển sinh. Căn cứ vào yêu cầu của Bộ GD&ĐT về điều kiện xác định chỉ tiêu, đề án tuyển sinh trình độ đại học [H13.13.01.04], trên cơ sở của báo cáo xác đinh chỉ tiêu [H13.13.01.05], quy chế tuyển sinh, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.06], cũng như kết quả tuyển sinh của các năm trước [H13.13.01.18].

Trường ĐHKTCN đã xây dựng Đề án tuyển sinh của Trường và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế [H13.13.01.08]. Khi xây dựng đề án, ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Nhà trường đã xây dựng các chính sách tuyển sinh và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm. Đối với tuyển sinh sau đại học, Đại học Thái Nguyên là đơn vị chủ trì, Nhà trường đóng vai trò là tham gia công tác tuyển sinh và thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh thạc sĩ và tiến sĩ theo yêu cầu của Đại học Thái Nguyên [H13.13.01.07]. Sau khi có thông báo tuyển sinh sau đại học của Đại học Thái Nguyên, Nhà trường cũng có thông báo tuyển sinh sau đại học riêng của Nhà trường để đưa thông tin đến với người học được thuận tiện và rõ ràng hơn [H13.13.01.09], [H13.13.01.10]. Đối với tuyển sinh ngoài đại học chính quy, Nhà trường cũng có thông báo tuyển sinh cụ thể và thực hiện đúng các quy định của Bọ GD&ĐT [H13.13.01.08], [H13.13.01.11].

Để thông tin tuyển sinh đến gần hơn với thí sinh cả nước, trường ĐHKTCN chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Năm 2018, Trường thành lập Trung tâm tuyển sinh, để phù hợp hơn trong công tác tuyển sinh đến năm 2021 được đổi tên thành trung tâm tuyển sinh và truyền thông [H13.13.01.17]. Đây là đơn vị chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác tuyên truyền và truyền thông trong tuyển sinh cho tất cả các bậc - hệ đào tạo của Trường. Dựa vào kế hoạch chung của Nhà trường, Trung tâm tuyển sinh và truyền thông xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: thông tin tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, tư vấn và tuyên truyền tuyển sinh trực tiếp và qua các kênh thông tin mạng xã hội như facebook, zalo,v.v... Để công tác truyền thông và tuyển sinh đi vào nề nếp và hiệu quả, hằng năm Nhà trường đều xây dựng đề án công tác truyền thông và tuyển sinh cho các chương trình đại trà và đề án tuyển sinh sinh viên quốc tế cho các chương trình tiên tiến của Nhà trường, trong đó đưa ra các tồn tại, hạn chế và giải pháp cho năm tuyển sinh [H13.13.01.22]. Trên cơ sở đề án công tác truyền thông và tuyển sinh đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trung tâm tuyển sinh và truyền thông thực hiện các nhiệm vụ được giao như tổ chức đến các trường THPT tư vấn tại chỗ, treo banner thông tin tuyển sinh, phát tờ rơi tuyển sinh cho học sinh [H13.13.01.23], [H13.13.01.24]. Việc này giúp Nhà trường nắm bắt tốt nhu cầu của người học, đổi mới và cải tiến chất lượng đào tạo theo hướng phù hợp nhất. Công tác này được Nhà trường triển khai rộng rãi, không chỉ các trường THPT tại tỉnh Thái Nguyên mà còn ở các tỉnh thành lân cận.

Định kỳ hàng năm, trường ĐHKTCN tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp được tổ chức tại Trường cũng như ở một số trường THPT do tỉnh Đoàn, huyện Đoàn của một số tỉnh tổ chức, thu hút đông đảo phụ huynh và học sinh quan tâm tìm hiểu về Trường [H13.13.01.25]. Bên cạnh đó, trong Nhà trường tổ chức một số buổi Livetream trực tuyến tư vấn tuyển sinh, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia, tư vấn và giải đáp thắc mắc cho học sinh và phụ huynh học sinh [H13.13.01.31]. Không chỉ thực hiện việc tuyên truyền như trên, Nhà trường còn lập một Website tuyển sinh riêng. Qua Website, học sinh và phụ huynh cũng như những cá nhân có quan tâm có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường như: phương thức tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thông tin các ngành nghề, chương trình đào tạo… [H13.13.01.23]. Đặc biệt để tăng cường kết nối giữa Nhà trường và các trường THPT để định hướng nghề nghiệp cho học sinh, Trường đã thực hiện ký MOU với tất cả các trường THPT ở tình Thái nguyên để thực hiện chương trình giáo dục Stem, hỗ trợ đào tạo phát triển giáo dục Stem cũng như tổ chức thực hiện tặng máy in 3D phục vụ các câu lạc bộ Stem ở các trường THPT và xây dựng bài giảng Stem để chuyển giao cho các trường THPT [H13.13.01.26], [H13.13.01.27], [H13.13.01.28], qua đây sẽ giúp định hướng ngành nghề cho học sinh THPT một cách hiệu quả nhất. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: Báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các banner, tờ rơi tuyển sinh, … [H13.13.01.24].

Ngoài ra, Nhà trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Fanpage của Nhà trường (fanpage tuyển sinh, fanpage TNUT, fanpage câu lạc bộ kết nối, Media… [H13.13.01.32]), Tư vấn tuyển sinh tại Website thông qua email, Chat trực tuyến, Zalo, và đường dây Hotline (0208) 3847 359 – 0912.847588 để tư vấn, giải đáp cho học sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Nhà trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân … [H13.13.01.30]. Nhằm thu hút người học và nâng cao được chất lượng đầu vào trong công tác tuyển sinh, ngoài chính sách học bổng theo quy định của Nhà nước [H13.13.01.18], Nhà trường còn thực hiện các chính sách học bổng khuyến khích [H13.13.01.19] và các học bổng khác như miễn học tiếng Anh đối với chương trình tiên tiến, miễn phí cho các sinh viên có điểm cao đỗ vào Trường [H13.13.01.20]; miễn học phí 01 năm cho tất cả các sinh viên của một số ngành đào tạo, học bổng tân sinh viên,…[H13.13.01.21]. Một việc làm đầy ý nghĩa nhưng cũng có tính chất hỗ trợ công tác tuyển sinh của Nhà trường đó là từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, Nhà trường đã chế tạo máy đo thân nhiệt tự động không tiếp xúc và máy rửa tay sát khuẩn tự động mang thương hiệu của Nhà trường để tặng các trường THPT ở trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên. Việc này không chỉ hỗ trợ tích cực các trường THPT trong công tác phòng chống dịch bệnh mà thể hiện năng lực của Thầy và trò trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H13.13.01.29].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp hiện đang thực hiện tuyển sinh cho các bậc học sau: Tuyển sinh bậc Đại học chính quy và vừa làm vừa học; Tuyển sinh liên thông, cấp bằng đại học thứ 2 (chính quy và vừa làm vừa học); Tuyển sinh sau đại học (Thạc sĩ và tiến sĩ); Tuyển sinh cho các chương trình quốc tế và các chương trình đào tạo từ xa. Một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng đầu vào tuyển sinh phải kể đến đó là điều kiện đảm bảo xác định chỉ tiêu tuyển sinh (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, v.v…), hàng năm Nhà trường đều thực hiện báo cáo các điều kiện đảm bảo xác định chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT và tổ chức xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh theo đúng quy định [H13.13.02.01].

Chất lượng đầu ra phụ thuộc nhiều vào chất lượng đầu vào và phụ thuộc vào các tiêu chí và quá trình tuyển chọn. Vì vậy, đối với mỗi chương trình đào tạo, tùy theo phương thức tuyển sinh, Nhà trường đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp. Tuyển sinh đại học chính quy:

- Từ năm 2018 -2019, ĐHKTCH áp dụng 02 phương thức xét tuyển Đại học để tuyển sinh trình độ Đại học chính quy: Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia [H13.13.02.03].

- Nhưng từ năm 2020 - 2021, Nhà trường sử dụng 03 phương thức xét tuyển: Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia; Phương thức 3: Xét tuyển học bạ theo tổ hợp 03 môn; Trong đó, đối với phương thức xét tuyển điểm thi (thi tốt nghiệp) THPT quốc gia, ĐHKTCN thực hiện xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.03]. Đối với phương thức xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn, điều kiện xét tuyển bao gồm: Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương); Tổng điểm trung bình theo phương án xét tuyển của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 18 điểm trở. Theo đó, điểm xét trúng tuyển của phương thức này được tính theo 2 phương án là: Phương án 1: Điểm xét trúng tuyển = Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 1 + Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 2 + Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 3 + Điểm ưu tiên; Phương án 2: Điểm xét trúng tuyển = Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 1 + Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 2 + Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 3 + Điểm ưu tiên [H13.13.02.03]. Năm 2022, Nhà trường sử dụng 4 phương thức xét tuyển: Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT; Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT; Phương thức 3: Xét tuyển học bạ theo tổ hợp 03 môn; Trong đó, đối với phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp) THPT, trường ĐHKTCN thực hiện xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.03]. Đối với phương thức xét tuyển học bạ theo tổ hợp 03 môn, điều kiện xét tuyển bao gồm: Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương); Tổng điểm trung bình theo phương án xét tuyển của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 18 điểm trở. Theo đó, điểm xét trúng tuyển của phương thức này được tính theo 2 phương án là: Phương án 1: Điểm xét trúng tuyển = Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 1 + Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 2 + Điểm TB 3 học kỳ gồm lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 môn 3 + Điểm ưu tiên + điểm khuyến khích; Phương án 2: Điểm xét trúng tuyển = Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 1 + Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 2 + Điểm TB 3 học kỳ gồm kỳ 1 lớp 12 và kỳ 2 lớp 12 nhân hệ số 2 môn 3 + Điểm ưu tiên + Điểm khuyến khích.

Năm 2022, có thêm ngành Kiến trúc nên môn 3 thay bằng môn năng khiếu Vẽ mỹ thuật và được nhân hệ số 2. Trong đó điểm khuyến khích là điểm được cộng thêm khi xét tuyển cho các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội [H13.13.02.03]. Để đảm bảo chất lượng người học cho từng chương trình, ngay từ đầu trong quy trình tuyển sinh, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với từng ngành học để xét tuyển. Các tổ hợp môn này có tính chất điển hình, yêu cầu thí sinh cần phải đạt vì có mối liên hệ với ngành học. Đối với khối ngành kỹ thuật (lĩnh vực kỹ thuật, máy tính, ngôn ngữ Anh kỹ thuật), Nhà trường xét tuyển các tổ hợp môn có phần lớn kiến thức thuộc khối tự nhiên và tiếng Anh: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Toán, Văn, Anh), (Toán, Hóa, Anh). Riêng đối với ngành kiến trúc với đặc thù về thiết kế, để đảm bảo nền tảng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho các thí sinh sau này khi bắt đầu học, Nhà trƣờng sẽ xét tuyển các tổ hợp có môn năng khiếu vẽ: V00 (Toán, Lý, Vẽ), V01(Toán, Văn, Vẽ), V01(Toán, Anh, Vẽ).

Như vậy, việc xác định tổ hợp môn phù hợp với ngành xét tuyển không những giúp Nhà trường chọn lọc được thí sinh phù hợp, mà còn giúp các thí sinh định hướng được ngành nghề phù hợp với năng lực của bản thân [H13.13.02.03]. Tuyển sinh đại học vừa làm vừa học, đại học liên thông, cấp bằng đại học thứ 2, đào tạo từ xa: Đối với các trình độ đào tạo này, Nhà trường tổ chức xét tuyển hoặc thi tuyển một năm 3 đợt với những tiêu chí khác nhau [H13.13.02.03]: Nếu thí sinh đủ điều kiện về hồ sơ xét tuyển như trong đề án tuyển sinh riêng của loại hình đào tạo này sẽ được trúng tuyển [H13.13.02.04]. Trường hợp thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển thì phải dự thi 3 môn tùy chuyên ngành (đại học liên thông) hoặc dự thi 2 môn (cấp bằng 2 đại học). Sau khi họp hội đồng xét tuyển hoặc thi tuyển sẽ công bố danh sách trúng tuyển kịp thời đến thí sinh [H13.13.02.09]. Riêng với tuyển sinh sau đại học mặc dù do Đại học Thái Nguyên chủ trì tổ chức tuyển sinh, song Nhà trường vẫn thực hiện xây dựng đề án tuyển sinh thạc sĩ và tiến sĩ [H13.13.02.02] đồng thời đóng vai trò tham gia, phối hợp trong công tác tổ chức tuyển sinh. Bên cạnh đó vẫn thực hiện công tác chuyên môn để đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh như ra tham gia đề thi, v.v… [H13.13.02.05].

Kết quả tuyển sinh sau đại học sẽ được đại học Thái Nguyên chuyển cho Nhà trường để tổ chức nhập học và thực hiện đào tạo theo quy định [H13.13.02.08]. Tuyển sinh cho các chương trình quốc tế: Các tiêu chí tuyển sinh được thực hiện theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo của đối tác, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức kiểm tra hồ sơ đầu vào theo yêu cầu, sắp xếp lớp và tổ chức đào tạo cho sinh viên [H13.13.02.12]. Theo quy trình xét tuyển, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn trên tất cả các kênh thông tin của Trường [H13.13.02.10], [H13.13.02.11]. Ví dụ đối với xét tuyển đại học chính quy: Khi tham gia phương thức xét tuyển bằng học bạ THPT, các thí sinh phải đảm bảo đủ điều kiện về ngưỡng điểm nộp hồ sơ. Ngưỡng điểm đảm bảo này đã được hội đồng tuyển sinh nghiên cứu, tổng hợp, phân tích dựa trên nhiều yếu tố để xác định sao cho phù hợp nhất với từng chương trình đào tạo.

Từ năm 2019-2022, Nhà trường quy định ngưỡng điểm xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên. Đối với các ngành sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu Vẽ (Kiến trúc), điểm xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên, trong đó điểm môn năng khiếu Vẽ được nhân hệ số 2 [H13.13.02.03]. Mức điểm chuẩn này góp phần giúp Nhà trường sàng lọc, chọn lựa những thí sinh đạt yêu cầu để đào tạo. Đối với các ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh các đợt bổ sung theo quy định. Điểm chuẩn của từng đợt xét tuyển có thể được giữ nguyên hoặc thay đổi tùy thuộc vào tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển [H13.13.2.13].

Ngoài ra để nâng cao chất lượng tuyển sinh theo các chương trình đào tạo, Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp ngoài các chính sách học bổng theo quy định, còn cấp học bổng miễn học phí cho các sinh viên có điểm cao đỗ vào Trường; miễn học phí 01 năm học cho 07 chương trình đào tạo với nhu cầu nguồn nhân lực cao nhằm nâng cao chất lượng đầu vào trong tuyển sinh [H13.13.02.06], [H13.13.02.07].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường được thực hiện đúng quy định, hàng năm đều có các đợt kiểm tra, giám sát của cấp trên và của Nhà trường [H13.13.03.01], [H13.13.03.02], [H13.13.03.03]. Bên cạnh đó để triển khai thực hiện và kiểm soát tiến độ và chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, dựa trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh [H13.13.03.04], Trung tâm tuyển sinh và truyền thông xây dựng kế hoạch và các quy trình tuyển sinh: Quy trình tuyển sinh đại học; Quy trình tuyển sinh đại học VLVH, liên thông, cấp bằng thứ 2, đào tạo từ xa và Quy trình nhập học [H13.13.03.05], [H13.13.03.06]. Trước mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các tổ công tác [H13.13.03.07], [H13.13.03.08], trong đó có tổ thanh tra hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh. Ban thanh tra, tổ thanh tra có trách nhiệm: (i) Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt tuyển sinh đại học, đại học liên thông, cấp bằng thứ 2; (ii) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển trong các kỳ tuyển sinh đại học, đại học liên thông, cấp bằng thứ 2; (iii) Kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển nhập học trong các kỳ tuyển sinh. Việc thanh tra, giám sát các kỳ tuyển sinh được thực hiện từ khâu nhận hồ sơ đăng ký của thí sinh, đến khâu tổ chức xét tuyển/thi tuyển, xét điểm/chấm thi, phúc khảo, công bố kết quả xét tuyển/thi tuyển. Kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh đều có kết luận của thanh tra [H13.13.03.09], [H13.13.03.14].

Theo quy trình tuyển sinh, sau khi Ban thư ký xử lý hồ sơ nộp và xét tuyển, ban/tổ thanh tra sẽ kiểm dò lại kết quả trước khi công bố nhằm đảm bảo tính chính xác tuyệt đối. Kết quả này sẽ được phản hồi lại cho Ban thư ký, Hội đồng tuyển sinh để kiểm tra, xử lý. Sau khi Hội đồng tuyển sinh công bố kết quả trúng tuyển và gửi Giấy báo nhập học đến thí sinh trúng tuyển, Nhà trường sẽ thành lập ban tiếp đón học viên, sinh viên nhập học [H13.13.03.12], [H13.13.03.13]. Việc này vẫn được ban/tổ thanh tra sẽ tiếp tục giám sát việc tổ chức nhập học và thu hồ sơ sinh viên [H13.13.03.02], [H13.13.03.03]. Công tác này được thực hiện theo đợt tuyển sinh và kết quả thanh tra được báo cáo về cho Ban giám hiệu nhằm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót [H13.13.03.14].

Công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, hằng năm Nhà trường đều có báo cáo kết quả nhập học cuối năm cho Đại học Thái Nguyên và Bộ GD&ĐT [H13.13.03.11] và Đại học Thái Nguyên ra quyết định trúng tuyển và công nhận kết quả nhập học đại học chính quy kèm danh sách sinh viên nhập học chính thức của Trường [H13.13.03.10]. Ngoài ra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học của trường ĐHKTCN còn được thực hiện bởi Thanh tra của Đại học Thái Nguyên [H13.13.03.01]. Công tác giám sát quy trình tuyển sinh và nhập học sau đại học do Đại học Thái Nguyên thực hiện.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Để thực hiện công tác giám sát việc tuyển sinh và nhập học, ngoài việc giám sát của Ban thanh tra, Nhà trường cũng luôn có những biện pháp nhằm tăng cường tối đa công tác này. Giám sát chất lượng tuyển sinh đại học chính quy qua việc xác định điểm trúng tuyển hàng năm: Sau khi có điểm sàn của Bộ GD&ĐT (2018) và từ năm 2019 sau khi có điểm sàn của Bộ GD&ĐT cho các ngành sư phạm, trên cơ sở đó Hội đồng tuyển sinh đưa ra ngưỡng điểm (điểm sàn) xét tuyển đại học chính quy [H13.13.04.01]. Sau khi các thí sinh điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp để đưa ra điểm trúng tuyển vào các ngành học của Trường và thực hiện quy trình lọc ảo để có kết quả trúng tuyển cuối cùng [H13.13.04.02]. Tiêu chí để đưa ra điểm sàn của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: đầu tiên là tiêu chí về chất lượng, sau đó căn cứ vào kết quả điểm thi của thí sinh, chỉ tiêu cho phép tuyển cho từng ngành/khối ngành và số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển đại học của năm [H13.13.04.03]. Tiêu chuẩn xét tuyển của trường ĐHKTCN là phải đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT (Điểm trúng tuyển của Trường không được thấp hơn điểm sàn) [H13.13.04.04].

Những năm gần đây, điểm trúng tuyển của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đều có xu hướng tăng dần qua các năm và một số ngành tăng cao so với điểm sàn đặt ra nên chất lượng sinh viên nhập học theo đó cũng tăng lên [H13.13.04.05]. Giám sát việc tuyển sinh và nhập học thông qua việc đối sánh kết quả giữa điểm đầu vào, tiêu chí tuyển sinh với năng lực thật của sinh viên: Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trung tâm tuyển sinh và truyền thông làm báo cáo công tác tuyển sinh và tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh và phương hướng cho năm tới [H13.13.04.11], trong đó có phân tích tỷ lệ dự tuyển và nhập học, phân tích chất lượng đầu vào của người học, trên cơ sở đó, Nhà trường rà soát quy trình và đưa ra chính sách và kế hoạch tuyển sinh cho năm học mới [H13.13.04.06]. Giám sát việc tuyển sinh và nhập học thông qua việc đối sánh kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên qua các năm học: Cơ sở dữ liệu của người học được lưu trữ đầy đủ từ điểm tuyển đầu vào, đến kết quả quá trình học tập qua các năm và kết quả xét tốt nghiệp ra trường, được lưu trữ qua phần mềm chuyên dụng Edusoft [H13.13.04.07], [H13.13.04.08].

Hàng năm, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổng hợp phân tích các chỉ số về đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên tổng hợp phân tích các chỉ số về điểm rèn luyện của sinh và báo cáo Ban giám hiệu [H13.13.04.09], [H13.13.04.10]. Đối với tuyển sinh và nhập học sau đại học công tác giám sát thực hiện sau khi có quyết định trúng tuyển của Đại học Thái Nguyên [H13.13.04.11], Nhà trường thực hiện nhập học theo đúng quy định [H13.13.04.12]. Đối với tuyển sinh đại học vừa làm vừa học, liên thông, đại học bằng thứ 2, đào tạo từ xa cũng được thực hiện nghiêm túc công tác giám sát bằng việc giám sát từ khâu tuyển sinh cho đến nhập học thông qua danh sách trúng tuyển được phê duyệt [H13.13.04.13], Nhà trường có kế hoạch và tổ thanh tra để giám sát [H13.13.04.14], [H13.13.04.15]. Cuối năm Nhà trường có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học nhằm đánh giá những điểm đạt, không đạt đồng thời đề ra phương hướng khắc phục cho năm tiếp theo [H13.13.04.16]. Các báo cáo kết quả học tập của sinh viên được phân tích, đánh giá, đồng thời kết hợp với kết quả tuyển sinh để kiểm tra sự tương quan chất lượng của đầu vào và thực tế đào tạo. Trên cơ sở đó, Nhà trường có những quyết định điều chỉnh trong chính sách cho phù hợp hơn để đảm bảo và tăng cường chất lượng đào tạo.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Công tác tuyển sinh và tình hình nhập học của thí sinh hàng năm là bài toán khó đối với nhiều trường đại học hiện nay. Vì vậy, nhằm đảm bảo Nhà trường tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, Nhà trường không ngừng cải tiến quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí xét tuyển, cải tiến công tác truyền thông, …

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học [H13.13.05.01], Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, lấy phiếu khảo sát sinh viên mới nhập học [H13.13.05.02] để đưa ra nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông, …[H13.13.05.03]. Trên cơ sở này xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được phê duyệt [H13.13.05.04].

Trên cơ sở phân tích kết quả tuyển sinh và các điều kiện đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường thực hiện đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh [H13.13.05.05] và có giải pháp để nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh như chính sách học bổng [H13.13.05.06], [H13.13.05.07], ngoài ra còn xác định các phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển phù hợp với các ngành kỹ thuật của Nhà trường [H13.13.05.08]. Đặc biệt đối với những ngành rất khó tuyển sinh trong vài năm, Nhà trường mạnh dạn tạm dừng tuyển sinh để ưu tiên các ngành có nhu cầu cao hơn [H13.13.05.09]. Trong thời đại nghệ 4.0 hiện nay, xã hội ngày càng thay đổi với tốc độ nhanh, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cũng đã từng bước thay đổi cách thức truyền thông trong tuyển sinh. Bên cạnh các phương thức truyền thống, Nhà trường đã bổ sung nhiều phương thức tiếp cận với các sinh viên tiềm năng thông qua mạng xã hội và các công cụ trực tuyến. Từ năm 2018, Nhà trường đã thành lập Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, phụ trách toàn bộ mảng truyền thông nội bộ và bên ngoài, đồng thời mở rộng kênh tư vấn tuyển sinh như: Qua mạng xã hội, email, điện thoại, v.v…[H13.13.05.10].

Dựa vào Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và tình hình thực tế, Nhà trường luôn cập nhật, thay đổi công tác tuyển sinh để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh và học sinh. Đề án tuyển sinh của Nhà trường sẽ được công khai trên các phương tiện truyền thông của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, thể hiện rõ các phương thức xét tuyển, các tổ hợp môn xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào đại học mà vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào. Công tác tuyên truyền ngày càng được chú trọng và được đẩy mạnh, nhằm kịp thời đưa thông tin tới gần nhất với thí sinh.

Cụ thể, công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2018 và 2019, Nhà trường xét tuyển kết quả thi đại học theo 02 phương thức (tuyển thẳng và theo điểm thi THPT Quốc gia). Năm 2020 và năm 2021, ngoài 02 phương thức trên, Nhà trường còn tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển học bạ THPT theo đề án tuyển sinh riêng được Bộ GD&ĐT phê duyệt. Tiêu chí: Xét điểm trung bình 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển theo 02 phương án là: Phương án 1: Gồm học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 hoặc Phương án 2: Gồm họ kỳ 1 lớp 12 và học kỳ 2 lớp 12 nhân 2.

Đến năm 2022, Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo 04 phương thức: Ngoài 03 phương thức xét tuyển giống như năm 2020 và năm 2021, năm 2022 bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội [H13.13.05.08]. Ngoài cổng thông tin được cập nhật thông tin tuyển sinh một cách đầy đủ và liên tục [H13.13.05.11], Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp còn mở rộng phạm vi truyền thông không chỉ ở trong tỉnh Thái Nguyên mà còn đến các tỉnh thành trong cả nước, trong đó tập trung ở một số tỉnh thành lân cận thông qua banner, tờ rơi [H13.13.05.12]. Thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho thí sinh đến tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện. Kết quả được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Website của Trường và tin nhắn, điện thoại đến từng thí sinh [H13.13.05.10]. Đặc biệt trong những năm 2018 và năm 2019, Trường triển khai ngày hội Open day, tham quan trải nghiệm để đón học sinh các trường THPT đến thăm Trường [H13.13.05.13].

Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường không thực hiện được việc này do dịch Covid -19. Sự chuẩn bị chu đáo trong công tác tuyển sinh cùng với chất lượng đào tạo của Nhà trường đã và sẽ tiếp tục thu hút sự quan tâm, gắn bó của học sinh và phụ huynh. Trong công tác nhập học, Nhà trường cũng đã có nhiều cải tiến để mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ quá trình nhập học đã có những kết quả khả quan. Từ giấy báo nhập học [H13.13.05.14] cho đến các bước nhập thông tin, xếp lớp, thẻ sinh viên đã rút ngắn được rất nhiều thời gian, mang đến sự tiện lợi và thoải mái cho thí sinh cũng như phụ huynh khi đến trường làm thủ tục nhập học [H13.13.05.15].

Ngoài Website của Trường (http://tnut.edu.vn), Nhà trường còn tăng cường mở riêng một Website chuyên về công tác tuyển sinh, nhằm đảm bảo việc chuyển tải thông tin tuyển sinh nhanh nhất và đẩy đủ, thuận lợi nhất đến các bên quan tâm (https://ts.tnut.edu.vn) [H13.13.05.11]. Chương trình sinh hoạt đầu khóa cho tân sinh viên cũng được đầu tư, bố trí nội dung đầy đủ, hợp lý hơn giúp sinh viên có những kiến thức bổ ích, hỗ trợ đắc lực cho việc học tập sau này [H13.13.05.16]. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn duy trì và tăng chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy hàng năm và là một trong những Trường đứng đầu về tuyển sinh trong khối các trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên là nhờ việc cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm ngày càng có hiệu quả [H13.13.05.17].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường thành lập Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, là đơn vị chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh và truyền thông của tất cả các bậc - hệ đào tạo của Trường đạt hiệu quả cao.

- Đối với mỗi chương trình đào tạo, Nhà trường có chính sách, phương án tuyển sinh với các tiêu chí rõ ràng để lựa chọn người học có chất lượng.

- Việc đối sánh, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học được thực hiện định kỳ hàng năm, giúp Nhà trường đánh giá đúng tình hình hiện tại và đề xuất các giải pháp cải tiến cho phù hợp hơn với thực tế.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Điểm chuẩn tuyển sinh của Trường mặc dù trong những năm gần đây có tăng, nhưng tăng không nhiều. Điều này dẫn đến chất lượng đầu vào trong tuyển sinh của Trường còn nhiều hạn chế.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

Từ năm học 2022, Nhà trường sẽ đưa ra các chính sách học bổng, ưu tiên trong tuyển sinh dành cho một số ngành mũi nhọn và các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế nhằm thu hút những đối tượng học sinh giỏi đăng ký xét tuyển vào Trường. Từ đó sẽ làm tăng chất lượng đầu vào tuyển sinh của Trường.

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 13*** | ***5*** |
| Tiêu chí 13.1 | 5 |
| Tiêu chí 13.2 | 5 |
| Tiêu chí 13.3 | 5 |
| Tiêu chí 13.4 | 5 |
| Tiêu chí 13.5 | 5 |

## Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

### Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN) hiện đang tổ chức đào tạo 04 ngành trình độ tiến sĩ, 07 ngành trình độ thạc sĩ và 31 chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần được thực hiện một cách có hệ thống theo các quy định hiện hành. Trên cơ sở các văn bản quy định của cấp trên như: Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng chính phủ Quyết định phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm đinh và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học; Quyết định Số 1976/QĐ-ĐHTN ngày 19/9/2017 của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN và Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2018 của ĐHTN ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học của ĐHTN, Trường ĐHKTCN đã ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học của Trường ĐHKTCN kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2021 [H14.14.01.01]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo xây dựng 02 quy trình nghiệp vụ ISO: “*Quy trình mở ngành đào tạo – QT.01-ĐT” và “Quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT – QT.02-ĐT*”. Quy trình được công bố trên trang tin điện tử của Nhà trường và một bản cứng đính kèm. Mỗi bước của quy trình đều có hướng dẫn rõ ràng kèm các biểu mẫu được mã hóa để thuận lợi cho việc thực hiện và theo dõi. Kể từ khi quy trình được ban hành, tất cả các ngành mở mới và rà soát, điều chỉnh đều phải áp dụng theo các bước và sử dụng biểu mẫu của quy trình này. Ngoài ra, để triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT được thống nhất trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng tiếp cận CDIO của Trường ĐHKTCN kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-ĐHKTCN ngày 28/10/2021 [H14.14.01.02].

Để thực hiện các bước trong quá trình thiết kế, phát triển, rà soát CTĐT Hiệu trưởng ký quyết định thành lập các Tổ soạn thảo CTĐT. Tổ soạn thảo gồm những thành viên am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có kinh nghiệm và năng lực xây dựng, phát triển CTĐT bao gồm đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng Đào tạo, đại diện phòng Khảo thí và ĐBCLGD, một số giảng viên đúng ngành/chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số đơn vị sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành. Tổ soạn thảo/Hội đồng xây dựng CTĐT có trách nhiệm phối hợp với khoa quản lý ngành, phối hợp với các phòng ban chức năng, để thiết kế, phát triển, rà soát chương trình dạy học; thành viên trong Tổ soạn thảo được phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể. Sau khi khoa quản lý chuyên môn xây dựng hoàn thành bản dự thảo đề án mở ngành và CTĐT, Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT đó [H14.14.01.03]. Để khoa chuyên môn được triển khai xây dựng đề án mở ngành thì ban chủ nhiệm khoa có giấy đề nghị mở ngành với Nhà trường, trên cơ sở giấy đề nghị của khoa Nhà trường báo cáo bằng công văn xin mở ngành với Đại học Thái Nguyên, khi nhận được công văn đồng ý cho phép Nhà trường mở ngành mới thì Nhà trường ra công văn xây dựng Đề án mở ngành cho khoa [H14.14.01.04].

Trong quá trình thiết kế, phát triển, rà soát CTĐT Nhà trường có hướng dẫn các đơn vị kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy học, đề cương môn học/học phần. Khi thiết kế, phát triển, rà soát CTĐT các khoa đều triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng, phát triển CTĐT và CĐR vào 2 giai đoạn: (i) Khi xây dựng một CTĐT mới và (ii) khi CTĐT đang triển khai áp dụng và được thể hiện rõ trong quy trình. Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (NTD, người tốt nghiệp) khi xây dựng CTĐT và CĐR cho một ngành mới mở. Trong quá trình CTĐT đang triển khai áp dụng, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát ý kiến GV, SV, NTD về CTĐT và CĐR nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT và CĐR cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường [H14.14.01.04].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.**

### Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

CTĐT được xác định là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến chất lượngđào tạo. Trong 05 năm từ 2017-2022, Nhà trường đã tiến hành ba đợt rà soát, điều chỉnh CTĐT: năm 2017 triển khai điều chỉnh số tín chỉ của CTĐT khối ngành Kỹ thuật từ 150 tín chỉ (TC) lên 180 TC với mục đích tăng khối lượng thí nghiệm, thực hành, thực tập; năm 2019 thực hiện điều chỉnh từ 180 TC xuống 140 TC; năm 2020 khi Nghị đinh 99/2019/NĐ-CP có hiệu lực thì Nhà trường thực hiện điều chỉnh CTĐT về 150 TC. Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT Nhà trường đều triển khai đồng bộ nên các văn bản hướng dẫn, kế hoạch ra soát, điều chỉnh CTĐT chi tiết và cụ thể theo mốc thời gian [H14.14.02.02]. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã thành lập hệ thống các hội đồng, tổ thư ký để thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh này. Hiệu trưởng đã ký quyết định thành lập Hội đồng và Tổ thư ký rà soát, điều chỉnh CTĐT; Hội đồng liên ngành rà soát, điều chỉnh CTĐT; Hội đồng rà soát, điều chỉnh khối kiến thức giáo dục đại cương CTĐT; Hội đồng liên ngành rà soát, điều chỉnh CTĐT của các khối ngành trong đó bao gồm cả tổ soạn thảo rà soát, điều chỉnh CTĐT [H14.14.02.01].

Hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần đã được thiết lập phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan liên quan đến việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT, chuẩn đầu ra và đề cương môn học/học phần bao gồm: Bộ GD&ĐT, giảng viên, Nhà quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối. Việc xây dựng CTĐT của Trường ĐHKTCN được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT thông qua việc tham khảo khung CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành (các khối kiến thức, thời lượng, các học phần bắt buộc, đánh giá người học,…), và thực hiện theo Thông tư 08/2011/TTBGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ GD&ĐT về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm đinh và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học, Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về Khung trình độ quốc gia và các văn bản hiện hành khác của Bộ GD&ĐT, của ĐHTN [H14.14.01.01], [H14.14.02.03].

Tất cả các CTĐT của Trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu được thể hiện thông qua CĐR của từng ngành. Các mục tiêu đều được lượng hóa và đảm bảo phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của trường. Khối lượng kiến thức toàn khóa phù hợp với quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các khối kiến thức giảng dạy của mỗi CTĐT được phân bổ hợp lý đáp ứng điều kiện tiên quyết của các học phần, thống nhất giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên ngành (trong đó bao gồm kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và khối kiến thức không tích lũy. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình [H14.14.02.03].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần sau khi được xây dựng, rà soát, điều chỉnh được kèm theo quyển CTĐT, được thẩm định cùng với CTĐT và ban hành cùng với quyết định ban hành CTĐT. ĐCCT được soạn thảo dựa trên CĐR học phần, các CĐR học phần này thể hiện rõ mức độ đáp ứng cụ thể đối với CĐR của CTĐT thông qua ma trận chuẩn đầu ra, từ đó xác định nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá phù hợp, hình thức dạy học được xác đinh lựa chọn để hướng đến đạt CĐR học phần, hình thành cho người học kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đề cương học phần được ban hành gồm các nội dung: Các thông tin chung về học phần (Tên học phần, tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ, phân bổ thời gian, điều kiện tham gia học tập học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành); mục tiêu học phần, CĐR học phần, mô tả học phần, đánh giá học phần, nội dung chi tiết học phần, học liệu, quy định học phần, các thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy. Khi xây dựng kế hoạch giảng dạy cho các học phần trong CTĐT, Tổ soạn thảo bố trí các học phần đáp ứng cho cùng một CĐR CTĐT trong một học kì hoặc các học kì kế tiếp để đảm bảo người học được học tập rèn luyện thường xuyên CĐR để đạt được yêu cầu của CĐR CTĐT theo trình độ năng lực tăng dần [H14.14.03.01].

Nhà trường có thiết kế trang thông tin điện tử để giới thiệu về Trường, các đơn vị trực thuộc, đồng thời để các CTĐT được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố công khai trên Website http://daotao.tnut.edu.vn/tin-tuc/2019-11-26/chuong-trinh-dao-tao-dt532.html [H14.14.03.05]. Các khoa quản lý ngành cũng xây dựng trang thông tin điện tử để tạo đa kênh trong công tác phổ biến thông tin đào tạo, CTĐT của Khoa. ĐCCT học phần sau khi được ban hành, Nhà trường có quy định phải được phổ biến tới người học tại các trang web của Khoa quản lý học phần đó, đồng thời được giảng viên giới thiệu và công bố cho người học vào buổi đầu tiên của học phần [H14.14.03.05]. Đầu khoá học, trong tuần sinh hoạt công dân ngoài việc Nhà trường phổ biến tới Quy chế đào tạo và các quy định có liên quan tới học tập, rèn luyện và sinh hoạt của sinh viên thì nội dung CTĐT, CĐR các học phần, ĐCCT học phần và kế hoạch đào tạo cũng được Khoa quản lý ngành phổ biến chi tiết đến từng sinh viên [H14.14.03.07]. Đặc biệt, phòng Đào tạo đã tham mưu cho Ban Giám hiệu xây dựng Kế hoạch đào tạo năm học cho từng khóa, từng ngành [H14.14.03.03].

Để quản lý đào tạo, Nhà trường đầu tư phần mềm quản lý đào tạo riêng (edusoft), có trang thông tin (dạng web) cho sinh viên và mỗi sinh viên được cấp một tài khoản duy nhất nhằm cung cấp thông tin đến trực tiếp từng sinh viên, đồng thời để sinh viên thực hiện các giao thức học vụ như: đăng ký học phần, hủy học phần, xem thời khóa biểu, xem lịch thi, xem kết quả học tập, xem kết quả rèn luyện, ..... [H14.14.03.06]. Khi triển khai giảng dạy các nội dung trong một học kỳ được thiết kế trong CTĐT, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đăng ký học phần cho sinh viên đăng ký trước, các lớp học phần có đủ số lượng sinh viên đăng ký thì sẽ triển khai giảng dạy trực tiếp tại giảng đường và được bộ phận Giảng đường (Trung tâm DVTH) theo dõi và ghi nhận, các lớp học phần không đủ sĩ số mở lớp sẽ có thông báo hủy lớp học phần và thông báo mở đợt đăng ký học phần bổ sung cho sinh viên đăng ký. Đối với giảng dạy trực tuyến Nhà trường có xây dựng phần mềm TMS để theo dõi việc giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên [H14.14.03.02].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Rà soát quy trình xây dựng CTĐT và CĐR cũng như rà soát CTĐT và CĐR đang vận hành là việc làm không thể thiếu được trong Trường ĐHKTCN. Để thực hiện việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch rà soát lại quy trình thiết kế, cập nhật, đánh giá CTĐT theo Thông báo số 19/TB-ĐHKTCN ngày 25/02/2019, Công văn số 413/ĐHKTCN-ĐT ngày 18/6/2020 và Kế hoạch số 958/KH-ĐHKTCN ngày 02/11/2021 [H14.14.02.02]. Theo các kế hoạch này, phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì rà soát lại quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học. Phòng Đào tạo đã xây dựng 02 quy trình ISO về Quy trình mở ngành đào tạo và Quy trình rà soát điều chỉnh CTĐT. Mặt khác, phòng Đào tạo cũng xây dựng Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học và Hướng dẫn phát triển CTĐT trình độ đại học theo hướng tiếp cận CĐIO. Các quy trình ISO và văn bản quy định, hướng dẫn trên được gửi đến các đơn vị và cá nhân trong Trường lấy kiến góp ý và tiến hành họp thảo luận để lấy ý kiến thống nhất chỉnh sửa, và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.04.01].

Sau khi thực hiện xong việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học, các khoa quản lý ngành tiến hành việc rà soát, cập nhật CTĐT theo quy trình ISO và văn bản quy định, hướng dẫn đối với tất cả các CTĐT của trường. Trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT đều thực hiện bước đối sánh CTĐT tương ứng của một số trường đại học trong nước và ngoài nước [H14.14.04.02]. Đồng thời, việc so sánh giữa các phiên bản khác nhau của CTĐT cũng được Tổ soạn thảo nghiêm túc thực hiện [H14.14.04.03]. Một công tác quan trọng khác của quá trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học là lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra, khung CTĐT và ĐCCT học phần được Tổ soạn thảo CTĐT thực hiện bằng cách thiết kế phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: Giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, người sử dụng lao động, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối, ... Ngoài ra, Khoa quản lý ngành cũng tổ chức các Hội thảo nhằm thu thập ý kiến các bên liên qua về CĐR CTĐT, về khung chương trình CTĐT [H14.14.04.04].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế, rà soát CTĐT do đó quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến và thống nhất trong toàn trường. Trên cơ sở các văn bản quy định của cấp trên như: Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng chính phủ Quyết định phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm đinh và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học; Quyết định Số 1976/QĐ-ĐHTN ngày 19/9/2017 của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN và Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17/4/2018 của ĐHTN ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học của ĐHTN. Trong năm 2021, Nhà trường đã ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học của Trường ĐHKTCN kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2021; Hướng dẫn phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng tiếp cận CDIO của Trường ĐHKTCN kèm theo quyết định số 2556/QĐ-ĐHKTCN và 02 quy trình ISO về Quy trình mở ngành và Quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT [H14.14.05.02].

Trong 04 văn bản trên, đều chú trọng đến việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải câp nhật CTĐT và đánh giá hiệu quả CTĐT hiện đang áp dụng; chú trọng việc thu thập cơ sở dữ liệu về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan gồm: Giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, người sử dụng lao động, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối, ... về chương trình dạy học, phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động dạy học. Do đó, khi thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học các tổ soạn thảo đều triển khai một cách nghiêm túc [H14.14.05.02].

CTĐT và CĐR cũng liên tục được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo đúng quy trình rà soát cập nhật CTĐT do nhà trường và Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT và CĐR của Trường được điều chỉnh bổ sung và phát triển dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan và được giám sát chặt chẽ ở các cấp nên đảm bảo tính hợp lý, tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các kiến nghị chỉnh sửa bổ sung CTĐT và CĐR được Hội đồng KH&ĐT trường thống nhất thông qua trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.05.03], đi kèm với CTĐT và CĐR là các ĐCCT học phần cũng được ban hành và công khai đến người học [H14.14.05.04].

Tóm lại, Trường ĐHKTCN luôn quan tâm cập nhật, cải tiến CTĐT nhằm đảm bảo đúng các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các quy chế quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; đáp ứng mục tiêu, vai trò và sứ mạng Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. CTĐT có tính khả thi và phát triển theo hướng liên thông (ngành, trường, vùng, quốc gia) và hướng đến hội nhập quốc tế.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng 02 quy trình ISO: “*Quy trình mở ngành đào tạo – QT.01-ĐT” và “Quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT – QT.02-ĐT*”, ban hành Quy định vè Hướng dẫn giúp thiết kế, rà soát, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho các CTĐT và các môn học, có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

- Trong những năm qua Nhà trường đã thường xuyên cập nhật nội dung CTĐT theo hướng tiếp cận xu hướng phát triển của xã hội, tăng cường các học phần thực tập doanh nghiệp, kỹ năng mềm. Điều đó thể hiện rõ qua việc sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp, ra trường có việc làm ngay và mức độ đáp ứng công việc của sinh viên khi ra trường.

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Khi xây dựng CTĐT, đánh giá việc đạt được CĐR trong các bài kiểm tra của GV chưa được đánh giá chặt chẽ và đồng đều giữa các khoa.

- Nhà trường đã có những đợt rà soát, điều chỉnh lớn các CTĐT trong các năm 2017, 2019 và 2021. Trong những khoảng giai đoạn này, lãnh đạo một số khoa thay đổi đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc biên soạn, cập nhật CTĐT và CĐR.

- Khi cập nhật các CTĐT, rất khó để cập nhật hết được các yêu cầu của nhà tuyển dụng với các đặc điểm chuyên biệt.

**3. Kế hoạch cải tiến:**

- Khi triển khai CTĐT khóa 58 (khóa tuyển sinh năm 2022), Nhà trường sẽ xây dựng cơ chế đánh giá việc đạt được CĐR trong các bài kiểm tra của giảng viên.

- Khi cập nhật CTĐT khóa 58, Nhà trường yêu cầu các Khoa áp dụng chặt chẽ các bước và các biểu mẫu của theo Hướng dẫn, Quy định và Quy trình ISO để thực hiện các bước tiếp theo để đánh giá các CTĐT.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | đánh giá việc đạt được CĐR trong các bài kiểm tra | Các Khoa/Bộ môn và giảng viên | Năm học 2022-2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | áp dụng chặt chẽ các bước và biểu mẫu theo Hướng dẫn, Quy định và Quy trình ISO để thực hiện các bước tiếp theo để đánh giá CTĐT. | - Khoa/Bộ môn và giảng viên  - Phòng/Trung tâm chức năng | Năm học 2022-2023 |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | xây dựng 02 quy trình ISO; ban hành Quy định về Hướng dẫn giúp thiết kế, rà soát, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho các CTĐT và các học phần | - Khoa/Bộ môn và giảng viên  - Phòng/Trung tâm chức năng | Năm học 2021-2022 |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Thường xuyên cập nhật nội dung CTĐT | - Khoa/Bộ môn và giảng viên | Năm học 2021-2022 |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 14*** | ***5,2*** |
| Tiêu chí 14.1 | 6 |
| Tiêu chí 14.2 | 5 |
| Tiêu chí 14.3 | 5 |
| Tiêu chí 14.4 | 5 |
| Tiêu chí 14.5 | 5 |

## Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

### Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Sứ mạng tầm nhìn, triết lý giáo dục và các giá trị văn hóa được trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp (TNUT) công bố lần đầu kèm theo Quyết định số 45/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/03/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H15.15.01.01]. Năm 2021, Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của TNUT đã được điều chỉnh và ban hành trong nghị quyết số 34/NQ-HĐT về việc ban hành Chiến lược phát triển trường TNUT, giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H15.15.01.02]. Với triết lý giáo dục*“khai phóng, thiết thực”,”* Trường hướng tới mục tiêu trang bị cho người học một nền tảng kiến thức rộng, chuyên môn sâu và kỹ năng cần thiết để có thể chuyển đổi, thích nghi, đáp ứng xu thế của thời đại mới, đồng thời có sự cảm thụ mạnh mẽ về giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa, từ đó tự tin vận dụng tri thức, trí tuệ vào đời sống xã hội hiện đại”. Triết lý giáo dục đó hoàn toàn phù hợp với mục tiêu “Sản phẩm giáo dục, đào tạo: Khai phóng và thiết thực đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế; Sản phẩm nghiên cứu khoa học được quốc tế công nhận, doanh nghiệp chấp nhận, được chuyển giao hoặc sử dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống”, sứ mạng “là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế” và tầm nhìn “trở thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia và khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; là trung tâm nghiêm cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín ở trong nước và quốc tế; là cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cộng đồng, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của đất nước và khu vực” của nhà trường trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Triết lý giáo dục của nhà trường được xây dựng căn cứ vào Luật Giáo dục năm 2019; Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo Đại học; Nghị quyết số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019; Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 [H15.15.01.03] và căn cứ vào phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực, bối cảnh trong nước và một số hiện trạng về trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp [H15.15.01.02], do đó đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học ở Việt Nam, khu vực và quốc tế. Triết lý giáo dục của TNUT được đăng trên website của nhà trường để toàn thể CBGV, NVLĐ và sinh viên dễ dàng tiếp cận [H15.15.01.04]. Triết lý giáo dục nàyđã chi phối cách mà Nhà trường quản trị hệ thống, xây dựng CTĐT, đánh giá kết quảhọc tập, tuyển chọn và đãi ngộ đội ngũ CB-GV-NV, cũng như cách thức lựa chọn cáchoạt động dạy và học phù hợp và để đạt được CĐR.

CĐR của các CTĐT được xác định rõ ràng, phản ánh Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường vàđược xây dựng theo một quy trình rõ ràng, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan,nêu cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà một SV tốt nghiệp cần đạtđược sau khi hoàn thành CTĐT [H15.15.01.05].

Chương trình dạy học của các ngành được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Trình tự và nội dung giảng dạy tiếp cận theo hướng tăng dần nhận thức và trình độ năng lực sinh viên, trong đó mỗi trải nghiệm được xây dựng trên cơ sở các trải nghiệm trước đó, đồng thời củng cố thêm các trải nghiệm ấy. Song song với việc học kiến thức, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm thông qua các học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập, trải nghiệm và các học phần tích hợp và khóa luận tốt nghiệp xuyên suốt CTĐT. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy được chú trọng để thúc đẩy sinh viên đạt được chuẩn đầu ra mong đợi ... Với chiến lược giảng dạy “trực tiếp, gián tiếp hay tương tác” và chiến lược học tập ”trải nghiệm, độc tập” tùy theo học phần, TNUT đã thiết lập hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp vớitriết lý giáo dục và để đạt được CĐR nói trên thể hiện rõ trong chương trình đào tạo của các ngành [H15.15.01.05].

Kế hoạch giảng dạy và học tập của TNUT được quy định rõ ràng trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H15.15.01.06], Quy định công tác thi, kiểm tra và đánh giá học phần các hệ đào tạo đại học chính quy [H15.15.01.07] và cụ thể hóa trong chương trình đào tạo của các ngành [H15.15.01.05] của Nhà trường. Theo đó: (i) Việc bố trí các môn học trong Sơ đồ họctập qua 12 học kỳ đối với hệ cử nhân, 13 học kỳ đối với hệ kỹ sư và việc bố trí GV giảng dạy nhằm hình thành nên ấn tượng ban đầucủa SV về GDĐH; (ii) Cung cấp trước các thông tin về CTĐT, CĐR, Đề cương chi tiết của môn họccho người học cũng như cách thức kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp và quy chế đào tạo. Việc sắp xếp TKB theo chiến lược: các môn ở học kỳ trướcđóng vai trò làm nền tảng cho các môn ở học kỳ sau. Các môn thuộc khối kiến thứcđại cương làm nền tảng cho các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.Mức độ chuyên sâu chuyên ngành được bố trí tăng dần qua từng học kỳ. Danh sáchcác môn học có tính ứng dụng thực tiễn nghề nghiệp và các môn tự chọn nâng caođược cung cấp cho SV vào cuối năm thứ ba và năm thứ tư. Việc bố trí đồ án môn học, thực hành, thực tập chuyên môn, chuyên ngànhở những năm cuối (từ học kỳ 7 trở đi) nhằm giúp SV khả năng tự khám phá kiến thức,rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, khả năng phân tích, làm việc nhóm; tổng hợp tàiliệu mà họ tiếp cận; kỹ năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề, các tìnhhuống gặp phải.

Bộ môn phụ trách các môn học và các giảng viên phụ trách các môn học lựa chọn và thực hiện các phương pháp giảng dạy phù hợp với chuẩn đầu ra và thể hiện trong đề cương chi tiết của các học phần [15.15.1.08]. Một số phương pháp dạy học thường được lựa chọn là: Thuyết trình, thảo luận nhóm, câu hỏi gợi ý, minh họa trực quan … Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ tốt hơn trong tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong hoạt động dạy học và học, nhà trường đã xây dựng và quy định sử dụng hệ thống E-learning [15.15.1.09]. Theo đó, yêu cầu giảng viên đưa phần bài giảng theo tuần, giao bài tập (ít nhất 60 bài/1 tín chỉ), chữa mẫu 7-10% số bài tập, sinh viên có trách nhiệm làm tất cả các bài tập được giao …

**Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**

### Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trường ĐH KTCN đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường ĐH KTCN giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H15.15.02.1], trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực và quản trị đại học nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã có nhiều đợt thông báo về tuyển dụng giảng viên, tuyển dụng, xét tuyển viên chức [H15.15.02.2] căn cứ vào nhu cầu thực tế tại các khoa. Bên cạnh đó, Nhà trường đã có những chính sách nhằm thu hút đội ngũ giảng viên: Quy định về việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp giảng dạy [H15.15.02.3], cử giảng viên đi học thạc sỹ, NCS [H15.15.02.4], hỗ trợ học phí, giảm định mức cho GV đi học ThS, NCS, khen thưởng cho NCS bảo vệ thành công luận án, hỗ trợ làm hồ sơ PGS, GS… [H15.15.02.5], hỗ trợ cho thuê nhà trong KTX cho GV của nhà trường. Ngoài ra, theo nhiệm kỳ, Nhà trường đã có quyết định bổ nhiệm chức danh: Giảng viên chính, giảng viên cáo cấp, các chức vụ lãnh đạo [H15.15.02.6], chế độ khen thưởng hàng năm thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H15.15.02.5].

TNUT đã xây dựng “Đề án vị trí việc làm” [H15.15.02.7]. Đây là một quy chế toàn diện về chức năng, trách nhiệm và nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên làm căn cứ đề đánh giá và sàng lọc các giảng viên. Nhà trường có một hệ thống quản lý, hoạt động chặt chẽ từ cấp đơn vị, cấp khoa đến cấp trường được quy định trong “Quy chế làm việc của viên chức, người lao động Trường ĐHKTCN” [H15.15.02.8].

Hệ thống phân công giảng dạy hiện nay tại TNUT được thực hiện theo hệ thống văn bản [H15.15.01.06], [H15.15.02.8] và phần mềm quản lý đào tạo [H15.15.02.9].

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Trường, được ban hành vào đâu năm học [H15.15.02.10], căn cứ vào kế hoạch phân kỳ học tập của người học trong các chương trình đào tạo các ngành của nhà trường [H15.15.01.05] và nhu cầu đăng ký thêm của người học, Phòng Đào tạo sẽ xây dựng danh sách các môn học và số lớp học cho mỗi môn sẽ mở trong học kỳ kế tiếp để gửi các khoa và bộ môn để xác nhận. Sau đó Phòng Đào tạo sẽ sắp lịch cho các lớp và thông báo cho khoa và bộ môn phân công giảng dạy [H15.15.02.11].

- Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng dạy theo đúng các môn học do bộ môn quản lý căn cứ vào định mức giảng dạy của các GV trong bộ môn. Định mức giảng dạy của các GV theo trình độ được quy định trong [H15.15.02.8].

- Sau khi bộ môn phân công giảng dạy, một bản in kết quả phân công giảng dạy của bộ môn gửi lên BCN khoa phê duyệt rồi gửi lên Phòng Đào tạo để lập kế hoạch giảng dạy [H15.15.02.12].

- Sau khi phân công GV giảng dạy các lớp học, Phòng Đào tạo sẽ mở hệ thống đăng ký môn học để Sv đăng ký [H15.15.02.13].

- Nếu phát sinh lớp mới do yêu cầu sỹ số, nhu cầu của SV hay do lý do khác, Phòng Đào tạo làm lại các bước trên cho các lớp mới phát sinh. Nếu không có phát sinh gì thêm, Phòng đào tạo gửi lại các khoa, bộ môn thời khóa biểu giảng dạy của các giảng viên và bắt đầu công tác giảng dạy [H15.15.02.14]. GV có thể xem thời khóa biểu trực tiếp trên website của phòng đào tạo thông qua mã giảng viên [H15.15.02.15].

**Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**

### Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR.

Để các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra, Trường Đại học KTCN đã xây dựng môi trường học tập đa dạng, phong phú cho người học. Hàng năm căn cứ vào Chương trình đào tạo [H15.15.01.05], Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết môn học cho từng kỳ, năm học [H15.15.02.10]; cũng như thời khóa biểu cụ thể cho từng kỳ, từng lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho học tập, nghiên cứu [H15.15.02.11].

Đa số các ngành, khối kiến thức giáodục chuyên nghiệp chiếm trên 65% đủ để trang bị cho người học một cơ sở kiến thứcvững vàng để có thể chuyển đổi hoặc tự mở rộng nghiên cứu thêm những ngành nghềmới khi xã hội có nhu cầu. Tỷ lệ các môn học về thực hành thực tập, đồ án môn học vàđồ án tốt nghiệp chiếm trung bình gần 30% tổng số toàn CTĐT. Khối kiến thức vềkhoa học tự nhiên, khoa học xã hội chiếm 35%. Trong đó người học được trang bị cáckiến thức về Ngoại ngữ (ngoài việc bắt buộc học 03 học phần tiếng Anh, SV cần đạt được bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ củaVN), đối với Tin học ngoài các học phần cơ bản trong kỹ thuật còn các môn học về kỹ năng đồ họa,các phương pháp nghiên cứu khoa học v.v... đủ để người học tự tin trong việc áp dụngkiến thức có được (ngoại ngữ, sử dụng Website, tra cứu thông tin, phán đoán thông tinvà sử dụng thông tin, các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng các nguồn thông tin hiệncó trong thư viện v.v.) để học tập suốt đời [H15.15.01.05]. Bên cạnh đó, nhằm đa dạng hóa các hoạt động dạy và học, tăng cường tính trao đổi đổi trong hoạt động dạy và học, Nhà trường đã thực hiện mời các chuyên gia, giảng viên ngoài trường chấm và phản biện luận văn tốt nghiệp cho các học viên sau đại học [H15.15.03.1], trong đó có ít nhất 02 thành viên là chuyên gia ngoài trường có 01 là phản biện.

Để đáp ứng đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, Nhà trường đã có quy định về thực tập cuối khóa đối với sinh viên [H15.15.03.2], để giúp người học bổ sung kiến thức lý luận, nghiệp vụ, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn liên quan đến kỹ thuật, Nhà trường tạo điều kiện cho 100% SV đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

Để triển khai các hoạt động học tập đa dạng để đạt được CDR, ngoài việc học tập tại giảng đường, người học còn được thực hành, thực tập tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập của nhà trường [H15.15.03.3], Nhà trường còn phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các đợt thăm quan trải nghiệm thực tế nhằm tạo sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn [H15.15.03.4], nhằm tạo cơ hội được gặp gỡ, tiếp xúc, giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về quá trình lập nghiệp, hướng nghiệp với các chuyên gia, doanh nghiệp, Nhà trường đã tổ chức các cuộc thảo luận, ngày hội việc làm, giao lưu cơ hội việc làm của các doanh nghiệp tại trường [H15.15.03.5]; nhằm phát huy tính sáng tạo của người học, trường cũng tổ chức các cuộc thi sáng tạo cho SV, khởi nghiệp, English Festival, robocon [H15.15.03.6], ngoài ra, trường tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh, Robocon, câu lạc bộ truyền thông, câu lạc bộ Stem … [H15.15.03.7], sân chơi học tập Olympic từ cấp trường đến cấp quốc gia cũng được nhà trường tổ chức hàng năm và nhận được sự quan tâm [H15.15.03.8].

Với khả năng tư duy được thiết kế trong các CTĐT, người học sẽ có cơ hội tựrèn luyện cho mình các kỹ năng như: kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suynghĩ tích cực); kỹ năng phân tích mọi tình huống xuất hiện trong công việc; kỹ năngtổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích công nghệ, đề xuất phương án và phát triểnsáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề phát sinh trong các tình huốngcông việc. Trên thực tế, ngay từ những giờ bài tập của năm đầu, SV được khuyếnkhích tham gia tích cực vào việc thảo luận theo nhóm. Ngoài ra, SV cũng được trangbị các kỹ năng chuyên sâu để từ đó có một số khả năng như: nhận dạng và phân tíchcác vấn đề của tổ chức, quản lý và thi công; vận dụng các kỹ thuật phân tích các hoạtđộng quản lý sản xuất, vận hành, thi công giám sát, … SV có khả năng giải quyết vấnđề thông qua thảo luận, thuyết trình, tiểu luận, bài tập nhóm, … để đạt được mục tiêuchung. Ngoài ra, SV cũng rèn được các kỹ năng khác như: khả năng tư duy; giải quyếtvấn đề; tìm kiếm, phân tích đánh giá thông tin và đưa ra kết luận, quyết định; kỹ năngviết, trình bày vấn đề, giải thích, phản biện vấn đề; phát triển khả năng tự học, tự tìmhiểu, nghiên cứu;… [H15.15.01.05]. Giảng dạy thông qua NCKH của SV là hoạt động quan trọng đốivới quá trình học tập và giảng dạy của Nhà trường. Hầu hết các đề tài NCKH của SV đều gắn với thực tiễn sản xuất [H15.15.03.9].

Ứng dụng các phương pháp, công nghệ hiện đại trong dạy và học, Nhà trường đã lắp đặt mạng internet phủ sóng toàn bộ khuôn viên của nhà trường cho người học có thể truy cập liên tục phục vụ học tập, các phòng học đều được trang bị máy chiếu để giảng viên có thể trình chiếu bài giảng trong các buổi lên lớp; Bên cạnh đó giảng viên được khuyến khích sử dụng các công cụ hiện đại như ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp tối đa nguồn học liệu, truyền tải thông tin đến người học như: Sử dụng trình chiếu Powerpiont trong giảng dạy, sử dụng các phần mềm Elearning hoặc thông qua TMS để truyền tải bài giảng đến người học [H15.15.03.10].

**Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**

### Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Trường Đại học KTCN tổ chức bộ máy và xây dựng đầy đủ các văn bản pháp qui cho việc quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên, giúp cho lãnh đạo trường nắm bắt thông tin và có giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng giảng dạy, học tập. Hoạt động giám sát hoạt động dạy và học được triển khai như sau:

- Phòng Thanh tra –Pháp chế: chức năng chính là tổ chức thanh tra nội bộ, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của Hiệu trưởng nhằm bảo đảm việc thi hành pháp luật, việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục; Tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong nhà trường; giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện công tác xây dựng các văn bản quy phạm nội bộ trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng; thẩm định, rà soát, kiểm tra văn bản, hệ thống văn bản quy phạm nội bộ; tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong Nhà trường và thực hiện những công tác khác được giao [H15.15.04.01].

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường theo các quy định của Bộ giáo dục và Đài tạo, của Đại học Thái nguyên, các văn bản pháp luật hiện hành và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao [H15.15.04.01].

- Ban hành quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ để làm cơ sở để triển khai các thực hiện các chương trình đào tạo [H15.15.04.02].

- Ban hành Quy định công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ học quy tại trường ĐHKTCN làm cơ sở để giám sát đánh giá quá trình rèn luyện của SV cả trường trong hoạt động học tập tại trường và tham gia sinh hoạt ngoài xã hội; Quyết định công tác chủ nhiệm lớp – cố vấn học tập để quy định vai trò, nhiệm vụ của giảng viên trong vai trò chủ nhiệm, cố vấn học tập cho sinh viên [H15.15.04.03].

- Ban hành quy định công tác thi, kiểm tra và đánh giá học phần các hệ đào tạo đại học chính quy, chính quy liên thông tại trường ĐHKTCN để tổ chức thực hiện công tác thi, đánh giá các học phần tại trường trong thời kỳ bình thường [H15.15.04.04], và Ban hành quy định thi, kiểm tra tạm thời trong thời gian học có dịch covid 19 [H15.15.04.05].

- Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá thi đua CBVC và người lao động [H15.15.04.06]

***Hoạt động đánh giá của nhà trường gồm:***

- Hàng kỳ nhà trường tổ chức đoàn kiểm tra công tác chấm thi, các đoàn kiểm tra cơ sở vật chất trước mỗi kỳ học, năm học [H15.15.04.07].

- Triển khai đánh giá, xử lý kết quả học tập hàng năm [H15.15.04.08]

- Thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết năm học qua Hội nghị CBVC và người lao động của nhà trường, thông qua đó đề ra những giải pháp nhằm cải thiện công tác nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập [H15.15.04.09]

- Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trong quá trình triển khai môn học và sau khi tốt nghiệp [H15.15.04.10]

- Đánh giá điểm học phần của sinh viên gồm 2 phần [H15.15.04.02]:

+ Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận (gồm: điểm kiểm tra trung bình, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm chuyên cần, điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà, điểm đánh giá thực hành, thí nghiệm, điểm tiểu luân) và điểm kết thi thúc học phần. Trong đó điểm thi kết thúc học phần bắt buộc cho mọi trường hợp và chiếm 60% trọng số điểm thành phần.

+ Điểm đánh giá nội bộ mỗi học phần bao gồm tối thiểu 02 điểm kiểm tra `

- Thông qua việc giám sát và đánh giá các hoạt động giảng dạy, học tập và ý kiến phản hồi từ sinh viên Trường đã tiến hành các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động giảng dạy, học tập, cụ thể: Nhiều học phần được triển khai giảng dạy dưới hình thức thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận, thực hành. Điều chỉnh cấu trúc đề thi theo khối kiến thức đại cương, đại cương ngành và chuyên ngành [H15.15.04.11]. Cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo, cập nhật, chỉnh sửa đề cương môn học [H15.15.04.12].

**Mức đánh giá tiêu chí: 5/7**

### Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Trong chu kỳ đánh giá, triết lý giáo dục và sứ mạng của trường được tuyên bố năm 2019: Trường ĐHKTCN – ĐH Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế [H15.15.05.01]. Qua quá trình phát triển, triết lý giáo dục của trường đã được điều chỉnh, bổ sung qua các giai đoạn để phù hợp với yêu cầu chất lượng ngày càng cao của thực tiễn, đến năm 2021 Trường đã thực hiện điều chỉnh triết lý giáo dục của Trường nhằm phù hợp với chiến lược phát triển của trường và phù hợp với yêu cầu về chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo Triết lý giáo dục hiện nay của trường là: Khai phóng, thiết thực. Cụ thể là: Trường hướng tới mục tiêu trang bị cho người học một nền tảng kiến thức rộng, chuyên môn sâu và kỹ năng cần thiết để có thể chuyển đổi, thích nghi, đáp ứng xu thế của thời đại mới, đồng thời có sự cảm thụ mạnh mẽ về giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa, từ đó tự tin vận dụng tri thức, trí tuệ vào đời sống xã hội [H15.15.05.02].

Để cải tiến chất lượng và đảm bảo cung cấp cho người học những kiến thức mang tính thời sự, chương trình đào tạo được định kỳ cập nhật, chỉnh sửa ít nhất 2 năm một lần và đa dạng hóa các học phần tự chọn [H15.15.05.03]. Nhiều học phần được triển khai giảng dạy dưới hình thức thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thảo luận, thực hành mang đến sự khác biệt và tạo hưng phấn cho người học [H15.15.05.04]. Bên cạnh đó, trường cũng không ngừng đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập như wifi đến tận phòng học, máy chiếu, camera phục vụ giảng dạy trực tuyến kết hợp trực tiếp [H15.15.05.05]

Triết lý giáo dục của Trường luôn hướng đến lấy người học làm trọng tâm nên việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên được trường thực hiện thường xuyên ở nữa cuối mỗi học kỳ, đối với sinh viên đã tốt nghiệp [H15.15.05.06].

**Mức đánh giá tiêu chí: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:**

### 1. Tóm tắt điểm mạnh:

- Trường đã tạo dựng được nguồn lực chất lượng, bền vững đảm bảo thực hiện và duy trì triết lý giáo dục đã đề ra.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, hiện đại hóa và đa dạng các hệ thống hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập.

- Luôn chủ động trong triển khai thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập.

- Trường triển khai nhiều hệ thống phần mềm tốt hỗ trợ cho công tác giảng dạy, học tập, quản lý và chia sẽ học liệu, quản kết quả học tập của người học.

- Tổ chức đầy đủ các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ giám sát và đánh giá hoạt động giảng dạy, học tập.

- Triển khai việc giám sát, đánh giá hoạt động giảng dạy, học tập được các đơn vị chuyên trách thực hiện thường xuyên.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Là một trường đa ngành, đa lĩnh vực nên để triển khai đồng bộ các lĩnh vực cùng một lúc là thách thức lớn đối với nhà trường.

- Việc tuyển dụng giảng viên các năm gần đây còn rất hạn chế, đặc biệt là tiến sĩ đúng ngành còn thiếu do lực lượng tiến sĩ trong nước số lượng còn hạn chế, trong khi chưa thu hút được nhiều tiến sĩ từ nước ngoài.

- Khoa học công nghệ phát triển rất nhanh, tác động sâu rộng lên đời sống kinh tế, xã hội trong nước và thế giới nên triết lý giáo dục của Trường cũng phải luôn có những thay đổi để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/các nhân thực hiện** | **Thời gian bắt đầu thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1: Triển khai đồng bộ các hoạt động trong các lĩnh vực một cách chuyên nghiệp | Tùy từng giai đoạn phát triển, trường chọn những lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn để đầu tư trọng điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. | Trường, khoa, Phòng, giảng viên | Hàng năm |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2: Tuyển dụng giảng viên. | Có chế độ hỗ trợ học tập nâng cao trình độ đối với giảng viên trẻ mới tuyển dụng. | Nhà trường, phòng Hành chính tổ chức, khoa. | Từ năm 2022 |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh: Hiện đại hóa, số hóa các hoạt động đào tạo | Đẩy mạnh số hóa, ứng dụng công nghệ và hiện đại hóa các hệ thống hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập. Triển khai học liệu điện tử 100% cho các học phần giảng dạy trực tuyến, nâng cấp hệ thống mạng và Data Center | BGH, TT công nghệ thông tin – thư viện, khoa, bộ môn, GV | Thường xuyên |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 15*** | ***4,8*** |
| Tiêu chí 15.1 | 5 |
| Tiêu chí 15.2 | 5 |
| Tiêu chí 15.3 | 5 |
| Tiêu chí 15.4 | 5 |
| Tiêu chí 15.5 | 4 |

## Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

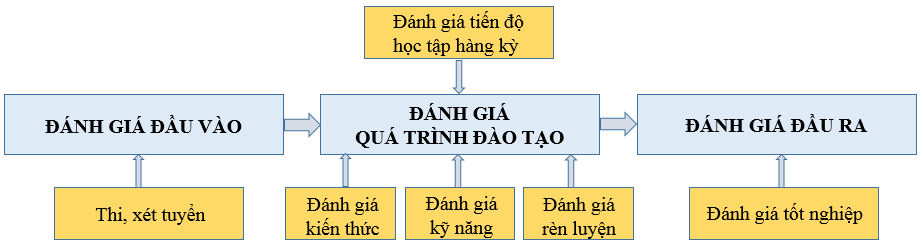
### Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Đánh giá người học là hoạt động tất yếu nhằm xác định hiệu quả giáo dục, đào tạo và là cơ sở quan trọng để xây dựng các giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo. Vì vậy, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTCN) đã tập trung chỉ đạo và thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng, toàn diện, xuyên suốt trong quá trình học tập, đồng thời có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời nhằm phát triển bản thân và phát triển nghề nghiệp.

Để thiết lập hệ thống lập kế hoạch đánh giá người học, Trường đã ban hành quy định số 301/QĐ-ĐHKTCN về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường [H16.16.01.01], trong đó phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục (KT&ĐBCLGD) là đơn vị chuyên trách thực hiện việc tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng ban hành các quy định cụ thể về công tác thi và kiểm tra; về chiến lược đổi mới công tác thi, kiểm tra; chỉ đạo và giám sát các Khoa thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định về công tác thi và kiểm tra; quản lý ngân hàng đề thi; bốc thăm và nhân sao đề thi và giao đề thi; quản lý ngân hàng câu hỏi và phối hợp với các Khoa tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính [H16.16.01.02]. Cùng với bộ phận chuyên trách, các tổ chức, đơn vị tham gia và phối hợp trong công tác thiết lập hệ thống lập kế hoạch đánh giá người học gồm Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, các Khoa/Trung tâm đào tào/Bộ môn trực thuộc Trường, phòng Đào tạo, phòng Công tác Học sinh - Sinh viên (CTHSSV), và phòng Thanh Tra - Pháp chế.

Công tác đánh giá người học của Nhà trường được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) và các văn bản pháp luật hiện hành như Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT [H16.16.01.03], Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của ĐHTN [H16.16.01.04], Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHKTCN (năm 2018, 2021) [H16.16.01.05], đặc biệt là Quy định về công tác thi, kiểm tra và đánh giá học phần các hệ đào tạo đại học chính quy, chính quy liên thông (năm 2018, 2021) của trường ĐH KTCN [H16.16.01.06], trong đó xác định rõ nội dung, kế hoạch đánh giá, quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi, đáp án; tổ chức chấm thi, khiếu nại kết quả học tập; quản lý đề thi, đáp án, điểm thi và bài thi; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; trách nhiệm của các cá nhân liên quan và chế độ báo cáo, lưu trữ hoạt động đánh giá người học. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tác động của dịch covid 19, Trường cũng đã đưa ra Quy định thạm thời (ban hành theo Quyết định số 2892/QĐ-ĐHKTCN) về công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến [H16.16.01.07]. Trong đó quy định rõ về chuẩn bị kỳ thi, tổ chức thi, chấm thi, công bố điểm học phần, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân liên quan nhằm đạt được mục đích vừa đảm bảo tính công bằng, chính xác, khách quan, thống nhất và linh hoạt trong công tác đánh giá người học, vừa đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh theo tình hình thực tế, từ đó góp phần đảm bảo kế hoạch, chất lượng đào tạo chung của Nhà trường và quy định của Bộ GD&ĐT.

Hoạt động đánh giá người học được Nhà trường chỉ đạo tổ chức thực hiện xuyên suốt trong quá trình đào tạo từ đánh giá tuyển sinh đầu vào, đánh giá học phần, và đánh giá kết thúc khoá đào tạo.



*(1) Đánh giá tuyển sinh đầu vào*

Việc đánh giá tuyển sinh đầu vào đối với các trình độ đại học (đại học chính quy, liên thông đại học chính quy, đại học thứ hai) và sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H16.16.01.08]. Hàng năm, nhà trường đều ban hành và công bố Đề án tuyển sinh [H16.16.01.09] phù hợp với từng trình độ đào tạo, trong đó quy định rõ ngành, chỉ tiêu, phương thức xét tuyển, điều kiện tham dự xét tuyển, điểm xét tuyển, quy định về hồ sơ, thời gian đăng ký, hình thức đăng ký và thời gian công bố kết quả tuyển sinh trên các phương tiện thông tin như văn bản, cổng thông tin của Bộ GD&ĐT, trên website của Trường, Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông và các Khoa chuyên môn.

*(2) Đánh giá quá trình đào tạo*

Đánh giá quá trình đào tạo dược thực hiện thông qua đánh giá kiến thức (đánh giá học phần), đánh giá kỹ năng (đánh giá về ngoại ngữ, tin học) và đánh giá rèn luyện (mức độ tự chủ và trách nhiệm).

*- Đánh giá học phần:* Việc đánh giá học phần được xác định thông qua điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 60%), dưới sự chịu trách nhiệm của giảng viên giảng dạy học phần và bộ môn/ khoa quản lý chuyên môn. Căn cứ vào đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần đã được phê duyệt [H16.16.01.10], giảng viên giảng dạy công bố và hướng dẫn chi tiết kế hoạch đánh giá học phần ngay trong tiết học đầu tiên của học phần và đồng thời cung cấp gián tiếp trên trang Elearning, Google classroom của lớp học phần giúp người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập nhằm đảm bảo được chuẩn đầu ra của học phần. Để lựa chọn các loại hình đánh giá người học, căn cứ vào bản mô tả chương trình, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra các CTĐT [H16.16.01.11], đề cương chi tiết (ĐCCT) của từng học phần [H16.16.01.10] xác định rõ các điểm bộ phận (bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, điểm thực hành, thí nghiệm, điểm chuyên cần, điểm bài tập hoặc nhiệm vụ về nhà, điểm tiểu luận, điểm hướng dẫn đồ án, thực tập… ) và điểm thi kết thúc học phần (bao gồm điểm tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp đối với học phần lý thuyết; điểm thuyết trình đối với đồ án môn học, khoá luận, đồ án tốt nghiệp; điểm thực hành đối với học phần thực hành và điểm báo cáo đối với học phần thí nghiệm, thực tập). Điểm đánh giá học phần vừa phải đảm bảo tính đặc thù của học, vừa phải đảm bảo đánh giá toàn diện về cả ba mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Bên cạnh đó, ĐCCT học phần cũng quy định rõ chuẩn đầu ra cần đạt, kế hoạch về thời gian, nội dung, hình thức, tỷ trọng đánh giá và rubrics đánh giá kết quả học tập (cấp độ, trình độ năng lực, tiêu chí đánh giá,…). Khi có sự đồng ý của Hiệu trưởng thì bộ môn và giảng viên mới được thay đổi hình thức thi kết thúc học phần. Ngân hàng câu hỏi thi học phần [H16.16.01.12], ngân hàng đề thi, đáp án, [H16.16.01.13] được thực hiện theo các mẫu biểu quy định, đảm bảo tối thiểu 20 câu/ 1 tín chỉ đối với hình thức thi tự luận, vấn đáp; tối thiểu 60 câu hỏi/ 1 tín chỉ đối với hình thức thi trắc nghiệm và được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật hàng kỳ. Đề thi được tổ hợp từ ngân hàng đề thi đảm bảo độ chính xác, đo lường được năng lực của người học so với chuẩn đầu ra và số mã đề thi được sử dụng tối thiểu là 04 mã đề, đáp án/ ca thi khi thi tự luận, bằng ½ số lượng thí sinh của 01 phòng thi/ ca thi khi thi vấn đáp và 10 mã đề, đáp án/ ca thi khi thi trắc nghiệm. Khi tổ chức thi, có ít nhất 02 cán bộ coi thi/ 1 phòng thi đối với hình thức thi tự luận hoặc trắc nghiệm trên giấy và có ít nhất 03 cán bộ/ phòng thi (02 cán bộ hỏi thi và 01 cán bộ tổ chức thi) đối với hình thức thi vấn đáp và đồ án môn học.

Khi chấm thi, hai cán bộ chấm thi chấm trực tiếp trên bài thi đối với hình thức thi tự luận; hai cán bộ chấm thi thực hiện độc lập trên một bàn hỏi thi đối với hình thức thi vấn đáp; hoặc máy tính tự động chấm điểm khách quan đối với hình thức thi trắc nghiệm; hoặc cán bộ hướng dẫn chấm báo cáo theo nội dung thực hành, thí nghiệm.

Việc công bố kết quả đánh giá người học được thực hiện trực tiếp trên lớp, tại phòng thi (điểm thi vấn đáp, bảo vệ đồ án), trên Elearning, Google classroom (điểm quá trình), và trong tài khoản trực tuyến của người học qua phần mềm Edusoft (điểm học phần). Từ tháng 5/2022, nhà trường đã nâng cấp phần mềm Edusoft lên phiên bản Edusoft.Net với cổng thông tin nội bộ (địa chỉ portal.tnut.edu.vn) đã giúp cho quá trình đào tạo nói chung và hoạt động đánh giá người học được triển khai thuận lợi và hiệu quả hơn [H16.16.01.14].

*- Đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học:* Nhà trường đã ban hành các quy định về chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy (năm 2018), quy định xét, công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ, thưởng điểm và miễn các học phần Tiếng anh của trường ĐHKTCN (2019) và Quy định số 337/QĐ-ĐHKTCN về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy (năm 2021), trong đó quy định rõ chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ, miễn học và thưởng điểm các học phần ngoại ngữ, tổ chức đào tạo, tổ chức đánh giá năng lực, bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc [H16.16.01.15].

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ là một trong những điều kiện được dùng để xét tốt nghiệp. Sinh viên được xem là đạt chuẩn ngoại ngữ phải đảm bảo tích luỹ đủ các học phần ngoại ngữ trong CTĐT của ngành học và phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn. Chuẩn ngoại ngữ được quy định phù hợp với từng đối tượng sinh viên. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, chuẩn ngoại ngữ phải đạt là chứng chỉ đạt Bậc 5 (C1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ khác tương đương và chứng chỉ tiếng Trung bậc 3 (HSK3) hoặc các chứng chỉ khác tương đương; Đối với sinh viên không chuyên ngữ, chuẩn đầu ra ngoại ngữ phải đạt được quy định riêng cho các năm tuyển sinh 2013, 2014 đến 2016 và từ năm 2017 tương ứng là chứng chỉ ngoại ngữ Toefl-ITP từ 420 điểm, từ 430 điểm và Bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương theo quy định. Khoa Quốc tế, bộ môn Ngoại ngữ chịu trách nhiệm đánh giá, rà soát CTĐT và giảng dạy các học phần ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra. Phòng Đào tạo tổ chức thi đánh giá và cấp chứng nhận năng lực tiếng Anh Bậc 2 (A2) hoặc Bậc 3 (B1) cho sinh viên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy chế, quy định thi hiện hành.

Để đảm bảo năng lực tin học theo quy định của Bộ GD&ĐT, SV phải đảm bảo học và hoàn thành chuẩn đầu ra của học phần Tin học trong kỹ thuật và hoạt động đánh giá được thực hiện theo quy định của đánh giá học phần.

*- Đánh giá rèn luyện:* Để góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, kỹ,…; làm định hướng nội dung rèn luyện của sinh viên trong hệ thống đào tạo theo hình thức tín chỉ; làm căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, các loại học bổng hàng năm của trường, ưu tiên trong xét tiến độ học tập, và làm căn cứ để phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên hàng kỳ và toàn khoá, Trường đã ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học chính quy, trong đó nêu rõ việc đánh giá kết quả rèn luyện, khung điểm/ biểu mẫu, cách phân loại kết quả, quy trình đánh giá, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của người học phản ánh các mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của người học thông qua ý thức và kết quả học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường; Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng; ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện. Điểm rèn luyện được đánh giá theo thang điểm 100 và chia thành các loại: xuất sắc (90-100 điểm), tốt (80-dưới 90 điểm), khá (65-dưới 80 điểm), trung bình (50-dưới 65 điểm), yếu (35-dưới 50 điểm) và kém (dưới 35 điểm). Quá trình đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện từ hoạt động tự đánh giá của người học, đến đánh giá của lớp sinh viên có sự thông qua của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, đến Hội đồng cấp Khoa và Hội đồng cấp Trường. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 20 ngày trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định chính thức [H16.16.01.16]. Có thể thấy rằng, việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học của nhà trường được thực hiện thường xuyên từng kỳ, năm học, khoá học và đảm bảo tính chính xác, công bằng, toàn diện, công khai và dân chủ.

Căn cứ vào kết quả đánh giá kiến thức, đánh giá kỹ năng, đánh giá rèn luyện, hàng kỳ Nhà trường đều thực hiện đánh giá tiến độ học tập của sinh viên theo quy chế đào tạo [H16.16.01.17]. Kết quả này được gửi đến sinh viên, khoa chuyên môn và phụ huynh sinh viên để làm cơ sở cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cũng như phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình SV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

*(3) Đánh giá đầu ra:*  Đánh giá đầu ra đối với người học được thực hiện thông qua đánh giá Thực tập tốt nghiệp và Đồ án hoặc Khoá luận tốt nghiệp (gọi chung là Đồ án tốt nghiệp) và đánh giá toàn khoá học.

- *Đánh giá thực tập tốt nghiệp:* Thực tập tốt nghiệp cuối khoá chỉ được thực hiện khi sinh viên hoàn thành tất cả các học phần trong CTĐT (trừ học phần Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp) và phải đạt điểm trung bình chung tích luỹ lớn hơn hoặc bằng 1.9. Hoạt động thực tập được triển khai trực tiếp tại doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, tạo điều kiện cho người học được vận dụng, kiểm chứng kiến thức đã học; tiếp cận các yếu tố kỹ thuật mà trong quá trình giảng dạy học phần giảng viên chưa có điều kiện thời gian để trao đổi; được tìm hiểu, trải nghiệm, phân tích, đánh giá các vấn đề thực tế về kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, quản lý, điều hành sản xuất dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn thực tập. Kết thúc quá trình thực tập, người học thực hiện nhiệm vụ hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ của cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn thực tập. Thực tập tốt nghiệp là điều kiện cần để người học có thể được thực hiện Đồ án tốt nghiệp và hoàn thành khoá học [H16.16.01.05].

- *Đánh giá Đồ án tốt nghiệp:* Học phần Đồ án tốt nghiệp được thực hiện sau khi sinh viên đã tích luỹ đủ tất cả các học phần trong CTĐT. Sinh viên có thể đăng ký đề tài để giảng viên phê duyệt hoặc được giảng viên hướng dẫn giao đề tài và thực hiện đề tài trong thời gian 8 tuần. Để tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều thời gian tìm hiểu thực tiễn gắn với nội dung đề tài tốt nghiệp, khoa và bộ môn có thể chủ động giao đề tài tốt nghiệp cho sinh viên trong thời gian thực tập tốt nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt sinh viên có thể học các học phần thay thế đồ án tốt nghiệp. Các học phần thay thế này được quy định trong CTĐT. Việc đánh giá Đồ án tốt nghiệp được thực hiện thông qua kết quả bảo vệ trước Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp (bao gồm Chủ tịch, Thư ký, Uỷ viên hội đồng) do Hiệu trưởng quyết định dựa trên đề nghị của trưởng khoa chuyên môn hoặc thông qua điểm chấm thuyết minh của tối thiểu 02 giảng viên. Điểm kết luận của đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của các thành viên hội đồng hoặc điểm chung bình chung của tối thiểu 02 giảng viên chấm thuyết minh. Điểm kết luận của đồ án tốt nghiệp được công bố công khai ngay sau khi hội đồng kết thúc hoặc chậm nhất 05 ngày làm việc đối với hình thức chấm thuyết minh.

*- Đánh giá toàn khoá học:* Để được công nhận tốt nghiệp, ngoài các điều kiện về đạo đức, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh, các học phần Giáo dục thể chất và một số điều kiện khác, sinh viên phải tích luỹ đủ 100% số tín chỉ của CTĐT trong thời gian đào tạo cho phép và điểm trung bình tích luỹ toàn khoá phải đạt từ 2.0 trở lên. Trong thời gian xét tốt nghiệp, Nhà trường thường xuyên cập nhật dữ liệu xét tốt nghiệp trên website để sinh viên theo dõi và kịp thời phản hồi thông qua phòng Đào tạo hoặc khoa quản lý sinh viên. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên trên cơ sở dữ liệu đăng ký xét tốt nghiệp của sinh viên, các điều kiện xét tốt nghiệp và kết quả xét của Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường được tổ chức theo quy định [bs hội đồng]. Sinh viên được xếp loại tốt nghiệp tương ứng theo điểm trung bình tích luỹ: Loại Xuất sắc (3,6-4,0 điểm), loại Giỏi (3,2-3,59 điểm), loại Khá (2,5-3,19 điểm), loại Trung bình khá (2,3-2,49 điểm) và loại Trung bình (2,0-2,29 điểm). Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, Nhà trường sẽ cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên [H16.16.01.05].

Công tác đánh giá giá người học trong suốt quá trình đào tạo được thực hiện bởi các Khoa/ Bộ môn/ Trung tâm đào tạo với sự phối hợp của phòng KT&ĐBCLGD, phòng Đào tạo và hoạt động thanh tra, giám sát nghiêm túc của phòng Thanh tra - Pháp chế của Nhà trường. Hàng kỳ, Nhà trường thành lập Hội đồng thi kết thúc học phần cấp trường [H16.16.01.18] để chỉ đạo công tác thi học kỳ của Nhà trường và Khoa chuyên môn thành lập Hội đồng thi học kỳ cấp khoa [H16.16.01.19] để triển khai thực hiện công tác thi và công tác báo cáo về kỳ thi đối với học phần phụ trách. Đồng thời, Nhà trường cũng ra quyết định thanh tra, kiểm tra thi kết thúc học phần theo học kỳ và năm học [H16.16.01.20] và ban hành kết luận về kết quả thanh tra, kiểm tra công tác đánh giá kết quả học tập [H16.16.01.21] để các đơn vị chuyên môn và đơn vị liên quan nắm bắt, giải trình hoặc rút kinh nghiệm. Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch khảo thí năm học. Trên cơ sở báo cáo tổng kết công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục (2018-2021) [H16.16.01.22], kết quả đánh giá người học, kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H16.16.01.23], các đơn vị đào tạo triển khai đánh giá mức độ phù hợp của loại hình, tiêu chí, phương thức tổ chức, nội dung đánh giá người học làm cơ sở điều chỉnh loại hình đánh giá phù hợp với người học và góp phần nâng cao hiệu quả quá trình đào tạo.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được của chuẩn đầu ra.

Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng và ban hành đều tuân thủ theo Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành khung CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H16.16.02.01] và Quyết định ban hành Hướng dẫn phát triển CTĐT trình độ đại học (quy trình xây dựng CTĐT và quy trình xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR)) của trường ĐH KTCN [H16.16.02.02]. CĐR gồm 4 cấp độ: Cấp trường, cấp chương trình, cấp học phần và cấp bài học. Căn cứ vào CĐR cấp trường, mỗi CTĐT của trường ĐH KTCN đều xây dựng các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ, đồng thời xây dựng ma trận tương quan thể hiện sự đóng góp của học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT [H16.16.02.03]. Căn cứ vào CĐR của CTĐT, căn cứ vào Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá học phần các hệ đào tạo đại học chính quy, liên thông (năm 2018, 2021) [H16.16.02.04], căn cứ vào QT.06-KT&ĐBCLGD - quy trình xây dựng, quản lý ngân hàng câu hỏi thi và đáp án [H16.16.02.05] và QT.07-KT&ĐBCLGD - Quy trình thi kết thúc học phần [H16.16.02.06], các Khoa/Bộ môn/Trung tâm đào tạo xây dựng CĐR của học phần, của bài học và xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để người học đạt được CĐR của bài học, học phần và của CTĐT [H16.16.02.07].

- *Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành/ thí nghiệm*: Tuỳ theo tính chất của học phần, điểm đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm kiểm tra quá trình, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần, điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà, điểm thực hành, điểm thí nghiệm, điểm tiểu luận) và điểm thi kết thúc học phần. trong đó, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và chiếm 60% trọng số điểm học phần. Điểm đánh giá bộ phận của mỗi học phần bao gồm tối thiểu 02 bài kiểm tra quá trình.

- *Đối với học phần tiểu luận và đồ án môn học:* Điểm học phần là điểm đánh giá báo cáo tiểu luận, đồ án môn học.

- *Đối với học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập:* Điểm học phần là điểm đánh giá báo cáo thí nghiệm, bài tập thực hành, thực tập.

Điểm đánh giá của các học phần trong Nhà trường hiện nay đều được xây dựng bao gồm điểm đánh giá bộ phận (40%) và điểm thi kết thúc học phần (60%). Điểm đạt tối thiểu để đáp ứng CĐR của học phần là điểm D (đạt từ 4,0 - 4,9 theo thang điểm 10) [H16.16.02.08].

Trong từng học phần, các hoạt động đánh giá người học cũng được thiết kế phù hợp với việc đạt được của chuẩn đầu ra.

- *Đối với CĐR kiến thức*: CĐR của các CTĐT đều quy định người học phải đảm bảo có kiến thức lý thuyết chuyên ngành sâu, rộng, tiên tiến; kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức liên ngành liên quan; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức công việc, kiến thức về quản lý, điều hành công việc [H16.16.02.03]. Trên cơ sở đó các ĐCCT xác định các CĐR kiến thức của học phần đáp ứng CĐR kiến thức của CTĐT với các mức trình độ năng lực gồm: Cơ bản (nhớ), Đạt yêu cầu (hiểu, áp dụng), Thành thạo (phân tích, tổng hợp) và Xuất sắc (đánh giá) thông qua rubrics đánh giá [H16.16.02.04]. Bộ ngân hàng câu hỏi thi của các học phần đều được xây dựng gồm các nhóm câu hỏi, bài tập ở các mức độ khác nhau gồm: nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, sáng tạo [H16.16.02.05]. GV có thể sử dụng độc lập hoặc tích hợp các phương pháp đánh giá gồm tự luận (kiểm tra ngắn trên lớp, tiểu luận, bài tập), vấn đáp, trắc nghiệm để đánh giá mức độ đạt được CĐR kiến thức của người học. Việc tổ hợp đề thi luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Nhà trường và đo lường đúng mức độ năng lực của người học [H16.16.02.06].

- *Đối với CĐR kỹ năng*: Các CTĐT quy định CĐR kỹ năng người học cần đạt bao gồm: phân tích, tổng hợp, giải quyết các vấn đề nghề nghiệp; kiểm tra, thực nghiệm các vấn đề kỹ thuật chuyên ngành, thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn; tư duy hệ thống; học tập suốt đời; thích ứng và làm việc trong các tổ chức công nghiệp; làm việc nhóm, và giao tiếp. Các kỹ năng chuyên môn của SV được rèn luyện thông qua quá trình học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, đặc biệt là qua các học phần đồ án môn học, thực hành, thực tập xưởng, thực tập tốt nghiệp, và đồ án tốt nghiệp. Bên cạnh đó, việc rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp theo CĐR CTĐT còn được thực hiện thông qua các học phần Trải nghiệm doanh nghiệp, Chuyên đề thực tế, Giao tiếp kỹ thuật, Kỹ năng mềm, Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật, Quản lý dự án của người kỹ sư,… Thang trình độ kỹ năng được quy định gồm 5 mức tương ứng là bắt chước, tự hoàn thành, lặp lại kỹ năng một cách chính xác, kết hợp nhiều kỹ năng, hoàn thành một hay nhiều kỹ năng một cách dễ dàng, thuần thục [H16.16.02.03]. Tuỳ theo tính chất học phần, GV sử dụng tích hợp các phương pháp đánh giá trong kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần gồm bài kiểm tra trên lớp, bài thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi thực hành, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài thảo luận, bài thuyết trình, bài báo cáo thực tập, thí nghiệm,… để đánh giá chính xác mức đạt được CĐR kỹ năng của SV [H16.16.02.04].

- *Đối với CĐR thái độ*: Tinh thần, ý thức, thái độ học tập của SV được đánh giá thông qua kết quả điểm danh thường xuyên và mức độ thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. Kết quả này được dùng làm cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của người học, ngoài ra kết quả điểm danh còn được dùng làm tiêu chuẩn để SV được xem xét tham dự kỳ thi kết thúc học phần (SV cần tham gia tối thiểu 80% số giờ học). Ngoài ra, những SV không trung thực, không nghiêm túc trong các kỳ thi (trao đổi bài, chép bài, sử dụng tài liệu, gây gổ, đe doạ cán bộ hoặc thí sinh khác,…) đều bị xử lý nghiêm theo quy định của nhà trường [H16.16.02.07].

Nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức, thời gian, thang điểm đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được công bố công khai từ đầu khoá học hoặc đầu kỳ học [H16.16.02.04].

Việc đánh giá mức độ đạt CĐR của khoá học được căn cứ vào các tiêu chí: (1) Hoàn thành 100% các học phần trong CTĐT và điểm trung bình tích luỹ đạt tối thiểu 2.0 (thang điểm 4), (2) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, (3) Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh, (4) Đạt điểm rèn luyện toàn khoá và (5) Hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Việc lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp và kết quả đánh giá người học đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của hoạt động đánh giá, vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, thường xuyên hoạt động rà soát về quy chế đào tạo, quy chế thi, phần mềm quản lý thi, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi, đáp án ngân hàng đề thi, việc sử dụng phương pháp, hình thức thi, việc thực hiện quy trình thi và các công tác liên quan.

Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy chế đào tạo (Quyết định số 419 năm 2017, số 460 năm 2018, số 2023 năm 2021); rà soát, điều chỉnh Quy chế thi (Số 149 năm 2018, Số 984 năm 2021 và số 2892 năm 2021) và các biểu mẫu đính kèm; rà soát, điều chỉnh phần mềm quản lý đào tạo Edusoft (phiên bản Edusoft được nâng cấp thành Edusoft.net năm 2022); và xây dựng phần mềm Portal (http://portal.tnut.edu.vn) để hỗ trợ quản lý quá trình đào tạo nói chung và quản lý quá trình đánh giá người học nói riêng [H16.16.03.01].

Các phương pháp đánh giá được bộ môn chuyên môn và GV thực hiện rà soát hàng năm thông qua quá trình rà soát đề cương chi tiết học phần [H16.16.03.02]. Các điều chỉnh đột xuất về phương pháp đánh giá phải được thông qua Hiệu trưởng trước khi triển khai thực hiện [H16.16.03.03]. Hàng kỳ, phòng KT&ĐBCLGD đều triển khai và kiểm tra công tác rà soát ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi, đáp án ngân hàng đề thi, phương thức tổ hợp đề thi để đảm bảo độ chính xác, công bằng, tin cậy và hướng tới CĐR của từng đơn vị chuyên môn [H16.16.03.04]. Tất cả các đề thi sau khi được tổ hợp cùng đáp án phải được Tổ trưởng bộ môn rà soát về nội dung, thời lượng, hình thức thi, thể thức theo quy định và ký duyệt; được phòng KT&ĐBCLGD thông qua mới được nhân sao để tổ chức thi.

Bên cạnh đó, để đảm bảo độ chính xác, công bằng và độ tin cậy về kết quả đánh giá người học, khi tổ chức thi tự luận, mỗi phòng thi đều có ít nhất hai cán bộ coi thi, mỗi bài thi có hai cán bộ chấm thi chấm độc lập; khi tổ chức thi vấn đáp có ít nhất ba cán bộ trong đó có ít nhất một cán bộ coi thi và hai cán bộ chấm thi [quy chế thi]. Đề thi, đáp án, điểm bộ phận của từng học phần được công khai chậm nhất 1 tuần sau khi kiểm tra, tổng điểm bộ phận được công bộ chậm nhất vào tuần cuối của học kỳ trên trên Elearning hoặc Classroom; điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần được công bố khai trên Edusoft và tài khoản Portal cá nhân của SV [H16.16.03.06] để SV theo dõi, quản lý quá trình học tập của bản thân, đồng thời kịp thời phát hiện sai sót để đề xuất GV, Bộ môn, Khoa và Nhà trường rà soát, điều chỉnh.

Nhà trường tuân thủ nghiêm túc các quy định về chấm phúc khảo và khiếu nại điểm. Để phúc khảo, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm, SV phải nộp đơn phúc khảo cho văn phòng khoa. Trong vòng 03 ngày, lãnh đạo bộ môn phân công 02 cán bộ chấm phúc khảo/01 học phần. GV tập sự và cán bộ chấm thi lần 1 không được tham gia chấm phúc khảo. Nếu kết quả chấm của hai cán bộ chấm phúc khảo có sự chênh lệch thì phân công cán bộ thứ ba chấm trực tiếp vào bài làm của thí sinh bằng màu mực khác. Bài thi có điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm lần 1 (đã công bố) từ 0,5 điểm trở lên thì được điều chỉnh điểm, nếu lệch từ 01 điểm trở lên thì phải tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cán bộ chấm thi lần 1 và cán bộ chấm phúc khảo. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý điểm, SV có trách nhiệm thông báo và đề nghị khoa chuyên môn, phòng Đào tạo kiểm tra lại và trả lời cho SV về kết quả kiểm tra. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc tra, phúc khảo, các khoa phải trả lời và công bố kết quả phúc tra, phúc khảo cho SV, đồng thời phải báo cáo giải trình, được BGH phê duyệt và phối hợp với các đơn vị liên quan bổ sung, cập nhật điểm cho SV [H16.16.03.01].

Hàng kỳ, Nhà trường đều thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra công tác thi kết thúc học phần [H16.16.03.07] và gửi kết luận thanh tra đến các đơn vị chuyên môn làm cơ sở đánh giá, rà soát, và điều chỉnh. Như vậy, bên cạnh việc rà soát công tác đánh giá người học của Khoa/ Bộ môn, phòng KT&ĐBCLGD thì Đoàn thanh tra, kiểm tra là một kênh giám sát độc lập đảm bảo cho công tác tổ chức thi, tổ chức chấm thi và công bố kết quả thi tin cậy và công bằng.

Hàng kỳ, Nhà trường thực hiện tổ chức khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về quá trình đào tạo nói chung và công tác kiểm tra, đánh giá đối với học phần, CTĐT nói riêng [H16.16.03.08], bằng các công cụ hiện đại [H16.16.03.09] và thông qua kết quả thống kê công tác thanh tra, phúc tra, phúc khảo (việc thực hiện các quy định, quy chế thi, cách tiếp nhận đề nghị của người học, thống kê các trường hợp phúc tra, phúc khảo của từng kì, kết quả sau phúc tra, phúc khảo), báo cáo công tác khảo thí hàng năm [H16.16.03.10], các bộ môn, đơn vị đào tạo và Nhà trường đã định kỳ nghiên cứu, rà soát các phương pháp đánh giá đã sử dụng cũng như tính chính xác, tin cậy, công bằng của kết quả đánh giá và khả năng đáp ứng chuẩn đầu ra của người học.

### Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.

Công tác đánh giá là hoạt động thường xuyên, liên tục, là thành tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, hoạt động cải tiến các loại hình và các phương pháp đánh giá hướng tới đạt chuẩn đầu ra luôn được Trường chỉ đạo sát sao và các đơn vị đào tạo thực hiện nghiêm túc.

Hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo được Nhà trường định kỳ thực hiện 1-2 năm/ lần [H16.16.04.01] thể hiện sự cải tiến mạnh mẽ về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu không ngừng nâng cao của xã hội. Theo đó các đề cương chi tiết [H16.16.04.02], trong đó bao gồm các loại hình, phương pháp đánh giá điểm bộ phận, đánh giá kết thúc học phần và đánh giá quá trình đào tạo cũng liên tục được rà soát, điều chỉnh và cải tiến.

BGH đã quyết định thay đổi tỷ trọng phân bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần từ tỷ lệ 50/50 thành tỷ lệ 40/60 trong quy chế đào tạo; thay đổi điểm quá trình gồm 01 bài kiểm tra giữa kỳ thành tối thiểu 02 bài kiểm tra và 01 điểm bài tập hoặc nhiệm vụ tương đương nhằm tăng quyền kiểm soát của GV đối với quá trình học tập của SV và khuyến khích SC tích cực, chủ động trong cả quá trình học tập [H16.16.04.03].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về hoạt động đào tạo trong đó có khảo sát về loại hình hoặc phương pháp đánh giá người học, về độ khách quan, tin cậy, công bằng, phù hợp trong công tác kiểm tra, đánh giá học phần, hoặc chương trình đào tạo [H16.16.04.04]; kết quả thanh tra, kiểm tra của Đoàn thanh tra của Nhà trường [H16.16.04.05]; kết quả tổng kết công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng hàng năm [H16.16.04.06] đã giúp các đơn vị đào tạo trong trường rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động đánh giá kịp thời và hiệu quả.

Nội dung ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi được GV và các bộ môn chuyên môn cập nhật, bổ sung, cải tiến hàng kỳtối thiểu 20% [H16.16.04.07].

Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá học phần được các bộ môn thực hiện rà soát và đề xuất cải tiến để phù hợp người học, với nội dung và với chuẩn đầu ra học phần. Nhiều học phần sau thời gian thi tự luận đã được cải tiến thành thi vấn đáp. Số các học phần trong một CTĐT được tổ chức thi vấn đáp hiện nay đạt trên 60%.

Các phần mềm phục vụ quản lý quá trình đào tạo, quản lý điểm được Nhà trường cải tiến (Edusoft.net) và trang bị mới (Cổng thông tin nội bộ Portal) giúp việc quản lý quá trình đào tạo nói chung và hoạt động đánh giá người học được triển khai thuận lợi và hiệu quả hơn.

Để kịp thời đáp ứng mục tiêu kép, vừa đảm bảo phòng chống dịch covid19 vừa đảm bảo công tác đào tạo, Nhà trường đã kịp thời ra Quyết định số 2892/QĐ-ĐHKTCN Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần và các biểu mẫu tương ứng đính kèm. Theo đó, các hình thức thi tự luận, vấn đáp đã được cải tiến thành thi tự luận trực tuyến, thi vấn đáp trực tuyến thông qua không gian mạng và hệ thống các phần mềm như Microsoft Team, Google Meet, Zoom Meeting,… và được quản lý chung bởi ứng dụng quản lý đào tạo trực tuyến TMS của Nhà trường (địa chỉ http://tms.tnut.edu.vn). Mọi diễn biến của ca thi trực tuyến được ghi âm, ghi hình và lưu trữ trên hệ thống máy chủ của Nhà trường để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra [H16.16.04.08].

Các kết quả sai lệch điểm thi được phát hiện bởi Đoàn thanh tra, kiểm tra công tác thi của Nhà trường đều được điều chỉnh kịp thời lên phần mềm quản lý điểm Edussoft.

Để đạt CĐR, các loại hình và phương pháp đánh giá người học cũng thay đổi cho phù hợp, vì vậy quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu đính kèm có liên quan cũng được cải tiến. Nhà trường đã đưa thêm vào Quy trình thi online [H16.16.04.09]. Đặc biệt, hiện nay trong CTĐT các ngành đều có bổ sung các học phần trải nghiệm thực tế, Trải nghiệm doanh nghiệp, việc đánh giá học phần có sự tham gia của cán bộ quản lý nơi SV trực tiếp thực tập trải nghiệm nên các rubric đánh giá cũng được cải tiến phù hợp.

Việc cải tiến các phương thức đánh giá và phương pháp đánh giá hàng kỳ, hàng năm giúp công tác đánh giá đảm bảo độ chính xác, tin cậy, hướng tới đạt chuẩn đầu ra và do đó đã nhận được sự nhất trí cao của người học.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

### *1. Tóm tắt các điểm mạnh:*

- Trường đã xây dựng được hệ thống các quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng; đảm bảo tính cân đối, toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp; có quy định trách nhiệm cụ thể đối với các tổ chức (phòng KT&ĐBCL, phòng Đào tạo, phòng TT-PC, các Khoa/ Trung tâm/ Bộ môn) và các cá nhân, đồng thời đã thiết lập được các quy định lựa chọn, triển khai, tổng kết, điều chỉnh các loại hình đánh giá người học phù hợp trong suốt quá trình đào tạo.

- Trường đã triển khai thực hiện quy trình rõ ràng về đánh giá người học, hoạt động đánh giá được công khai đến các bên liên quan bằng thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện và công nghệ hiện đại. Các phương pháp đánh giá đã được áp dụng đảm bảo tính đa dạng và phù hợp với đặc thù học phần, loại kỳ thi cũng như phù hợp việc đạt được chuẩn đầu ra của người học.

- Trường đã chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai định kỳ và nghiêm túc trong việc rà soát các phương pháp đánh giá và tính chính xác, tin cậy, công bằng của các kết quả đánh giá để làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động đánh giá, hoạt động giảng dạy nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Nhà trường đã xây dựng các quy định cụ thể về phương thứ, và đã triển khai nghiêm túc việc thống kê, phân tích, đánh giá và cải tiến các loại hình, các phương pháp đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc thiết lập quy chế thi, kiểm tra, đánh giá được ban hành năm 2018 và năm 2021 chưa dự báo được sự ảnh hưởng của những yếu tố khách quan như dịch bệnh, thiên tai (dịch covid19) nên năm 2021 Trường phải ban hành bổ sung quy chế thi tạm thời, không có tính lâu dài.

- Các phương pháp đánh giá về chuẩn đầu ta thái độ, kỹ năng mềm người học đạt được trong các học phần lý thuyết chưa được thiết kế một cách đa dạng, phong phú và có thang điểm cụ thể.

- Các đơn vị chuyên môn chưa chú trọng đến việc đối sánh về phương pháp đánh giá được sử dụng trong việc đánh giá học phần hoặc chương trình đào tạo có tính tương đồng ở các đơn vị đào tạo khác trong nước và quốc tế.

- Việc phân tích phổ điểm của người học qua các năm học đối với học phần đã được đưa vào làm một cơ sở cho việc cải tiến nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR của học phần. Tuy nhiên, việc phân tích phổ điểm của cả chương trình đào tạo giữa các khoa đào tạo vẫn chưa được triển khai cụ thể và đồng bộ.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá cần được tính đến những điều kiện tác động tiêu cực khách quan trong tương lai để đảm bảo tính ổn định lâu dài hơn. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Phòng TT-PC  - Hội đồng KH&ĐT  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thực hiện hàng năm, khi kết thúc khoá học. |  |
|  |  | Thiết kế nhiều phương pháp để đánh giá mức độ chuẩn đầu ra về thái độ, kỹ năng mềm và xây dựng thang điểm cụ thể cho các chuẩn đầu ra này đối với các học phần lý thuyết. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |
|  |  | Thực hiện đối sánh về phương pháp đánh giá được sử dụng trong việc đánh giá học phần hoặc chương trình đào tạo có tính tương đồng ở các đơn vị đào tạo khác trong nước và quốc tế. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |
|  |  | Hàng năm triển khai phân tích phổ điểm đánh giá cả chương trình đào tạo của các khoá đào tạo. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa chuyên môn. | Thực hiện hàng năm, khi kết thúc khoá học. |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác thi và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình đào tạo. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Phòng TT-PC  - Hội đồng KH&ĐT  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |
|  |  | Tiếp tục triển khai các hoạt động đánh giá người học đảm bảo sự phù hợp với việc đạt được của chuẩn đầu ra đặc thù của các học phần và chương trình đào tạo. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |
|  |  | Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai định kỳ, nghiêm túc việc rà soát các phương pháp đánh giá và tính chính xác, tin cậy, công bằng của các kết quả đánh giá để làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động đánh giá, hoạt động giảng dạy nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |
|  |  | Tiếp tục triển khai thường xuyên, đồng bộ, hiệu quả hoạt động cải tiến các loại hình và phương pháp đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR. | - Phòng KT&ĐBCLGD  - Khoa/ Trung tâm đào tạo/ Bộ môn trực thuộc Trường. | Thường xuyên |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 16*** | ***5,0*** |
| Tiêu chí 16.1 | 5 |
| Tiêu chí 16.2 | 5 |
| Tiêu chí 16.3 | 5 |
| Tiêu chí 16.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

### Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp luôn hướng tới mục tiêu tạo dựng những điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng của Nhà trường hướng tới những giá trị cốt lõi đã được xác định trong chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp. Trong những hoạt động đó, công tác phục vụ và hỗ trợ người học cũng được quan tâm thực hiện bởi các cấp lãnh đạo và cán bộ viên chức trong trường. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học có thể được phân tách thành các nội dung như: hỗ trợ về học tập, nghiên cứu khóa học (NCKH); hỗ trợ về chế độ chính sách (tài chính); hỗ trợ về thủ tục hành chính; hỗ trợ việc làm; hỗ trợ về y tế (chăm sóc sức khỏe); hỗ trợ về các hoạt động ngoại khóa; các hoạt động khác v.v…

Công tác triển khai được thực hiện bởi nhiều đơn vị chức năng liên quan trong đó Phòng Công tác học sinh sinh viên có nhiệm vụ là đầu mối triển khai được thực hiện qua chức năng, nhiệm vụ được phân công, trực tiếp qua hoạt động của Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ sinh viên. Đặc biệt, đội ngũ Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập có vai trò rất quan trọng trong công tác này. Ngoài ra, là sự phối hợp của các đơn vị liên quan đến công tác này trong nhà trường. Xác định tầm quan trọng, nội dung và những đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác này, hàng năm Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học, cụ thể như sau:

Năm 2018, Nhà trường ban hành Quy định công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học chính quy tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H17.17.01.01] trong đó quy định rõ công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy bao gồm: nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên; khen thưởng và kỷ luật sinh viên; nội dung công tác sinh viên; hệ thống tổ chức quản lý công tác sinh viên và tổ chức thực hiện. Quy định được xây dựng và ban hành trên cơ sở “Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo trong Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, được đảm bảo tạo điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền trong quá trình học tập và rèn luyện tại nhà trường” [khoản 4, Điều 1]. Do đó, đây được xem là văn bản pháp quy của Nhà trường quy định đầy đủ từ nguồn nhân lực, vật lực, hệ thống tổ chức quản lý để thực hiện công tác HSSV trong nhà trường trong đó cốt lõi là công tác hỗ trợ, tư vấn người học cũng như hệ thống giám sát người học. Trên cơ sở quy định này, Nhà trường ban hành nhiều văn bản cụ thể quy định vừa là cơ sở cho việc triển khai các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học, đồng thời là căn cứ để hàng năm ban hành các kế hoạch triển khai công tác phục vụ, hỗ trợ người học tại Trường.

Quy định công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp được ban hành tại Quyết định số 207/QĐ-ĐHKTCN ngày 30/11/2018 [H17.17.01.02] và được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như hướng tới nâng cao chất lượng công tác này tại Quy định về công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập tại Trường ĐHKTCN ban hành kèm theo quyết định số 1080/QĐ-ĐHKTCN, ngày 29/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp. Với nội dung quy định về công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, việc thực hiện quy định này giúp nắm bắt tình hình người học trong suốt quá trình học tập tại Trường, tạo điều kiện cho người học thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong quá trình học tập theo các quy định hiện hành. Đồng thời, thực hiện quy định nhằm tăng cường công tác quản lý, tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình học tập; là cầu nối giữa Nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác người học v.v.. Đặc biệt, với đội ngũ cố vấn học tập có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn cho người học xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện, khả năng của cá nhân và mục tiêu, yêu cầu của môn học. Bên cạnh đó, cố vấn học tập còn hướng dẫn, tư vấn cho người học về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong học tập; báo cáo, trao đổi với lãnh đạo các cấp để có phương án kịp thời đối với những sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập, rèn luyện trong thời gian học tập tại Trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tập trung xây dựng hệ thống văn bản là những quy định để giúp người học từ việc nắm vững quy chế, quy định đến chủ động xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với bản thân. Bởi vậy, hệ thống các văn bản này có tính định hướng, hỗ trợ người học để đạt được mục tiêu học tập của mình một cách tốt nhất. Về định hướng trong rèn luyện, sinh hoạt có: Quy định quản lý Lưu học sinh học tập tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H17.17.01.03]; Quy định công tác quản lý sinh viên nội trú của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H17.17.01.04]; Quy định công tác quản lý sinh viên ngoại trú của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H17.17.01.05]. Định hướng về học tập, đạt chuẩn đầu ra cho sinh viên có: Quy chế đào tạo trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ khoá tuyển sinh 2021 trở về sau [H17.17.01.06]; Quy định về chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên đại học hệ chính quy [H17.17.01.07]. Với mục tiêu thúc đẩy sinh viên nỗ lực, đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, Nhà trường ban hành Quy định xét học bổng khuyến khích học tập [H17.17.01.08], [H17.17.01.09]; Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường ĐH KTCN [H17.17.01.10]. Đặc biệt, để nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ người học Nhà trường đã ban hành Đề án Nâng cao chất lượng giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập [H17.17.01.11] và các đề án nhằm hỗ trợ sinh viên trong đào tạo quá hạn [H17.17.01.13] và hỗ trợ hoạt động ngoại khóa [H17.17.01.12].

Về nguồn nhân lực cho công tác học sinh sinh viên nói chung và công tác hỗ trợ, phục vụ người học nói riêng, Nhà trường có 01 Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, phụ trách công tác HSSV; có 01 phòng chuyên trách – Phòng Công tác HSSV với đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, trách nhiệm trong công việc để thực hiện công việc được giao cho. Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ sinh viên được thành lập năm 2014, tiếp tục có nhiều đổi mới, cải tiến trong hoạt động để có nhiều đóng góp hơn trong công tác tư vấn, hỗ trợ người học. Ngoài ra là sự phối hợp thực hiện của các đơn vị liên quan và đội ngũ CNL, CVHT ở các đơn vị chuyên môn. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã ban hành quy định phân cấp quản lý người học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H17.17.01.14] để các tập thể, cá nhân nâng cao tính chủ động, quyền và trách nhiệm trong công tác và cũng là cơ sở để nhà trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác này.

Về hệ thống, Nhà trường sử dụng các phần mềm trong đào tạo, quản lý cũng có những tích cực trong việc hỗ trợ người học như: phần mềm quản lý người học Edusoft, phần mềm quản lý học trực tuyến E-learning, phần mềm quản lý sách E-book, v.v..

Trên cơ sở nguồn lực đó, công tác HSSV nói chung và công tác phục vụ hỗ trợ người học trong Nhà trường được quan tâm thực hiện. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có kế hoạch triển khai qua Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường trong đó xây dựng nội dung, nhiệm vụ trong tâm các mảng công tác triển khai trong năm tiếp theo [H17.17.01.15]; Báo cáo tổng kết công tác học sinh sinh viên Trường ĐHKTCN hàng năm [H17.17.01.16]; Báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm [H17.17.01.17]. Ngoài ra, kế hoạch công tác đầu mỗi năm của Phòng Công tác HSSV trong đó đã xác định những nội dung công tác trong đó có hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được thực hiện [H17.17.01.18] và Kế hoạch công tác của Đoàn thanh niên [H17.17.01.18]; kế hoạch hoạt động ngoại khóa hàng năm [H17.17.01.19] cũng được ban hành như một cơ sở để các đơn vị phới hợp thực hiện và cũng giúp người học có những định hướng sớm trong việc xây dựng kế hoạch rèn luyện, học tập của bản thân.

Nhìn chung, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường quan tâm trong công tác chỉ đạo, triển khai trên cơ sở quan điểm lấy người học làm trung tâm trong hoạt động giáo dục, đào tạo của Nhà trường. Do đó, kế hoạch về công tác phục vụ, hỗ trợ người học được xây dựng hàng năm và được thực hiện bởi phòng CTHSSV – đầu mối triển khai và một số đơn vị phối hợp thực hiện được quy định chặt chẽ trong Quy định về chức năng nhiệm vụ của đơn vị [H17.17.01.21].

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

### Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Công tác phục vụ và hỗ trợ người học được xác định là trách nhiệm của tất cả các đơn vị trong trường. Công tác này được triển khai trên cơ sở nguồn nhân lực, vật lực (*đã được nêu tại tiêu chí 17.1 tiêu chuẩn này*) khá đầy đủ của Nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Tuy nhiên, để người học được tư vấn và hỗ trợ tốt nhất, Nhà trường đã giao cho một số đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này, gồm phòng CT HSSV, Trung tâm dịch vụ, Đoàn thanh niên, Khoa, phòng Đào tạo, Phòng Quản trị - phục vụ, Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao tri thức, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng…. Đội ngũ trực tiếp tư vấn, hỗ trợ người học của trường là các giảng viên, trợ lý của các khoa [H17.17.02.01] và [H17.17.02.02]

Hàng năm, các hoạt động hỗ trợ người học được triển khai thông qua các hoạt động, cụ thể:

1. Hỗ trợ về học tập, NCKH: Trên cơ sở các văn bản quy định, hàng năm Nhà trường triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy chế về học tập, rèn luyện cho sinh viên qua các hoạt động tuyền truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đặc biệt qua nội dung của Tuần sinh hoạt công dân – HSSV đầu, giữa và cuối khóa [H17.17.02.01] và được thực hiện qua nội dung các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn – hội cho sinh viên dưới sự hướng dẫn của CNL – CVHT, cán bộ Đoàn – hội. Thực tế triển khai công tác hỗ trợ học tập cho sinh viên tại Trường Đại học Kỹ thuật được thực hiện qua các kênh chủ yếu đó là: hoạt động của Trung tâm Tư vấn – hỗ trợ sinh viên; đội ngũ CNL – CVHT; cán bộ làm công tác trợ lý sinh viên các Khoa; công tác của giáo viên giảng dạy các môn học và hệ thống các đơn vị chức năng liên quan trong Trường. Cụ thể như sau:

- Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-TH ngày 25/8/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp [H17.17.02.02] đến nay vẫn tiếp tục hoạt động với chức năng, nhiệm vụ được quy định trong đó có công tác tư vấn, hỗ trợ, trao đổi thông tin giữa sinh viên với các đơn vị liên quan để hỗ trợ cho sinh viên một cách kịp thời và hiệu quả về các hoạt động học tập, NCKH. Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Phòng CTHSSV bố trí 01 Phó trưởng phòng trực tiếp phụ trách hoạt động của Trung tâm, 01 đến 02 chuyên viên (tùy vào thời điểm trong năm học) thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm. Điều này chứng minh cho nhận thức đúng đắn của lãnh đạo Nhà trường về tầm quan trọng của công tác Tư vấn, hỗ trợ, phục vụ sinh viên tại Trường Đại học KTCN trong đó có hỗ trợ về học tập, NCKH của sinh viên. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được Trung tâm thực hiện thường xuyên bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm và hoạt động tư vấn, hỗ trợ online qua email của Phòng Công tác HSSV, qua hệ thống đăng ký trực tuyến (link Phòng CTHSSV) và qua hệ thống zalo, điện thoại. Với hình thức phong phú, đa dạng trong tiếp nhận thông tin, hoạt động của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học.

- Đội ngũ CNL - CVHT với quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể trong Quy định về công tác CNL-CVHT là một trong những thành tố quan trong nhất trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học tại Trường ĐH KTCN. Với những tiêu chuẩn được quy định cụ thể cho cán bộ làm công tác này cho thấy Nhà trường đặc biệt coi trọng nguồn lực phục vụ công tác cố vấn học tập cho sinh viên. Hàng năm, Nhà trường ban hành quyết định giao nhiệm vụ CNL-CVHT cho các cán bộ viên chức [H17.17.02.03], tương tự như vậy, với đội ngũ làm công tác trợ lý công tác HSSV các khoa cũng là nguồn lực quan trọng thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ người học trong học tập, NCKH và các hoạt động khác [H17.17.02.04]. Để triển khai công tác, trên cơ sở kế hoạch đào tạo của Nhà trường được ban hành đầu năm học, đội ngũ CNL – CVHT xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với vị trí công tác và đặc thù của các lớp sinh viên. Được xác định là những người gần gũi nhất đối với người học, đội ngũ cán bộ làm công tác CNL-CVHT cũng luôn lắng nghe để hiểu những tâm tư nguyện vọng của người học để có những hỗ trợ kịp thời với người học ở những nguyện vọng chính đáng. Đặc biệt, trong hỗ trợ học tập để các em có định hướng đúng đắn, có ý chí nghị lực trong học tập và rèn luyện để đạt được mục tiêu của bản thân.

- Giảng viên giảng dạy các môn học trong Nhà trường cũng là thành phần cốt cán trong công tác hỗ trợ người học. Ngoài việc thực hiện chức năng nhiệm vụ giảng dạy, trao chuyền kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cho sinh viên theo quy định về nhiệm vụ của giảng viên được đưa ra trong [H17.17.02.05], công tác tư vấn, hỗ trợ người học còn được các giảng viên thực hiện qua công tác giảng dạy, hỗ trợ miễn phí cho sinh viên trong các kỳ thi nhằm củng cố kiến thức, hỗ trợ phương pháp học tập để sinh viên đạt được kết quả cao trong học tập [H17.17.02.06].

- Hàng năm, Nhà trường cũng ban hành nhiều chính sách với sự tham vấn của các đơn vị liên quan vừa phù hợp với các quy định hiện hành vừa tạo điều kiện hỗ trợ tối đa cho người học trong học tập, NCKH bằng hệ thống các chính sách, quy định và thực tiễn các hoạt động được tổ chức như: tổ chức Cuộc thi sáng tạo sản phẩm cho sinh viên [H17.17.02.07]; Cuộc thi Robocon [H17.17.02.08]; Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp [H17.17.02.09]; Thi Olympic các môn khoa học [H17.17.02.10], v.v.. Các Cuộc thi được tổ chức vừa kích thích khả năng sáng tạo, NCKH cho sinh viên, tạo một sân chơi học thuật, vừa nhằm mang lại những kỹ năng thực hành để nâng cao khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cho sinh viên. Đây là những hoạt động được Nhà trường chú trọng đầu tư bởi tính thiết thực và hiệu quả của nó đặc biệt với mục tiêu hỗ trợ, nâng cao các kỹ năng cần thiết cho người học trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.

- Công tác tìm kiếm các nguồn tài trợ của các đối tác, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được Nhà trường chú trọng. Với những kết quả đạt được trong hợp tác với các bên liên quan, kết quả đó được sử dụng nhằm phục vụ và hỗ trợ người học đắc lực và hiệu quả như:

+ Các thiết bị thực hành – thí nghiệm được tài trợ: Trong những năm gần đây, nhiều tổ chức, đơn vị đã trao tặng các thiết bị để hình thành các phòng thí nghiệm, thực hành cho sinh viên chuyên ngành như: ………………..(bổ sung tên các phòng t/h được tài trợ từ 2018 - nay) [H17.17.02.11].

+ Các nguồn học bổng cũng được tìm kiếm, xét chọn và trao tặng cho sinh viên nhằm động viên, khuyến khích người học nỗ lực trong học tập, rèn luyện, NCKH: học bổng Toyota; học bổng Hessen; Học bổng tặng cho sinh viên điểm đầu vào cao, học bổng của Quỹ "Thắp sáng niềm tin", học bổng Vallet, học bổng KOVA, học bổng bậc đại học Panasonic, Học bổng Vingroup, Học bổng tài năng Việt Nam, v.v.. [H17.17.02.12].

+ Liên kết với các doanh nghiệp trong việc hỗ trợ, liên hệ sinh viên thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp cũng là một trong những hoạt động hỗ trợ sinh viên nhất là trong bối cảnh dịch bệnh có những diễn biến phức tạp trong 3 năm trở lại đây. Trong khi dịch bệnh lan rộng và nhiều chính sách trong phòng chống dịch đã làm giảm khả năng tham gia học phần thực tập thực tế của sinh viên để đảm bảo điều kiện tốt nghiệp, Nhà trường đã có những hoạt động liên kết với doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên địa điểm thực tập nhằm giúp người học đảm bảo tiến độ học tập. Đây là một trong những chính sách mới của nhà trường trong hợp tác doanh nghiệp được thúc đẩy trong thời gian gần đây cũng nhằm mục tiêu phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.02.13].

+ Vấn đề đảm bảo tiến độ học tập là một trong những điều được người học quan tâm và đặt ra như một mục tiêu quan trọng trong học tập. Việc tốt nghiệp đúng tiến độ sẽ tạo nhiều cơ hội trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho sinh viên. Xuất phát từ tình hình thực tiễn và phù hợp với bối cảnh phòng, chống dịch bệnh như hiện nay, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các đề án nhằm hỗ trợ tối đa người học trong việc đảm bảo tiến độ học tập như: Đề án đào tạo tập trung đối với sinh viên năm cuối và năm thứ 3; Đề án đào tào sinh viên quá hạn [H17.17.02.14].

+ Nhà trường luôn dành những điều kiện tốt nhất cho người học với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Điều này được thể hiện ở hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo luôn được đầu tư, quan tâm và nâng cấp nhằm tạo một môi trường thuận lợi tối đa cho người học. Với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, quản lý sinh viên Edusoft được vận hành phục vụ công tác đào tạo, quản lý sinh viên. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành đầu tư, nâng cấp hệ thống lên phiên bản Edusoft.NET, với phiên bản này, người học chủ động hơn trong việc tìm kiếm thông tin trong học tập; tăng vai trò và trách nhiệm của CHL-CVHT theo phân cấp quản lý; tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn trong công tác quản lý đào tạo, quản lý sinh viên; tăng cường sự tương tác giữa người học và CNL-CVHT cũng như các đơn vị liên quan để kịp thời nắm bắt tình trạng sinh viên, có định hướng và chấn chỉnh kịp thời đối với sinh viên (nếu có). Hoạt động này không chỉ hướng tới mục tiêu phục vụ, hỗ trợ người học, người làm công tác quản lý đào tạo, sinh viên mà còn là một trong những minh chứng quan trọng trong triển khai xây dựng Đại học điện tử tại trường Đại học KTCN phù hợp với xu hướng chuyển đổi số của xã hội hiện nay.

2. Hỗ trợ về chế độ chính sách

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ theo các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan về thực hiện chế độ chính sách cho người học. Trên cơ sở thực tiễn và các quy định, Nhà trường đã có nhiều hoạt động được triển khai nhằm hỗ trợ người học về chế độ chính sách như:

- Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chế độ theo quy định của nhà nước [H17.17.02.15].

- Hàng năm dành 8% ngân sách của Nhà trường dành cho học bổng khuyến khích [H17.17.02.16]; cấp học bổng toàn phần cho sinh viên [H17.17.02.17], ngoài học bổng ngoài ngân sách theo các nguồn tài trợ bên ngoài, đây là hoạt động được thực hiện thường kỳ nhằm động viên, khuyến khích sinh viên vươn lên trong học tập để đạt được kết quả cao.

- Thực hiện thường niên việc trao quà tết cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng có những nỗ lực, vươn lên trong học tập. Đây là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc được thực hiện tại Nhà trường vừa động viên các sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập, rèn luyện đồng thời hòa chung vào cuộc vận động của cả nước “không bỏ ai lại phía sau” [H17.17.02.18].

- Hỗ trợ kinh phí cho sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Nhằm thúc đẩy sự phát triển các phòng trào trong sinh viên, hướng tới mục tiêu đào tạo toàn diện. Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ cho người học về học tập, nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã rất quan tâm tới việc hỗ trợ kinh phí và các công tác liên quan nhằm thúc đẩy sự lớn mạnh trong phong trào học thuật, VNVN, TDTT cho sinh viên. Điều này giúp cho sinh viên hăng hái, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, vừa có cơ hội trau rồi, rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng cần thiết cho bản thân phục vụ cho việc học tập và sau khi tốt nghiệp. Về chi phí hỗ trợ sinh viên được Nhà trường quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và cụ thể hóa trong các văn bản, quyết định chi cho từng loại hình tham gia của sinh viên [H17.17.02.19].

- Hỗ trợ kinh phí bảo hiểm y tế cho sinh viên quốc tế cũng là một trong những hình thức thể hiện sự quan tâm của Nhà trường đối với người học. Đối với sinh viên quốc tế đang theo học tại Trường, với những khó khăn do điều kiện địa lý, sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa nhằm giúp các em hòa nhập với sinh viên toàn trường và đạt thành tích cao trong học tập, Nhà trường đã có những giải pháp hỗ trợ đặc biệt trong giảng dạy, sinh hoạt tập thể trong đó có hỗ trợ về bảo hiểm y tế. Do những hạn chế trong quy định về bảo hiểm y tế đối với người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam, Nhà trường đã khắc phục bằng việc hỗ trợ tiền bảo hiểm y tế cho sinh viên ngoại quốc đang theo học tại Trường vừa giúp sinh viên giảm thiểu chi phí trong học tập vừa tạo điều kiện an toàn, ổn định về tâm lý cho các du học sinh đang theo học tại Trường. Đây là một trong những hoạt động đột phá của Nhà trường trong công tác phcuj vụ, hỗ trợ người học so với các cơ sở đào tạo khác bởi việc dành một khoản kinh phí đáng kể hàng năm để hỗ trợ bảo hiểm y tế cho sinh viên nước ngoài [H17.17.02.20].

3. Hỗ trợ về việc làm, khởi nghiệp, tư vấn hướng nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng

*- Hỗ trợ việc làm, tư vấn hướng nghiệp*

Với quan điểm chỉ đạo của tập thể lãnh đạo khẳng định tầm quan trọng của công tác tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, trong thực tế công tác này được triển khai tốt và có hiệu quả tại Trường Đại học KTCN.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức các Hội thảo việc làm, hội thảo tuyển dụng, Ngày hội việc làm [H17.17.02.21] với sự hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sinh viên có cơ hội được trải nghiệm, tìm hiểu và chọn cho mình được những việc làm sau khi tốt nghiệp. Hoạt động này hỗ trợ rất tốt cho sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực của bản thân. Làm tốt công tác này cũng như một sự thực hiện và hoàn thành cam kết đầu ra của Nhà trường đối với người học nói riêng và đối với xã hội. Đây là một trong những lợi thế cần được tiếp tục phát huy nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay với nhu cầu rất lớn lực lượng lao động khối ngành kỹ thuật có trình độ cao cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên cũng được thực hiện nhằm giúp các em có những định hướng tốt, phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội. Điều này được Nhà trường triển khai thực hiện ngay những ngày đầu nhập học trong nội dung sinh hoạt chính trị đầu khóa cho sinh viên; hoạt động của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên theo chức năng, nhiệm vụ được giao và những thông tin đăng tải trên Website của Nhà trường trong mục Tuyển dụng việc làm [H17.17.02.22].

*- Khởi nghiệp sáng tạo*

Triển khai Đề án dành cho học sinh sinh viên về phong trào khởi nghiệp, đồng thời cũng tạo cầu nối để sinh viên, nhà trường và doanh nghiệp cùng hợp tác. Qua đó, sinh viên không những phát huy khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn mà còn khơi dậy niềm đam mê, sự sáng tạo của bản thân, Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc thi như: Sáng tạo sản phẩm sinh viên [H17.17.02.23], sân chơi học thuật như thi Robocon [H17.17.02.24], hỗ trợ về cơ chế, thành lập các đội thi các cấp: Hùng biện Tiếng việt cho Lưu học sinh Lào; Khởi nghiệp quốc gia; Robocon toàn quốc; Olympic cơ học, vật lý, toán toàn quốc [H17.17.02.25], v.v.. Đây là những hoạt động với mục tiêu hỗ trợ, thúc đẩy người học sáng tạo, khơi dậy tiềm năng tri thức của sinh viên, giúp sinh viên gắn kết kiến thức lĩnh hội được trong Nhà trường với thực tiễn. Có thể nói, việc hỗ trợ về cơ chế, chính sách đối với những hoạt động này của sinh viên cho thấy Nhà trường đã có những quyết sách phù hợp và đúng hướng với mục tiêu xây dựng Nhà trường phát triển bền vững.

*- Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, chuyên môn*

Bên cạnh việc tổ chức các cuộc thi nhằm khơi dậy tiềm năng trong người học, Nhà trường cũng chú trọng đến mục tiêu bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ và chuyên môn cho sinh viên nhằm tạo một nền tảng vững chắc về mọi mặt để sinh viên vận dụng sau khi tốt nghiệp. Công tác này được triển khai bằng việc mở các lớp, khóa học ngắn hạn theo nhu cầu của người học như: các lớp học ngoại ngữ, lập trình, CAD-CAM-CNC, tin học văn phòng, v.v.. đồng thời cử sinh viên tham gia các khóa học nahwmf nâng cao kiến thức chuyên môn [H17.17.02.26].

4. Hỗ trợ về các thủ tục hành chính

Đối với các thủ tục hành chính của sinh viên (cấp các loại giấy xác nhận, giấy giới thiệu, đổi, làm mới thẻ sinh viên v.v..) được hỗ trợ cơ bản ở Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên, với phương châm tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, cơ chế hoạt động 1 cửa được thiết lập với Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên làm đầu mối tiếp nhận thông tin, yêu cầu của sinh viên trực tiếp [H17.17.02.27] và tiếp nhận qua hệ thống kênh online như email, đăng ký online qua link của Phòng CTHSSV đồng thời được thiết lập theo quy trình ISO 9001:2015 để người học và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuận lợi trong công việc [H17.17.02.28].

5. Chăm sóc sức khỏe người học

Chăm sóc sức khỏe cho người học là một trong những nội dung quan trọng trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học tại Trường Đại học KTCN, chắm sóc sức khỏe cho người học tốt cũng là một trong những tiêu chí trong việc tạo dựng một nền tảng vững chắc cho người học trong quá trình học tập tại Trường. Công tác này được thực hiện bởi Trung tâm Y tế của Nhà trường được quy định cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H17.17.02.29]. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với cơ quan y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho sinh viên mới nhập học và cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp, sinh viên tham gia đào tạo Sĩ quan dự bị [H17.17.02.30].

Đặc biệt, trong 3 năm trở lại đây công tác chăm sóc sức khỏe tại trường học nói chung và cho người học nói riêng được đặc biệt quan tâm thực hiện trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid – 19. Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, với Đại học Thái Nguyên khẩn trương và nghiêm túc trong công tác triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong đó có việc tổ chức tiêm vacxin cho sinh viên; khám sàng lọc miễn phí cho sinh viên quay lại trường học tập trung [H17.17.02.31].

6. Các hoạt động ngoại khóa

Với Đề án phát triển các hoạt động ngoại khóa của sinh viên được ban hành cho thấy Nhà trường bên cạnh việc quan tâm tới phát triển các phong trào nhằm khơi dậy tiềm nẳng tri thức cho người học, các phong trào hoạt động ngoại khóa gồm gồm các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng được quan tâm thực hiện. Làm tốt công tác này góp phần đào tạo con người một cách toàn diện. Bởi vậy, những hỗ trợ về kinh phí, cơ chế trong việc cử các đoàn sinh viên tham dự các hoạt động ngoại khóa [H17.17.02.32] và kế hoạch tổ chức các phong trào ngoại khóa cho sinh viên là cơ hội tốt để người học phát triển toàn diện, nâng cao kỹ năng trong công tác xã hội là những hoạt động quan trọng nằm trong công tác phục vụ, hỗ trợ người học được thực hiện tại Trường Đại học KTCN [H17.17.02.33].

Ngoài ra, hiện tại trong Trường với hơn 20 câu lạc bộ sinh viên được hoạt động thường xuyên là nơi sinh hoạt tập thể về học thuật, chuyên môn, nghệ thuật, xã hội để sinh viên trao đổi, nâng cao kỹ năng như: Câu lạc bộ Ghita, câu lạc bộ Tiếng anh, câu lạc bộ võ Vovinam, câu lạc bộ Sách và hành động, câu lạc bộ tình nguyện XQM, câu lạc bộ mùa hè xanh v.v.. [H17.17.02.34].

7. Các dịch vụ tiện ích

Với tổng diện tích nhà trường 55 ha được trải trên một diện tích rộng lớn phục vụ đủ nhu cầu học tập, làm việc, chỗ ở cho sinh viên và cán bộ, giảng viên nhà trường. Khu làm việc, giảng đường, 2 toà nhà thư viện, khu thí nghiệm, 2 khu ký túc xá, nhà ăn, nhà đa năng được thiết kế thuận tiện, hiện đại, phù hợp với môi trường giáo dục. Nhà ăn đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh và đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, giảng viên nhà trường. Tất cả các phòng học được trang bị máy Profector, âm thanh, ánh sáng, hệ thống camera trực tuyến, internet. Nhà thể thao đa năng, sân bóng cỏ, sân bóng đá nhân tạo, sân cầu lông, sân tennis, sân bóng rổ, sân bóng chuyền hơi, hồ sinh thái phục vụ miễn phí 24/7 cho cán bộ giảng viên và sinh viên nhà trường. Toàn bộ khuôn viên nhà trường được phủ Wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập và tra cứu tài liệu [H17.17.02.35].

Song song với việc triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học hệ thống giám sát người học cũng được triển khai nhằm đảm bảo chất lượng học tập và rèn luyện của sinh viên. Công tác này được thực hiện với các nội dung chủ yếu đó là: các hoạt động giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của sinh viên và hoạt động khảo sát người học về hiệu quả các hoạt động, hỗ trợ và giám sát.

Thứ nhất, về hoạt động giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học được Nhà trường triển khai định kỳ qua công tác đánh giá, xét kết quả học tập [H17.17.02.36] và rèn luyện [H17.17.02.37] cho sinh viện bậc đại học hệ chính quy được tổ chức hàng kỳ. Việc đánh giá kết quả học tập [H17.17.2.38] và rèn luyện [H17.17.2.39] của sinh viên được thực hiện thường kỳ nhằm giúp Nhà trường nắm bắt tình hình sinh viên một cách đầy đủ và có những hướng giải quyết kịp thời đối với những sinh viên thuộc các diện lưu ý trong quá trình học tập và rèn luyện. Sau mỗi kỳ họp quyết định công nhận kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được ghi nhận trong hệ thống và gửi đến các bộ phận liên quan.

Đối với các sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện rơi vào tình trạng cảnh báo, Nhà trường gửi công văn cụ thể [H17.17.2.40] căn cứ vào quy chế đào tạo, quy chế công tác HSSV đến các đơn vị liên quan và phổ biến đến người học để sinh viên thuộc đối tượng đó kịp thời chấn chỉnh, có phương hướng và xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với bản thân đồng thời nỗ lực phấn đấu để nâng cao kết quả trong thời gian tiếp theo. Đây được xem là hoạt động cơ bản trong giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học được triển khai trong Nhà trường.

Đối với hoạt động phoạt động phục vụ, hỗ trợ người học việc giám sát hoạt động này được Nhà trường triển khai qua các kênh thông tin như: thông qua kết quả khảo sát chất lượng, hoạt động hỗ trợ sinh viên của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên [H17.17.2.41]; kết quả khảo sát sinh viên định kỳ trong đó có nội dung về công tác phục vụ, hỗ trợ sinh viên; khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp [H17.17.02.42]; khảo sát Cựu sinh viên [H17.17.02.43].

Bên cạnh đó, hàng kỳ Nhà trường thực hiện việc đánh giá kết quả của công tác cố vấn học tập, hỗ trợ người học của đội ngũ CNL-CVHT nhằm nâng cao chất lượng của công tác này. Đây cũng là một trong những hoạt động quan trọng nhằm giám sát để nâng cao chất lượng việc phục vụ, hỗ trợ người học nói chung [H17.17.02.44].

Về mặt tổng thể, công tác giám sát kết quả hoạt động của các đơn vị trong đó có công tác phục vụ, hỗ trợ người học của các đơn vị liên quan được Nhà trường thực hiện qua công tác đánh giá, xếp loại đơn vị hàng năm căn cứ vào quy chế về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức và các đơn vị thuộc Trường [H17.17.02.45].

Nhìn chung, việc giám sát các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được thực hiện đầy đủ qua các kênh thông tin đối với các bộ phận liên quan, thực hiện công tác này. Điều này giúp giảm thiểu những hạn chế và góp phần nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ người học nói riêng và nâng cao chất lượng của Nhà trường nói chung.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.**

### Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát

Nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, việc rà soát các hoạt động nói chung là yêu cầu không thể thiếu đối với các cơ sở đào tạo. Việc rà soát sẽ giúp đánh giá những kết quả đạt được cũng như nhận thấy những hạn chế còn tồn tại trong quá trình triển khai, thực hiện các nội dung công tác để từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng. Công tác phục vụ, hỗ trợ người học tại Trường Đại học KTCN cũng được triển khai và rà soát chất lượng một cách định kỳ. Việc rà soát này bao gồm 2 nội dung: rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học; rà soát, đánh giá hệ thống giám sát người học. Cụ thể việc thực hiện trong chu kỳ đánh giá từ năm 2018 – 2023 như sau:

*Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát*

Việc rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện đối với các chủ thể tham gia vào công tác phục vụ, hỗ trợ người học được xác định cơ bản đó là: công tác tư vấn, hỗ trợ người học tại Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên; hoạt động của đội ngũ CNL – CVHT, đội ngũ cán bộ, giảng viên ở các bộ phận liên quan; hệ thống công cụ hỗ trợ quản lý đào tạo, quản lý sinh viên; hệ thống các văn bản quy định công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên.

Đối với hoạt động của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên, với cơ cấu thuộc Phòng Công tác HSSV nên hàng kỳ đều thực hiện việc tổng hợp, báo cáo kết quả với Ban Lãnh đạo phòng. Đồng thời, việc xem xét, đánh giá kết quả hoạt động còn được thực hiện qua kết quả khảo sát đối với sinh viên trong đó có nội dung khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với việc hỗ trợ sinh viên [H17.17.03.01].

Công tác tư vấn, hỗ trợ người học được thực hiện bởi đội ngũ CNL-CVHT được rà soát, đánh giá bằng việc nhà trường thực hiện đánh giá kết quả công tác chủ nhiệm lớp, hỗ trợ sinh viên trong học tập, rèn luyện hàng kỳ trên cơ sở quy định của Quy chế Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập của Nhà trường ban hành. Kết quả thực hiện công tác này là một nội dung quan trọng trong kết quả đánh giá, phân loại CBVC hàng năm đối với CBVC tham gia công tác CNL-CVHT [H17.17.03.02]..

Hệ thống công cụ hỗ trợ công tác quản lý đào tao, quản lý sinh viên với chức năng hỗ trợ người học cũng thường xuyên được rà soát để cải tiến. Trong năm 2021, Nhà trường đã thực hiện việc rà soát hệ thống Edusoft – phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên để tiến hành nâng cấp, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học [H17.17.03.03].

Ngoài ra, hệ thống văn bản điều hành nói chung và hệ thống văn bản liên quan đến công tác hỗ trợ người học nói riêng trong đó có quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên đại học hệ chính quy; quy định về công tác CNL-CVHT được rà soát điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhất là trong việc thực hiện mục tiêu kép vùa phòng, chống dịch bệnh, vừa triển khai đào tạo trong thời gian vừa qua [H17.17.03.04].

Nhằm tổng kết, đánh giá hoạt động công tác CNL - CVHT nói riêng và công tác HSSV nói chung, hàng năm Nhà trường triển khai kế hoạch tổng kết, đánh giá tới các khoa chuyên môn [H17.17.03.05] làm cơ sở tiến hành hội nghị tổng kết đánh giá cấp trường [H17.17.03.06]. Đặc biệt, trong năm 2021 Nhà trường đã triển khai hội nghị tổng kết công tác CNL-CVHT [H17.17.03.07] với sự tham gia của các CBVC làm công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; đại diện lãnh đạo các Khoa, phòng và lãnh đạo Nhà trường để tổng kết công tác này tại Trường. Hội nghị như một đợt rà soát, đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện để tìm ra phương pháp tháo gỡ hướng tới nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ người học.

*Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát*

Việc giám sát người học được thực hiện qua việc giám sát tiến độ, kết quả học tập, rèn luyện hàng kỳ của sinh viên được thể hiện qua kết quả công nhận về học tập và rèn luyện của sinh viên. Hệ thống giám sát này cũng được rà soát thường xuyên để có kế hoạch cải tiến chất lượng. Thứ nhất, là các quy định, quy chế liên quan đến đánh giá người học được chỉnh sửa, rà soát, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn [H17.17.03.04]. Thứ hai, là việc giám sát người học được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong đó có các đơn vị chủ chốt như: P. CTHSSV, P.Đào tạo, P. Thanh tra – pháp chế, P. Khảo thí và đảm bảo CLGD cũng được rà soát trên cơ sở góp ý, xây dựng bản dự thảo quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị triển khai năm 2021 [H17.17.03.08]. Thêm vào đó, việc tổ chức các hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường; hội nghị Phụ huynh sinh viên cũng là những hoạt động rất quan trọng góp phần đánh giá, rà soát kết quả các hoạt động đào tạo của Nhà trường trong đó có công tác giám sát người học [H17.17.03.09].

Kết quả của việc rà soát đánh giá các hoạt động phục vụ người học cho thấy có những cải thiện đáng kể trong học tập và rèn luyện của sinh viên. Đây cũng là cơ sở quan trọng để Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cho những hoạt động này.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải thiện để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Với những chính sách xây dựng trên cơ sở rà soát, đánh giá hệ thống thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ người học cũng như giám sát người học, so vưới chu kỳ đánh giá trước, kết quả về học tập và rèn luyện của sinh viên đã có những cải tiến đáng kể mặc dù yếu tố dịch bệnh gây nên những khó khăn nhất định trong mọi mặt công tác của Nhà trường. Theo số liệu thống kê các năm học về kết quả học tập và rèn luyện của bộ phận quản lý đào tạo cho thấy số lượng sinh viên ở trường hợp cảnh báo mức 1, cảnh báo mức 2 giảm đáng kể. Sự kết nối giữa đơn vị Khoa, giảng viên chủ nhiệm và gia đình mang lại hiệu quả. Số SV bị buộc thôi học do không đạt trong học tập và buộc thôi học do tự ý nghỉ học xuống thấp.

***Kết quả học tập của sinh viên qua các năm học***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại | Năm học 2018-2019 | | Năm học 2019-2020 | | Năm học 2020-2021 | | Năm học 2021-2022 | |
|  | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 |
| Xuất sắc | 259 | 45 | 62 | 58 | 38 | 85 | 57 |  |
| Giỏi | 210 | 172 | 167 | 188 | 186 | 264 | 198 |  |
| Khá | 877 | 688 | 788 | 921 | 797 | 1337 | 942 |  |
| Cảnh báo mức 1 | 625 | 645 | 446 | 325 | 504 | 138 | 142 |  |
| Cảnh báo mức 2 | 190 | 201 | 221 | 149 | 79 | 123 | 42 |  |
| Buộc thôi học do không đạt TT | 121 | 124 | 119 | 85 | 73 | 89 | 47 |  |
| Buộc thôi học do tự ý nghỉ học | 34 | 62 | 34 | 13 | 30 | 16 | 20 |  |

***Kết quả rèn luyện của sinh viên qua các năm học***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại | Năm học  2018-2019 | | Năm học  2019-2020 | | Năm học  2020-2021 | | Năm học 2021-2022 | |
| Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 1 | Kỳ 2 |
| Xuất sắc | 316 | 313 | 413 | 518 | 558 | 735 | 511 |  |
| Tốt | 1210 | 1198 | 1016 | 1160 | 1269 | 2008 | 2477 |  |
| Khá | 2969 | 3094 | 2470 | 2320 | 2627 | 2323 | 3397 |  |
| Trung bình | 1222 | 842 | 1357 | 1082 | 1560 | 766 | 603 |  |
| Yếu | 268 | 249 | 224 | 42 | 83 | 17 | 9 |  |
| Kém | 357 | 30 | 66 | 9 | 193 | 102 | 243 |  |

Từ kết quả của việc thực hiện cũng như rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ người học và hỗ trợ sinh viên thông qua các kết quả khảo sát sự hài lòng từ các bên liên quan. Nhà trường đã có kế hoạch để cải tiến chất lượng, đáp ứng nhiều hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan với sự tham gia của các đơn vị trong Trường. Cụ thể là:

*Cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan*

Đối với công tác phục vụ, hỗ trợ người học của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng, giảm bớt các thủ tục hành chính và tạo sự thông thoáng, thuận tiện cho giao tiếp giữa người học với Nhà trường, Quy trình “Tư vấn & hỗ trợ sinh viên” được xây dựng và ban hành đảm bảo yêu cấu chất lượng của hệ thống ISO9001:2015 [H17.17.04.01] như một sự đổi mới và cải tiến về quy trình, cách thức thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ người học. Việc ban hành quy trình này giúp người học chủ động, thuận tiện hơn trong việc giải quyết các yêu cầu, thủ tục với các đơn vị chức năng trong Trường.

Hoạt động của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên đã có những cải tiến về cách thức làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Với khoảng thời gian hơn 3 năm vừa qua, kế hoạch đào tạo của Nhà trường đã có những thay đổi linh hoạt phù hợp với tình hình phòng, chống dịch Covicd – 19 chung với cả nước, theo đó Nhà trường đã chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến; trực tuyến kết hợp với trực tiếp. Trong thời gian đó, sinh viên hầu hết lưu trú tại địa phương, song những nhu cầu về thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy xác nhận, v.v. của sinh viên vẫn bình thường. Trước tình hình đó, Nhà trường đã thực hiện việc hỗ trợ sinh viên trực tuyến, hỗ trợ về các thủ tục với bưu điện nếu sinh viên có nhu cầu. Điều này chính là sự cải cách về phương thức hỗ trợ sinh viên vừa đáp ứng nhu cầu chính đàng của người học, vừa đảm bảo các yếu tố phòng, chống dịch bệnh theo yêu cầu và khuyến cáo của các cơ quan y tế [H17.17.04.02] cùng với đó là cá khoa cũng tăng cường công tác hỗ trợ, giao tiếp với sinh viên bằng hình thức trực tuyến [H17.17.04.03].

Văn bản quy định về công tác CNL-CVHT trên cơ sở rà soát, chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn và hướng tới nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập – nội dung cơ bản của công tác hỗ trợ người học đã được ban hành [H17.17.04.04]. Đây là một trong những minh chứng quan trọng thể hiện sự cải tiến về quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà trường đối với công tác này và làm cơ sở để các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình, đặc biệt là các Khoa chuyên môn, đội ngũ CNL-CVHT chủ động, nắm vững những yêu cầu để thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ người học theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại quy chế này.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, các hạng mục về công nghệ thông tin được cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người học. Trong năm 2021, để ứng phó với tình hình dịch bệnh nhưng vẫn đảm bảo kế hoạch đào tạo của Nhà trường, tiến độ học tập của sinh viên, Nhà trường đã đầu tư trang thiết bị cho khoảng 60 phòng học nhằm đảm bảo việc kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp và giảng dạy trực tuyến [H17.17.04.05]. Theo đó, Nhà trường cũng tổ chức tập huấn cho giảng viên về việc sử dụng các thiết bị giảng dạy mới nhằm khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị và phục vụ tối đa công tác giảng dạy trong tình hình mới [H17.17.04.06]. Đối với người học, để đảm bảo việc có thể tham gia học trực tuyến ổn định, hiệu quả, Nhà trường cũng trang bị hệ thống mạng Internet miễn phí tại các giảng đường và khu nội trú [H17.17.04.07]; hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên Edusoft sau khi rà soát đã được nâng cấp lên phiên bản Edusoft.Net để phục vụ, hỗ trợ tốt hơn trong đào tạo và các mảng công tác của Nhà trường [H17.17.04.08].

Nhằm tăng cường công tác hỗ trợ sinh viên trong việc mở rộng liên kết đào tạo đặc biệt trong việc kết nối với doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo cơ sở thực tập tốt nghiệp cho sinh viên, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp [H17.17.04.09]. Với chức năng, nhiệm vụ được quy định, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp là đơn vị đầu mối trong việc liên hệ với các doanh nghiệp để xây dựng mạng lưới các cơ sở sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao tri thức được thành lập [H17.17.04.10] cũng là đơn vị đầu mối để triển khai các hoạt động nhằm khuyến khích sự tham gia, phát triển của người học trong các hoạt động: khởi nghiệp, sáng tạo sinh viên, nghiên cứu khoa học, v.v.. Đây được xem là sự cải tiến về cơ cấu tổ chức của Nhà trường nhằm mục tiêu tăng cường và nâng cao chất lượng hỗ trợ và phục vụ người học để góp phần thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường trong những giai đoạn tiếp theo.

*Cải tiến hệ thống giám sát người học để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan*

Hệ thống giám sát người học cũng được Nhà trường lưu ý trong việc cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan bắt đầu từ khâu đầu vào của sinh viên, Nhà trường đã tiế hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành Đề án tuyển sinh cho phù hợp với cải cách trong giáo dục, với tình hình thực tế [H17.17.04.11].

Trong quá trình đào tạo, công tác giám sát người học trong học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa được cải tiến bằng việc sử dụng các phần mềm mới như: TMS, nâng cấp phần mềm quản lý Edusoft, các phần mềm dùng cho thư viện E -book, Ilib, cho các hoạt động đoàn thanh niên sinhvien.net [H17.17.01.12].

Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên đại học hệ chính quy được ban hành trên cơ sở rà soát, điều chỉnh nhằm tăng cường hơn sự giám sát của Nhà trường và các bên liên quan đối với người học [H17.17.01.13].

Ngoài người học, giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cũng có nhiều cải tiến trong công tác quản lý, giám sát sinh viên [H17.17.01.14] bằng việc sử dụng các phần mềm quản lý, ứng dụng CNTT trong quản lý.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:**

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

-Hệ thống cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ để thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như giám sát SV được Nhà trường xây dựng một cách đồng bộ, có tổ chức; Hệ thống các văn bản quy định về công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học được xây dựng đồng bồ, có sự rà soát điều chỉnh thường kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhu cầu chính đáng của người học; Các kế hoạch, chương trình hoạt động hỗ trợ người học được xây dựng thường kỳ đã bám sát định hướng chiến lược của Nhà trường, mục tiêu của kế hoạch đào tạo qua mỗi học kỳ của năm học, đồng thời không tách rời nhu cầu người học; Các phương thức sử dụng trong hỗ trợ, phục vụ, giám sát người học đa dạng, linh hoạt, ứng dụng CNTT trong thực hiện giúp công tác hỗ trợ nhanh chóng, thuận tiện và đạt hiệu quả cao; Quy trình thông tin, báo cáo và tổng kết rút kinh nghiệm được triển khai tại mỗi chương trình hoạt động đã đem lại hiệu quả cao trong công tác này.

- Nhà trường đã có sự quan tâm về chính sách đầu tư và tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: các cuộc thi: Sáng tạo sản phẩm, Ý tưởng khởi nghiệp, Robocon, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, giúp sinh viên có nhiều lựa chọn tham gia và từng bước trau rồi và hoàn thiện các kỹ năng cần thiết, phục vụ cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Các kênh tiếp nhận phản hồi thông tin giữa Nhà trường và sinh viên về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học thường xuyên được thiết lập, đã không ngừng cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ*.*

***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

Các khảo sát về các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập còn hạn chế, chưa thường xuyên; nội dung khảo sát thể hiện trong bảng hỏi còn một số điểm chưa phù hợp gây khó khăn cho người được hỏi và khó khăn trong việc thu thập dữ liệu; việc khảo sát còn man tính hình thức nên chất lượng của các dữ liệu thu thập được từ khảo sát một số ít còn chưa đáng tin cậy và có tính phổ quát.

***3. Kế hoạch cải tiến:***

Các đề xuất cho kế hoạch cải tiến chất lượng được đề xuất trên cơ sở phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát | Phòng KT&ĐBCLGD; P. CTHSSV; TT TT-TV; Các Khoa | Quý 1 năm 2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Các chỉ số cải thiện về đánh giá cần rõ ràng thể hiện trong nội dung bảng hỏi | P. CTHSSV | Quý 1 năm 2023 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại 3 | Hình thức khảo sát cần được cải tiến cho phù hợp với từng đối tượng khảo sát | Phòng KT&ĐBCLGD; P. CTHSSV; TT TT-TV; Các Khoa | Quý 1 năm 2023 |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 1 | Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cho từng năm học đối với Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên | P. CTHSSV | Tháng 10-12 năm 2022 |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 2 | Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan | Các đơn vị chức năng liên quan | Trong suốt chu kỳ |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 17*** | ***5,0*** |
| Tiêu chí 17.1 | 5 |
| Tiêu chí 17.2 | 6 |
| Tiêu chí 17.3 | 4 |
| Tiêu chí 17.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

### Tiêu chí: 18.1 thiết lập được hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Về thiết lập hệ thống chỉ đạo điều hành thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu: trong 5 năm vừa qua có thể chia làm bốn mức độ như sau:

- Có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu hệ thống chỉ đạo, điều hành các nguồn lực của nhà trường, chúng tôi có một mạng lưới từ Hội đồng trường, Đảng ủy, Ban giám hiệu, các phòng ban chuyên môn và khoa chuyên môn tham gia. Cụ thể là hàng năm, căn cứ vào nghị quyết chỉ đạo của hội đồng trường, phòng KHCN&HTQT cùng với phòng KHTC lập dự toán các chi tiêu đã được định hướng trong nghị quyết, trình Ban giám hiệu phê duyệt. Các nguồn lực và nhiệm vụ là căn cứ chính để lập ra kế hoạch hoạt động KHCN trong năm của toàn đơn vị [H18.18.01.03; H18.18.01.04; H18.18.01.05; H18.18.01.06; H18.18.01.07]; Các hoạt động phê duyệt đề tài sau đó căn cứ trên dự toán đã được phê duyệt triển khai thành các đợt công tác cụ thể trong cả năm. Các quy trình chuyên môn cũng được thiết lập chi tiết theo ISO và chính thức ban hành để thực hiện từ năm 2021 [H18.18.01.08];

- Có chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu: Về chính sách, nhà trường có quy định quản lý viên chức người lao động [] và có quy định quản lý khoa học công nghệ ban hành điều chỉnh hàng năm cho vấn đề này.

Về cơ chế, phòng KHCN&HTQT có quy trình ISO [] để giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu.

- Về văn bản hướng dẫn công tác quản lý quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH với BCGV có thể hiện rõ ràng trong quy định quản lý viê chức người lao động do hội đồng trường ban hành []. Quy định này thể hiện rõ khối lượng NCKH với từng chức danh của CBVC.

- Về kế hoạch dự toán phân bổ kinh phí hàng năm phòng KHCN&HTQT đều có tiến hành xây dựng dự toán tài chính các hoạt động và trình Hội đồng trường, ban giám hiệu phê duyệt. Các chương trình chi tiết lại có dự toán chi tiết kèm theo, ví dụ dự toán hội thảo, hội nghị, dự toán triển lãm, …

- Có tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH: điều này thể hiện ở bản giao nhiệm vụ các đơn vị của hội đồng trường ký với các đơn vị trong toàn trường []. Về việc theo dõi giám sát đánh giá về chất lượng NCKH này có hai hệ thống là ngoài và trong. Hệ thống bên ngoài gồm các trang như SCI mango, hệ thống bên trong như phòng KHCN&HTQT. Về hướng dẫn thực thi đạo đức trong NCKH có một điều riêng trong quy định quản lý viên chức người lao động [] quy định về vấn đề này. Các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH mà nhà trường đang sử dụng chính là hệ thống phân loại chuẩn quốc tế trong lĩnh vực báo chí Q1- Q4, ISI, Scopus,…Tiêu chí chất lượng cũng dựa vào danh mục các tạp chí được hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận.

Sử dụng các hệ thống giám sát có sẵn mang tầm quốc tế để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động giám sát, chẳng hạn các hoạt động nộp bài, phản biện bài báo trong chuỗi hội thảo quốc tế ICERA của nhà trường tiến hành qua cổng EasyChair dưới sự giám sát kỹ thuật của NXB Springer, đây là hoạt động có uy tín quốc tế và nằm trong hệ thống đảm bảo chất lượng của NXB Springer.[ H18.18.01.01; H18.18.01.02];

Bên cạnh cổng EasyChair, các bài báo quốc tế khác của CBVC nhà trường cũng chịu sự phản biện quốc tế khách quan từ các tạp chí uy tín khác trên khắp thế giới, chúng tôi sử dụng hai trang SCI mango và ..như sự đảm bảo về chất lượng khi xét phê duyệt các đề nghị hỗ trợ báo chí, đây cũng là một phần của hoạt động tự giám sát do các tổ chức bên ngoài nhà trường có uy tín thực hiện, chúng tôi chỉ tham khảo các kết quả có liên quan CBVC nhà trường có trong danh sách họ công nhận trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến KHCN.

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 5/7.**

### Tiêu chí: 18.2 Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và thúc đẩy nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

- Triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu:

Nguồn kinh phí nghiên cứu chia làm hai loại là kinh phí từ ngân sách nhà nước thông qua phần trích lại (3% học phí dành cho NCKH sinh viên và 5% nguồn thu hợp pháp dành cho NCKH nói chung). Nguồn kinh phí này tỷ lệ với học phí thu được hay nói cách khác phụ thuộc vào quy mô tuyển sinh. Để gia tăng nguồn kinh phí này TNUT có nhiều chương trình phục vụ cho công tác tuyển sinh liên tục triển khai.

Các nguồn kinh phí bên ngoài bao gồm hai loại:

- Kinh phí các dự án do các tỉnh, các sở KHCN, các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu về giải mã sản phẩm, thiết kế chế tạo và chuyển giao theo yêu cầu của đối tác, loại kinh phí này có thể nắm bắt theo con đường các thông báo của đối tác gửi về đơn vị theo đường công văn chính thức. Các thông báo hay nhóm kinh phí này chủ yếu do đối tác liên hệ hoặc phí CBVC nhà trường nộp hồ sơ xét tuyển nhiệm vụ, phòng KHCN&HTQT có chức năng kết nối thông tin tới các CBVC và các đơn vị chuyên môn khi có công văn. Ở phương diện nhà trường cũng có chiến lược hợp tác chặt chẽ với một số đơn vị kết hợp chuyên môn của cả hai bên giải quyết các nhiệm vụ liên ngành. Đây là chiến lược quan trọng vì ngày nay các nhiệm vụ liên quan đến kỹ thuật công nghiệp gắn với số hóa hoặc cách mạng công nghiệp 4.0 đều là các nhiệm vụ liên ngành [H18.18.02.06; H18.18.02.07];

- Kinh phí đến từ các đề tài, dự án cấp cao hơn như cấp bộ, cấp nhà nước hiện chủ yếu do các cá nhân tự nộp hồ sơ, trường có thành lập các nhóm nghiên cứu nhưng chủ yếu giữ vai trò thông tin các nhiệm vụ, chưa có chiến lược hay kinh phí dành cho việc kết nối (trừ năm 2022 có 100 triệu tiền tổ chức kết nối mới phê duyệt) [H18.18.02.08];

Trong lĩnh vực công bố khoa học và tổ chức hội thảo, nhà trường có liên kết với nhiều đơn vị đào tạo như Viện KHCN Quân sự [H18.18.02.09], tạp chí cơ khí Việt Nam [H18.18.02.10]; CLB các trường Đại học Kỹ thuật [H18.18.02.11; H18.18.02.12]và Trường ĐH kinh tế kỹ thuật công nghiệp Hà Nội, để tổ chức các hội thảo khoa học chuyên ngành với sự chia sẻ kinh phí tổ chức;

- Nguồn thu từ chuyển giao công nghệ của nhà trường thông qua Công ty TNHH trường ĐHKT Công nghiệp bao gồm từ các hoạt động nghiên cứu, hoạt động sản xuất, hoạt động chuyển giao trong 5 năm gần đây là rất lớn [minh chứng doanh thu]. Có những hoạt động chuyển giao từ nhiều năm trước hiện nay vẫn tiếp tục sản xuất trên cơ sở các nghiên cứu được chuyển giao ban đầu như sản phẩm chày cối dập thuốc viên, sản phẩm con lăn băng tải, sản phẩm ngành thép [].

- Về kinh phí dành cho NCKH hàng năm nhà trường đều dành 5% học phí và 3% nguồn thu hợp pháp đầu tư cho NCKH [], các kinh phí này bên cạnh việc nghiên cứu các sản phẩm ứng dụng, các bài báo khoa học còn dành tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế [].

- Nhà trường cũng chú trọng các loại hình sản phẩm NCKH khác bao gồm các bài báo quốc tế từ Q1 – Q4, các sách chuyên khảo xuất bản trong nước hoặc các chương sách xuất bản bằng tiếng nước ngoài bởi các NXB nước ngoài, các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích [].

- Nhà trường cũng thành lập 25 nhóm nghiên cứu trong đó có 1 nhóm có yếu tố quốc tế và 10 nhóm hợp tác trong nước trên hầu hết các ngành chuyên môn có trong chương trình đào tạo của nhà trường [].

- Có các hoạt động hợp tác về KHCN với các công ty [ Việt tiệp], đặc biệt là với các sở KHCN các tỉnh phía Bắc [], Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, và nhiều doanh nghiệp khác cộng tác không thường xuyên về chuyên môn với nhà trường []. Trên phương diện NCKh quốc tế, TNUT có văn bản MOU với nhiều trường Đại học như Imanou của CHLB Đức [] trong việc tổ chức hội thảo quốc tế ICERA [].

- Hàng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động NCKH đã phê duyệt theo dự toán thể hiện ở việc giải ngân các chương trình này,chẳng hạn các báo cáo tài chính giai đoạn từ 2017 - 2021 [].

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 4/7**

### Tiêu chí: 18.3 Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Về chỉ tiêu KPIs cụ thể liên quan số lượng và chất lượng Nghiên cứu khoa học hàng năm thể hiện ở bản giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong toàn trường của Hội đồng trường []. Đây là văn bản thể hiện rõ ràng cả số lượng và chất lượng mà mỗi đơn vị phải đảm nhận, trên cơ sở này các đơn vị lại tiếp tục triển khai ký giao việc cho từng CBVC của đơn vị mình [].

Cụ thể về kinh phí dành cho NCKH trong các năm từ 2016-2021 như sau:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 6.131.000.000đ

- Kinh phí của Nhà trường chi cho hoạt động KH&CN: 17.467.500.000 đ

- Kinh phí huy động từ nguồn khác: 2.132.000.000 đ

\* Thứ hai là số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện trong giai đoạn từ 2016-2021 như sau: Nhà trường đã thực hiện: 5 đề tài NAFOSTED, 13 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp Tỉnh, 288 đề tài NCKH cấp Trường, 448 đề tài NCKH sinh viên. Ngoài ra, triển khai 01 Dự án: “Nắm bắt và làm chủ công nghệ mạ kim loại thân thiện với môi trường trên bề mặt một số vật liệu cách điện” theo Thỏa thuận tài trợ số 40/FIRST/1a/TNUT, tổng vốn : 3.030.555.014; Nguồn vốn: IDA.

Trong 5 năm qua, trong số các đề tài cấp Bộ và cấp Đại học, có 76,5% các đề tài có gắn với đào tạo sau đại học, 100% sản phẩm các đề tài có tính khoa học và thực tiễn, 91% các đề tài có sản phẩm đào tạo và 99,8% đề tài có sản phẩm ứng dụng.

\* Thứ ba là số lượng bài báo NCKH các loại đã thực hiện trong giai đoạn từ 2016-2021 như sau:

| **Năm** | **ISI** | **SCOPUS** | **Quốc tế khác** | **Hội nghị/ hội thảo quốc tế** | **Báo trong nước** | **Hội nghị/ hội thảo trong nước** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2016** | 7 | 1 | 46 | 28 | 65 | 2 | **149** |
| **2017** | 10 | 13 | 42 | 19 | 162 | 142 | **388** |
| **2018** | 15 | 23 | 40 | 15 | 75 | 22 | **190** |
| **2019** | 35 | 155 | 52 | 15 | 35 | 3 | **295** |
| **2020** | 55 | 135 | 48 | 11 | 0 | 0 | **249** |
| **2021** | 84 | 101 | 102 | 0 | 45 | 0 | **332** |
| **Tổng** | **206** | **428** | **330** | **88** | **382** | **169** | **1603** |

Các nội dung này đã được thống kê cụ thể trong các báo cáo hàng năm [H18.18.03.01; H18.18.03.02; H18.18.03.03 ]

\* Thứ tư là số lượng các nhóm nghiên cứu thành lập trong giai đoạn từ 2016-2021 như sau: 21 nhóm nghiên cứu, trong đó có 5 nhóm nghiên cứu hợp tác với trường Đại học Nguyễn Tất Thành [H18.18.03.04]

\* Thứ năm: Tổng số lượng Hội thảo, hội nghị khoa học nhà trường đã tổ chức trong giai đoạn từ 2016-2021 là: 18 hội thảo, trong đó có 4 hội thảo quốc tế [H18.18.03.05].

- Các tiêu chí đánh giá KPIs được phòng HCTC đưa ra như việc nhận biết mức độ hoàn thành nhiệm vụ khi xét các khoản thu nhập mà người lao động được hưởng, điều này được quy định chặt chẽ ở quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường;

- Về việc rà soát các tiêu chí định kỳ hàng năm để điều chỉnh các chỉ tiêu KPIs thường là xuất phát từ phản ảnh của các đơn vị thông qua các kênh như hội nghị CBVC đơn vị, hội nghị CBVC nhà trường. Việc điều chỉnh các chỉ tiêu này ngoài thay đổi thể hiện trong quy định quản lý CBVC của nhà trường thì cũng làm thay đổi quy chế chi tiêu nội bộ và quy định quản lý KHCN trong nhà trường [].

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 4/7**

### Tiêu chí: 18.4 Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Cải tiến thứ nhất là sử dụng các sản phẩm được phản biện quốc tế (báo ISI, Scopus) như sản phẩm chính để đánh giá chất lượng NCKH;

Cải tiến thứ hai là giao quyền tự chủ, giao vốn NCKH khoảng 30% trong số 5% học phí về cho khoa chuyên môn phê duyệt đề tài cho sát với nhu cầu đơn vị;

Cải tiến thứ ba là quy trình ISO với các thủ tục hướng một cửa cho tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến phê duyệt thuyết minh và đề xuất NCKH [H18.18.04.01];

Cải tiến thứ tư là giảm thời gian thực hiện các đề tài về gần với mốc thời gian quy định, hạn chế gia hạn các đề tài bị quá hạn, tăng cường kiểm tra tiến độ, nhắc nhở các chủ nhiệm đề tài có đề tài quá hạn. Không giao quá số lượng đề tài quy định cho mỗi đối tượng, cụ thể là không quá một đề tài cấp cơ sở/ cá nhân/ năm học.

Cải tiến thứ năm là xây dựng và triển khai nhiệm vụ NCKH thông qua các nhóm nghiên cứu (21 nhóm nghiên cứu);

Cải tiến thứ 6 là triển khai quản lý KHCN thông qua phần mềm Edusoft.net đồng bộ với các quản lý hành chính khác, chia sẻ dữ liệu ở mức hệ thống;

Trong bốn năm liên tiếp nhà trường có nhiều thành tích được ghi nhận trong lĩnh vực KHCN, điển hình là các minh chứng sau đây [].

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Hệ thống giám sát đầy đủ các cấp, các chuyên môn, có cả từ Quốc tế đến các hệ thống giám sát ngành dọc, hệ thống giám sát nội bộ. Hoạt động giám sát ở nhiều phương diên khác nhau, nhiều thời điểm khác nhau trong năm và có cả sự giám sát chéo giữa các phòng ban chức năng.

Điểm mạnh nữa trong hệ thống giám sát của chúng tôi là có sự lãnh đạo của Đảng ủy, hội đồng trường tới các cấp quản lý nhỏ nhất trong hệ thống như khoa chuyên môn. Các hoạt động KHCN đều có dự toán, sau khi phê duyệt lại xây dựng các chương trình chi tiết và có báo cáo kết quả cụ thể định kỳ theo tháng, theo quý căn cứ trên các công việc đã phê duyệt.

Trong hệ thống giám sát của chúng tôi có cả các tổ chức quốc tế uy tín, không ăn lương bên cạnh các phòng ban chức năng của đơn vị.

Có nhiều đề xuất liên quan đến các chương trình NCKH các cấp nhất là các nghiên cứu lý thuyết với sản phẩm là báo chí khoa học;

Có số lượng công bố quốc tế lớn trong những năm gần đây;

Chuẩn hóa công tác quản lý thông qua quy trình ISO;

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Tuy có cơ chế khuyến khích công bố nhưng mảng sản phẩm Sở hữu trí tuệ còn hạn chế về số lượng các đề tài nghiên cứu có đăng ký SHTT thành công trong những năm qua.

Chưa có hoặc ít có các dự án, đề tài lớn cấp nhà nước;

Chưa có hoặc ít có các dự án, đề tài lớn cấp nhà nước;

Triển khai phần mềm Edusoft.net còn chậm trễ;

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Triển khai hệ thống Edusoft.net | | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai đúng quy trình ISO đã phê duyệt | | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | | Khuyến khích các đề tài có SHTT | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2024 | Lập kế hoạch phạm vi bao quát hơn |
| 4 | Phát huy điểm mạnh | | Tiếp tục duy trì hệ thống và cơ chế giám sát như hiện nay | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2025 | Duy trì, cải tiến |
| 5 | Khắc phục tồn tại | | Tìm kiếm thông tin đề tài, dự án KHCN | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 | Tổ chức các hội thảo hội nghị kết nối thông tin KHCN |
| 6 | Phát huy điểm mạnh | | Luôn sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí NCKH | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2025 | Theo nghị quyết HĐT |
| 7 | Khắc phục tồn tại | | Tìm kiếm thông tin đề tài, dự án KHCN | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 | Tổ chức các hội thảo hội nghị kết nối thông tin KHCN |
| 8 | Phát huy điểm mạnh | | Tăng cường công bố quốc tế chất lượng cao | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2025 | Theo nghị quyết HĐT |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 18*** | ***4,25*** |
| Tiêu chí 18.1 | 5 |
| Tiêu chí 18.2 | 4 |
| Tiêu chí 18.3 | 4 |
| Tiêu chí 18.4 | 4 |

## Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

### Tiêu chí 19.1 Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu?

Thực tế đã chứng minh rằng năng lực đổi mới sáng tạo là động lực phát triển và nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế. Theo đó các kết quả nghiên cứu của các giảng viên phải đi kèm với khả năng khuyến khích, thúc đẩy và duy trì đổi mới sáng tạo. Nhận thức được giá trị của đổi mới sáng tạo, Nhà trường đã có văn bản phân công Phòng KHCN&HTQT làm đầu mối quản lý và hỗ trợ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu trong đó ghi nhận vai trò của sở hữu trí tuệ (SHTT), đồng thời xác định và bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cho tác giả và các nhà phát minh [H19.19.01.01]. Nhà trường đã phát triển đội ngũ quản lý về NCKH mạnh về chuyên môn, Nhà trường đã nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo và sáng chế trong việc nâng cao giá trị và thương hiệu của Nhà trường, chuyển đổi giá trị nghiên cứu thành giá trị kinh tế trong thực tiễn.

Nhà trường đã dựa vào Luật sở hữu trí tuệ và các văn bản luật/dưới luật có liên quan để ban hành các quy định/văn bản chính thức về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế, các kết quả nghiên cứu; ban hành các quy định về định giá đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu quốc gia và quốc tế [H19.19.01.01]

Nhà trường có chế độ hỗ trợ bằng kinh phí được quy định trong Quy định quản lý khoa học hàng năm, trong Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm liên quan đến công bố khoa học, hỗ trợ các đề tài nghiên cứu trong giai đoạn thương mại hóa [H19.19.01.02].

Nhà trường chưa ban hành các quy định cụ thể về việc khai thác tài sản trí tuệ bao gồm các quy định về thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn của các đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học và các sáng chế/giải pháp hữu ích, nguyên nhân này là do số lượng các đề tài có nhu cầu sản xuất thử, thương mại còn hạn chế. Việc khai thác tài sản trí tuệ bao gồm thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại và trích dẫn được gộp chung trong Quy định QLKH hàng năm.

Quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu chưa có văn bản riêng cụ thể mà Nhà trường gộp chung trong Quy định QLKH hằng năm, Danh mục phê duyệt đề tài NCKH hằng năm [H19.19.01.03], danh mục công bố khoa học hàng năm [H19.19.01.04].

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 3/7.**

### Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai?

Khi có CBGV có nhu cầu đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ, Nhà trường đã cử cán bộ của Phòng KHCN&HTQT làm đầu mối hướng dẫn thực hiện các bước đăng ký bảo hộ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, các hướng dẫn này được thể hiện trong Quy định QLKH hàng năm [H19.19.01.01], trong những năm qua một số các bằng sáng chế, bản quyền đã được đăng ký bảo hộ thành công [H19.19.02.01],

Trong những năm vừa qua Nhà trường đã tổ chức các hội nghị, các chuyên đề phổ biến và hướng dẫn cho cán bộ khoa học, GV về quyền sở hữu trí tuệ, các tài liệu hướng dẫn dưới dạng bản cứng được phát cho những người tham dự hội nghị [H19.19.02.02],

Quy định về thực hiện xây dựng CSDL sản phẩm sở hữu trí tuệ được quy định trong Quy định QLKH từng năm [H19.19.01.01]. Định kỳ phòng KHCN&HTQT đã thực hiện công tác bổ sung danh sách các sản phẩm sở hữu trí tuệ đã được đăng ký thêm.

**Đánh giá tiêu chí đạt mức 2/7.**

### Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện?

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã thực hiện 02 lần rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.03.01];

Mỗi một năm Nhà trường thực hiện công tác đánh giá tổng kết công tác quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.03.02]

**Đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7.**

### Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng?

Nhà trường trong các năm học từ 2018 đến 2022 đã thực hiện các kế hoạch chuyển giao khai thác tài nguyên cho các cộng đồng doanh nghiệp bên ngoài thể qua biên bản chuyển giao [H19.19.04.02].

Nhà trường trong năm học từ 2018-2022 cũng đã có thực hiện lấy ý kiến khảo sát về công tác quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.04.03], [H19.19.04.04]

Đánh giá tiêu chí đạt mức 3/7.

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã đội ngũ quản lý về NCKH mạnh về chuyên môn, Nhà trường đã nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo và sáng chế trong việc nâng cao giá trị và thương hiệu của Nhà trường, chuyển đổi giá trị nghiên cứu thành giá trị kinh tế trong thực tiễn.

Nhà trường đã quy định rất rõ ràng, chi tiết việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu quốc gia và quốc tế. Các quy định này được phổ biến đến toàn thể CBVC, có trên trang thông tin của Nhà trường.

Nhà trường rất chú trọng đến các chính sách hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu có khả năng tạo ra các sản phẩm có khả năng thương mại hóa, có địa chỉ ứng dụng cụ thể, có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ, qua đó khuyến khích thúc đẩy phát triển NCKH để chuyển giao khai thác thương mại hoá.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa có riêng bộ phận/đơn vị/nhân sự chuyên quản lý và hỗ trợ xác phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu, nguyên nhân là đo số lượng các phát minh sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của NT hàng năm ít cho nên phòng KHCN&HTQT thực hiện quản lý. Chưa có bản phân công trách nhiệm và hướng dẫn cho các bộ phận/nhân viên quản lý/bảo hộ các phát minh, sáng chế, các bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Chưa có văn bản quy định riêng về khai thác tài sản trí tuệ liên quan đến việc thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại và trích dẫn.

Chưa có văn bản quy định cụ thể về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.

Chưa ban hành các văn bản quy định riêng về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu; việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại và trích dẫn ); quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu

### 4. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Ban hành quy định về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu; việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại và trích dẫn ); quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu | Phòng KHCN&HTQT | Năm học 2022-2023 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Khuyến khích thúc đẩy phát triển NCKH để chuyển giao khai thác thương mại hoá. | Các Khoa chuyên môn, Viện nghiên cứu | Từ năm học 2022-2023 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | Xây dựng để lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ | Phòng KHCN&HTQT; phòng CNTT và Thư viện | Năm học 2022-2023 |  |
| 4 | Khắc phục tồn tại | Tăng số lần thực hiện công tác rà soát quản lý tài sản trí tuệ | Phòng KHCN&HTQT; | Năm học 2022-2023 |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại | Tăng số lần và số lượng đơn vị, cá nhân tham gia vào các đợt khảo sát | Phòng KHCN&HTQT; | Năm học 2022-2023 |  |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 19*** | ***2,75*** |
| Tiêu chí 19.1 | 3 |
| Tiêu chí 19.2 | 2 |
| Tiêu chí 19.3 | 3 |
| Tiêu chí 19.4 | 3 |

## Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

### Tiêu chí: 20.1 Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là trở thành trường đại học chuẩn quốc gia và khu vực theo định hường ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín trong nước và khu vực [H20.20.01.01]. Do đó việc xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu là một trong những chiến lược chủ chốt của Trường. Để đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu, Nhà trường đã ban hành các quy định có liên quan về hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học bao gồm: Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế [H20.20.01.02], Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ các năm [H20.20.01.03], [H20.20.01.04], [H20.20.01.05], [H20.20.01.06], Nghị quyết về việc sửa đổi một số quy định về công tác quản lý khoa học và công nghệ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H20.20.01.07], Quy định về mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ [H20.20.01.08]. Đây là những căn cứ để thực hiện công tác quản lý hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học.

Các hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học được định hướng trong nghị quyết của đại hội Đảng bộ của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nhiệm kỳ 2015-2020 [H20.20.01.09], Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020-2025 [H20.20.01.10], Nghị quyết của Hội đồng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H20.20.01.11]. Hơn nữa, Nhà trường cũng đã ban hành chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường [H20.20.01.12].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và Hội đồng Trường, các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học tại Trường được định hướng và triển khai theo một hệ thống có sự phân định rõ ràng giữa các đơn vị và bộ phận trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H20.20.01.13]. Các đơn vị chức năng được giao các nhiệm vụ cụ thể để triển khai các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học theo Quy định tổ chức hoạt động của Trường [H20.20.01.11], trong đó phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế được giao nhiệm vụ là đầu mối về quản lý khoa học, chuyển giai công nghệ và hợp tác quốc tế. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế phối hợp với phòng Kế hoạch Tài chính và Phòng Quản trị phục vụ xây dựng việc phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí khoa học công nghệ do trường Trường cấp kinh phí [H20.20.01.08].

Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế phối hợp với Công ty TNHH trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và các đơn vị khác để lập kế hoạch xây dựng và phát triển hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các đối tác là các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ở trong nước và ngoài nước. Các đối tác trong nước hợp tác với Nhà trường trong việc thực hiện đề tài các cấp như năm 2018 thực hiện 143 đề tài và năm 2019 thực hiện 117 đề tài cấp cơ sở; Nhà trường phối hợp với Câu lạc bộ Cơ khí động lực Việt Nam, Tạp chí Cơ khí tổ chức thành công Hội thảo Quốc gia năm 2017; hằng năm Trường kết hợp với Viện Khoa học Công nghệ Quân sự tổ chức Hội thảo Quốc gia về ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn; Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Công ty Ymazaki Mazak Việt Nam; phối hợp với trường Đai Học Ilmenau, CHLB Đức tổ chức hội thảo Quốc tế hằng bắt đầu từ năm 2018 [H20.20.01.14], [H20.20.01.15], [H20.20.01.16]. Nhiều liên kết với các tổ chức Quốc tế đến từ nhiều nước bằng việc ký kết các biên bản ghi nhớ và báo cáo về các chuyến đi công tác nước ngoài [H20.20.01.17], [H20.20.01.18], [H20.20.01.19].

Các hoạt động hợp tác đối tác thường xuyên được rà soát thông qua các cuộc họp giao ban của Ban giám hiệu, Hội đồng trường, các cuộc họp giao ban của cán bộ chủ chốt, báo cáo công tác quý, Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm để tổng kết lại và đề ra phương hướng, kế hoạch về việc hợp tác đối tác nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng của các hoạt động khoa học công nghệ trong hợp tác [H20.20.01.20], [H20.20.01.21]. Các hoạt động này đều được cập nhật trên kênh thông tin nội bộ của Nhà trường thông qua Website và email của Nhà trường [H20.20.01.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### Tiêu chí: 20.2 Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và chiến lược phát triển Nhà trường [H20.20.02.01], [H20.20.02.02]. Để triển khai các hoạt độn thúc đẩy hợp tác và đối tác, Nhà trường có chiến lược nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học; phát huy tiềm lực của Nhà trường trong hợp tác đối tác trong và ngoài nước. Do đó, Nhà trường có các kế hoạch hoạt động hợp tác đối tác về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế được xây dựng hằng năm [H20.20.02.03], [H20.20.02.04], [H20.20.02.05].

Để thúc đẩy các hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ở trong nước và ngoài nước, Trường đã triển khai các chính sách như sau:

Thứ nhất, Nhà trường đã phân cấp, phân quyền và giao các nhiệm vụ cho các đơn vị để triển khai các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học theo Quy định tổ chức hoạt động của Trường [H20.20.02.06].

Thứ hai, về bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực: Nhà trường có 27 đơn vị đầu mối, trong đó có 08 phòng, 07 trung tâm chức năng và 11 đơn vị chuyên môn. Với nguồn nhân lực, tính đến tháng 12/2020, Trường có tổng đô 516 viên chức, người lao động. Với các đơn vị chuyên môn có nhiều tiến sĩ trẻ được đào tạo và tu nghiệp ở nước ngoài. Hơn nữa, cán bộ quản lý có năng lực hợp tác và xây dựng quan hệ đối tác trong NCKH. Nhà trường đã tăng cường mời các đối tác là các tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia ở trong và ngoài nước để tham gia nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học như: hợp tác các đề tài nghiên cứu, tham gia các hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu [H20.20.02.02].

Thứ ba, Nhà trường đã có các kế hoạch cụ thể về tài chính cho các hoạt động phát triển hợp tác đối tác trong nghiên cứu khoa học hằng năm; mức chi hỗ trợ của đoàn ra, đoàn vào để hợp tác nghiên cứu; chi phí cho hội thảo, hội nghị hằng năm [H20.20.02.07], [H20.20.02.08].

Trong giai đoạn 2015-2016, việc hợp tác đối tác đã đạt được các thành tích đáng kể hoàn thành 187 đề tài gồm 01 đề tài cơ bản của Quỹ Nafosted, 187 đề tài cấp cơ sở; đăng ký thành công 03 đề tài cấp Nhà nước với kinh phí khoảng 1 tỷ đồng, 10 đề tài cấp Bộ với kinh phí trên 3 tỷ đồng; đăng ký thành công 05 đề tài cấp tỉnh với kinh phí 2,3 tỷ đồng, tổng kinh phí đề tài đặt hàng từ các doanh nghiệp là 0,365 tỷ đồng; số lượng công bố khoa học trong nước và quốc tế 1263 bài [H20.20.02.02].

Nhà trường đã ký kết thành công 52 biên bản ghi nhớ và thư vấn làm tiền đề cho việc phát triển hợp tác đối tác về các dự án khoa học công nghệ. Trong giai đoạn 2016 – 2021 số đoàn vào thăm quan, trao đổi, ký kết văn bản thảo thuận hợp tác lên đến 189 đoàn (bảng 1) và số đoàn ra 25 đoàn (bảng 2) [H20.20.02.09]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thu hút được số lượng sinh viên đến từ các nước như: Philippines, Mô-Dăm-Bích, Indonesia, Campuchia, Lào, … học tập các chương trình đại trà và chương trình tiến tiến giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng anh của Nhà trường.

**Bảng 1**. Số đoàn vào

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **Tổng** |
| Số đoàn | 39 | 30 | 30 | 30 | 30 | 30 | 189 |
| Số lượt người | 57 | 50 | 50 | 50 | 50 | 50 | 305 |

**Bảng 2**. Số đoàn ra

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **Tổng** |
| Số đoàn | 10 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 25 |
| Số lượt người | 109 | 10 | 15 | 15 | 15 | 15 | 179 |

Nhà trường đã ký kết 02 gói dự án Erasmus (giai đoạn 1: €47,520; giai đoạn 2: €74,600) hợp tác giữa Nhà trường và trường Đại học Ilmenau, CHLB Đức. Dự án đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu khoa học với dự án FIRST Nhà trường đã ký kết và kết hợp với trung tâm MiQro-C2MI/ Teledune Dalsa, Canada và trường Đại học Bách khoa Montreal, Canada thực hiện dự án lên tới 132.454USD [H20.20.02.02].

Hằng năm, Nhà trường có tổ chức các hội nghị, hội thảo với các đối tác như: Trường kết hợp với Viện Khoa học Công nghệ Quân sự tổ chức Hội thảo Quốc gia về ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn; phối hợp với trường Đai Học Ilmenau, CHLB Đức tổ chức hội thảo quốc tế hằng bắt đầu từ năm 2018. Ngoài ra, trương còn phối hợp với nhiều tổ chức khác tổ chức nhiều hội thảo khác nhau như: Phối hợp với Câu lạc bộ Cơ khí động lực Việt Nam, Tạp chí Cơ khí tổ chức thành công Hội thảo Quốc gia năm 2017; Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Công ty Ymazaki Mazak Việt Nam; phối hợp với Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp hội thảo về giải pháp khao học kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Phối hợp với Hội Cơ học vật rắn Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc gia về Cơ học vật rắn [H20.20.02.10], [H20.20.02.11], [H20.20.02.12], [H20.20.02.13], [H20.20.02.14] (chi tiết xem bảng 3).

Đặc biệt Nhà trường đã ký kết với Nhà xuất bản uy tín thế giới – Springer để đăng tuyển tập các bài báo có chất lượng trong hội thảo quốc tế về nghiên cứu ứng dụng và kỹ thuật (tên tiếng anh: International Conference on Engineering Research and Applications) [H20.20.02.15]. Hội thảo quốc tế này đã thu hút được rất nhiều nhà chuyên gia, nghiên cứu trong và ngoài nước và thu về cho Nhà trường kinh phí hội thảo mỗi năm lên đến hơn 300 triệu đồng [H20.20.02.16].

**Bảng 3**. Danh mục hội thảo/ hội nghị quốc gia và quốc tế

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hội nghị/ hội thảo** | **Năm** |
| 1 | Hội thảo khoa học cấp Trường bằng tiếng Anh: “*The 2nd Conference on Applied Science and Technology for International Integration”* | 8/2015 |
| 2 | Hội thảo khoa học cấp Trường bằng tiếng Anh “*The 3nd Conference on Applied Science and Technology for International Integration”* | 8/2016 |
| 3 | Hội thảo quốc gia “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Cơ khí Động lực khu vực trung du và miền núi phía Bắc: Thực trạng và giải pháp*” | 3/2017 |
| 4 | Hội thảo quốc gia “*Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn*” | 5/2017 |
| 5 | Hội thảo quốc gia: “*Tầm nhìn Công nghệ Tương lai và Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới****”*** | 9/2017 |
| 6 | Hội thảo Khoa học cấp trường: “*Hội nghị khoa học công nghệ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp 2017”* | 10/2017 |
| 7 | Hội thảo khoa học cấp trường “*Toán ứng dụng trong các ngành Kỹ thuật*” | 11/2017 |
| 8 | Hội thảo cấp trường “*Toán ứng dụng trong các ngành Kỹ thuật lần 2”* | 5/2018 |
| 9 | Hội thảo “Chào mừng ngày KHCN Việt Nam” | 5/2018 |
| 10 | Hội thảo quốc gia “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn” | 8/2018 |
| 11 | Hội thảo quốc tế International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA) 2018 | 12/2018 |
| 12 | Hội thảo Câu lạc bộ khoa học công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 54 với chủ đề “*Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển và hội nhập tỉnh Thái Nguyên*” | 4/2019 |
| 13 | Hội thảo quốc gia “*Đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp Ô tô gắn với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội khu vực Bắc bộ: Thực trạng và giải pháp trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0*” | 6/2019 |
| 14 | Hội thảo quốc gia “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn” | 10/2019 |
| 15 | Hội thảo quốc tế International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA) 2019 | 12/2019 |
| 16 | Hội nghị triển khai giáo dục STEM trong các trường THPT tỉnh Thái Nguyên | 11/2020 |
| 18 | Đồng tổ chức Hội thảo quốc gia “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn” | 10/2020 |
| 19 | Tổ chức Hội thảo quốc tế International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA) 2020 | 12/2020 |
| 20 | Hội thảo quốc gia “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn” | 5/2021 |
| 21 | Hội Nghị khoa học toàn quốc cơ học vật rắn lần thứ XV | 9/2021 |
| 22 | Đồng tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về giải pháp khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững | 9/2021 |
| 23 | Tổ chức Hội thảo quốc tế International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA) 2021 | 12/2021 |

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### Tiêu chí: 20.3 Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Việc rà soát tính hiệu quả trong hợp tác và đối tác nghiên cứu được xem là một trong những nội dung quan trọng trong các hoạt động phát triển của Nhà trường. Trường có quy định về việc định kỳ rà soát các chinh sách hợp tác và đối tác trong NCKH trong Quy chế tổ chức hoạt động trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường [H20.20.03.01], [H20.20.03.02]. Hàng quý, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế báo cáo các công việc liên quan đến khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế lên Đảng ủy, Ban giám hiệu, Hội đồng Trường. Thông qua hoạt động giám sát của Đảng ủy, Ban giám hiệu và Hội đồng Trường trong các cuộc giao ban Quý của các cán bộ chủ chốt Nhà trường đã chỉ ra các kết quả đạt được, chỉ rõ một số hạn chế trong hoạt động khoa học công nghệ và đề xuất một số giải pháp để phát triển hoạt động khoa học công nghệ nói chung và hợp tác và đối tác nghiên cứu nói riêng và các hoạt động này đều được đưa lên lịch tuần của website Nhà trường [H20.20.03.03], [H20.20.03.04].

Các hoạt động quan hệ hợp tác và đối tác về nghiên cứu khoa học còn được đánh giá thông qua các quy định về quản lý khoa học và hợp tác quốc tế. Rà soát các chính sách, các tiêu chí trong nghiên cứu khoa học; rà soát các đối tác hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hợp tác; rà soát về tài chính, về nguồn lực [H20.20.03.05], [H20.20.03.06], [H20.20.03.07], [H20.20.03.08], [H20.20.03.09], [H20.20.03.10]. Từ đó đưa ra các hiệu chỉnh phù hợp trong công tác hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong học tập và giảng dạy, [H20.20.03.11]. Việc rà soát cũng được thực hiện hàng năm thông qua các hệ thống báo cáo như: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ theo năm học và phương hướng cho năm học tiếp theo, báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [H20.20.03.12], [H20.20.03.13].

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động và chính sách về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học và phương hướng cho năm tiếp theo thông qua hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Trường. Trước khi hội nghị diễn ra, các đơn vị trong toàn Trường có ý kiến góp ý về các chính sách khoa học công nghệ, chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu và các chính sách khác nhằm hoàn thiện các chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu và các chính sách khác. Thông qua sự đồng thuận của hội nghị cán bộ viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành các chính sách mới về hợp tác và đối tác nghiên cứu về khoa học công nghệ. Từ đó, Nhà trường đưa ra các chính sách, cân đối tài chính cho công tác khoa học công nghệ và hợp tác đối tác [H20.20.03.14], [H20.20.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### Tiêu chí: 20.4 Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Nhà trường định kỳ rà soát để đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học và kịp thời cập nhật chiến lược phát triển hợp tác và đối tác để phù hợp hơn với bối cảnh của Nhà trường và xu hướng phát triển của đất nước và thế giới [H20.20.04.01].

Sau khi rà soát, Nhà trường lựa chọn các đối tác để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác phù hợp với chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường. Việc lựa chọn các đối tác mới được thể hiện trong báo cáo các hoạt động từng quý và phương hướng cho quý tiếp theo của các đơn vị trong Trường. Trường chú trọng triển khai nhiều biện pháp tăng cường hợp tác và phát triển các đối tác trường đại học và các doanh nghiệp nước ngoài đặt tại Việt Nam trong nước như: Đại học QG Hà Nội, Công ty TNHH JS HITECH VINA, Công ty CP Cán thép Thái Trung, Công ty TNHH MTV APATIT Việt nam - CN sửa chữa cơ điện, Công ty TNHH Samsung Electro - Mechanics Việt Nam, ... Hơn nữa, Nhà trường đã hợp tác cùng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức quốc tế đến từ các quốc gia có nền kinh tế phát triển như Đức, Canada trong việc thực hiện dự án và ổ chức hội thảo [H20.20.04.02], [H20.20.04.03], [H20.20.04.04].

Bằng việc hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng như: Nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế được tổ chức, nhiều đề tài nghiên cứu các cấp được triển khai, đã thành lập các nhóm nghiên cứu phối hợp với cả các đối tác trong và ngoài nước. Do vậy, các kết quả nghiên cứu khoa học tăng mạnh đạt được các mục tiêu đã đề ra. Số lượng công bố quốc tế tăng nhanh, trong đó nhiều công bố quốc tế có đồng tác giả là các nhà khoa học nước ngoài và các nhà khoa học trong nước. Hầu hết các nhóm nghiên cứu và chương trình nghiên cứu đều có sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài và các nhà khoa học trong nước, do vậy tạo ra sự giao lưu học thuật, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu cho các giảng viên của Trường. Hội thảo Quốc tế có sự phối hợp với nước ngoài do đó chất lượng bài báo trong hội thảo có chất lượng cao được xếp hạng trong danh mục Scopus với rank Q4. Kết hợp nhiều doanh nghiệp trong nước và nhiều doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài mang lại lợi ích kinh tế cho Nhà trường [H20.20.04.02], [H20.20.04.05], [H20.20.04.06], [H20.20.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Từ sự đánh giá qua 04 tiêu chí trong tiêu chuẩn 20, Nhà trường nhận thấy rằng các điểm mạnh mà đã thực hiện được trong gia đoạn 2015-2020 như sau:

- Thứ nhất, cácmối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học đều thực hiện trong kế hoạch và chiến lược của Nhà trường đã hoạch định. Hơn nữa, Nhà trường đã ban hành và triển khai các hoạt động hợp tác và đối tác theo các quy định về quản lý khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế;

- Thứ hai, Nhà trường có đội ngũ giảng viên chất lượng cao và đã thành lập những nhóm nghiên cứu phối hợp với các nghiên cứu trong và ngoài nước với thế mạnh về các mảng nghiên cứu khác nhau. Hơn nữa, nhiều giảng viêc được đào tạo từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới có trình độ chuyên môn cao và có trình độ ngoại ngữ đáp ứng trong công việc;

- Thứ ba, với đặc thù là trường đại học Kỹ thuật, Nhà trường luôn trú trọng vào việc nghiên kết với các đối tác là các doanh nghiệp để tạo ra những thương hiệu sản phẩm của Nhà trường;

- Thứ tư, Nhà trường luôn chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển hợp tác và đối tác trong giảng dạy và trong nghiên cứu.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Song song với những điểm mạnh trọng mục 2, Nhà trường vẫn còn một số những tồn tại sau:

- Thứ nhất, việc phát triển hợp tác đối tác với các trường Đại học, doanh nghiệp nước ngoài còn chưa được phủ rộng tại nhiều nước phát triển trên thế giới;

- Thứ hai, Nhà trường chưa có chính sách khuyến khích cá nhân, đơn vị xây dụng và phát triển hợp tác đối tác trong nghiên cứu khoa học.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Tiếp tục tìm kiếm các đối tác nước ngoài là các nước tiên tiến trên thế giới để hợp tác về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ | - Tập thể lãnh đạo Nhà trường  - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu. | Hàng năm |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Xây dựng chính sách thu hút cá nhân tham gia vào các hoạt động tìm kiếm hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học | - Tập thể lãnh đạo Nhà trường  - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu. | Hàng năm |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Thực hiện và triển khai hiệu quả trong chiến lược, quy định về quản lý khoa học và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học đã đặt ra | - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn liên quan. | Thường xuyên |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Phát huy điểm mạnh của cán bộ giảng viên và các nhóm nghiên cứu chất lượng cao để tăng hiệu quả trong nghiên cứu khoa học | - Tập thể lãnh đạo Nhà trường;  - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu | Thường xuyên |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 3 | Tiếp tục phát huy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong việc hợp tác với các doanh nghiệp | - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu | Thường xuyên |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh 4 | Phát huy tính chủ động trong việc xây dựng hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học | - Tập thể lãnh đạo Nhà trường  - Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế;  - Các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu | Thường xuyên |  |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 19*** | ***5,5*** |
| Tiêu chí 20.1 | 6 |
| Tiêu chí 20.2 | 6 |
| Tiêu chí 20.3 | 5 |
| Tiêu chí 20.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

### Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Chức năng phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của trường đại học đã được quy định tại Luật Giáo dục đại học (sửa đổi năm 2018) và được thể hiện theo một số tiêu chí trong Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & đào tạo. Hoạt động PVCĐ ở Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (KTCN) được quy định tại Quyết định về việc ban hành quy định hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường Đại học KTCN [H21.21.01.02] trên cơ sở quy định về vai trò, vị trí của công tác này tại Nghị quyết về việc ban hành Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 28/4/2021 [H21.21.01.01]. Theo đó kết nối và PVCĐ bao gồm các loại hình hoạt động: *Dạy học tích cực trong môi trường cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng học tập, phát triển ý thức công dân cho người học thể hiện qua các chương trình, hoạt động nhằm ứng dụng KHCN vào giảng dạy để nâng cao chất lượng cho người học về mọi mặt; Các hoạt động vì cộng đồng: là các nỗ lực , hoạt động do nhà trường chủ trì nhằm lan tỏa các giá trị tri thức và các giá trị mà nhà trường mang lại cho cộng đồng. Các hoạt động này là phi lợi nhuận và cũng không nahwmf quảng bá cho các sản phẩm giáo dục; Các hoạt động tình nguyện: là các hoạt động của Nhà trường tham gia theo yêu cầu của cộng đồng nhằm góp phần giải quyết các vấn đề đang đặt ra cho cộng đồng như: hiến máu nhân đạo, tình nguyện vì cộng đồng, hoạt động thiện nguyện, v.v..; Nghiên cứu khoa học dựa vào cộn đồng: là các hoạt động nghiên cứu xuất phát từ các vấn đề cần giải quyết của cộng đồng, có sự tham gia của cộng đồng trong quá trình hình thành ý tưởng và được triển khai, ứng dụng trongc ộng đồng, có sản phẩm nghiên cứu phục vụ sự phát triển của cộng đồng. Ngoài ra, hoạt động PVCĐ tại Nhà trường còn là hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức, hiểu biết xã hội và những vấn đề trong cộng đồng cho CBVC hướng tới phát triển bền vững: các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, góp ý cho văn bản của Nhà nước, v.v…*

Trên cơ sở xác định nội hàm của hoạt động PVCĐ được xác định tại trường Đại học KTCN, hoạt động kết nối và PVCĐ là sự liên kết giữa Nhà trường (đơn vị, tổ chức, đoàn thể trực thuộc, CBVC, người lao động, người học) với các bên liên quan nhằm thực hiện các họat động góp phần vào giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, giúp cộng đồng và xã hội ngày càng phát triển tốt đẹp hơn. Các bên liên quan đối với Nhà trường trong họat động PVCĐ đó là: Chính quyền các cấp; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; Cộng đồng quốc tế. Nội dung của kết nối và PVCĐ bao gồm các hoạt động kết nối và PVCĐ trong các lĩnh vực: Đào tạo, bồi dưỡng; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH&CGCN); Hỗ trợ người học; Hoạt động tư vấn; Hoạt động tình nguyện, từ thiện.

Đối với Trường Đại học KTCN, hoạt động kết nối và PVCĐ được Nhà trường đã khẳng định trong tầm nhìn, sứmạng, chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030, cùng với những nội dung quy định về hoạt động này đã được ban hành. Hàng năm, Nhà trường có các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của mình đã được xác định. Các chính sách, kế hoạch kết nối và cũng cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường được thể hiện qua các kế hoạch hoạt động cụ thể của các đơn vị chức năng và các tổ chức đoàn thể trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có liên quan đến công tác kết nối và PVCĐ.

Chính sách tổng thể về hoạt động kết nối, PVCĐ của Nhà trường được quy định tại quy định về hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường [H21.21.01.02]. Có thể nói, văn bản này đã quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và PVCĐ trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời, văn bản cũng đã quy định rất rõ nội dung, hình thức tổ chức các họat động kết nối và PVCĐ của Nhà trường. Cùng với đó là quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong công tác này. Theo đó, Phòng CTHSSV được giao nhiệm vụ là đầu mối để tổ chức, thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ để đảm bảo các tiêu chuẩn và nâng cao công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Các đơn vị liên quan đã được quy định tại nội dung của hoạt động kết nối và PVCĐ theo quy định này xây dựng kế hoạch hoạt động trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Trong thực tiễn triển khai, các đơn vị, tổ chức đoàn thể trực thuộc chủ yếu có liên quan đến công tác này bao gồm: Phòng CTHSSV; Phòng Đào tạo; Phòng Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế (KHCN&HTQT); Phòng Hành chính – tổ chức (HCTC); Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội (ĐTTNCXH); Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và chuyển giao tri thức (HTKN&CGTT); Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp (HTDN); Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông (TS&TT) và các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các khoa chuyên môn.

Đối với xây dựng kế hoạch, hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ được quy định, các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của đơn vị trong đó có nội dung về hoạt động kết nối và PVCĐ. Cụ thể như:

Phòng CTHSSV xây dựng kế hoạch công tác năm học [H21.21.01.03] trong đó có các nội dung liên quan công tác tư vấn tấm lý, việc làm và các kỹ năng cần thiết để người học có nhiều cơ hội việc làm, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp; kết nối với mạng lưới các nhà tuyển dụng, phối hợp tổ chức Ngày hội việc làm, định hướng nghề nghiệp và cung cấp các thông tin phù hợp cho nhà tuyển dụng; kế hoạch các hoạt động ngoại khóa để người học được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ học thuật với các bên liên quan.

Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch công tác năm học [H21.21.01.04] trong đó có nội dung đánh giá trên cơ sở khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, cơ hội việc làm, thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiêp, chất lượng đào tạo của Nhà trường và cung cấp các thông tin về ngành, chương trình đào tạo, khả năng đáp ứng việc làm của người học.

Phòng KHCN&HTQT trong kế hoạch công tác năm học [H21.21.01.05] có ban hành kế hoạch về việc phối hớp với địa phương, đơn vị, tổ chức trong NCKH và chuyển giao kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội; Kế hoạch cho việc kết nối và tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Nhà trường; Kết nối nhằm khai thác các đề tài NCKH, dự án các cấp.

Phòng HC – TC ban hành kế hoạch công tác năm [H21.21.01.06] trong đó có kế hoạch tổ chức hoặc tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC.

Trung tâm HTKN&CGTT trong kế hoạch công tác năm học [H21.21.01.07] nêu rõ các công tác cần được triển khai thực hiện trong năm như: liên kết với các Trường THPT trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động đào tạo Stem cho giáo viên, học sinh các trường THPT, nhằm góp phần nâng cao hiểu biết về tri thức khoa học cho xã hội nói chung và học sinh THPT nói riêng.

Trung tâm TS&TT hàng năm ban hành kế hoạch công tác trong đó có hoạt động Ngày hội mở trường (Open - Day); Ngày hội Stem; trao tặng các thiết bị là sản phẩm KHCN của Nhà trường cho các trường học, đơn vị trong và ngoài Tỉnh nhằm hỗ trợ các tổ chức này trong công tác phòng chống dịch Covid – 19 [H21.21.01.08].

Trung tâm ĐTTNCXH trong kế hoạch công tác hàng năm cũng đã đưa ra kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho sinh viên nhằm giúp người học được trau rồi về kiến thức, kỹ năng phục vụ tốt nhất cho công tác sau khi tốt nghiệp [H21.21.01.09].

Trung tâm HTDN xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động kết nối với doanh nghiệp nhằm trao đổi, tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên về sản phẩm KHCN, về đào tạo nguồn nhân lực, về đào tạo cán bộ nguồn cho doanh nghiệp từ sinh viên trong trường đặc biệt là trong trao đổi, hợp tác với các đối tác nước ngoài [H21.21.01.10].

Hàng năm, Công đoàn Trường có kế hoạch hoạt động cụ thể [H21.21.01.11] cho các hoạt động thiện nguyện hỗ trợ trẻ em vùng cao, trẻ em chất độc màu da cam, chương trình “Đền ơn đáp nghĩa”, v.v…

ĐTN-HSV hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng tại các tỉnh, địa phương như các chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Hiến máu nhân đạo, Tiếp sức mùa thi, v.v.. [H21.21.01.12].

Từ các kế hoạch cụ thể đó, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch công tác năm học nhằm tổng thể về các nội dung công tác của nhà trường [H21.21.01.13] **nhằm** thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình vì lợi ích chung của xã hội, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Trên cơ sở quy định về nội dung công tác kết nối và PVCĐ, các chính sách và hứớng dẫn triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ, Nhà trường đã triển khai thực hiện các công tác kết nối & PVCĐ qua việc thực hiện kế hoạch công tác của các đơn vị đầu mối và các đơn vị liên quan. Có thể đánh giá việc thực hiện công tác này theo các mảng nội dung sau:

*Trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng*

Nhà trường đã thực hiện việc liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đào tạo trong vào ngoài nước nhằm hướng tới sự hợp tác song phương, toàn diện để phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng xã hội. Theo đó, việc liên kết đào tạo được thực hiện đối với cả đội ngũ cán bộ viên chức và cả đối với sinh viên của Nhà trường qua các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho CBVC và người học.

+ Đối với cán bộ viên chức: Căn cứ vào tình hình thực tế và dựa vào đề xuất của cá nhân, hàng năm Nhà trường cử một số lượng đáng kể CBVC tham gia học các khóa học ngắn hạn nhằm bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ qua việc liên kết đào tạo với các đơn vị ngoài trường như: Học viện Quản lý giáo dục trong việc mở các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh cho giảng viên: chức danh giảng viên chính, giảng viên cao cấp, chuyển ngạch,v.v..[H21.21.02.01], lớp học về bồi dưỡng quản lý nhà nước [H21.21.02.02]; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong việc cử CBVC tham gia học Cao cấp lý luận chính trị [H21.21.02.03]; Trường Chính trị Tỉnh Thái Nguyên với việc mở lớp và cử CBVC tham gia học các lớp Trung cấp lý luận chính trị [H21.21.02.04]; CBVC tham gia các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng về năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực về chuyên môn, năng lực quản trị đại học, về hỗ trợ phụ nữ trong lãnh đạo theo chương trình “Úc cùng Việt Nam phát triển” hợp tác giữa Chính phủ Úc và Chính phủ Việt Nam qua chương trình Aus4skills [H21.21.02.05], cùng nhiều khóa học khác giúp nâng cao năng lực cho CBVC trong Trường.

+ Đối với sinh viên: ngoài việc chú trọng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường còn không ngừng quan tâm tới việc bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho sinh viên để các em có hành trang đầy đủ và tốt nhất cho công việc, phục vụ xã hội sau khi tốt nghiệp qua việc liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước [H21.21.02.06] phối hợp các hoạt động tổ chức đào tạo như: hợp tác với doanh nghiệp của Nhật Bản trong chương trình Thực tập diện kỹ sư cho sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí [H21.21.02.07]; hợp tác với doanh nghiệp trong nước về đào tạo cán bộ nguồn cho doanh nghiệp [H21.21.02.08]. Mặt khác, Nhà trường cũng đã tổ chức nhiều khóa học ngắn hạn theo nhu cầu nâng cao, mở rộng kiến thức của người học như: khóa học về ngoại ngữ, khóa học về lập trình PLC [H21.21.02.09]. Qua đây, người học được nâng cao về chuyên môn, kỹ năng góp phần vào công tác PVCĐ của Nhà trường. Đối với các chương trình đào tạo Quốc tế, Nhà trường hợp tác với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới trong liên kết đào tạo như: đào tạo Chương trình 2+2 với Trung Quốc; đào tạo Lưu học sinh diện học bổng toàn phần, diện hiệp định, diện tự túc với các nước Laos, Cambodia, Modambic, v.v. [H21.21.02.10].

Có thể nói, việc Nhà trường liên kết với các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước trong việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC và sinh viên là một trong những hoạt động quan trọng nhằm thực hiện sứ mệnh, mục tiêu chiến lược phát triển Nhà trường nói chung và nâng cao chất lượng công tác kết nối, PVCĐ nói riêng. Tham gia các khóa học ngắn hạn, CBVC và người học được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết phục vụ cho công tác hiện tại và sau khi tốt nghiệp. Đây chính là kết quả cho sự gắn kết của Nhà trường với xã hội, hướng tới mục tiêu giáo dục vì sự phát triển của cộng đồng.

Thực hiện việc khảo sát, dự báo nhu cầu đào taọ nguồn nhân lực, cơ hội việc làm, thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng là những nội dung công tác được Nhà trường quan tâm thực hiện thể hiện sự kết nối nhằm PVCĐ. Là cơ sở đào tạo các ngành về kỹ thuật, Trường Đại học KTCN là một trong những cơ sở đào tạo có vai trò quan trọng trong việc cung cấp một lượng lớn nguồn nhân lực có trình độ cao về kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của sự phát triển đất nước trong chiến lược đưa đất nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp và phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hiện nay. Do đó, việc khảo sát người học trong và sau khi tốt nghiệp, khảo sát doanh nghiệp, khảo sát cựu sinh viên [H21.21.02.11] về cơ hội việc làm, việc làm sau tốt nghiệp, nhu cầu nguồn nhân lực, chất lượng đào tạo là một trong những công tác được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhằm tạo dựng bộ dữ liệu quan trọng phục vụ việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với nhu cầu xã hội, nâng cao công tác phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, khả năng đáp ứng việc làm của người học cũng là một trong những nội dung trong công tác kết nối, PVCĐ của Nhà trường. Nhận thấy việc cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, khả năng đáp ứng việc làm của người học một cách công khai là yếu tố quan trọng để xã hội có thông tin về nhà trường từ đó quyết định đến việc lựa chọn ngành học phù hợp, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Các thông tin liên quan đến ngành nghề, chương trình đào tạo, v.v. được Nhà trường đăng tải công khai trên website của Trường và trong các thông tin về tuyển sinh các năm [H21.21.02.12]. Cổng thông tin điện tử <http://www.tnut.edu.vn/> là kênh thông tin chính thống của Nhà trường để chuyển tải toàn bộ thông tin, chủ trương của Trường về các hoạt động giáo dục – đào tạo, NCKH và PVCĐ. Qua đó, các chính sách, hướng dẫn, quy trình, nghiệp vụ liên quan các hoạt động kết nối & PVCĐ đều được công bố công khai, tạo điều kiện cho VC-NLĐ tiếp cận dễ dàng. Cụ thể, qua Website của phòng Đào tạo, SV sẽ nắm được các thông tin liên quan đến thực tập và được hướng dẫn rõ ràng; Qua website của phòng CTHSSV, người học có thể tìm kiếm các thông tin về việc làm theo thông tin tuyển dụng được các doanh nghiệp, cơ quan gửi đến Nhà trường; Đặc biệt, website của Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp là đầu mối cung cấp địa chỉ kết nối các doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực phong phú - các thông tin về ngày hội việc làm, cơ hội thực tập diện kỹ sư ở nước ngoài, là nơi giới thiệu các thông tin về kết nối Nhà trường với doanh nghiệp.

*Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ*

Là một trong các cơ sở đào tạo có thế mạnh về các ngành khoa học kỹ thuật với bề dầy lịch sử hình thành và phát triển, Trường Đại học Kỹ thuật luôn tăng cường công tác kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Nội dung này được triển khai thực hiện thường xuyên qua các hoạt động có chất lượng như:

Phối hợp tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội [H21.21.02.13].

Chủ trì tổ chức các hội nghị cấp Quốc gia về khoa học kỹ thuật hàng năm [H21.21.02.14]; tổ chức Hội thảo Quốc tế ICERA [H21.21.02.15] và tham gia các hội thảo, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực khoa học trong toàn quốc [H21.21.02.16].

Kết nối với các địa phương, doanh nghiệp nhằm khai thác các đề tài NCKH, dự án các cấp [H21.21.02.17].

*Trong lĩnh vực hỗ trợ người học*

Nhằm mục tiêu thực hiện và nâng cao chất lượng công tác kết nối và PVCĐ, công tác hỗ trợ người học cũng được chú trọng thực hiện với Trường Đại học KTCN. Nhà trường đã triển khai qua các hoạt động hỗ trợ người học như sau:

Nâng cấp thiết bị, hệ thống dữ liệu, phần mềm tra cứu tại thư viện giúp người học có cơ hội trong việc tiếp cận và khai thác để sử dụng các nguồn lực về học liệu [H21.21.02.18]; Duy trì và nâng cao và hoạt động của Trung tâm Tư vấn & hỗ trợ sinh viên từ năm 2014 đến nay nhằm hỗ trợ người học [H21.21.02.19]; Chú trọng công tác của đội ngũ CNL-CVHT qua quy chế Công tác CNL-CVHT [H21.21.02.20]; hỗ trợ sinh viên về tài chính qua việc thực hiện chế độ chính sách theo các quy định hiện hành [H21.21.02.21] và tìm kiếm các nguồn học bổng ngoài ngân sách [H21.21.02.22] để sinh viên có điều kiện tốt hơn trong học tập và rèn luyện.

Tổ chức thực hiện tuyên truyền, định hướng cho sinh viên về hướng nghiệp, việc làm, các kỹ năng cần thiết để sinh viên có nhiều cơ hội và lựa chọn việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, nội dung này được Nhà trường thực hiện qua việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân – HSSV giữa, cuối khóa [H21.21.02.23] và qua nội dung các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể dưới sự hướng dẫn của đội ngũ CNL – CVHT [H21.21.02.24].

Nhà trường thường niên tổ chức các sự kiện: ngày hội việc làm, kết nối doanh nghiệp, hội thảo tuyển dụng [H21.21.02.25] giúp người học có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp, định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp và Nhà trường có thể cung cấp thông tin phù hợp về người học cho nhà tuyển dụng.

Việc tạo điều kiện để người học tham gia các hoạt động ngoại khóa là một trong những nội dung được nhà trường quan tâm qua việc ban hành và triển khai Đề án Nâng cao hoạt động ngoại khóa cho người học [H21.21.02.26]; các chính sách về hỗ trợ người học tham gia các hoạt động, chương trình phát triển chuyên môn, kỹ năng, hoạt động xã hội được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H21.21.02.27].

*Trong các hoạt động tình nguyện, từ thiện*

Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã thực hiện nhiều chương trình nhằm góp sức vào sự phát triển của cộng đồng như:

Công đoàn Trường hàng năm tổ chức các hoạt động từ thiện nhằm giúp đỡ người nghèo, trẻ em vùng dân tốc thiểu số, vùng có điều kiện khó khăn, vùng bị ảnh hưởng bởi lũ lụt [H21.21.02.28] với những món quà có ý nghĩa nhân văn sâu sắc từ sự chung tay của cán bộ viên chức trong Nhà trường. Đặc biệt trong năm 2019, trước ảnh hưởng của lũ lụt ở miền Trung, CBVC vùng với sinh viên Nhà trường đã thực hiện việc quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung với nhiều hình thức khác nhau [H21.21.02.29]; trong năm 2022 do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid 19, Nhà trường đã phát động phong trào ủng hộ trong CBVC, sinh viên, cựu sinh viên để hỗ trợ sinh viên nhà trường mắc Covid trong khu nội trú, đang học tập tại Trường [H21.21.02.30].

Đoàn thanh niên – Hội sinh viên Nhà trường hàng năm thông qua các hoạt động như: “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Hiến máu tình nguyện”, “Phòng chống dịch bệnh Covid 19”, “Thắp sáng thôn làng”, v.v.. đã góp phần chung tay vì cộng đồng [H21.21.02.31].

Ngoài ra, trong 3 năm vừa qua, trước ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 trong toàn xã hội, Nhà trường đã có nhiều hoạt động thiết thực chung tay vào việc phòng, chống dịch bệnh như: tặng dung dịch sát khuẩn; máy đo thân nhiệt tự động; máy rửa tay tự động – là sản phầm KHCN của cán bộ và sinh viên Nhà trường tặng cho các đơn vị, tổ chức, trường học trong và ngoài địa bàn Tỉnh Thái Nguyên [H21.21.02.32]. Đây là hoạt động có ý nghĩa quan trọng không chỉ khẳng định những kết quả của Nhà trường trong đào tạo, NCKH mà còn là thể hiện trách nhiệm của Nhà trường với xã hội trong việc chung tay xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

### Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh việc ban hành, thực thi các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCĐ, Nhà trường cũng đã triển khai được hệ thống đo lường, giám sát hoạt động này, thực hiện công tác đo lường, giám sát giúp công tác kết nối và PVCĐ được thực sự đi vào chiều sâu, hoạt động có hệ thống đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả Nhà trường và cộng đồng. Việc đo lường, giám sát triển khai thực hiện việc kết nối và PVCĐ được thực hiện theo các chủ thể:

*Đối với VC-NLĐ, Nhà trường:* Để đo lường, giám sát và đánh giá việc kết nối và PVCĐ của VC-NLĐ, Nhà trường ban hành các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành công việc cá nhân. Trong Quy chế làm việc của cán bộ viên chức, NLĐ, Nhà trường ban hành, có quy định rõ về khối lượng nghiên cứu khoa học, định mức tham gia các hoạt động tự bồi dưỡng trong đó có việc tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ [21.21.03.01]. Trên cơ sở bảng Báo cáo cuối năm của mỗi cá nhân VC, NLĐ, trong đó sẽ được P.HCTC tổng hợp tất cả các mặt hoạt động của từ các đơn vị khác báo cáo lên bao gồm: Công tác chuyên môn, NCKH, hoạt động tự bồi dưỡng trong. Trong bản báo cáo có thang điểm đánh giá cho từng mục và được Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác. Kết quả đánh giá là cơ sở để xem xét lại ngạch, bậc lương và các khoản phụ cấp của VC-NLĐ đồng thời là cơ sở xét thi đua năm học cho các cá nhân và tập thể theo quy định về đánh giá, xếp loại CBVC-NLĐ hàng năm [21.21.03.02].

Công tác đo lường, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện  
thông qua hệ thống tự đánh giá (đánh giá nội bộ). Hệ thống tự đánh giá được  
vận hành dựa trên việc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng Khoa/Trung tâm,  
Phòng/Ban chức năng, mô tả công việc, phân công nhiệm của mỗi bộ phận, cá nhân để có trách nhiệm tự theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện, kết quả đạt được [21.21.03.03]. Để tiến trình tự đánh giá đạt hiệu quả, trong bảng kế hoạch hằng năm các đơn vị luôn đề ra mục tiêu kèm theo chỉ số (số lượng/ tỷ lệ phần trăm) trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị [21.21.03.04]. Các chỉ số hoạt động này là công cụ đo lường mức độ hoàn thành/hiệu quả hoạt động được đánh giá vào mỗi cuối năm học theo bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại đơn vị do Nhà trường ban hành [21.21.03.04].

Việc thực hiện các hoạt động kết nối & PVCĐ của đơn vị, cá nhân cũng được giám sát của các các bên liên quan khác như P.HCTC, Công đoàn, ĐTN, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám hiệu,… bằng nhiều hình thức như: thực hiện báo cáo công tác theo tháng, theo năm học của các đơn vị chức năng có liên quan [21.21.03.05], báo cáo tổng kết các chương trình hành động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên [21.21.03.06]. Ngoài việc giám sát, đo lường mức độ hoàn thành các nội dung công việc về kết nối và PVCĐ của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, việc rà soát tổng thể còn được thể hoạt động này của Nhà trường còn được thực hiện hàng năm qua hoạt động tổng kết năm học của Nhà trường nhằm đánh giá kết quả thực hiện các mảng công tác trong năm học vừa qua [21.21.03.07]. Việc giám sát, đánh giá của bên ngoài đối với Nhà trường trong đó có nội dung về PVCĐ còn được thực hiện hàng năm qua công tác kiểm tra, đánh giá các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Thái Nguyên dựa trên bộ tiêu chí đánh giá các đơn vị đào tạo do ĐHTN ban hành [21.21.03.08]; công tác rà soát, đánh giá Nhà trường giữa chu kỳ [21.21.03.09]; công tác tự đánh giá Nhà trường và công tác đánh giá Nhà trường theo chu kỳ dựa trên bộ tiêu chí đánh giá cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục & đào tạo ban hành trong đó có các tiêu chuẩn liên quan đến công tác kết nối PVCĐ đó là tiêu chuẩn 5, 12, 21, 24 [21.21.03.10].

*Đối với hoạt động kết nối & PVCĐ của các đơn vị đoàn thể thuộc Trường:* Với tính chất cơ bản là các hoạt động tình nguyện, từ thiện trong công tác PVCĐ, giám sát, rà soát kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thển ở lĩnh vực này được thực hiện khá đầy đủ. Theo đó, công tác Đoàn, Hội được Nhà trường đánh giá trên cơ sở của việc ban hành một số tiêu chí, tiêu chuẩn làm cơ sở đo lường và giám sát các hoạt động cộng đồng của SV (SV5T, SV NCKH cấp Bộ, giải Euréka, Mùa hè xanh, Xuân Tình Nguyện, hiến máu nhân đạo, … ). Bên cạnh đó, việc đánh giá sự tham gia của người học vào hoạt động PVCĐ được thực hiện qua công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hàng kỳ học trong đó có nội dung đánh giá sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa [21.21.03.11] trong đó quy định rõ nhóm điểm cho sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học theo từng mức độ (thang điểm đánh giá điểm rèn luyện) và nhóm điểm cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa (các phong trào sinh viên tình nguyện, phục vụ cộng đồng). Điểm ngoại khóa của sinh viên được Đoàn TN nhà trường triển khai qua hệ thống phần mềm SV Online (2018,2019) và SVNet (2019 cho đến nay). Phần mềm này được triển khai đồng bộ, thống nhất trong tất cả các trường của Đại học Thái Nguyên giúp cho đoàn viên SV có thể chủ động trong việc đăng ký hoạt động nhóm, hoạt động ngoại khoái theo từng học kỳ, là cơ sở để đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đánh giá phân loại đoàn viên theo học kỳ và năm học [21.21.03.12] đồng thời cũng là cơ sở để đánh giá xét các danh hiệu thi đua khen thưởng năm học cho sinh viên Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

### Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá chất lượng công tác kết nối, PVCĐ, hàng năm, nhà trường đưa ra kế hoạch phục vụ cộng đồng thông qua kế hoạch, chương trình công tác năm học gắn liền với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này [21.21.04.01]. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, cải tiến về thể chế, chính sách*

Nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh một số văn bản và ban hành một số văn bản phù hợp với tình hình thực tiễn như: Ban hành quy định về tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 [21.21.04.02] trong đó quy định nội dung về kết nối PVCĐ là một trong những nội dung cơ bản trong hoạt động của Nhà trường. Đây là một bước cải tiến quan trọng của Nhà trường về chính sách bởi nội dung về kết nối, PVCĐ đã được chính thức đưa vào văn bản chỉ đạo của Nhà trường; Ban hành Quy định về Quy chế làm việc cho CBVC và NLĐ [21.21.04.03] trong đó mức đánh giá về công tác PVCĐ của cán bộ, viên chức, NLĐ hàng năm, những nội dung công tác của CBVC, người lao động được đánh giá liên quan đến công tác PVCĐ được đề ra trong quy chế chính là cách thể hiện PVCĐ là một trong những nhiệm vụ của CBVC, NLĐ nhà trường bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng; Một số quy định, quy chế cũng được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn trong đó có nội dung hướng tới cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PVCĐ của sinh viên qua Quy chế đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên ĐH hệ chính quy [21.21.04.04].

*Thứ hai, là những cải tiến về bộ máy, phương thức tổ chức các hoạt động kết nối PVCĐ*

Nhận thức về tầm quan trọng của công tác kết nối & PVCĐ là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường theo Luật định, Nhà trường đã quy định về đơn vị giữ vai trò là đầu mối để triển khai, tổ chức các hoạt động về PVCĐ là Phòng Công tác HSSV tại Quy chế ban hành về công tác PVCĐ tại trường Đại học KTCN [21.21.04.05].

Ngoài ra, sự ra đời của một số đơn vị chức năng thuộc Trường như: Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp & chuyển giao tri thức; Trung tâm Đào tạo theo NCXH; Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp; Trung tâm Tuyển sinh và truyền thông là những đơn vị có chức năng cơ bản về thực hiện các nhiệm vụ kết nối, hỗ trợ cộng đồng song song với nhiệm vụ phát triển Nhà trường [21.21.04.06].

Cùng với đó, phương thức hoạt động của các đơn vị cũng có những cải tiến nhằm nâng cao chất lượng hoạt động; Nhà trường đã mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi sản phẩm KHCN để PVCĐ tới nhiều đối tượng hơn đó là các Trường THPT, THCS, Cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài Tỉnh; hợp tác đã vươn ra nhiều nước trên thế giới như: Laos, Cambodia, Philippin, Modambic, Đức…thay cho một số đối tác quen thuộc trước đây [21.21.04.07].

Trên cơ sở những cải tiến đó, Nhà trường đã đạt Kết quả cải tiến từng mặt hoạt động điển hình như sau:

*Về hoạt động Tình nguyện của sinh viên:* (Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo, Xuân Tình Nguyện,… ), phong trào SV NCKH, SV5T: ngày càng mở rộng quy mô tổ chức và số lượng SV đăng ký tham gia ngày càng tăng [21.21.04.07]. Các hoạt động tình nguyện từng bước được mở rộng quy mô, địa bàn và lực lượng với nội dung phong phú hơn, hình thức đa dạng hơn. Chiến dịch Mùa hè xanh tham gia thực hiện các mục tiêu toàn diện từ xây cầu đường nông thôn đến hoạt động bảo vệ môi trường, từ tư vấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho bà con nông thôn vùng sâu vùng xa đến mắc điện chiếu sáng cho thôn quê, cải tạo hệ thống điện cho nhân dân, kết hợp cùng địa phương tham gia các chương trình hỗ trợ cho các em học sinh tiểu học, hỗ trợ công tác xây nhà tình nghĩa… Trong ba năm trở lại đây (giai đoạn 2019-2022), dịch bệnh covid bùng phát, Đoàn TN đã phát huy thế mạnh xung kích của mình khi tham gia tích cực vào các hoạt động phòng chống covid tại trường, hỗ trợ tối đa công tác trực, hỗ trợ y tế nhà trường, hỗ trợ các sinh viên nhiềm covid 19 [21.21.04.08].

*Về hoạt động đào tạo và NCKH:* Nhà trường đã cải tiến một số chính sách về tài chính và nguồn nhân lực để đẩy mạnh các hoạt động KHCN trong toàn Trường [21.21.04.04] như: Thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học sinh viên, thành lập LAB STEM. Trong đó điều chỉnh việc Quy đổi các hoạt động NCKH ra tiết chuẩn chi tiết và rõ ràng hơn. Nhiều chương trình trao đổi SV giữa nhà trường với một số trường đại học quốc tế, nhiều chương trình về hợp tác đào tạo và NCKH được ký kết với các tổ chức ngoài trường ngày càng tăng [21.21.04.09]

*Về chương trình Tư vấn – Hướng nghiệp:* Nhằm cung cấp nhiều thông tin hơn  
đến cho phụ huynh và học sinh phổ thông để lựa chọn ngành nghề và trường học phù hợp, Nhà trường liên tục cải tiến chiến lược tuyển sinh. Các chiến lược này được thể hiện thông qua việc thay đổi phương thức tư vấn – hướng nghiệp như mở rộng phạm vi triển khai công tác tư vấn hướng nghiệp, nâng số lượng chương trình, số lượng Tỉnh/Thành, trường THPT mà nhà trường đến tư vấn qua các năm, tổ chức các buổi tư vấn online với sự tham gia của Trung tâm tư vấn tuyển sinh, Đại diện Ban giám hiệu, các khoa chuyên môn nhằm tư vấn, giải đáp trực tiếp cho phụ huynh và học sinh trên cả nước [21.21.04.10].

*Về hoạt động Kết nối – Hợp tác doanh nghiệp*: Từ nhiều năm nay, Nhà trường liên tục tổ chức các ngày hội việc làm với các tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước với số lượng ngày càng tăng , tạo cơ hội việc làm cho SV ngày càng nhiều. [21.21.04.11]. Về phía cộng đồng, Nhà trường góp phần đào tạo cung cấp nguồn lực trí tuệ cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của cả nước. Hàng năm Nhà trường có kế hoạch tuyển sinh khắp cả nước, tổ chức đào tạo và cuối cùng cung cấp hơn 2.000 kỹ sư/cử nhân trình độ đại học và thạc sĩ cho các địa phương trong cả nước/năm [21.21.04.12]. Với tổng số nguồn lao động tại nhà trường và được đào tạo, ngoài việc đóng góp sức lao động trí tuệ, hàng năm, đội ngũ này đã đóng góp thuế theo nghĩa vụ, góp phần làm tăng nguồn tài chính của địa phương.

Mọi công tác triển khai của Nhà trường đều có sự phối hợp của các bên liên  
quan nhằm xây dựng nên những kế hoạch, các chương trình hữu hiệu về PVCĐ. Các góp ý của các bên liên quan trong từng chương trình hành động hoặc sau khi có kết quả hoạt động. Nhà trường tổ chức khảo sát sinh viên hàng năm để có những cải tiến thiết thực nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ sinh viên về công tác PVCĐ [21.21.04.13]. Kết quả cho thấy mức độ SV hài lòng ngày càng. Sau mỗi chương trình Ngày hội việc làm, nhà trường đều khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về nội dung và công tác tổ chức ngày hội từ đó đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm để ngày càng nâng cao chất lượng hợp tác doanh nghiệp [21.21.04.14]. Ngoài ra nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường còn thực hiện khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng SV tốt nghiệp đã và đang làm việc tại các đơn vị [21.21.04.15]. Theo dõi mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng qua nhiều năm liền, Nhà trường nhận thấy xu hướng hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Nhà trường ngày càng được xã hội tiếp nhận và đề cao. Đây được xem là kết quả cho những nỗ lực của Nhà trường trong việc thực hiện các chính sách phát triển trong đó cóa hoạt động kết nối & PVCĐ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

a. Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể các hoạt động, các nội dung công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, các văn bản được xây dựng và ban hành đảm bảo công khai, dân chủ, phù hợp điều kiện thực tế và được đánh giá, hiệu chỉnh qua từng giai đoạn. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đều được xây dựng thành kế hoạch cụ thể, sau mỗi hoạt động đều có báo cáo tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

b. Có đơn vị đầu mối với đội ngũ cán bộ chuyên trách nhiệt tình, năng động, trách nhiệm cùng trách nhiệm cao của các đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ kết nối & PVCĐ của Nhà trường.

c. Được sự đồng tình, ủng hộ, phối hợp tốt từ các đơn vị, cá nhân liên quan như chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm.

d. Sự kết nối chặt chẽ từ Đoàn trường với các tổ chức cấp trên như thành Đoàn, Hội SV Việt Nam, Đoàn khối…

e. Thu hút được đông đảo giảng viên và sinh viên tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

f. Các đề tài nghiên cứu khoa học ngày càng mang tính thực tiễn cao và ứng dụng hiệu quả vào đời sống sản xuất, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước

g. Nhà trường đã triển khai rất hiệu quả hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

h. Các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa của nhà trường được triển khai đúng đối tượng, đúng thời gian, phù hợp với kinh phí và được giám sát tốt nên đã mang lại hình ảnh và ấn tượng tốt cho cộng đồng.

i. Ban Chấp hành Đoàn luôn theo dõi ý kiến của người học để tổ chức chương trình thật sự phù hợp, tổ chức họp đánh giá sau mỗi chương trình và linh động xử lý các tình huống xảy ra bất ngờ trong mỗi chương trình

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

a. Với sự phát triển nhanh và mạnh của các hoạt động liên kết phục vụ cộng đồng như hiện tại, nguồn kinh phí chi cho các hoạt động còn bị động, còn nhiều hạn chế.

b. Một bộ phận sinh viên còn thờ ơ, thụ động với các hoạt động Đoàn hội, phong trào, công tác tuyên truyền, vận động thanh niên, sinh viên chưa tốt ở một số đơn vị.

c. Công tác khen thưởng, động viên cán bộ, SV chưa kịp thời, đôi lúc chưa phát huy hiệu quả động viên, tuyên truyền.

d. Việc kết nối, gắn kết với các địa phương, tổ chức đôi lúc, đôi chỗ mới dừng lại ở chiều rộng chưa đi vào chiều sâu.

e. Hiện nay trường đã có hướng dẫn cụ thể về các thủ tục quyết toán đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng nhưng nhìn chung thủ tục vẫn còn phức tạp và tốn nhiều thời gian.

f. Chưa có kế hoạch chính xác về các chỉ số và chỉ báo như số lượng người tham gia, thời gian, kinh phí thực hiện,...

g. Khả năng phối hợp giữa các bên liên quan còn chưa tốt.

h. Chương trình chưa phục vụ được số đông người học tham gia.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Tăng cường vận động các đối tác, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân cùng đồng hành với các hoạt động cộng đồng của nhà trường, qua đó kêu gọi, tận dụng các nguồn lực, sự hỗ trợ từ các DN, mạnh thường quân. | Các đơn vị | Trong suốt chu kỳ 2023-2028 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Tặng cường hoạt động truyền thông, phát huy vai trò của các LCĐ Khoa, các câu lạc bộ đội nhóm trong việc tuyên truyền, vận động, tập hợp thanh niên tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội | P. CTHSSV; Trung tâm TS&TT; Đoàn TN; Công đoàn | Suốt chu kỳ |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại 3 | Xây dựng quy đinh về khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể trong và ngoài trường có những hoạt động, thành tích tốt trong các hoạt động cộng đồng, tình nguyện. | P. HCTC – đầu mối tham mưu | 2023 |  |
| 4 | Khắc phục tồn tại 4 | Thực hiện kết nghĩa với từ 3 đến 5 địa phương trong năm 2022 – 2023, thực hiện nhiều giải pháp thắt chặt các mối quan hệ với địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác nhằm hướng đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được sâu và rộng hơn | P. HCTC; ĐTN; Trung tâm HTDN | 2022-2023 |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại 5 | Đơn giản hóa thủ tục để việc quyết toán đề tài được nhanh chóng |  | Thường xuyên |  |
| 6 | Khắc phục tồn tại 6 | Ứng dụng công nghệ và các giải pháp hiện đại để dự báo chính xác các chỉ số, chỉ báo cụ thể. | Trung tâm TT-TV; Các đơn vị liên quan đến khảo sát | Thường xuyên |  |
| 7 | Khắc phục tồn tại 7 | Lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Đoàn Thanh niên. | Đoàn Thanh niên | Tháng 01 năm 2023 |  |
| 8 | Phát huy điểm mạnh 7 | Có cơ chế ưu tiên và khuyến khích cho các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng. | Nhà trường, P. KHCN&HTQT là đầu mối tham mưu | 2022-2023 |  |
| 10 | Phát huy điểm mạnh 8 | Xây dựng kế hoạch cụ thể và chi tiết cho các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.  Phối hợp đồng bộ giữa các nguồn lực để triển khai hiệu quả hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. | P.CTHSSV là đầu mối | 2022-2023 |  |
| 11 | Phát huy điểm mạnh 9 | Họp đánh giá sau các chương trình Kết nối & PVCĐ | Đoàn thanh niên; CĐ; Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 21*** | ***5,00*** |
| Tiêu chí 21.1 | 5 |
| Tiêu chí 21.2 | 6 |
| Tiêu chí 21.3 | 5 |
| Tiêu chí 21.4 | 4 |

## Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

### Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (TNUT) tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian đào tạo chuẩn để người học hoàn thành một chương trình đào tạo (CTĐT). Thời gian của một khoá học tuỳ thuộc vào ngành đào tạo và trình độ đào tạo. Thời gian đào tạo này được quy định trong quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và được phổ biến cho sinh viên ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học, khi sinh với mới nhập học.

Theo quy chế đào tạo 460/QĐ-ĐHKTCN ban hành ngày 31/8/2018 [H22.22.01.01]:

+ 4.5 năm cho khối ngành kỹ thuật, 4 năm cho khối ngành công nghệ, kinh tế công nghiệp và ngôn ngữ Anh đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

+ 2 năm cho khối ngành kỹ thuật và công nghệ, 1.5 năm cho khối ngành kinh tế công nghiệp đối với người học có bằng cao đẳng cùng ngành.

Theo quy chế đào tạo 2023/QĐ-ĐHKTCN ban hành ngày 16/9/2021 [H22.22.01.02]:

+ 4.0 đến 4.5 năm cho nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ; 4.0 năm cho nhóm ngành kinh tế công nghiệp và ngôn ngữ Anh đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

+ 2.0 năm đến 2.5 năm cho khối ngành kỹ thuật, công nghệ; 2.0 năm cho khối ngành kinh tế công nghiệp và ngôn ngữ Anh đối với người học có bằng cao đẳng cùng ngành.

+ 2.0 năm đến 2.5 năm đối với người học có bằng tốt nghiệp đại học.

Căn cứ vào số liệu tuyển sinh hàng năm và kết quả xét tiến độ học tập, kết quả tốt nghiệp để dự báo cho kết quả của năm tiếp theo. Theo kế hoạch năm học, nhà trường tổ chức 3 đợt xét tốt nghiệp (ngoài ra còn có đợt xét bổ sung), 2 lần xét kết quả học tập để đưa ra các số liệu thực tế. Căn cứ vào các số liệu dự báo và thực tế mà nhà trường có phân tích, đánh giá, xác định nguyên nhân từ đó đề ra các biện pháp cải tiến phù hợp.

Để đánh giá kết quả đào tạo, Nhà trường đánh giá một cách tổng thể thông qua các số liệu từ chất lượng tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập và rèn luyện quá trình theo chu kỳ năm học và chất lượng sinh viên khi tốt nghiệp đầu ra. Các số liệu liên quan đến kết quả đào tạo luôn được xác lập thông qua kế hoạch đầu năm, quá trình theo dõi trong năm, phân tích so sánh đánh giá các kết quả thực tế với kế hoạch xác lập và đề xuất những giải pháp cải tiến để nâng cao chất lượng về kết quả đào tạo.

Trước khi kết thúc năm học và chuẩn bị bước sang năm học mới, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo cho năm học mới, bao gồm tiến độ thời gian thực hiện [H22.22.01.03] và xác lập các số liệu chỉ tiêu cần đạt được về kết quả học tập, sinh viên tốt nghiệp [H22.22.01.04]. Việc xác lập các số liệu để xây dựng kế hoạch cho năm học mới được căn cứ vào số liệu về tuyển sinh và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học hàng năm để dự báo, đối chiếu với kết quả kết quả của năm đào tạo tiếp theo. Dựa trên chỉ tiêu phấn đấu về tỉ lệ sinh viên đạt kết quả trong học tập, tất cả các đơn vị trong nhà trường cùng tham gia, đóng góp vào việc nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên khi tốt nghiệp.

Việc đánh giá để theo dõi về kết quả đào tạo đạt được của người học dựa trên 3 nhóm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ được căn cứ, đối chiếu theo chuẩn đầu ra (CĐR) trong CTĐT [H22.22.01.05]. Thang đánh giá trong quy chế đào tạo [H22.22.01.01, H22.22.01.02] và quy định về công tác sinh viên về hoạt động rèn luyện [H22.22.01.06]. Một học phần được đánh giá là đạt (tính điểm và tín chỉ tích luỹ) khi điểm ở thang điểm chữ là D trở lên. Tuy nhiên, điểm D chỉ là đạt có điều kiện vì tương ứng với nó trong thang điểm 4 là 1 điểm. Sinh viên có thể phải học cải thiện các học phần điểm D để đảm bảo điều kiện về điểm trung bình tích luỹ đối với tiến độ học tập bình thường và điều kiện tốt nghiệp ra trường.

Theo 02 quy chế đào tạo hiện hành, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1.2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1.4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1.6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba; dưới 1.8 đối với sinh viên trình độ năm thứ tư và thứ năm. Sinh viên sẽ bị buộc thôi học nếu số lần bị cảnh báo kết quả học tập vượt quá 02 lần liên tiếp.

Dựa trên quy chế đào tạo đang được áp dụng, kết quả học tập của người học được theo dõi qua từng học kỳ thông qua hội đồng xét kết quả học tập [H22.22.01.07]. Kết quả xét tiến độ học tập sẽ đưa ra tỉ lệ sinh viên hoàn thành các học phần trong CTĐT, sinh viên đạt tiến độ học tập bình thường, cảnh báo mức 1, cảnh báo mức 2, học kỳ thử thách và bị buộc thôi học [H22.22.01.08]. Kết quả này sẽ được đối sánh với kế hoạch dự kiến, báo cáo Ban Giám hiệu (BGH).

*Bảng 22.1.1. Kết quả xếp loại tiến độ học tập, tỉ lệ buộc thôi học hàng năm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Năm tuyển sinh | Học kỳ | Tỉ lệ về kết quả học tập | | | | | | | | Tổng số |
| Bình thường | | Cảnh báo L1 | | Cảnh báo L2 | | Buộc thôi học | |
| 1 | 2017 | 1 | 3743 | 78.4% | 755 | 15.8% | 127 | 2.66% | 141 | 2.95% | 4777 |
| 2 | 3745 | 85.2% | 444% | 10.1% | 106 | 2.41% | 98 | 2.22% | 4393 |
| 2 | 2018 | 1 | 4741 | 83% | 625 | 10.9% | 190 | 3.3% | 155 | 2.7% | 5711 |
| 2 | 3451 | 77.27% | 645 | 14.44% | 193 | 4.32% | 177 | 3.96% | 4466 |
| 3 | 2019 | 1 | 3807 | 82.28% | 446 | 9.64% | 221 | 4.78% | 153 | 3.31% | 4627 |
| 2 | 3685 | 86.56% | 325 | 7.63% | 149 | 3.50% | 98 | 2.30% | 4257 |
| 4 | 2020 | 1 | 4452 | 87.90% | 504 | 9.95% | 79 | 1.56% | 30 | 0.59% | 5065 |
| 2 | 4321 | 92.98% | 138 | 2.97% | 123 | 2.65% | 65 | 1.40% | 4647 |
| 5 | 2021 | 1 | 5433 | 94.44% | 142 | 2.47% | 42 | 0.73% | 136 | 2.36% | 5753 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ngoài học tập để lĩnh hội kiến thức chuyên môn, song song với đó sinh viên còn cần tham gia vào quá trình rèn luyện những phẩm chất về kỹ năng và thái độ. Hàng kỳ, nhà trường thành lập hội đồng [H22.22.01.09] xét kết quả xét điểm rèn luyện [H22.22.01.10] dựa trên các quy định về xét điểm rèn luyện của sinh viên [H22.22.01.06]. Cũng như kết quả học tập, kết quả rèn luyện cũng được so sánh, phân tích và báo cáo BGH để có những chỉ đạo kịp thời đối với các đơn vị liên quan.

*Bảng 22.1.2. Kết quả xếp loại điểm rèn luyện hàng năm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Năm tuyển sinh | Học kỳ | Tỉ lệ về kết quả học tập | | | | | | Tổng số |
| Xuất sắc | | Tốt | | Khá | |
| 1 | 2018 | 1 | 316 | 5.0% | 1210 | 19.1% | 2969 | 46.8% | 6342 |
| 2 | 313 | 5.5% | 1198 | 20.9% | 3094 | 54.0% | 5746 |
| 2 | 2019 | 1 | 413 | 7.4% | 1016 | 18.3% | 2470 | 44.5% | 5546 |
| 2 | 518 | 10.1% | 1160 | 22.6% | 2320 | 45.2% | 5131 |
| 3 | 2020 | 1 | 588 | 8.9% | 1209 | 20.2% | 2627 | 41.8% | 6290 |
| 2 | 735 | 12.4% | 2008 | 33.7% | 2323 | 39.1% | 5951 |
| 4 | 2021 | 1 | 511 | 7.1% | 2477 | 34.2% | 3397 | 46.9% | 7240 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| TT | Năm tuyển sinh | Học kỳ | Tỉ lệ về kết quả học tập | | | | | | Tổng số |
| Trung Bình | | Yếu | | Kém | |
| 1 | 2018 | 1 | 1222 | 19.3% | 268 | 4.2% | 357 | 5.6% | 6342 |
| 2 | 842 | 14.7% | 249 | 4.3% | 30 | 0.5% | 5746 |
| 2 | 2019 | 1 | 1357 | 24.5% | 224 | 4.0% | 66 | 1.2% | 5546 |
| 2 | 1082 | 21.1% | 42 | 0.8% | 9 | 0.2% | 5131 |
| 3 | 2020 | 1 | 1560 | 24.8% | 83 | 1.3% | 193 | 3.1% | 6290 |
| 2 | 766 | 12.9% | 17 | 0.3% | 102 | 1.7% | 5951 |
| 4 | 2021 | 1 | 603 | 8.3% | 9 | 0.7% | 243 | 3.4% | 7240 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |

Nhà trường xác định được tầm quan trọng của mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường nên việc theo dõi kết quả học tập và điểm rèn luyện của sinh viên được phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình. Hàng kỳ, sau khi có kết quả xét về tiến độ học tập và điểm rèn luyện, nhà trường đều gửi các kết quả về gia đình sinh viên [H22.22.01.11].

Cùng với đó, kết quả xét tiến độ học tập và rèn luyện, căn cứ vào các quy chế đào tạo [H22.22.01.01, H22.22.01.02] và quy định về công tác sinh viên [H22.22.01.06], nhà trường ra quyết định (QĐ) buộc thôi học với các sinh viên không đủ điều kiện học tập theo quy định.

Căn cứ vào các kết quả, điều kiện học tập, tình hình thực tế của quá trình đào tạo mà hội đồng nhà trường tổ chức các hội nghị đánh giá, đề xuất giải pháp cải tiến, điều chỉnh trong hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng. Nhiều biện pháp cải tiến cụ thể như đổi mới phương pháp giảng dạy [H22.22.01.12]; Rà soát CTĐT, ĐCCT [H22.22.01.13]; Hàng kỳ, rà soát và cập nhật ngân hàng câu hỏi thi cuối kỳ [H22.22.01.14]; Xây dựng học liệu điện tử cung cấp cho sinh viên [H22.22.01.15]; Hội nghị, tập huấn về công tác GVCN để nâng cao nghiệp vụ của GVCN, CNL trong công tác cố vấn học tập, chương trình sinh hoạt lớp, … [H22.22.01.16]; Xây dựng đề án hỗ trợ cho các sinh viên quá thời gian đào tạo chuẩn hoàn thành CTĐT để tốt nghiệp [H22.22.01.17]; Tổ chức, thành lập các câu lạc bộ học tập, sinh hoạt ngoại khoá và rèn luyện [H22.22.01.18]; Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên để nâng cao sự thu hút, say mê học tập nghiên cứu khoa học. Hàng năm, các Khoa cho các em sinh viên năm thứ 3 trở đi đăng ký nhiều đề tài nghiên cứu khoa học [H22.22.01.19], tham gia các CLB khoa học công nghệ [H22.22.01.20], robocon [H22.22.01.21]. Các hoạt động thiết thực này đã góp phần rất lớn vào kết quả học tập của sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

### Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thời gian đào tạo chuẩn/thời gian đào tạo tối đa của các CTĐT trong toàn trường, quy định về học cùng lúc 2 CTĐT, điều kiện để tốt nghiệp đã được quy định trong quy chế đào tạo được áp dụng hiện hành [H22.22.01.01, H22.22.01.02].

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp luôn được theo dõi sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, có thống kế theo chu kỳ hàng năm. Căn cứ vào số liệu về tốt nghiệp hàng năm, khi xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm, nhà trường có dự kiến số lượng sinh viên tốt nghiệp theo khoá học, ngành học, thời gian tốt nghiệp để theo dõi tiến độ tốt nghiệp của người học, xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo hàng năm [H22.22.02.01]

Số liệu kết quả xét tốt nghiệp ở các đợt xét tiếp theo luôn được theo dõi, đối sánh với chu kỳ trước. Căn cứ vào xu hướng biến động về kết quả, nhà trường đề ra nhiều biện pháp cần thiết để đảm bảo ổn định tỉ lệ và nâng cao kết quả tốt nghiệp của sinh viên.

Theo kế hoạch đào tạo theo năm học [H22.22.01.03] nhà trường dự kiến thời gian cho 3 đợt xét tốt nghiệp chính, ngoài ra nhà trường còn tổ chức các đợt xét bổ sung đối với các lớp sinh viên liên thông, văn bằng 2 có kế hoạch học tập không đồng bộ với sinh viên chính quy [H22.22.02.02].

Kết quả xét tốt nghiệp cho sinh viên chính quy [H22.22.02.03] được phân tích bao gồm:

Tỉ lệ xếp loại Trung bình, Trung bình khá, Khá, Giỏi, Xuất sắc

Tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm.

Số lượng tốt nghiệp hơn 1 CTĐT cùng lúc.

*Bảng 22.2.1. Tỉ lệ về tốt nghiệp hàng năm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số sinh viên**  **TN đúng hạn** | **Tỉ lệ** | **Số sinh viên**  **TN quá hạn** | **Tỉ lệ** | **Tổng số** |
| 2017-2018 | 936 | 82.18 | 203 | 17.82 | 1139 |
| 2018-2019 | 807 | 87.34 | 117 | 12.66 | 924 |
| 2019-2020 | 297 | 50.60 | 290 | 49.40 | 587 |
| 2020-2021 | 425 | 51.45 | 401 | 48.55 | 826 |
| 2021-2022  (Học kỳ 1) | 295 | 44.56 | 367 | 55.44 | 662 |

*Bảng 22.2.2. Tỉ lệ tốt nghiệp đúng và quá thời gian đào tạo chuẩn*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tỉ lệ tốt nghiệp (%)** | | **Tổng số** |
| **Thời gian đào tạo tiêu chuẩn** | **Quá thời gian đào tạo tiêu chuẩn** |
| 2017-2018 | 78 | 22 | 1139 |
| 2018-2019 | 84 | 16 | 924 |
| 2019-2020 | 57 | 43 | 587 |
| 2020-2021 | 45 | 55 | 826 |
| 2021-2022 | 42 | 28 | 662 |

*Bảng 22.2.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Thời gian đào tạo tiêu chuẩn (năm)** | **Số năm tốt nghiệp trung bình (năm)** |
| 2017-2018 | 4 | 4.5 |
| 5 | 5.3 |
| 2018-2019 | 4 | 4.8 |
| 5 | 5.5 |
| 2019-2020 | 4 | 5 |
| 5 | 5.5 |
| 2020-2021 | 4 | 4.8 |
| 5 | 5.5 |
| 2021-2022 | 4 | 4.8 |
| 5 | 5.5 |

Căn cứ vào số liệu kết quả phân tích về tỉ lệ tốt nghiệp sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, chu kỳ mỗi năm làm căn dự báo, theo dõi và đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp của các chu kỳ tiếp theo.

Qua đó, nhà trường có thể kiểm chứng lại thời lượng và số tín chỉ thiết kế cho các CTĐT phù hợp với thực tế hay không.

Để nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo chuẩn của sinh viên, đặc biệt là sinh viên chính quy, nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp điều chỉnh căn cứ vào yêu cầu về CĐR của sinh viên khi tốt nghiệp. Cụ thể, nhà trường có sự điều chỉnh phù hợp về đánh giá, điều chỉnh các CĐR ngoại ngữ cho các khoá truyển sinh [H22.22.02.04]. Xây dựng và đã được phê duyệt đề án sát hạch trình độ ngoại ngữ A2, B1 tại Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội [H22.22.02.05].

Tổ chức học kỳ phụ (hè) với thời gian trung bình là 8 tuần học, 1 tuần thi. Kế hoạch của học kỳ phụ đã được xác định trong kế hoạch của năm học [H22.22.01.03]. Học kỳ phụ có ý nghĩa chính là để sinh viên có cơ hội học lại, học cải thiện các học phần đã học nhưng chưa đạt trong học kỳ chính. Đối với sinh viên đã quá thời gian đào tạo chuẩn nhưng chưa hoàn thành tích luỹ đủ số tín chỉ theo CTĐT, nhà trường xây dựng đề án cho phép sinh viên đăng ký để mở lớp riêng cho các học phần đã không còn được mở trong các học kỳ [H22.22.01.17].

Đối với các học phần tốt nghiệp, bao gồm Thực tập tốt nghiệp (TTTN) và Đồ án tốt nghiệp (Hoặc Khoá luận tốt nghiệp - KLTN), vào tuần 03 đầu mỗi học kỳ, phòng Đào tạo sẽ xét điều kiện theo quy chế và gửi danh sách đủ điều kiện về các Khoa chuyên môn [H22.22.02.06]. Sinh viên đủ điều kiện sẽ được/có QĐ phân công giáo viên hướng dẫn (GVHD) và địa điểm thực tập. Kết thúc thực tập tốt nghiệp, sinh viên sẽ được giao đề tài Khoá luận tốt nghiệp và thực hiện theo kế hoạch. Danh sách sinh viên có đăng ký nhưng không đủ điều kiện TTTN và KLTN cũng được gửi về các Khoa chuyên môn, phối hợp GVCN và sinh viên rà soát lại kết quả học tập và có những kế hoạch/chiến lược học tập cần thiết để đủ điều kiện thực hiện các học phần tốt nghiệp.

Dựa trên tỉ lệ tốt nghiệp theo thời gian trung bình cho thấy thời gian được thiết kế cho các CTĐT là tương đối hợp lí, đủ để trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ theo các CĐR đã được xác định. Một tỉ lệ nhỏ sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả học tập để hoàn thiện các điều kiện để tốt nghiệp trong thời gian đào tạo tối đa cho phép của các CTĐT, theo quy chế đào tạo [H22.22.01.01, H22.22.01.02].

Ngoài 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ gồm 15 tuần học và 4 tuần thi, nhà trường còn tổ chức thêm học kỳ phụ (hè) để sinh viên học lại, học cải thiện điểm. Học kỳ phụ được tổ chức gồm 08 tuần học và 01 tuần thi. Như vậy, với các sinh viên có kết quả thấp trong các học kỳ chính sẽ có cơ hội tốt để đạt kịp tiến độ học tập và tốt nghiệp đúng theo thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế cho CTĐT.

Ngoài ra, nhà trường cũng quan tâm tới việc nếu người học có năng lực học tập tốt, có thể tốt nghiệp trước thời hạn theo thời gian đào tạo chuẩn. Cụ thể, tại Điều 10/khoảng 6/điểm b) trong quy chế đào tạo cho phép người học đăng khối lượng tín chỉ học tập của học kỳ chính vượt 3/2 khối lượng tín chỉ trung bình học kỳ [H22.22.01.02]. Điều kiện để được đăng ký học vượt là kết quả xét tiến độ học tập hàng năm của sinh viên phải đạt mức bình thường.

Khi sinh viên đã đủ các điều kiện tốt nghiệp, có thể đăng ký xét tốt nghiệp theo thông báo kế hoạch xét của mỗi đợt trong năm học.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho người học chậm tiến độ học tập và có nguy cơ tốt nghiệp muộn, CVHT sẽ trợ giúp cho sinh viên chiến lược học tập phù hợp để tích luỹ đủ các tín chỉ trong CTĐT. Hỗ trợ người học hoàn thành các học phần GDTC và GDQP-AN [H22.22.02.07]. Xây dựng nhiều đề án đưa sinh viên về học trực tiếp tại trường như Đề án triển khai thí nghiệm, thực tập trong giai đoạn phòng, chống dịch covid-19 tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H22.22.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

### Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Ngoài việc quan tâm đến các nhiệm vụ đào tạo để nâng cao chất lượng đầu ra của người học, nhà trường cũng rất quan tâm đến cơ hội có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

Theo tỉ lệ sinh viên có việc làm hàng năm được thống kê/ghi nhận thông qua việc khảo sát, cùng với các điều kiện của thị trường lao động, đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng kế hoạch và xác lập chỉ số về tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của năm tiếp theo [H22.22.03.01].

Để đạt được tỉ lệ đã phấn đấu đó, hàng năm nhà trường tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến việc làm, tạo cơ hội cho sinh viên được tuyển dụng ngay sau khi ra trường 1-2 năm. Tổ chức các hội thảo “Giao lưu giới thiệu cơ hội việc làm năm 2019”, hội thảo “Cơ hội việc làm tại Canon Việt Nam ngay sau khi tốt nghiệp”, “Hội thảo việc làm 2019”, “Hội thảo việc làm LILAMA 69-1”, “Hội thảo tuyển dụng SamSung 2019”, Hội thảo tuyển dụng SamSung 2020”, “Hội thảo việc làm 2020”, “Hội thảo việc làm 2021”, Hội thảo việc làm với Công ty TNHH WNC Việt Nam, Hội thảo việc làm với Công ty TNHH Glonics Việt Nam, “Hội thảo tuyển dụng SamSung 2021”, “Hội thảo tuyển dụng Honda Việt Nam 2021”, “Hội thảo tuyển dụng tập đoàn KHKT Hồng Hải”, “Tuyển dụng sinh viên thực tập tại Công ty TNHH Canon Việt Nam”, “Hội thảo tuyển dụng Honda Việt Nam 2022”, v.v. [H2.21.01.07].

Nhà trường giữ mối liên hệ chặt chẽ với hội cựu sinh viên các khoá, truyền tải các thông tin tuyển dụng từ các hội cựu sinh viên, lãnh đạo doanh nghiệp là cựu sinh viên của nhà trường đến sinh viên mới/chuẩn bị tốt nghiệp [H22.22.03.02]

Trung tâm kết nối doanh nghiệp là đơn vị đã tổ chức đưa nhiều đợt sinh viên khoá cuối đến thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp lớn [H22.22.03.03]

Thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng cũng được các Khoa chuyên môn thường xuyên đăng tải trên website của các đơn vị [H22.22.03.04].

Ngoài ra, bản thân mỗi cán bộ giảng viên, đặc biệt là GVCN cũng đóng vai trò đầu mối quan trọng giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi mới tốt nghiệp ra trường [H22.22.03.05].

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo hàng năm, nhà trường áp dụng nhiều biện pháp để sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo chuẩn, có nhiều cơ hội được tuyển dụng. Việc theo dõi, thống kê và đánh giá tỉ lệ được tuyển dụng của sinh viên sau 1-2 năm tốt nghiệp được giao cho đơn vị chức năng là phòng CTHSSV. Số liệu hàng năm được phân tích, đối sánh để xác định các biện pháp cần thiết giúp tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm có việc làm. Nhà trường cũng thực hiện nhiều chương trình có tính chất xúc tiến việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp như tổ chức hội nghị tuyển dụng và giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp và đưa sinh viên đến doanh nghiệp để thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp. Sử dụng nhiều kênh thông tin để truyền tải các thông báo tuyển dụng từ hội cựu sinh viên, doanh nghiệp, .v.v. đến sinh viên khoá cuối và sinh viên mới tốt nghiệp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

### Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Đào tạo đáp ứng được mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan là yếu tố quan trọng của hoạt động giáo dục đại học ngày nay. Xác định mức độ hài lòng của các bên liên quan như bản thân sinh viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp là thông tin quan trọng trong việc đánh giá kết quả đào tạo, nhà trường sử dụng nhiều phương pháp khảo sát khác nhau để có được kết quả chính xác và trung thực. Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổng thể về việc lấy ý kiến khảo sát từ người học, nhà tuyển dụng, giảng viên về chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp.

Trong bản kế hoạch tổng thể của đầu năm học, giá trị mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập [H22.22.04.01]. Căn cứ vào kết quả khảo sát được tổ chức thực hiện trong năm học để có thông tin trong việc điều chỉnh một số hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường.

Trong quá trình học tập tại trường, hàng kỳ nhà trường tổ chức khảo sát lấy ký kiến của người học mức độ hài lòng đối với toàn bộ hoạt động đào tạo. Trong thời gian của quá trình xét tốt nghiệp, bản thân sinh viên phải tham gia và hoàn thành việc khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng trong toàn khoá học. Những thông tin đánh của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và giảng viên cũng được nhà trường khảo sát lấy ý kiến trong quá trình xây dựng/rà soát CĐR, CTĐT. Một số hoạt động khảo sát lấy ý kiến sau:

(i) Khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H22.22.04.02].

(ii) Khảo sát lấy ý kiến của người học trước khi tốt nghiệp về mức độ hài lòng của khoá học [H22.22.04.03].

(iii) Khảo sát lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp về tuyển dụng, việc làm [H22.22.04.04].

(iv) Khảo sát lấy ý kiến của người học đối với đội ngũ chuyên viên phòng/trung tâm chức năng trong các hoạt động tư vấn và phục vụ [H22.22.04.05].

(v) Khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giáo viên về CĐR và CTĐT [H22.22.04.06].

Các kết quả khảo sát sẽ được xử lý, phân nhóm và gửi tới các đơn vị liên quan trong toàn trường. Căn cứ vào đó để có những cải tiến tại từng đơn vị, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo toàn diện của nhà trường.

Ngoài ra, các dữ liệu khảo sát lại được phân tích, đối sánh với giá trị xác lập trong kế hoạch ban đầu, báo cáo BGH theo cái nhìn tổng thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Mỗi tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá về kết quả đào tạo, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thực hiện như một quy trình PDCA, bao gồm từ xác lập các số liệu trong kế hoạch đầu năm học; theo dõi, giám sát trong quá trình thực hiện; phân tích, so sánh đánh giá và xác định các điều kiện, nguyên nhân; đề xuất giải pháp cải tiến để nâng cao chất lượng về kết quả đào tạo.

Trong kế hoạch tổng thể của năm học luôn các lập các số liệu mức độ hoàn thành học tập của sinh viên, đáp ứng các CĐR của CTĐT, số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình, sinh viên đã tốt nghiệp trong 1-2 năm được tuyển dụng có việc làm, mức độ hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng đào tạo.

Trong năm 2021, Nhà trường đã điều chỉnh quy chế đào tạo theo hệ thống tin chỉ mà trong đó thang điểm chữ được chia “mịn” hơn, điều này là có lợi cho người học trong việc tính điểm trung bình tích luỹ, giảm tỉ lệ cảnh báo học tập và buộc thôi học.

Áp dụng nhiều giải pháp công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo trực tuyến.

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Thời điểm xét kết quả xét tiến độ học tập và điểm rèn luyện còn khá muộn so với kế hoạch chung của học kỳ nên việc điều chỉnh khối lượng đăng ký học tập của sinh viên gặp khá nhiều khó khắn. Nguyên nhân chính của việc này là kết quả học tập của học kỳ trước thường có muộn so với thời điểm kết thúc kỳ thi học kỳ.

Việc đăng ký khối lượng học tập của sinh viên cho mỗi học kỳ tiếp theo thường không được đúng theo kế hoạch. Nguyên nhân chính là sinh viên chưa có ý thức cao trong việc thực hiện quy chế và quy định về đăng ký khối lượng học tập. Sinh viên chưa nhận được đầy đủ sự tư vấn của chủ nhiệm lớp (CNL), cố vấn học tập (CVHT).

Còn nhiều sinh viên không tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo chuẩn. Nguyên nhân chủ yếu là chưa hoàn thành CTĐT và CĐR NN. Sinh viên chưa có chiến lược học tập hiệu quả, chưa nhận được sự tư vấn hợp lí từ CVHT và CNL.

Việc nhiều sinh viên chưa hoàn thành CTĐT còn phụ thuộc vào hoạt động khác nhau trong quá trình đào tạo.

Còn có những sinh viên có việc làm, được tuyển dụng nhưng công việc chưa phù hợp với ngành nghề được đào tạo. Số khác do tốt nghiệm muộn so với tiến độ đào tạo chuẩn nên bị lỡ cơ hội tuyển dụng.

Việc lấy ý kiến khảo sát còn chưa được đồng bộ và đầy đủ từ các bên liên quan nên số liệu chưa thực sự tin cậy.

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Các Khoa chuyên môn cần nộp điểm đúng hạn sau mỗi kỳ thi | Khoa chuyên môn/bộ môn | 2021-2022 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại | Nâng cao vai trò, nghiệp vụ của CNL, CVHT | Phòng CTHSSV/CBGV | 2021-2022 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | Áp dụng các điều chỉnh trong hoạt động đào tạo để nâng cao kết quả hoàn thành CTĐT | - Phòng Đào tạo  - Phòng KT&ĐBCLGD  - Các Khoa chuyên môn | 2021-2022 |  |
| 4 | Khắc phục tồn tại | Tổ chức nhiều đợt thi để sinh viên đạt CĐR NN | - Phòng KT&ĐBCLGD  - TT ĐTTNCXH | 2021-2022 |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại | Đẩy mạnh các hoạt động về hội nghị tuyển dụng và giới thiệu việc làm | - Nhà trường | 2021-2022 |  |
| 6 | Khắc phục tồn tại | Tăng cường đưa tin tuyển dụng trên website | - Các Khoa chuyên môn | 2021-2022 |  |
| 7 | Phát huy điểm mạnh | Xét tiến độ học tập/rèn luyện/tốt nghiệp đúng thời điểm | - Phòng Đào tạo  - Phòng CTHSSV | 2021-2022 |  |
| 8 | Phát huy điểm mạnh | Tận dụng tối đa sự kết nối, hỗ trợ tuyển dụng từ các hội cựu sinh viên. | - Nhà trường | 2021-2022 |  |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 22*** | ***5,0*** |
| Tiêu chí 22.1 | 5 |
| Tiêu chí 22.2 | 5 |
| Tiêu chí 22.3 | 5 |
| Tiêu chí 22.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

### Tiêu chí: 23.1 loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Về quy định cụ thể các loại hình hoạt động nghiên cứu theo quy định quản lý viên chức người lao động do hội đồng trường ban hành [H23.23.01.11], có 6 nhóm công việc cụ thể được coi là có tính chất phù hợp với nghiên cứu khoa học. Các đối tượng phải thực hiên nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và khối lượng định mức phải thực hiên, khối lượng được miễn trừ do quản lý được quy định rõ ràng trong quy định này.

Về hệ thống theo dõi giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu, về điểm này phòng KHCN&HTQT là bộ phận chuyên môn có chức năng quản lý, theo dõi tiến độ các nghiên cứu thông qua kiểm tra tiến độ nghiên cứu định kỳ hàng năm (mỗi năm kiểm tra hai lần) [H23.23.01.01; H23.23.01.02; H23.23.01.03; H1.23.01.04]. Các đề tài không đảm bảo tiến độ nghiên cứu được tiến hành xử lý theo quy định về quản lý KHCN trong nhà trường, tài liệu này được chỉnh sửa hàng năm cho phù hợp với hai tài liệu khác là quy định quản lý CBVC trong nhà trường và quy chế chi tiêu nội bộ [H23.23.01.05; H23.23.01.06; H23.23.01.07; H23.23.01.08; H23.23.01.09; H23.23.01.10; H23.23.01.11].

Các thống kê từ loại hình kết quả nghiên cứu khoa học thực hiện bởi phòng KHCN&HTQT hàng năm chỉ ra rằng, có sự bất hợp lý giữa các loại hình nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng. Cụ thể là kết quả nghiên cứu chủ yếu dưới dạng báo chí còn các nghiên cứu ứng dụng hoặc sở hữu trí tuệ còn hạn chế, đặc biệt là các đề tài có chuyển giao công nghệ còn rất ít [H23.23.01.12; H23.23.01.13; H23.23.01.14; H23.23.01.15; H23.23.01.16].

Việc giám sát và đối sánh cải tiến được thực hiện bởi hội nghị CBVC nhà trường hàng năm kiến nghị sửa đổi.

Hàng năm, phòng KHCN&HTQT đã xây dựng, rà soát và điều chỉnh quy định quản lý KHCN trong nhà trường, các quy định này đã được ban hành và có hiệu lực thực thi [H23.23.01.01; H23.23.01.03; H1.23.01.04]. Ngoài ra, nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ là văn bản có các quy định liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của CBVC, văn bản đã ban hành và có hiệu lực thực thi [H23.23.01.05; H23.23.01.06; H23.23.01.07; H23.23.01.08; H23.23.01.09; H23.23.01.10;]. Năm 2021, Trường đã ban hành Nghị quyết về việc ban hành quy chế quản lý viên chức người lao động [H23.23.01.11] quy định rõ 6 nhóm nhiệm vụ NCKH và định mức ứng với từng đối tượng rất cụ thể và đã có hiệu lực thực thi.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

### Tiêu chí 23.2 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hiện TNUT chưa có văn bản quy định vấn đề này;

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 1/7**

### Tiêu chí 23.3 Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Về vấn đề này phòng KHCN&HTQT có tiến hành thống kê thường xuyên làm cơ sở cho các hoạt động thi đua khen thưởng hàng năm, số liệu cập nhật từ các hệ thống quản lý quốc tế như SCI mango, cơ sở dữ liệu chính xác và có tính cập nhật cao.

Trong quy định về quy chế chi tiêu nội bộ có quy định cụ thể các loại hình nghiên cứu nào được hỗ trợ, mức độ hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ [H23.23.03.01; H23.23.03.02; H23.23.03.03; H23.23.03.04; H1.23.03.05; H23.23.03.06]. Trong quy định về quản lý viên chức người lao động có quy định rõ 6 nhóm nhiệm vụ được xác định là loại hình NCKH [H23.23.03.07].

Phòng KHCN là đơn vị theo dõi, giám sát và có CSDL về loại hình, số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả số lượt trích dẫn và chỉ số IF [H23.23.03.08].

Phòng KHCN&HTQT cũng thông qua các báo cáo (báo cáo theo kênh đảng ủy, chính quyền và cơ quan ngành dọc cấp trên) có đối sánh chất lượng, số lượng của các loại hình nghiên cứu và xây dựng kế hoạch năm sau theo hướng khắc phục các thiếu sót hiện thời [H23.23.03.09; H23.23.03.10; H23.23.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 5/7**

### Tiêu chí 23.4 Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong quy định về quản lý khoa học [H23.23.04.01; H23.23.04.02; H23.23.04.03; H1.23.04.04] và quy chế chi tiêu nội bộ [H23.23.04.05; H23.23.04.06; H23.23.04.07; H23.23.04.08; H23.23.04.09; H23.23.04.10; H23.23.04.11] có mục riêng thể hiện quy định về tài sản trí tuệ và quy định về việc sở hữu trí tuệ.

Phòng KHCN&HTQT là đơn vị đầu mối theo dõi giám sát các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ [H23.23.04.12], các tư liệu này được lưu trữ tại phòng KHCN&HTQT dưới dạng hồ sơ khoa học và tài chính thanh quyết toán các công trình tạo ra các sản phẩm đó.

Hàng năm có kế hoạch và chỉ tiêu KPIs cho các loại hình sở hữu trí tuệ thực hiện trong năm đó, trong giai đoạn đó [H23.23.04.12]. Có thực hiện thống kê giám sát, năm 2022 đã dành 300 triệu VNĐ cho vấn đề gia tăng tài sản trí tuệ [H23.23.04.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 3/7.**

### Tiêu chí 23.5 Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm ngân quỹ dành cho các hoạt động KHCN đều được xây dựng dự toán dựa trên các chiến lược phát triển của nhà trường và phù hợp với quy định của nhà nước [H23.23.05.01- H23.23.05.05]. Dự toán được phê duyệt và giám sát bởi hội đồng trường. Về định lượng nhà trường sẽ phân bổ 5% học phí và 3% nguồn thu hợp pháp cho hoạt động NCKH, việc phân bổ kinh phí này cho các hoạt động cụ thể được thể hiện trong bản dự toán ngân sách hàng năm do nhà trường phê duyệt thực hiện.

Có báo cáo tài chính thể hiện rõ ràng sự minh bạch thông tin phân bổ kinh phí cho từng loại hình nghiên cứu, các báo cáo này được định kỳ kiểm toán [H23.23.05.06].

Mỗi giai đoạn có thể hàng năm sẽ điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm của KHCN dẫn đến định hướng lại phân bổ ngân sách cho từng loại hình sản phẩm, sự điều chỉnh này thể hiện trong kế hoạch năm học đặc biệt là nhiệm vụ trọng tâm các đơn vị do hội đồng trường ban hành [H23.23.05.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 3/7.**

### Tiêu chí 23.6 Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Quy định về quản lý khoa học trong nhà trường thể hiện rõ quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) của nhà trường [H23.23.06.01; H23.23.06.02; H23.23.06.03; H1.23.06.04].

Nhà trường có đơn vị chuyên môn về khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo [H1.23.06.05]. Các hoạt động này có cải tiến thể hiện ở chương trình hoạt động các năm của họ [H1.23.06.06].

Các hoạt động này đều được thống kê bởi phòng KHCN&HTQT, Công ty TNHH trường ĐHKT Công nghiệp [H23.23.06.07];

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức**: 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các hệ thống văn bàn hành chính đầy đủ ở các cấp;

Có hệ thống thống kê đầy đủ, cập nhật thông tin;

Có thống kê giám sát, có cải tiến;

Có xây dựng dự toán và kế hoạch hoạt động KHCN rõ ràng;

Có thống kê, theo dõi;

### 2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Không đồng đều giữa các loại hình nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng.

Cần ban hành văn bản quy định về vấn đề Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chưa có hệ thống thu thập phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học.

Đầu tư cho lĩnh vực này về vật chất còn nhỏ;

### 3. Kế hoạch cải tiến

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/ cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Cân bằng giữa nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai tốt hệ thống văn bản đã phê duyệt | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | Ban hành văn bản quản lý | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 4 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thống kê theo dõi, cập nhật | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 5 | Khắc phục tồn tại | Tăng đầu tư | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai tốt việc thống kê, cải tiến. | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |
| 7 | Phát huy điểm mạnh | Thực hiên tốt dự toán phê duyệt | Phòng KHCN&HTQT | Năm 2022 |  |

### 4. Mức đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 23*** | ***3,5*** |
| Tiêu chí 23.1 | 5 |
| Tiêu chí 23.2 | 1 |
| Tiêu chí 23.3 | 5 |
| Tiêu chí 23.4 | 3 |
| Tiêu chí 23.5 | 3 |
| Tiêu chí 23.6 | 4 |

## Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

### Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động phục vụ cộng đồng là một trong 3 hoạt động chính của Nhà trường bao gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Thuật ngữ Phục vụ cộng đồng (PVCĐ) được sử dụng rất đa dạng như: hoạt động gắn kết cộng đồng, hoạt động phục vụ/dịch vụ cộng đồng, hoạt động học tập dựa vào cộng đồng, hoạt động vì cộng đồng, hoạt động tình nguyện, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng,... PVCĐ của trường đại học có nhiệm vụ hỗ trợ, gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng, giải quyết vấn đề cụ thể của cộng đồng và hướng tới phục vụ cộng đồng; nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện sứ mạng và tầm nhìn, triết lý giáo dục của Nhà trường.

Công tác PVCĐ được Nhà trường triển khai từ mức chiến lược, hệ thống, thực hiện chức năng và đánh giá kết quả. Các chiến lược về PVCĐ được xây dựng thành các quy định, nghị quyết cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT cũng như tham chiếu, bám sát tầm nhìn sứ mạng của Trường **[24.24.01.01]**. Hoạt động PVCĐ tương đối đa dạng và gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị/ tổ chức đoàn thể (sau đây gọi tắt là đơn vị) **[24.24.01.02]** , trong đó không kể tới các đơn vị chuyên trách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, do vậy mà các kế hoạch và báo cáo thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được các đơn vị triển khai theo từng nhiệm vụ riêng bám sát mục tiêu chiến lược, mục tiêu cụ thể của Nhà trường và được chia thành hoạt động theo năm học hoặc theo năm tài chính theo đó, mỗi lĩnh vực, công việc chỉ giao một đơn vị làm đầu mối chủ trì, theo dõi, xử lý; trường hợp một lĩnh vực, công việc liên quan đến nhiều đơn vị thì đơn vị làm đầu mối chủ trì và các đơn vị phối hợp theo dõi, xử lý. Hoạt động PVCĐ được Nhà trường quy định và áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình ISO 9001:2015 **[24.24.01.03]** trong đó 06 quy trình ISO: Quy trình khắc phục và cải tiến; nhận biết bối cảnh và quản trị rủi ro; kiểm soát thông tin dạng văn bản; kiểm soát các công việc không đạt yêu cầu; xem xét của lãnh đạo và đánh giá nội bộ, đảm bảo chất lượng ở mức quản trị của Nhà trường nói chung và chất lượng PVCĐ nói riêng. Các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được Nhà trường áp dụng tuân theo chu trình: thiết lập các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tổng kết, cải tiến kết quả hoạt động khi cần thiết. Hoạt động PVCĐ được Nhà trường chỉ rõ các loại hình và các chỉ tiêu đạt được trong chiến lược phát triển Nhà trường và báo cáo hội nghị viên chức, người lao động hằng năm [**24.24.01.04**] và được các đơn vị cụ thể hóa từng hoạt động theo chức năng nhiệm vụ. Có thể chia thành các loại hình PVCĐ theo lĩnh vực 1) Đào tạo, bồi dưỡng, 2) Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, 3) Tư vấn, 4) Hỗ trợ người học, và 5) Tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, công khai.

Các loại hình PVCĐ trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm: Hợp tác xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động. Thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước và nước ngoài. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ. Phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội; khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khảo sát chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh, tư vấn việc làm của Nhà trường.

Công tác PVCĐ trong xây dựng mới, rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện thường xuyên phù hợp với luật định và nhu cầu của thị trường lao động theo quy định [**24.24.01.05**] và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho người học. Trong đó, các công tác đối sánh, lấy ý kiến của người học, cựu sinh viên, doanh nghiệp, người sử dụng lao động được triển khai bài bản [**24.24.01.06]** sao cho quá trình tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động.

Phục vụ nhu cầu đào tạo đa dạng của cộng đồng, Nhà trường triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước và nước ngoài trong các chương trình đào tạo phi chính quy, đào tạo liên thông, đào tạo văn bằng hai, đào tạo từ xa, đào tạo 2+2 và các chương trình trao đổi sinh viên [**24.24.01.07**], các chương trình tham quan, trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp [ **24.24.01.08**]. Thêm vào đó, các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cần thiết của cán bộ, sinh viên: Lập trình PLC ứng dụng, Thiết kế và điều khiển truyền động khí nén, Thiết kế robot và lập trình điều khiển, Thiết kế mạch Logic số, Hệ thống nhúng cơ bản, Trình bày bản vẽ kỹ thuật trên AutoCAD, Thiết kế các sản phẩm công nghiệp có sự trợ giúp của máy tính – CAD, Lập trình gia công với sự trợ giúp của máy tính – CAM, Gia công các sản phẩm cơ khí trên máy công cụ điều khiển số CNC, Phân tích và Đầu tư tài chính, Kế toán máy,…. cũng được triển khai bài bản [**24.24.01.09].** Nhà trường phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận trong triển khai hỗ trợ giáo dục STEM các trường THPT trong chương trình: Hỗ trợ thiết kế bài giảng STEM cho giáo viên các trường THPT, phát triển câu lạc bộ STEM ở các trường THPT thông qua các hoạt động tặng sản phẩm máy in 3D, robot STEM và giảng dạy các lớp học về STEM cho câu lạc bộ và các thành viên câu lạc bộ là học sinh của các trường THPT [**24.24.01.10**].

Phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội; khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và khảo sát chất lượng đào tạo của Nhà trường. Các công tác khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015, Quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các báo cáo kiểm tra lấy ý kiến sinh viên cuối khóa về các hoạt động đào tạo và môi trường giáo dục của Nhà trường,… [**24.24.01.11**].

Công tác PVCĐ ở công tác tư vấn: Công tác tư vấn tuyển sinh, tư vấn sinh viên và tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Công tác tư vấn tuyển sinh bao gồm nhiều hình thức như 1) Mời học sinh, phụ huynh các trường THPT đến trường trải nghiệm “Ngày hội mở trường”, “Một ngày làm sinh viên”, tham quan môi trường học tập, các khu thực hành, thí nghiệm, tham gia tư vấn tuyển sinh [**24.24.01.12];** 2) Mời học sinh các trường THPT về trường học các lớp học STEM, tham quan, trải nghiệm các phòng thực hành, thí nghiệm, trò chơi STEM; 3) Tổ chức Ngày hội STEM ở các trường THPT và thực hiện tư vấn trực tiếp tới học sinh về Nhà trường, môi trường, ngành nghề đào học tập tạo,…[ **24.24.01.12]**; 4) Phân công cán bộ chuyên trách từ các đơn vị chuyên trách và đơn vị chuyên môn tư vấn trực tiếp qua điện thoại, Zalo, Facebook [**24.24.01.13**]; 5) Tổ chức, phối hợp tổ chức truyền thông, tư vấn tuyển sinh qua các kênh website, facebook, live stream, phát thanh, truyền hình Thái Nguyên… [**24.24.01.14**]. Công tác tư vấn sinh viên được Nhà trường chú trọng thông qua việc thành lập trung tâm chuyên trách về tư vấn, hỗ trợ sinh viên [**24.24.01.15**] trong quá trình học tập rèn luyện tại trường thực hiện theo cơ chế một cửa bao gồm: a) Tư vấn cho sinh viên về Pháp luật, về Quy chế Học sinh – sinh viên, Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, các nội quy, quy định của trường; cử cán bộ chuyên trách làm công tác chủ nhiệm lớp – cố vấn học tập tư vấn cho sinh viên về tất cả các lĩnh vực đào tạo, học sinh sinh viên, học bổng chính sách, thi và kiểm tra,…[**24.24.01.16**] b) Tư vấn cho sinh viên hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ trong quá trình học tập, rèn luyện  trong trường, giúp sinh viên nắm rõ các chế độ chính sách các thủ tục vay vốn ngân hàng phục vụ cho sinh hoạt và học tập; c) Tiếp nhận các thông tin ý kiến, đề xuất kiến nghị của sinh viên để báo cáo với các cấp có thẩm quyền giải đáp và đáp ứng kịp thời tạo mọi điều kiện cho sinh viên trong học tập, rèn luyện và tổ chức cuộc sống; [**24.24.01.17**  d) Tư vấn về nghề nghiệp cho sinh viên nhằm nâng cao lòng yêu nghề, hiểu biết về nghề nghiệp đã học.Công tác tư vấn việc làm của sinh viên được đơn vị chuyên trách [**24.24.01**] cung cấp các thông tin về tuyển dụng, tạo cơ hội cho sinh viên được tham quan thực tập tại doanh nghiệp; giúp cho sinh viên trang bị cho mình những kỹ năng doanh nghiệp cần thiết; giúp cho Nhà trường cải tiến chương trình đào tạo và giúp cho các doanh nghiệp có thể tuyển dụng ngay được những sinh viên sau khi tốt nghiệp mà không phải đào tạo lại. Các thông tin về việc làm, các kỹ năng cần thiết chuẩn bị tìm kiếm việc làm các kỹ năng nghề, và đặc biệt Nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm để kết nối doanh nghiệp và sinh viên trong tuyển dụng, cung ứng những sinh viên phù hợp cho doanh nghiệp [**24.24.01.19]**

Các loại hình PVCĐ trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ bao gồm: Phối hợp tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Thái Nguyên về các lĩnh vực hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, các hệ thống hỗ trợ sản xuất cơ khí, công nghiệp, môi trường, đo kiểm, lọc bụi tĩnh điện, các hệ thống IoT, đo điện từ xa,… [**24.24.01.20**]. Xây dựng, triển khai, phát triển các dịch vụ chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường trong việc đầu tư trang thiết bị thực hành, thí nghiệm cho sinh viên theo các đề tài đặt hàng [**24.24.01.21**]. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế như phối hợp với Hội thảo “Ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn” , “Hội thảo quốc tế về nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật trong hoạt động đào tạo các ngành kỹ thuật”, hội thảo quốc tế ICERA,…, với sự tham gia của các nhà khoa học trong và ngoài nước [**24.24.01.22].**

Các loại hình PVCĐ trong lĩnh hỗ trợ người học, bao gồm: Hỗ trợ người học tiếp cận các nguồn tài nguyên về học liệu, kỹ thuật, kỹ năng, nguồn tài chính... phục vụ tốt quá trình học tập được các đơn vị cập nhật thường xuyên. Nguồn tài liệu học tập được Nhà trường bổ sung thường xuyên trên cơ sở đề nghị của các đơn vị chuyên môn, mở cửa phòng đọc thư việc 3 ca/ngày và mở thêm các hội trường vào buổi tối để sinh viên tự học [ **24.24.01.23]**, ngoài thời gian thực hành, thí nghiệm theo kế hoạch đào tạo, sinh viên có thể tham gia các giờ thực hành theo nhu cầu, tham gia các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật và các câu lạc bộ khác để hoàn thành kỹ năng cho bản thân. Nhà trường thực hiện tốt công tác hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên từ nguồn kinh phí NCKH dành cho sinh viên theo quy định [**24.24.01.24**].

Các loại hình PVCĐ trong lĩnh vực tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, công khai được các đơn vị tổ chức, triển khai đạt kết quả tốt. Cụ thể, các tổ chức đoàn thể đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động gắn kết, triển khai các hoạt động đối với công đoàn viên, đoàn viên, hội viên, các cháu thiếu niên, nhi đồng và hoạt động khác theo các chương trình của đơn vị. Công đoàn trường đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, tạo môi trường gắn kết công đoàn viên và nhà trường như năm 2021, công đoàn viên tham gia các cuộc thi: ‘Ảnh đẹp áo dài TNUT năm 2021”, “Thầy cô trong mắt em năm 2021”, “Công chức, viên chức, lao động viết về công tác dân tộc, tôn giáo”…; Hội thảo “Thực hiện Bình đẳng giới và xoá bỏ bạo lực trên cơ sở giới năm 2021”, “Nâng cao chất lượng giảng dạy trong tình hình dịch bện Covid-19”; “Giải bóng chuyền hơi cho VCNLĐ 2021, 2022”; các chương trình phúc lợi xã hội cho CBNGNLĐ đã triển khai năm 2021: Ủng hộ, hỗ trợ " Tuần cao điểm Tết vì người nghèo năm 2021" tại Xã Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Ủng hộ kinh phí để nâng cấp, cải tạo, tu bổ 02 công trình truyền thống ngành Giáo dục, Ủng hộ quỹ Vacxin phòng chống Covid 19, Ủng hộ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa, Ủng hộ Quỹ Nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin, Ủng hộ Cán bộ trường ĐHYD tham gia phòng chống Covid-19, Đóng góp kinh phí hỗ trợ chương trình Máy tính cho em năm 2021,… năm 2021 ửng hộ gần 400 triệu đồng. Các phong trào thi đua: “Hai tốt”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”; cuộc vận động  “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”,  “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”,… [**24.24.01.25].** Song song với đó, đoàn thanh niên và hội sinh viên tham gia hoạt động PVCĐ cho hoạt động sinh viên, thanh thiếu niên,… với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa: a) “Sinh viên 5 tốt”; b) tạo môi trường cho sinh viên xây dựng, vun đắp lý tưởng, rèn luyện đạo đức, tác phong; c) động viên đoàn viên, sinh viên tham gia các chương trình học tập chủ động của Nhà trường tổ chức như: sáng tạo, nghiên cứu khoa học thông qua các câu lạc bộ, các cuộc thi: Olympic Cơ học, Olympic Toán, Olympic Vật lý toàn quốc, các cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp, Sáng tạo sinh viên TNUT, Robocon, Sáng tạo robot STEM,...; [**24.24.01.26]** d) tạo môi trường rèn luyện thể chất: thành lập đội tuyển tham dự và vô định giải VUG, “Ngày hội bản lĩnh sinh viên” do Tỉnh Đoàn Thái Nguyên tổ chức, trong có một số nội dung như: kéo có, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn…, phối hợp với Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh và một số trường thành viên Đại học Thái Nguyên tổ chức chương trình “Chúng tôi là chiến sĩ” với nhiều hoạt động thể dục, thể thao trong đó, tổ chức Hội khỏe thể dục thể thao sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp các nội dung: Bóng đá; Bóng rổ; Chạy việt dã; Kéo co; Nhảy bao bố; Duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ liên quan đến hoạt động rèn luyện thể chất: CLB Bóng rổ, CLB Bóng đá, CLB Cầu lông, CLB Võ thuật, CLB Đá cầu. e) môi trường tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng: chương trình “Hiến máu nhân đạo”, chiến dịch “Tình nguyện hè” và chương trình tình nguyện “Vì mái trường thân yêu; chương trình: “Chung tay xây dựng nông thôn mới”; “Áo ấm mùa đông”, các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” ; chương trình “Tiếp sức đến trường”: Tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, sinh viên và cán bộ viên chức thu gom, quyên góp ủng hộ: quần áo, đồ dùng học tập (sách, bút, giáo trình...), đồ dùng sinh hoạt...; f) tạo môi trường để sinh viên chủ động học tập, sinh hoạt cung câu lạc bộ với hơn 20 câu lạc bộ với hàng ngàn hội viên (CLB: Sinh viên tình nguyện Mùa hè xanh, Sinh viên tình nguyện Vì cộng đồng XQM, Võ thuật, Bóng rổ, Văn nghệ - Gala, Guita – Âm nhạc, Tiếng Anh, Khoa học - kỹ thuật,… ); g) hoạt động hỗ trợ tình nguyện: Hỗ trợ gia đình chính sách phát rẫy đồi keo và thu hoạch chè; hỗ trợ gia đình chính sách xây dựng bể chứa rác tập trung; thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức sinh hoạt thiếu nhi, hướng dẫn tổ chức các trò chơi tập thể; chương trình tình nguyện Vì mái trường thân yêu, ... [**24.24.01.27**]. Công tác công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật [**24.24.01.28**].

Những mô tả ở trên đã chỉ rõ hoạt động PVCĐ được Nhà trường triển khai một cách hệ thống từ xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát, đối sánh, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan cũng như có kế hoạch cải tiến. Quá trình này được triển khai cho từng chương trình cụ thể, từng giai đoạn để phân tích, đánh giá, nhận định xu hướng phát triển của các loại hình và khối lượng tham gia hoặc định kỳ (theo năm, quý,…) tổ chức các cuộc họp để rà soát, phân tích và kết luận về tình hình hoạt động chung (Họp Giao ban hàng tháng, quý của HĐT, BGH và trưởng các đơn vị,…) **[24.24.01.29]**, báo cáo tiến độ thực hiện công việc, đề xuất những cách thức, biện pháp giải quyết khó khăn, cải tiến kết quả để công tác PVCĐ ngày càng hoàn thiện hơn góp phần nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan, vị thế và thương hiệu của Nhà trường với cộng đồng.

### Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Loại hình và khối lượng PVCĐ đã được chỉ ra trong Tiêu chí 24.1. Đánh giá tác động xã hội của hoạt động PVCĐ được Nhà trường xem xét trong 2 mối quan hệ: 1) Quan hệ của Nhà trường với gia đình và xã hội; và 2) Quan hệ giữa trường đại học và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp.

Nhà trường kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ và đào tạo toàn diện cho người học, Ngoài đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất để có một môi trường sống lành mạnh, xanh, sạch, đẹp; các đầu tư về trang thiết bị, vật tư thực hành, thí nghiệm cũng được Nhà trường và các doanh nghiệp đầu tư [**24.24.02.01]**. Hệ thống các câu lạc bộ, tài liệu số, chính sách mở cửa thư viện, mở phòng tự học, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tình nguyện, các sự kiện sáng tạo, khởi nghiệp, robocon… cũng góp phần tạo môi trường chủ động học tập cho người học [**24.24.02.02**]. Kết quả là, ngoài giờ học trên lớp, người học dành nhiều thời gian cho hoạt động ngoại khóa, tham gia hoạt động câu lạc bộ, hoạt động văn thể, tự học tại thư viện, giảng đường, các phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường; công tác quản lý, hỗ trợ, tư vấn người học, kết nối với gia đình, doanh nghiệp góp phần hoàn thiện nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường, đào tạo người học toàn diện, bản lĩnh, sáng tạo [**24.24.02.03**]. Các hoạt động PVCĐ trong lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ khẳng định vị thế của Nhà trường với xã hội và cộng đồng quốc tế.

Các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức sự nghiệp có trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp [**24.24.02.04**]. Công tác tư vấn việc làm và kết nối doanh nghiệp đã xác định được nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội [ **24.24.02.05**]. Hằng năm, Nhà trường phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao [**24.24.02.07**].

Tác động xã hội của hoạt động PVCĐ trong các Quan hệ của Nhà trường với gia đình và xã hội; và Quan hệ giữa trường đại học và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp góp phần đào tạo các thế hệ người học đạo đức, bản lĩnh, năng đông và sáng tạo.

### Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên (VCNLĐ) được thể hiện cụ thể thông qua việc thực hiện, triển khai công việc của các đơn vị với chức năng PVCĐ và các loại hình PVCĐ trong từng lĩnh vực đều được quy chuẩn theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Khuôn viên trường xanh, sạch, đẹp và an ninh; hệ thống cơ sở vật chất đủ đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh hoạt và học tập của người học; đáp ứng yêu cầu đối với hoạt động giảng dạy và làm việc của VCNLĐ ngày càng được hoàn thiện và nâng cấp hàng năm [**24.24.03.01].**

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, sự chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế đã mở ra nhiều cơ hội giao lưu, chuyển dịch nguồn lao động giữa các quốc gia. Nhằm đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao của các đơn vị trong nước và quốc tế, chỉ tiêu đào tạo nguồn nhân lực vừa giỏi kiến thức chuyên môn, vừa có kinh nghiệm thực tế đã được Nhà trường đưa vào chiến lược phát triển của mình. Các mục tiêu PVCĐ dành cho người học là: 1) Có hệ thống tư vấn, hỗ trợ hành chính cho người học hiệu quả, 2) Có môi trường khuyến khích người học sáng tạo và khởi nghiệp, 3) Các hoạt động hướng nghiệp và kết nối doanh nghiệp để giúp người học tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp hiệu quả, 4) Các hoạt động kết nối cựu cán bộ, viên chức, giảng viên và cựu người học đạt hiệu quả cao [**24.24.03.02**].

Công tác tư vấn người học được các đơn vị chức năng, đơn vị chuyên môn, trung tâm chuyên trách về tư vấn, hỗ trợ người học và hệ thống chủ nhiệm lớp – cố vấn học tập (CNL-CVHT) phối hợp triển khai [**24.24.03.03**]. Người học sau khi nhập học sẽ được Nhà trường phân lớp và cử cán bộ hỗ trợ với vai trò là CNL-CVHT. Với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì tiến trình và nhu cầu học tập của người học có thể khác nhau, do vậy, nhu cầu thông tin, tư vấn đối với người học cũng khác nhau, đòi hỏi CNL-CVHT ngoài chuyên môn, nghiệp vụ cần có tinh thần làm việc trách nhiệm cao mới thỏa mãn các nhu cầu của đa dạng người học. Để thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp thông tin và tư vấn người học, kết nối với gia đình người học, Nhà trường đã sử dụng cổng thông tin nội bộ [**24.24.03.04**], website của các đơn vị chức năng, website của các đơn vị chuyên môn, các kênh mạng xã hội (facebook, zalo,…) [**24.24.03.05**], trao đổi qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp. Đặc biệt, công tác CNL-CVHT giúp Nhà trường kết nối với người học, gia đình người học và quản lý, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ người học đầy đủ và toàn diện. Công tác kiểm tra giám sát, rút kinh nghiệm của hoạt động tư vấn sinh viên được tổ chức định kỳ [**24.24.03.06**] và lấy ý kiến người học về các hoạt động đào tạo, môi trường giáo dục làm cơ sở cho các điều chỉnh cần thiết của hoạt động tư vấn sinh viên. Kết quả cho thấy, công tác tư vấn sinh viên từ hệ thống văn bản, thông tin, kết nối sinh viên, gia đình, xã hội và Nhà trường đang đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên [**24.24.03.07]**

Nhà trường tạo môi trường khuyến khích người học chủ động học tập, sáng tạo, khởi nghiệp bằng cách tổ chức, thành lập các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật, câu lạc bộ tiếng anh, câu lạc bộ tình nguyên mùa hè xanh, câu lạc bộ sáng tạo…, các nhóm phát triển sản phẩm, các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị chuyên môn [**24.24.03.08**]; thành lập trung tâm chuyên trách về hỗ trợ khởi nghiệp, hoạt động sáng tạo; tổ chức các cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp, Sáng tạo sinh viên TNUT, Robocon,… [**24.24.03.09**]. Năm học 2020-2021 dành gần 500 triệu cho triển khai 130 đề tài NCKH sinh viên, thành lập và hỗ trợ 450 triệu cho 19 đội tuyển robocon tham gia cuộc thi robocon cấp trường với sự tham gia của hơn 200 sinh viên; cuộc thi Olympic toán, vật lý, cơ học cấp trường, hội thi tay nghề giỏi tại trung tâm thực nghiệp đã thu hút hơn 500 sinh viên tham gia. Các giải thưởng sinh viên đạt được: Giải nhì toàn đoàn, 5 giải nhì, 3 giải ba cá nhân Olimpic vật lý Quốc gia; giải nhì cuộc thi Công nghệ trí tuệ Canon Chie-Tech 2020,… [**24.24.03.10**]; Kết quả khảo sát sinh viên cho thấy môi trường học tập chủ động của sinh viên đáp ứng tương đối tốt; sinh viên hào hứng, chủ động tham gia các câu lạc bộ, các sự kiện và các hoạt động do Nhà trường, các đơn vị chuyên môn tổ chức.

Trong bối cảnh của giáo dục Việt Nam, đòi hỏi người học sau khi tốt nghiệp có kiến thực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự chủ chịu trách nhiệm và tham gia làm việc ngay tại các doanh nghiệp. Do đó, hoạt động thực tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp [**24.24.03.11**] là rất cần thiết, hoạt động này giúp người học hiểu rõ hơn thực trạng của doanh nghiệp, vai trò và vị trí của người lao động trong doanh nghiệp, các yêu cầu cần thiết của người học khi tốt nghiệp; từ đó, người học có kế hoạch cụ thể để hiện thực ước mơ của mình. Công tác cung cấp các thông tin về tuyển dụng, tư vấn về việc làm, phỏng vấn, tham gia “ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp” [**24.24.03.12**] nâng cao hiệu quả tuyển dụng và việc làm của doanh nghiệp và người học. Những mô hình thực hành, thí nghiệm doanh nghiệp tài trợ cho Nhà trường gần đây [**24.24.03.13]** là mô hình được trang bị cập nhật gần với bài toán thực tế. Báo cáo khảo sát sinh viên đang học và sinh viên sau tốt nghiệp [**24.24.03.14]** về hoạt động hướng nghiệp và kết nối doanh nghiệp cho thấy công tác này đang được triển khai một cách chuyên nghiệp và đáp ứng tốt được nhu cầu của sinh viên và của doanh nghiệp cũng như công tác hướng nghiệp và kết nối doanh nghiệp của Nhà trường.

Hội cựu sinh viên, cựu VCNLĐ đã có nhiều góp sức trong tư vấn, phát triển nhà trường; xây dựng phát triển chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo; hỗ trợ vật chất, trang thiết bị thực hành thí nghiêm, quỹ học bổng cơ điện, học bổng tài năng tính đến tháng 12/2018 là 600 triệu và 400 triệu mỗi quỹ [**24.24.03.15**]. Công tác hỗ trợ, kết nối, đồng hành này của các thế hệ cựu sinh viên, cựu VCNLĐ đã cùng với Nhà trường đào tạo ra những thế hệ sinh viên TNUT giỏi chuyên môn, bản lĩnh, sáng tạo. Công tác quản lý và kết nối cựu sinh viên, cựu VCNLĐ được giao cụ thể cho đơn vị chức năng và triển khai một các bài bản và chuẩn hóa thành tiêu chuẩn [**24.24.03.16**] với nhiều hoạt động thiết thực giúp Nhà trường cùng hỗ trợ đào tạo, tạo môi trường học tập chủ động, hiện đại, gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng sinh viên nói chung, công tác kết nối, gắn kết cựu sinh viên, cựu VCNLĐ nói riêng; khích lệ, động viên cho thế hệ sinh viên đang theo học trong Nhà trường kế thừa truyền thống, phấn đấu trở thành những con người cơ điện bản lĩnh, thành đạt, phục vụ xã hội [MC: Một số hoạt động kết nối cựu SV, hội giáo chức, quản lý cựu sinh viên.

PVCĐ đối với VCNLĐ được Nhà trường chỉ rõ trong chiến lược phát triển bao gồm các công tác quản trị và công tác cán bộ. Công tác quản trị đại học hướng tới hoàn thiện mô hình tổ chức của Trường; tuyển dụng và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng theo cơ cấu lao động của Trường; xây dựng các chính sách tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, cập nhật kiến thức, quy định mới phục vụ yêu cầu công tác; ban hành các chính sách bắt buộc, hỗ trợ đối với giảng viên học tiến sĩ, khuyến khích tiến sĩ tiếp tục nâng cao năng lực NCKH, tích lũy đủ điều kiện xét phong chức danh PGS, GS; xây dựng kế hoạch và triển khai hệ thống ISO và KPI toàn diện trong các hoạt động của Trường; xây dựng kế hoạch và triển khai công tác chuyển đổi số và thiết lập hệ thống quản trị tập trung (ERP). Định hình không gian, cơ sở hạ tầng của Trường theo mô hình hệ sinh thái đem lại sự hài lòng và góp phần tạo động lực cho VCNLĐ tự hào, hài lòng với môi trường làm việc, hoạt động văn thể, cảnh quan môi trường. Khuyến khích khai thác, mở rộng nguồn thu, thu hút các nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Nhà trường, tăng thu nhập cho VCNLĐ trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng công tác; đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động đi đôi với việc thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm; tạo quyền chủ động cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [**24.24.03.17].** Đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị theo năm, tháng, quý và đóng góp của các đơn vị về kết quả hoạt động, phương hướng của các đơn vị và Nhà trường làm cơ sở điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động, động viên VCNLĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Kết quả cho thấy, công tác quản trị đại học đã tạo được môi trường hoạt động, môi trường làm việc, hoạt động thể thao văn hóa và cảnh quan môi trường đẹp nâng cấp hằng năm; VCNLĐ được ghi nhận sáng kiến, được bồi dưỡng về chuyên môn, chính trị, phong hàm PGS, GS; thu nhập bình quân tăng hằng năm, VCNLĐ đoàn kết, lao động, làm việc, phấn đấu vì sự phát triển chung của Nhà trường [**24.24.03.18**]

### Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Sự hài lòng của các bên liên quan là một trong những tiêu chí luôn hướng tới trong các hoạt động của Nhà trường. Quá trình đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan trong lĩnh vực PVCĐ được các đơn vị triển khai đồng bộ từ việc xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược, kế hoạch, triển khai, giám sát, đối sánh, thu thập số liệu để rà soát và điều chỉnh sao cho có thể cải thiện công tác này ngày càng tốt hơn [**24.24.04.01**]. Hiểu rõ mong muốn và sự hài lòng của các bên liên quan giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp trong chính sách, chiến lược cũng như các hoạt động cụ thể của từng đơn vị. Các kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan đối với từng loại hoạt động với nhiều hình thức khảo sát đa dạng thông qua: phỏng vấn, phát phiếu, cuộc họp các cấp, các buổi gặp mặt, … cùng với công tác giám sát các hoạt động và kết quả hoạt động, các đơn vị phân tích mức độ hài lòng, góp ý của các bên liên quan, theo dõi từng hoạt động, cải tiến kịp thời nhằm đem lại hiệu quả cao nhất, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan tới hoạt động PVCĐ. Chính sách, văn bản, ISO đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tự hào là trường đại học uy tín với bề dày hình thành và phát triển trên 55 năm đào tạo đồi ngũ cán bộ có trình động cao về kỹ thuật hoạt động trong nhiều lĩnh vực của xã hội ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước; đã có rất nhiều cựu sinh viên thành đạt trong mỗi hoạt động của mình đều khẳng định tên tuổi của Nhà trường là cơ sở đào tạo uy tín, đào tạo những con người TNUT bản lĩnh, trí tuệ, góp sức cho sự phát triển của đất nước.

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:**

***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Hoạt động phục vụ cộng đồng Nhà trường triển khai từ mức chiến lược, hệ thống, thực hiện chức năng và đánh giá kết quả.

- Các chiến lược về PVCĐ được xây dựng thành các quy định, nghị quyết cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT cũng như tham chiếu, bám sát tầm nhìn sứ mạng của Trường.

- Hoạt động PVCĐ được Nhà trường quy định và áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình ISO 9001:2015 đảm bảo chất lượng ở mức quản trị của Nhà trường nói chung và chất lượng PVCĐ nói riêng.

- Hoạt động PVCĐ được Nhà trường chỉ rõ các loại hình và các chỉ tiêu đạt được trong chiến lược phát triển Nhà trường và báo cáo hội nghị viên chức, người lao động hằng năm và được các đơn vị cụ thể hóa từng hoạt động theo chức năng nhiệm vụ.

***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Hoạt động PVCĐ tương đối đa dạng và gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị/ tổ chức đoàn thể được triển khai theo từng nhiệm vụ riêng bám sát mục tiêu chiến lược, mục tiêu cụ thể của Nhà trườngvà được các đơn vị chia thành hoạt động theo năm học hoặc theo năm tài chính. Tuy nhiên, chỉ tiêu đánh giá mỗi hoạt động PVCĐ tương đối khác nhau nên cần thống nhất tiêu chí đánh giá chung. Mặt khác, hoạt động PVCĐ hiện thuộc chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị nên cần có một đơn vị làm nhiệm vụ chủ trì, lên kế hoạch triển khai, thống kê, báo cáo, tổng kết công tác PVCĐ của Nhà trường theo định kỳ để có cơ sở cải tiến chất lượng công tác này.

- Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về công tác PVCĐ còn chưa đầy đủ thể hiện qua việc: chưa xây dựng được bộ tiêu chí khảo sát cho từng đối tượng có liên quan; thực hiện khảo sát chưa bao quát hết các bên liên quan.

***3. Kế hoạch cải tiến:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mục tiêu | Nội dung | Đơn vị/ cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
| 1 | Khắc phục tồn tại 1 | Chưa xây dựng và thực hiện công tác tổng kết tổng thể công tác kết nối & PVCĐ của Nhà trường theo định kỳ, công tác tổng kết đang chỉ được thực hiện riêng lẻ với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ PVCĐ từ quy định về chức năng của đơn vị | Phòng CTHSSV chủ trì, các đơn vị liên quan phối hợp công tác báo cáo dữ liệu | Hàng năm | ……. |
| 2 | Khắc phục tồn tại 2 | Thực hiện đầy đủ công tác khảo sát ý kiến thể hiện sự hài lòng của các bên liên quan về PVCĐ: xây dựng phiếu khảo sát cho từng bên liên quan; thực hiện khảo sát định kỳ theo kế hoạch | P. CTHSSV làm đầu mối chủ trì; các đơn vị liên quan phối hợp | Quý 1 năm 2023 |  |
| 3 | Phát huy điểm mạnh 1 | Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác kết nối & PVCĐ của Nhà trường trên cơ sở: quy định về công tác PVCĐ trong chiến lược phát triển Nhà trường; có đơn vị chức năng làm đầu mối; các đơn vị liên quan thực hiện công tác kết nối PVCĐ theo chức năng nhiệm vụ được quy định. | P. CTSSV làm đầu mối; các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện | Trong cả chu kỳ đánh giá | ……. |
| 4 | Phát huy điểm mạnh 2 | Các chiến lược về PVCĐ được xây dựng thành các quy định, nghị quyết cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT cũng như tham chiếu, bám sát tầm nhìn sứ mạng của Trường. Do vậy, trong chu kỳ tới cần xây dựng kế hoạch tổng thể công tác kết nối & PVCĐ của Nhà trường trong đó có các nội dung cụ thể cho các đơn vị liên quan để làm cơ sở cho việc tổng kết, đánh giá, đối sánh và cải tiến | P. CTSSV làm đầu mối; các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện | Quý 1 năm 2023 |  |
| 5 | Phát huy điểm mạnh 3 | Hoạt động PVCĐ được Nhà trường quy định và áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình ISO 9001:2015 đảm bảo chất lượng ở mức quản trị của Nhà trường nói chung và chất lượng PVCĐ nói riêng | P. Khảo thí &ĐBCLGD làm đầu mối; các đơn vị liên quan | Trong cả chu kỳ đánh giá |  |
| 6 | Phát huy điểm mạnh 4 | Hoạt động PVCĐ được Nhà trường chỉ rõ các loại hình và các chỉ tiêu đạt được theo phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các đơn vị thực hiện qua các năm. Tiếp tục triển khai và gắn với đánh giá đơn vị nhằm nâng cao chất lượng công tác PVCĐ của Nhà trường qua việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác PVCĐ của các đơn vị. | Các đơn vị trong trường | Quý 1 năm 2023 |  |

***4. Mức đánh giá:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 24*** | ***5.25*** |
| Tiêu chí 24.1 | 5 |
| Tiêu chí 24.2 | 6 |
| Tiêu chí 24.3 | 5 |
| Tiêu chí 24.4 | 5 |

## Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

### Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học KTCN đã xác lập kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong Kế hoạch tài chính trung hạn và ngắn hạn. Kế hoạch tài chính dài hạn thể hiện qua Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường [H25.25.01.01]; chiến lược phát triển Nhà trường và kế hoạch thực hiện chiến lược của Trường [H25.25.01.02]. Giai đoạn này, Nhà trường cũng thiết lập hệ thống giám sát, đối sánh kết quả việc thực hiện các chỉ số tài chính để cải tiến bao gồm các báo cáo quyết toán tài chính [H25.25.01.03]. Báo cáo hội nghị tổng kết năm học [H25.25.01.04], Báo cáo tài chính tại Hội nghị VC và NLĐ [H25.25.01.05]. Nhà trường đã chủ động xây dựng quy chế CTNB, trong đó xác định nội dung cụ thể nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường, có các cơ chế tài chính khuyến khích các cá nhân, tập thể tăng cường các hoạt động dịch vụ cho hoạt động PVCĐ một cách có hệ thống tạo nguồn thu sự nghiệp cho Trường, gắn lợi ích vật chất với hiệu quả công việc của VC và NLĐ [H25.25.01.06].

Xác lập quỹ hoạt động NCKH, quỹ học bổng SV, đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí cho các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo kết nối cựu SV và doanh nghiệp, đầu tư CSVC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển, xứng đáng với vị thế của Nhà trường, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay. Nhà trường là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động nên đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các động thường xuyên trong đó có hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cơ cấu các nguồn kinh phí chi thường xuyên trung bình trong 5 năm lần lượt là: NSNN chiếm 16% -24,79% ; nguồn thu sự nghiệp là chủ yếu chiếm 63%-74% Các nguồn kinh phí có xu hướng ổn định, tăng đều qua từng năm, năm 2021 tổng kinh phí tăng gấp 1,44 lần so với năm 2018.

Căn cứ vào số lượng sinh viên, tính chất đặc thù về đào tạo và kế hoạch hoạt  
động của từng đơn vị để phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động sử dụng  
[H25.25.01.07]. Tỷ lệ sử dụng kinh phí chi thường xuyên như sau:

*Bảng 25.1.01 Tỷ lệ sử dụng nguồn kinh phí giai đoạn 2018-2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Chi cho con người (gồm lương, các khoản đóng góp theo lương và học bổng) | từ 63% đến 77%. |
| 2 | Chi nghiệp vụ chuyên môn (gồm thuê giảng viên; sách, tài liệu; thiết bị, vật tư thực hành; đào tạo bồi dưỡng…) | từ 13% đến 17%. |
| 3 | Chi khác và chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định (hoạbao gồm hoạt động đoàn thể công đoàn, ĐTN; hoạt động PVCĐ) | từ 9% đến 19%. |

Đối với kinh phí hoạt động KH&CN, Nhà trường quản lý và sử dụng theo đúng quy định cho từng loại hoạt động KH&CN [H25.25.01.08]. Kinh phí dành cho các đề tài NCKH được phân bổ ngay từ đầu năm, để các chủ nhiệm đề tài được biết và chủ động thực hiện [H25.25.01.07].

Kết quả hoạt động tài chính của Trường được hoàn thành đúng kế hoạch. Các chỉ  
tiêu kế hoạch nhiệm vụ của Trường nói chung cũng như các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm  
vụ thuộc lĩnh vực tài chính hàng năm về cơ bản hoàn thành. Thu nhập của VC và NLĐ vẫn giữ được ổn định, thu nhập tăng thêm duy trì ở 2 mức A và B. Tuy nhiên mức thu nhập tăng thêm còn rất hạn chế và có xu hướng giảm qua từng năm. Số chi học bổng cho sinh viên dưới mức 8% tổng nguồn thu học phí [H25.25.01.03]. Việc chi trả thu nhập cho VC&NLĐ và chi trả học bổng cho SV được thực hiện qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng. Trường thực hiện nhờ thu học phí qua tài khoản cá nhân của người học tại các ngân hàng đã mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho CBVC và người học. Trường đã đề ra kế hoạch hành động nhằm khai thác thế mạnh của Trường trong việc đem lại các nguồn kinh phí để đầu tư phát triển Trường, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, hoạt động KH&CN, bồi dưỡng phát triển đội ngũ, hiện đại hoá cơ sở vật chất, nâng cao hơn nữa thu nhập cho CBVC, hướng đến một kết quả hoạt động tài chính ngày một tốt hơn [H25.25.01.05]. Hằng năm, Nhà trường đều công khai dự toán, quyết toán nguồn NSNN, nguồn khác [H25.25.01.09][H25.25.01.10] và được ĐHTN thẩm tra, xét duyệt quyết toán [H25.25.01.11], hoặc được Cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán theo kế hoạch và đều được đánh giá tốt [H25.25.01.12]. Tổng doanh thu tăng ổn định trong giai đoạn 2018 -2022. Sự chênh lệch thu chi tăng đều qua các năm là do thực hiện tốt việc quản lý chi phí và tiết kiệm trong chi tiêu.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

### Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học KTCN có sứ mạng là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế. Tầm nhìn của Nhà trường là trở thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia và khu vực theo định hướng ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật (KHKT) và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có uy tín ở trong nước và quốc tế; là cơ sở cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cộng đồng, góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Văn hóa – Xã hội của đất nước và khu vực [H25.25.02.01]. Hiện nay Trường đang tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2021 – 2025 tầm nhìn 2030 và cụ thể hóa theo từng năm nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã đề ra, tăng tỷ lệ đóng góp của Trường cho xã hội, khẳng định thương hiệu và vị thế của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trong hệ thống Giáo dục Đại học Việt Nam [H25.25.02.02]. Trong đó, Nhà trường đã có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Để triển khai thực hiện các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, các đơn vị như Trung tâm tuyển sinh, phòng Đào tạo, phòng KHCN&HTQT, Phòng CT HSSV, Phòng KT & ĐBCLGD và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Nhà trường căn cứ vào chỉ tiêu được giao tiến hành xây dựng kế hoạch, phân công nhân sự theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện. Cuối mỗi năm học Phòng Hành chính tổ chức phối hợp với các đơn vị tiến hành tổng hợp dữ liệu, phân tích và từ đó xây dựng báo cáo tổng kết năm học, trong đó có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Từ đó có đề xuất phương hướng và dự kiến điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cho năm học tiếp theo Kết quả thực hiện các chỉ số thị trường đều được lấy ý kiến phản hồi của các thành viên Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, các đơn vị trong toàn trường và cuối cùng thông qua Hội nghị VC và NLĐ để xác lập chỉ tiêu mới làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động cho năm học tiếp theo[H25.25.02.03] [H25.25.02.04].

Trường Đại học KTCN hàng năm đều thu hút số thí sinh đăng ký khá cao  
so với các trường cùng ĐHTN. Về CTĐT nhà trường đang triển khai rà soát, đánh giá các chương trình Đào tạo. Các hoạt động phục vụ công đồng của Nhà trường rất được quan tâm, Công Đoàn, Đoàn thanh niên, HSV tổ chức rất nhiều các hoạt động như quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bị COVID 19; tham gia chương trình tình nguyện “Mùa hè xanh” và “ Áo ấm mùa đông”, “Hiến máu nhân đạo”…. Những hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, HSV đã được xã hội và các đơn vị cấp trên ghi nhận đánh giá rất cao và được tặng bằng khen và Cờ thi đua. [25.25.02.05]. Đối với hoạt động KHCN Nhà trường có cơ chế khuyến khích các giảng viên-nhà khoa học tạo ra các sản phẩm khoa học mới, có ý nghĩa, ứng dụng cao và có đóng góp cho phát triển KTXH. Giai đoạn này, Nhà trường có 01 Bằng độc quyền sáng chế về “Két sắt bảo mật sử dụng khoá cơ điện tử” của Cục sở hữu trí tuệ; có 849 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín nằm trong danh mục ISI, SCOPUS [H25.25.02.06]. Đề tài các cấp Nhà nước, bộ, cấp trường khi nghiệm thu đều được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn.

Về hiệu quả hoạt động thị trường của Trường trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ được đo lường dựa trên các chỉ số: Số lượng SV tốt nghiệp, sự hài lòng của nhà tuyển dụng, tỷ lệ sinh viên có việc làm….Các chỉ số này được theo dõi hàng năm để đánh giá xu thế về hiệu quả hoạt động thị trường của Nhà trường, đồng thời cũng được đối sánh với một số trường đại học khác để giúp định vị sự đóng góp của Nhà trường trên thị trường giáo dục Việt Nam.

*Bảng 25.2.01: Bảng kết quả đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường GĐ 2018-2022*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số sinh viên đại học hệ CQ nhập học** | **Số lượng SVCQ tốt nghiệp** | **Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)** | **Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi TN (%)** |
| 2018 | 1.562 | 1.029 | 67,5 | 89,67 |
| 2019 | 1.240 | 904 | 54,2 | 90,96 |
| 2020 | 1.765 | 884 | 62 | 90,67 |
| 2021 | 2.262 | 1.059 | 84,3 |  |
| 2022 |  | 539 | 45,6 |  |

Theo đó, kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều được điều chỉnh theo hướng giữ ổn định hoặc tăng đáng kể để khẳng định thương hiệu và vị thế của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

**Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.**

## Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

### 1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Đã thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như có bộ phận giám sát chặt chẽ  
về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ

*-* Nhà trường đã trích lập các quỹ phục vụ cho các hoạt động đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng ngày càng tăng.

- Kết quả và các chỉ số thị trường của Trường về hoạt động đào tạo, NCKH  
và phục vụ cộng đồng được theo dõi, giám sát, tổng kết đánh giá và có xu hướng tăng hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu và vị thế của Nhà trường.  
2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và  
các chỉ số tài chính cũng như chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và  
PVCĐ chưa được thiết lập.

- Việc cải tiến chất lượng mới chỉ dựa trên biên bản thanh tra, kiểm tra chứ  
chưa dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Việc đăng ký xếp hạng cũng như theo dõi vị trí xếp hạng của Nhà trường  
trong nước và quốc tế để đối sánh, cải tiến chưa được quan tâm đúng mức.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/cá nhân thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Thiết kế hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Từ đó đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động hiệu quả hơn dựa trên việc thu thập thông tin phản hồi. | BGH giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện | Từ 2023 |  |
| 2 | Khắc phục tồn tại | Hoàn thiện và cải tiến mạnh hơn nữa các tiêu chí đánh giá và hệ thống giám sát chặt chẽ để có cơ sở cải tiến, đổi mới kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. | P.KHTC | Năm 2023 |  |
| 3 | Khắc phục tồn tại | Quy trình thu thập thông tin phản hồi chuẩn về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cần thiết lập sớm để trường sớm hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá. | P.KHTC | Năm 2023 |  |
| 4 | Khắc phục tồn tại | Xây dựng kế hoạch tổng thể tham gia xếp hạng quốc tế để gia tăng thứ hạng trong Top đầu của các trường định hướng ứng dụng tại Việt Nam. | Phòng Đào tạo, phòng KT&ĐBCLGD | Hàng năm từ năm 2023 |  |

### 4. Mức đánh giá:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn/Tiêu chí** | **Tự đánh giá** |
| ***Tiêu chuẩn 25*** | ***4*** |
| Tiêu chí 25.1 | 4 |
| Tiêu chí 25.2 | 4 |

# BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí** | **Tự đánh giá (mức điểm)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược** |  |  |
| ***I.1*** | ***Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa*** | ***4,4*** |  |
| 1. | 1.1 | 6 |  |
| 2. | 1.2 | 4 |  |
| 3. | 1.3 | 4 |  |
| 4. | 1.4 | 4 |  |
| 5. | 1.5 | 4 |  |
| ***I.2*** | ***Tiêu chuẩn 2. Quản trị*** | ***4*** |  |
| 6. | 2.1 | 4 |  |
| 7. | 2.2 | 4 |  |
| 8. | 2.3 | 4 |  |
| 9. | 2.4 | 4 |  |
| ***I.3*** | ***Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý*** | ***5*** |  |
| 10. | 3.1 | 5 |  |
| 11. | 3.2 | 5 |  |
| 12. | 3.3 | 5 |  |
| 13. | 3.4 | 5 |  |
| ***I.4*** | ***Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược*** | ***4,5*** |  |
| 14. | 4.1 | 4 |  |
| 15. | 4.2 | 5 |  |
| 16. | 4.3 | 5 |  |
| 17. | 4.4 | 4 |  |
| ***I.5*** | ***Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*** | ***5*** |  |
| 18. | 5.1 | 5 |  |
| 19. | 5.2 | 5 |  |
| 20. | 5.3 | 5 |  |
| 21. | 5.4 | 5 |  |
| ***I.6*** | ***Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực*** |  |  |
| 22. | 6.1 |  |  |
| 23. | 6.2 |  |  |
| 24. | 6.3 |  |  |
| 25. | 6.4 |  |  |
| 26. | 6.5 |  |  |
| 27. | 6.6 |  |  |
| 28. | 6.7 |  |  |
| ***I.7*** | ***Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất*** |  |  |
| 29. | 7.1 | 5 |  |
| 30. | 7.2 | 5 |  |
| 31. | 7.3 | 5 |  |
| 32. | 7.4 | 5 |  |
| 33. | 7.5 |  |  |
| ***I.8*** | ***Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại*** | ***5,0*** |  |
| 34. | 8.1 | 5 |  |
| 35. | 8.2 | 5 |  |
| 36. | 8.3 | 5 |  |
| 37. | 8.4 | 5 |  |
| **II** | **Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống** |  |  |
| ***II.9*** | ***Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong*** | ***4,83*** |  |
| 38. | 9.1 | 5 |  |
| 39. | 9.2 | 5 |  |
| 40. | 9.3 | 5 |  |
| 41. | 9.4 | 5 |  |
| 42. | 9.5 | 5 |  |
| 43. | 9.6 | 4 |  |
| ***II.10*** | ***Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài*** | ***5*** |  |
| 44. | 10.1 | 5 |  |
| 45. | 10.2 | 5 |  |
| 46. | 10.3 | 5 |  |
| 47. | 10.4 | 5 |  |
| ***II.11*** | ***Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong*** | ***4,5*** |  |
| 48. | 11.1 | 5 |  |
| 49. | 11.2 | 5 |  |
| 50. | 11.3 | 4 |  |
| 51. | 11.4 | 4 |  |
| ***II.12*** | ***Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng*** | ***4,2*** |  |
| 52. | 12.1 | 5 |  |
| 53. | 12.2 | 4 |  |
| 54. | 12.3 | 4 |  |
| 55. | 12.4 | 4 |  |
| 56. | 12.5 | 4 |  |
| **III** | **Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng** |  |  |
| ***III.13*** | ***Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học*** | 5 |  |
| 57. | 13.1 | 5 |  |
| 58. | 13.2 | 5 |  |
| 59. | 13.3 | 5 |  |
| 60. | 13.4 | 5 |  |
| 61. | 13.5 | 5 |  |
| ***III.14*** | ***Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học*** | ***5,2*** |  |
| 62. | 14.1 | 6 |  |
| 63. | 14.2 | 5 |  |
| 64. | 14.3 | 5 |  |
| 65. | 14.4 | 5 |  |
| 66. | 14.5 | 5 |  |
| ***III.15*** | ***Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập*** |  |  |
| 67. | 15.1 |  |  |
| 68. | 15.2 |  |  |
| 69. | 15.3 |  |  |
| 70. | 15.4 |  |  |
| 71. | 15.5 |  |  |
| ***III.16*** | ***Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học*** | ***5,0*** |  |
| 72. | 16.1 | 5 |  |
| 73. | 16.2 | 5 |  |
| 74. | 16.3 | 5 |  |
| 75. | 16.4 | 5 |  |
| ***III.17*** | ***Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học*** | ***5,0*** |  |
| 76. | 17.1 | 5 |  |
| 77. | 17.2 | 6 |  |
| 78. | 17.3 | 4 |  |
| 79. | 17.4 | 5 |  |
| ***III.18*** | ***Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH*** | ***4,25*** |  |
| 80. | 18.1 | 5 |  |
| 81. | 18.2 | 4 |  |
| 82. | 18.3 | 4 |  |
| 83. | 18.4 | 4 |  |
| ***III.19*** | ***Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ*** | ***2,75*** |  |
| 84. | 19.1 | 3 |  |
| 85. | 19.2 | 2 |  |
| 86. | 19.3 | 3 |  |
| 87. | 19.4 | 3 |  |
| ***III.20*** | ***Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH*** | ***5,5*** |  |
| 88. | 20.1 | 6 |  |
| 89. | 20.2 | 6 |  |
| 90. | 20.3 | 5 |  |
| 91. | 20.4 | 5 |  |
| ***III.21*** | ***Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng*** | ***5,0*** |  |
| 92. | 21.1 | 5 |  |
| 93. | 21.2 | 6 |  |
| 94. | 21.3 | 4 |  |
| 95. | 21.4 | 5 |  |
| **IV** | **Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động** |  |  |
| ***IV.22*** | ***Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo*** | ***5,0*** |  |
| 96. | 22.1 | 5 |  |
| 97. | 22.2 | 5 |  |
| 98. | 22.3 | 5 |  |
| 99. | 22.4 | 5 |  |
| ***IV.23*** | ***Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH*** | ***3,5*** |  |
| 100. | 23.1 | 5 |  |
| 101. | 23.2 | 1 |  |
| 102. | 23.3 | 5 |  |
| 103. | 23.4 | 3 |  |
| 104. | 23.5 | 3 |  |
| 105. | 23.6 | 4 |  |
| ***IV.24*** | ***Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng*** | ***5,25*** |  |
| 106. | 24.1 | 5 |  |
| 107. | 24.2 | 6 |  |
| 108. | 24.3 | 5 |  |
| 109. | 24.4 | 5 |  |
| ***IV.25*** | ***Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường*** | ***4,0*** |  |
| 110. | 25.1 | 4 |  |
| 111. | 25.2 | 4 |  |

**Ghi chú:**

- Tiêu chí có điểm cao nhất:… điểm (tiêu chí: …);

- Tiêu chí có điểm thấp nhất:… điểm (tiêu chí: …);

- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên:……../111 (…..%);

- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên:……/25 (…..%);

- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: ……/25 (…..%).

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thái Nguyên., ngày..... tháng..... năm 2022*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
|  | **TS. Đỗ Trung Hải** |